

Chánh Trí
MAI THỌ TRUYỀN



PHÁP HOA
HUYỀN NGHĨA
(SADDHARMA PUNDARIKA SUTRA)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA
(SADDHARMA PUNDARIKA SŪTRA)

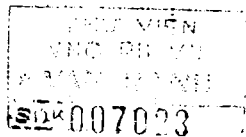
CÔNG TY TNHH VĂN HÓA
PHÁT QUANG
G.1 - K300 CỘNG HÒA F.12 - Q.TB
MST: 0303166011

Kính tặng

Chánh Trí
MAI THỌ TRUYỀN

**PHÁP HOA
HUYỀN NGHĨA**
(SADDHARMA PUNDARIKA SŪTRA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - 2006



Phát hành tại:
CÔNG TY TNHH VĂN HÓA
PHÁT QUANG
ĐT: 08.8114009 – Fax: 08.2938562
Email: phatquangco@viettel.com.vn

Thưa quý vị độc-giả thân mến,

Bộ Pháp Hoa Huyền Nghĩa xuất bản hôm nay không có một liên quan nào, về mọi phương- diện, với những bộ Kinh danh đề tương tự mà chúng ta thấy trong Đại-Tạng. Chúng tôi đã cố tìm một danh-từ khác vừa gãy gọn, vừa nói lên được cái “nghĩa sâu kín” mà chúng tôi mong vạch ra được trong một công-trình khảo cứu, phiên dịch và chú thích khá dày công. Nhưng tìm mãi không được, chúng tôi đành giữ hai chữ “huyền nghĩa”.

Vì chủ-đích của chúng tôi là trình bày nghĩa ẩn, chúng tôi đã nhẹ phần phiên dịch, nghĩa là chúng tôi không dịch sát và đầy đủ chánh văn mà chỉ ghi đại- cương thôi, để cho độc-giả khỏi tán ý và dễ nhận cốt yếu lời Phật dạy.

Bộ Pháp Hoa Huyền Nghĩa này đã được giảng hai lần tại Chùa Xá-Lợi của Hội Phật-Học Nam-Việt, lần đầu hồi năm 1959, lần sau vào đầu tháng ba Nhâm-Dân (5-4-1962). Số thỉnh- giả kỳ nào cũng trên dưới ba trăm và mỗi kỳ kéo dài cả năm. Rất thoả mãn, nhiều bạn trí-thức thúc dục chúng tôi xuất-bản để giúp ích trong muôn một những bạn đang tìm hiểu Diệu-pháp của Phật. Chúng tôi xin tuân hành. Nhưng xin thưa trước: chỉ có Phật mới hiểu được trọn vẹn lời Phật, vì vậy những cố-gắng của kẻ hậu sanh thiếu học như chúng tôi, đâu có tốt độ đi nữa, vẫn không làm sao nói hết ý Phật được, và nhất là khó tránh những thiếu sót sai lầm mà chúng tôi thành tâm mong mọi các bậc cao-minh chỉ bảo cho. Chúng tôi trân-trọng ghi ơn trước.

P.L. 2507 Saigon, tháng 3 Giáp-Thìn
CHÁNH-TRÍ hiệp thập

Nam-mô Bốn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Kính bạch Thế-Tôn,

*Trong phẩm **Pháp-Sư**, Thế-Tôn có dạy: “Sau khi Như-Lai diệt-độ, nếu có người thiện-nam, thiện-nữ nào, muốn vì bốn chúng mà nói Kinh Pháp-Hoa này, thời người thiện-nam hay thiện-nữ ấy phải vào nhà Như-Lai, mặc áo Như-Lai, ngồi tòa Như-Lai, rồi mới nên vì bốn chúng rộng nói Kinh này”.*

Con nay tâm đại từ-bi chưa rộng mở, nhu-hòa nhẫn nhục khi có khi không, còn đối với nhất thế pháp “không” vẫn chưa thực chứng, vậy quả con chưa đủ điều kiện để diễn nói Kinh Ngài.

Nhưng trước đó, Thế-Tôn lại có lời khuyến-khích: “Kinh điển của ta nói, nhiều vô lượng ngàn muôn ức, trong đó Pháp-Hoa là rất khó tin khó hiểu nhất, vì là kho tàng bí-yếu của các Phật, chẳng thể chia bửa, vọng trao cho người... Nhưng sau khi Như-Lai diệt-độ, người nào có thể biên chép, thọ trì, đọc tụng, cúng-dường, vì người khác mà nói Kinh, thời người ấy được Như-Lai lấy y trùm lên mình, lại được chư Phật hiện-tại ở mười phương khác hộ-niệm”.

Chính câu này đã giúp con đủ can đảm đem chỗ hiểu biết nông cạn của con, vạch bày lý huyền, để giúp các bạn đồng học đồng tu thông đạt phần nào ý nghĩa nhiệm-mầu vi-diệu của kinh. Vậy đê đầu thành khẩn, nguyện Thế-Tôn từ-bi lân mẫn, lấy tay xoa đầu, lấy y trùm thân, hộ-niệm cho con đầy đủ biện tài, hầu làm sáng tỏ giáo-pháp Đại-thừa khó tin, khó hiểu này.

Và xin hồi hương công-đức giải Kinh cho toàn pháp-giới chúng-sanh, nguyện tất cả nhất thời đồng chứng Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

CHÁNH TRÍ
phần hương khể thủ

SÁCH THAM KHẢO:

Hán văn:

- Diệu-Pháp Liên-Hoa Kinh Văn Cú (Trí-Khải)
- Pháp-Hoa Huyền-Luận (Trạm Nhiên)
- Pháp-Hoa Nghĩa Sớ (Kiết-Tạng)
- Pháp-Hoa Du-Ý (Kiết-Tạng)
- Diệu-Pháp Liên-Hoa Kinh Huyền Tán (Khuy-Cơ)
- Pháp-Hoa Tông-Yếu (Ngươn Hiếu)
- Pháp-Hoa Tông-Chỉ Đề cương (Minh-Chánh Thiển-Sư)

Pháp văn:

- Le Lotus de la Bonne Loi (E.Burnouf)
- Le Bouddhism (C.Humphreys)
- Les Sectes bouddhiques japonaises (E.Steinillber Oberlin)

Việt văn:

- Diệu-Pháp Liên-Hoa Kinh (T.Trí-Tĩnh)
- Diệu-Pháp Liên-Hoa Kinh (Đoàn Trung Còn)

PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA

(Saddharma Pundarika Sutra)

LỜI NÓI ĐẦU

Để giảng Kinh DIỆU-PHÁP LIÊN-HOA, chúng tôi, về mặt văn-từ, đã dựa theo những bộ sau đây:

- **Chữ Hán:** Bản dịch dưới danh-hiệu DIỆU-PHÁP LIÊN-HOA KINH của Ngài Cưu-Ma-La-Thập (Kumarajiva), một nhà Sư Ấn-độ sang Trung-hoa truyền giáo vào đời Hậu-Tấn, đầu thế kỷ thứ 5. Trước đó, hồi đời Tây-Tấn, dưới trào Huệ-Đế, năm Vĩnh-Khương, có nhiều nhà Sư khác như Quách-Hoàng, Trúc-Pháp-Hộ cũng có dịch, đề tên là CHÁNH PHÁP HOA (chữ Hán). Nhưng thông dụng nhất là bản dịch của Ngài Cưu-Ma-La-Thập mà hiện nay chúng ta đang đọc.

- Chữ Việt:

a) Bản dịch của Thượng-tọa Thích-Trí-Tịnh, xuất bản năm 1948, theo bản của Ngài Cưu-Ma-La-Thập.

b) Bản dịch của Ô. Đoàn-Trung-Còn, xuất bản lần đầu hồi năm 1936, dung hòa bản Hán-văn của Cưu-Ma-La-Thập và bản dịch chữ Pháp của Eugène Burnouf.

- **Chữ Pháp:** Bản dịch của E.Burnouf, nhan đề LE LOTUS DE LA BONNE LOI, XUẤT BẢN NĂM 1925 và dịch ngay từ chữ Phạn (sanskrit), chiếu tài liệu thu thập được ở Nê-Bạt-Nhĩ (Nepal).

Cứ như trên thì chỉ có hai bản dịch phải kể là có giá trị nhất, vì xuất phát từ nguyên văn chữ Phạn. Đó là bản của Ngài Cưu-Ma-La-Thập và của Ông E. Burnouf. So sánh hai bản văn này, thấy Ngài Cưu-Ma-La-Thập quả đại

tài, vì là người Ấn mà viết văn Tàu rất trôi chảy và có một lối dịch vừa gọn-gàng vừa đầy đủ ý nghĩa.

Bản dịch của E. Burnouf có lẽ dịch sát chính văn hơn vì có nhiều chi-tiết, nhưng phải cái lỗi là một vài chỗ hình như không được sáng nghĩa hay ngược ý khi đối chiếu với các đoạn trước. Nguyên-nhân quan-trọng của khiếm-khuyết này là sự khó khăn của chữ Phạn mà chính Ô.Sylvain Levy, trong bài cáo bạch đăng ở đầu sách đã phàn nàn rằng Ông E. Burnouf đã làm việc trong một hoàn cảnh “không ngữ-vựng chuyên môn, không một tự-điển nào khác hơn là bộ giản yếu dụng-từ của Wilson, hoàn-toàn căn cứ trên các văn-phẩm của Bà-la-môn-giáo (sans vocabulaire technique, sans autre dictionnaire que le maigre lexique de Wilson, exclusivement basé sur les oeuvres du Brahmanisme...)”.

Về hai bản dịch ra Việt-văn, phải kể bản của Thượng-Tọa Thích-Trí-Tịnh là có phần hơn.

Bản chữ Hán của Ngài Cưu-Ma-La-Thập chia làm 7 quyển, 28 phẩm.

Bản chữ Pháp của E. Burnouf, không chia thành quyển và có 27 phẩm.

Đối chiếu thì thấy đôi bên từ phẩm I đến X giống nhau. Còn từ phẩm XI đến XXI, Hán văn có 11 phẩm, Pháp văn chỉ có 10, vì hai phẩm “Hiện bảo tháp” và “Đề-bà-đạt-Đa” của Hán văn bị nhồi làm một trong bản Pháp văn, dưới đề

“L'ùapparition d'ùun stuâpa”. Lại nữa, hai phẩm “Chúc lụy” (số XXII) và “Đà-la-ni” (số XXVI) của Hán văn thì lại thành phẩm chót “Le dépôt” (số XXVII) và phẩm “Les formules magiques” (số XXI) của Pháp văn.

Dưới đây là bản đối chiếu:

Hán văn

Pháp văn

Quyển I.

- 1- Phẩm tự
- 2- Phương tiện

- 1- Le sujet
- 2- L'habileté des moyens

Quyển II.

- 3- Thí dụ
- 4- Tín giải

- 3- La parabole
- 4- Les inclinations

Quyển III.

- 5- Dược thảo
- 6- Thọ ký đại đệ tử

- 5- Les plantes medicinales
- 6- Les prédictions

Quyển IV.

- 7- Hóa thành dụ
- 8- Ngũ bách đệ tử thọ ký

- 7- L'ancienne application
- 8- Prédiction relative aux 500 religieux

- 9- Thọ học, vô học

- 9- Prédiction relative à Anan

- 10- Pháp sư

- 10- L'interprète de la loi

- 11- Hiện bảo tháp

- 11- L'apparition d'un stupa

- 12- Đề-bà-đạt-đa

- 12- L'Effort

- 13- Trì

- 13- La Position commode

Quyển V.

- 14- An lạc hạnh
- 15- Tùng địa đồng xuất

- 14- Apparition des Bodhisattvas

- 15- Durée de la vie du Tathâgata

- 16- Như-Lai thọ lượng

- 16- Proportion des mérites

- 17- Phân biệt công đức

- 17- Indication du mérite de la satisfaction

Quyển VI.

| | |
|-----------------------------|--|
| 18- Tùy hỷ công đức | 18- Exposition de la satisfaction des sens |
| 19- Pháp-sư công đức | 19- Le Religieux Sadâpasibhuâta |
| 20- Thường bát khinh Bồ-tát | 20- Effet de la puissance surnaturelle du |
| 21- Như-lai thần lực | 21- Les formules magiques Tathâgata |
| 22- Chúc lụy... | 22- Ancienne méditation de Bhaicha-djyaradja |
| 23- Dược-vương Bồ-tát | 23- Le Bodhisattva Gadgadasvara |

Quyển VII.

| | |
|------------------------------------|-----------------------------------|
| 24- Diệu-âm Bồ-tát | 24- Le récit parfaitement heureux |
| 25- Quán-thế-Âm Bồ-tát | 25- Ancienne méditation du Roi |
| 26- Đà-la-ni... | 26- Satisfaction de Samantabhadra |
| 27- Diệu-trang-Nghiêm vương Bồ-tát | 27- Le dépôt Cubhavyuâtha |
| 28- Phổ-Hiền Bồ-tát | |

Như quý vị biết chữ Pháp thấy, giữa hai lối dịch Hán và Pháp, có chỗ bất đồng. Về sau, khi học đến cuối mỗi phẩm, chúng ta sẽ tìm hiểu những sai biệt này.

Hình-thức của Kinh, chúng ta đã thấy sơ qua. Nay thử tìm xem nội-dung hay chủ-nhãn của Kinh.

1- Theo Ngài Hải-Ấn, một trong nhiều bậc cổ-đức chú-thích, chú-giải Pháp-Hoa, chủ-nhãn của Kinh không

ngoài cái hoài-bão của Phật khi xuất thế là **khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến** (Mở, chỉ, nhận, và vào cái thấy biết của Phật). Vì vậy Ngài Hải-Ấn sắp:

- Phẩm Tự: Tổng hiển Pháp giới sự tướng (hiển bày một cách tổng quát sự tướng)

- Từ phẩm 2 đến phẩm 10: Mở cửa kho “thấy biết” của Phật (khai Phật tri kiến)

- Phẩm 11: Chỉ tri kiến của Phật (ngộ Phật tri kiến)
= Tín, Giải (nhân)

- Phẩm 17 đến 22: Nhận tri-kiến Phật đến chỗ thâm diệu (Diệu Phật tri kiến)

- Phẩm 23 đến 28: Vào chỗ thấy biết của Phật (nhập Phật tri kiến)

= Hành, Chứng (quả)

Nhưng nếu sắp theo nội tông Hoa-Nghiêm, thì:

- 22 phẩm đầu: làm rõ cái lý, để lấy đó làm phát khởi lòng tin (tín) và trí hiểu biết (giải): Hiển lý, dĩ phát Tín, Giải

- 6 phẩm chót: làm rõ sự tu hành, để lấy đó chúng minh kết-quả: Hiển hành, dĩ minh hành, chứng

2- Theo thiển kiến chúng tôi, chủ nhân của Kinh là đưa ra cái Chân-lý tuyệt-đối “Tất cả là một” và “Một là tất cả”, chủ là khách và khách là chủ (sujet et objet sont la même chose). Vì vậy Kinh mới “phá tam hiển nhất” phá cái giáo-pháp trước kia chia có 3 cấp (tam thừa hay tam thặng) mà chỉ cho thấy rõ chỉ có một giáo-pháp (nhất thừa hay nhất thặng) mà thôi. Chủ, khách là Một thì:

a) Tất cả cùng nằm trong Nguồn Sáng-Trí duy nhất là “Tâm huyền diệu có khả năng tự giác” (Bổn giác diệu

tâm), và tất cả đều có đầy đủ và sẵn sàng khả năng thông hiểu như nhau giáo-pháp nhất thừa.

b) Tất cả đều có khả-năng thành Phật như nhau.

Nhưng muốn hiểu được Sự-thật tuyệt đối, có một không hai này, phải bỏ giáo-lý Tứ-diệu-đế (Thanh văn), giáo-lý Thập-nhị nhân-duyên (Duyên giác), bỏ giáo-lý Lục độ Vạn-hạnh (Bồ-tát). Tất cả những giáo-lý, đạo quả ấy đều là tạm bợ mà nói, đều là Hoá-thành, đều là *tam xa*, để dụ người sống trong “hoả trạch” ra khỏi nơi nóng bức đau khổ.

Tóm lại, Kinh Pháp-Hoa là giáo-pháp tột cùng (tối thượng thừa, tôn vô quá thượng) bày rõ cái “Chân” đả phá cái “Vọng”. Đó là một trái bom nguyên-tử mà Phật đợi đến sau 40 năm diu dất đệ-tử đến chỗ thuần thực mới dám đem ra ném. Và sau khi bày điếm lạ để thức tỉnh tất cả, để cho tất cả đứng tin lục căn, lục thức nữa. Quả bom đó là Chân-lý tuyệt-vời là Tri-kiến hay Trí-tuệ (Sagesse) của Phật, là Lý-Sự không hai.

P.L. 2507

Saigon, ngày 5-4-1962

CHÁNH TRÍ

PHẨM THỨ NHẤT

TỰ (Le sujet)

Một lúc nọ Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật (Gridhrakuta), tức núi Linh-Thứu (Pic du Vautour). Tập-hợp xung quanh Phật có 12.000 Đại Tỳ-khưu và Đại A-la-hán, 2.000 bậc hữu-học và vô-học, 6.000 Tỳ-khưu-ni, 80.000 Bồ-tát, 20.000 chư Thiên, 8 Long-vương và quyến-thuộc, Vua A-Xà-Thế và tùy tùng.

Sau khi “tứ chúng” cúng dường và xưng tán Phật xong, Phật nói Kinh “Vô-Lượng-Nghĩa” rồi nhập vào chánh-định “Vô lượng-nghĩa xứ”, thân tâm không lay động.

Kế đó, từ chòm lông trắng ở giữa đôi mày, Phật phóng một luồng hào-quang chiếu khắp một muôn tám ngàn thế-giới ở phương Đông, dưới thấu địa-ngục A-tỳ, trên suốt Cõi trời Sắc cứu-cánh.

Toàn pháp-hội đều trông thấy ở các thế-giới đó:

- 6 loại chúng-sanh (thiên, nhân, a-tu-la, địa-ngục, nga-quỷ, súc-sanh)

- Các đức Phật đang nói Pháp và tứ-chúng

- Các vị Bồ-tát đang hành hạnh Bồ-tát

- Lúc Phật nhập Niết-bàn

- Lúc Phật nhập Niết-bàn xong, việc xây tháp phụng thờ xá-lợi.

Bồ-tát Di-Lặc và tứ-chúng đều lấy làm lạ điềm lành này. Thay mặt cho tất cả, Di-Lặc xin Bồ-tát Văn-Thù là bậc xuất chúng, giải thích cho hiểu.

Văn-Thù đáp:

- Theo chỗ tôi biết thì Thế-Tôn sắp diễn một “pháp lớn”.

Rồi Văn-Thù thuật lại một chuyện xưa như sau:

- Ở vô số kiếp xa xưa, có 2 muôn đức Phật nối nhau, đồng một hiệu là NHẬT-NGUYỆT ĐĂNG-MINH, và đồng một họ là PHẢ-LA-ĐOÀ, mỗi Ngài đều đầy đủ “Mười hiệu” và pháp của các Ngài nói ra từ đoạn đầu, đến đoạn giữa và đoạn chót đều lành như nhau.

Đức Phật NHẬT-NGUYỆT ĐĂNG-MINH chót, lúc chưa xuất gia, có 8 vương-tử tên là HỮU-Ý, THIÊN-Ý, VÔ-LƯỢNG-Ý, BẢO-Ý, TĂNG-Ý, TRỪ-NGHI-Ý, HUỠNG-Ý và PHÁP-Ý. Nghe vua cha xuất gia và thành đạo, 8 con đều xuất gia theo, phát tâm Đại-thừa tu hạnh thanh-tịnh.

Lúc đó, đức Phật NHẬT-NGUYỆT ĐĂNG-MINH cũng như đức Thích-Ca bây giờ, nói Kinh VÔ-LƯỢNG-NGHĨA và nhập chánh-định VÔ-LƯỢNG-NGHĨA-XỨ. Xong, Ngài cũng phóng quang chiếu một muôn tám ngàn thế-giới phương Đông, rồi từ chánh-định dậy, Ngài nói Kinh DIỆU-PHÁP LIÊN-HOÀ cho Bồ-tát Diệu-Quang nghe, trải qua 60 tiểu kiếp không rời chỗ ngồi. Người trong pháp-hội cũng ngồi một chỗ mà nghe cho đến 60 tiểu kiếp, thân tâm đều không lay động, nhưng xem thời-gian ấy mau như bữa ăn, không ai thất thân tâm lưỡi môi.

Sau 60 tiểu kiếp, đức Phật Nhật-Nguyệt Đăng-Minh tuyên bố: “Hôm nay, vào lúc nửa đêm, Như-Lai sẽ nhập Niết-bàn”. Và đúng như thế, Ngài đã nhập Niết-bàn sau khi thọ ký cho Bồ-tát Đức-Tạng, về sau sẽ thành Phật TỊNH-THÂN NHƯ-LAI.

Bồ-tát Diệu-Quang trì Kinh DIỆU-PHÁP trải 80 tiểu kiếp và vì người diễn nói, và dạy bảo cho 8 vương-tử ở vững trong đường “Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác”. Tất cả 8 vị đều lần lượt thành Phật và vị chót hiệu là NHIÊN-ĐẰNG.

Trong 800 đệ-tử của Bồ-tát Diệu-Quang, có một người tên là Cầu-Danh. Sở dĩ người này có cái tên ấy, vì còn tham ưa danh ưa lợi, tuy đọc tụng kinh-điển rất nhiều nhưng chẳng thuộc rành. Dầu vậy, đó cũng là một “căn lành”.

Sau khi nhắc lại câu chuyện trên, Bồ-tát Văn-Thù kết luận:

- Hôm nay đức Thích-Ca ra điềm lạ là cũng để nói Kinh Đại-thừa DIỆU-PHÁP LIÊN-HOÀ.

Huyền nghĩa:

Trước khi nói Kinh Diệu-Pháp, tức là truyền trao giáo pháp tột cùng, cái Chân-lý tuyệt đối, đức Phật nói Kinh Vô-lượng-Nghĩa, nhập chánh-định Vô-lượng-nghĩa-xứ, rồi lại phóng quang hiện cảnh, ba điều mà xưa nay Phật chưa từng làm trước khi nói các kinh khác.

Tuyệt đối là Vô-cùng, Vô-cực, Vô-lượng. Phải hiểu thế nào là Vô lượng (l'incommensurable), mới hiểu được thâm lý của Diệu-pháp. Đó là huyền nghĩa của việc Phật nói Kinh Vô-Lượng-Nghĩa.

Hiểu được thế nào là Vô-lượng, nhưng chỉ hiểu sơ qua và không sống mãi trong cái nghĩa Vô-lượng, cũng không được. Vì vậy, nói kinh rồi, Phật nhập vào “vô-lượng-nghĩa” và định ở đó.

Hiểu nghĩa của cái “Vô-lượng”, định được trong cái “Vô-lượng”, sẽ có một cái thấy lạ lùng, thông suốt từ

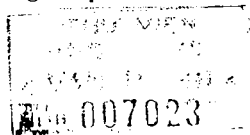
cõi trời “Sắc cứu-cánh” đến địa-ngục A-tỳ. tức là thông suốt ba cõi: Dục-giới, Sắc-giới và Vô-sắc-giới, hay nói một cách khác, thấy rõ tất cả vũ-trụ luôn hai mặt hữu-hình và vô-hình.

Thấy được như thế là thấy được cái thực-tướng của Chân-cảnh, là thấy toàn-thể pháp-giới (vũ-trụ hữu-hình và vô-hình) là Một, một cái Một chân-thật chứ không phải giả-dối như cảnh thế-gian. Vì là Một cho nên cái Một ấy “bình đẳng”, nghĩa là luôn luôn như vậy, không dời, không đổi, không tăng không giảm (*L'Univers Unréel et identique à soi-même = Nhất chân bình-dẳng pháp-giới*).

Theo cái thấy của chúng-sanh thì có hai cảnh-giới: cảnh-giới của chúng sanh và cảnh-giới của chư Phật và Bồ-tát, nói tóm là cảnh-giới của thiện và cảnh-giới của ác, cảnh-giới của triền-phược và cảnh-giới của giải-thoát, cảnh-giới của vô-minh và cảnh-giới của giác-ngộ, cảnh-giới của sanh-tử biến dịch và cảnh-giới của Niết-bàn thường hằng.

Sự thật không phải thế: không có hai cảnh riêng biệt, và chúng sanh tuy sống trong “động loạn, căn trần, thức giới”, vẫn cùng chư Phật, Bồ-tát ở trong Một cái duy nhất, cái đó là “Phổ-quang minh-trí”

“Động loạn, căn trần, thức giới” chỉ là cảnh thế-gian, của chúng-sanh, là thế-giới hiện-tượng, của hiện-tượng (*monde manifesté, monde des manifestations*). Đã là hiện-tượng thì phải động loạn (*en mouvement, en perpétuel devenir*), sanh ra, rồi trụ, rồi dị, rồi diệt. Và cảnh ấy, thế-giới ấy không phải là thế-giới chân thật, mà là một thế-giới do căn, trần và thức hỗ tương chi-phối mà



thành có (monde conditionné par les organes des sens, les objets des sens et la conscience).

Vạn vật trên thế-giới trăm ngàn sai biệt, nhưng không ngoài sáu loại:

1- loại có hình có tướng (sắc)

2- loại tiếng (thanh)

3- loại mùi (hương)

4- Loại vị (vị)

5- Loại rờ đụng được (xúc)

6- Loại suy nghĩ, quan niệm, khái niệm (pháp).

Biết được có 6 loại “trần” ấy là nhờ chúng-sanh có 6 cái khí-cụ (căn) để thu nhận: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Có trần mà không có căn, cũng như trong xứ có dài phát thanh mà nhà mình không có máy thu-thanh.

Nhưng có phát-thanh, có máy thu-thanh mà không có người ngồi vặn máy thu-thanh và nghe, thì hai cái trước dầu có cũng như không. Vậy vạn vật trên thế-gian được biết là có, cái “có” ấy do ba điều-kiện căn, trần, thức tương quan chi phối, dung hòa mà thành. Nếu một trong ba điều kiện ấy thiếu hoặc đổi tánh-cách thì cái “có” kia cũng đổi theo. Thí dụ tất cả chúng-sanh đều điếc hết thì chúng-sanh sẽ bảo nhau rằng thế-giới này có 5 loại “trần” mà thôi, trong khi các thứ tiếng (âm) chuta hẳn là không có. Vậy quả thế-giới này không phải là thế-giới “chân thật”, vì hễ chân-thật thì không từng điều-kiện nào cả.

Thế-giới chân-thật là thế-giới của Thể, căn-bản, nguồn cội của vạn vật, là luồng điện duy nhất và vô hình ứng hiện ra trong nhiều cái hữu-hình khác nhau như đèn sáng, quạt quay, tủ lạnh...

Điện thì trước sau như một, chỉ có một tánh, hôm nay thế này mà mai cũng thế, không suy không giảm, còn đèn, quạt, tử thì có mới, cũ, hư (sinh, dị, diệt).

Có thể lấy đèn và quạt thí dụ Phật và chúng-sanh, một cái sáng, một cái không sáng. Nhưng trong hai cái sai khác đó, có một cái chung là điện. Vì vậy Phật và chúng-sanh không khác nhau, không sai biệt, về mặt Thế, và Thế đó cũng gọi là Tâm- một danh-từ tạm dùng vậy thôi. Bởi lẽ này, Kinh Phật dạy: Tâm, Phật, chúng-sanh, tam vô sai biệt (Tâm, Phật và chúng-sanh là ba, nhưng không sai khác nhau).

Chúng-sanh lại “mù-quáng”, thấy có sự sai khác giữa chúng-sanh và Phật, thấy có hạng thấp, hạng cao (dualité), cho nên lúc đầu thuyết giáo, Phật phải nương theo đó mà tạm nói có ba đường giải-thoát: Thanh-văn, Duyên- giác và Bồ-tát. Nay, phân đồng các đệ-tử đã tiến được nhiều, sự thật có thể phanh phui. Phật mới đem ra nói.

Nói mà vẫn còn ngại, cho nên phải trước nói Kinh Vô-Lượng-Nghĩa để chỉ rằng từ trước tới nay Phật mới đề cập đến cái “Hữu-lượng” (limité), mà chưa nói đến cái “Vô-lượng” (l’illimité, l’Incommensurable), tức là Chân-lý tuyệt-đối.

Biết được Chân-lý tuyệt-đối rồi phải sống mãi (định) trong đó. Ấy là nghĩa của việc nhập chánh-định “Vô-lượng-nghĩa” như đã nói.

Vì Chân-lý tuyệt-đối trước sau như một cho nên 2 muôn đức Phật Nhật-Nguyệt Đăng-Minh đều nói Kinh Pháp-Hoa, và giáo-pháp của các Ngài đều lành như nhau, Nhật-Nguyệt Đăng-Minh là thí dụ cho Trí-tuệ đầy đủ của

các bậc đã giác-ngộ, đã thành Phật, nghĩa là đã trở về với nguồn Ánh-sáng như đèn trời đèn trăng sẵn có nơi mình, Nhật-Nguyệt Đăng-Minh Như-Lai chính là nguồn Ánh-sáng ấy.

Thêm vào việc nói Kinh Vô-Lượng-nghĩa và nhập định Vô-lượng-nghĩa, Phật còn phóng quang để cho chúng-sanh sáng mắt thấy ba cõi tuy khác, nhưng đều chung ở trong một nguồn ánh sáng tượng trưng ở đây bằng luồng hào-quang từ giữa đôi mày phóng ra. Nguồn Ánh-sáng ấy là Thể, là Tâm. Do đây mà có câu: “Nhất thể do tâm tạo”.

Cho chúng-sanh thấy để dễ tin lời Phật sắp nói. Đoạn chót bài trùng-tuyên của Văn-Thù có câu: “Kim Phật phóng quang-minh, trợ phát thực tướng nghĩa”(1) là nghĩa đó.

Thực-tướng là chân-cảnh, mà chân-cảnh là Chân-lý tuyệt đối vậy.

Lấy cái biết của thể-nhân mà muốn biết cảnh này, không sao biết được (phi tâm-thức khả tri). Mà không phải người trí cũng không hiểu được (phi trí bất nhập).

Vậy muốn học Kinh Diệu-Pháp phải “triệt lục căn tứ đại chướng ngại”(2). Còn 8 vương-tử phải theo cha xuất gia, nghĩa là kiến Tánh chưa đủ, phải sửa 8 thức theo Tánh mới được: Tánh quy, Thức quy.

Phẩm đầu lấy tên là Phẩm Tự mà E. Burnouf dịch là: Le sujet (đề tài).

Vậy đề tài của Kinh Diệu-Pháp như thế nào?

Đề tài ấy là: Chỉ Thật-tướng Chân-cảnh (montrer le monde de la Réalité) và cảnh đó là cảnh của thân Tâm vậy.

(1) Nay Phật phóng hào-quang sáng, là để giúp sự khai phát nghĩa của Thật-tướng.

(2) Phải xô ngã những chướng ngại do 6 căn của thân "tứ đại" dựng lên.

PHẨM THỨ HAI

PHƯƠNG TIỆN (L'habileté des moyens)

Lúc bấy giờ, đức Thế-Tôn xuất định và nói với Xá-lợi-Phất:

- “Trí huệ” (Sagesse, Science) của các đức Phật rất sâu, vô lượng, khó hiểu, khó vào, dầu là hàng Thanh-văn, Bích-chi-Phật cũng vậy. Tại sao thế?

Vì trí-huệ ấy là kết-quả của sự găn-gũi trăm nghìn muôn ức Phật, của sự trọn tu vô lượng đạo-pháp Phật (discipline de Bouddha), của sự đồng-mãnh, tinh-tấn, của sự hiểu biết trọn vẹn các pháp (lois) rất sâu. Vì sâu khó như thế cho nên các đức Phật phải dùng lời nói khó hiểu mà nói và dùng vô số phương-tiện dịu dặt chúng-sanh làm cho xa lìa lòng chấp. Nhưng thôi, không nói thêm nữa làm gì, vì chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tột chân-tướng của các pháp.

Các hàng Thanh-văn, La-hán và tứ-chúng đều lấy làm lạ, không biết tại sao hôm ấy Phật lại ân cần nói đến cái khó của Pháp và ca ngợi những phương-tiện như thế. Đến như vấn-đề giải-thoát (xa lìa lòng chấp) thì nhờ Phật dạy từ trước tới đó, tất cả đều được giải-thoát và chứng Niết-bàn, cơ sao nay Phật còn đề-cập đến nữa?

Xá-lợi-Phất biết tứ-chúng có chỗ nghi trong lòng, và chính ông cũng chưa rõ lời Phật nói. Ông liền xin Phật giải thích.

Phật từ chối bảo:

- Thôi thôi! Chẳng nên nói nữa, vì nếu nói ra thì tất cả trời, người đều kinh sợ.

Xá-lợi-Phất lại tha thiết cầu xin hai lần nữa. Đến lượt thứ ba, Phật mới nhận lời:

- Ông đã ba phen thưa thỉnh, tôi không thể không nói. Vậy hãy lắng nghe và suy nghĩ cho khéo.

Phật vừa dứt lời là trong Pháp-hội, 5.000 tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đứng dậy lễ Phật rồi lui, vì họ tư tưởng đã chứng đạo rồi, không cần nghe.

Thế-Tôn yên lặng không ngăn cản và bảo Xá-lợi-Phất:

- Thế là trong chúng ta đây còn rất hột chắc (giống tốt, hột to). Họ đi như thế là hay. Vậy ông nên khéo nghe lời tôi nói.

Pháp mẫu, các đức Phật khi đúng thời mới nói, như hoa linh thoại, đến thời-tiết mới trở một lần.

Pháp ấy không phải lấy óc suy lường, phân biệt mà hiểu được, vì vậy phải dùng vô số phương-tiện như nhân-duyên, lời-lẽ, thí-dụ mà diễn nói.

Các đức Phật ra đời chỉ vì một duyên cơ là:

-Khai mở tri-kiến của Phật (tức trí-huệ của Phật).

-Chỉ cho chúng-sinh thấy.

-Làm cho chúng-sinh nhận rõ.

-Để cho chúng-sinh đi vào con đường tri-kiến ấy, tức là thành Phật.

Vậy chỉ có một cỗ xe (thặng thường đọc là thừa), cỗ xe chở đến chỗ thành Phật; không có cỗ xe nào khác, cũng không có hai ba cỗ khác nhau. Ba đời chư Phật (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai) đều dạy như vậy và chúng-sinh nghe hiểu đều thành Phật. Nhưng vì gặp đời ô-trước (kiếp trước, chúng-sinh trước, kiến trước, mệnh trước, phiền-não trước) cho nên Phật phải quyền nói ba “cỗ xe” (ba thừa).

Lý “nhất thừa” tuy dành cho hàng Bồ-tát, nhưng nếu La-hán và Duyên-giác mà không cố hiểu thì chẳng phải đệ-tử Phật. Tưởng mình đã chứng Niết-bàn mà không tin pháp “Nhất thừa” là tăng-thượng-mạn, là chưa thực chứng La-hán.

Thế-Tôn nhắc lại những đấng đo khi Ngài muốn đem trí-huệ tuyệt luân của Ngài ra dạy đời, lúc Ngài mới đắc đạo dưới gốc Bồ-đề. Suốt 21 ngày, Ngài suy nghĩ: Tri-kiến, trí-huệ của Ngài bậc nhất, còn chúng-sinh thì bị tham vui, mê muội làm mù, làm thế nào hiểu được. Chư Thiên thấy vậy, cung kính lễ bái, ai cầu Thế-Tôn “chuyển pháp luân”.

Thế-Tôn bèn suy nghĩ tiếp: Nếu đem “Phật-thừa” (chân lý tuyệt đối) ra nói thì làm sao chúng sinh tin được, và như thế là làm cho chúng-sinh rơi vào ba nẻo ác, chìm mãi trong biển khổ. Nhớ lại lối phương-tiện hóa-độ của chư Phật trong quá khứ, Thế-Tôn bèn phân biệt giáo pháp thành ba thừa để cho hạng trí kém, không dám tự tin sẽ thành Phật, đều được độ.

Nhưng Phật ra đời là để chỉ bày chân-lý cứu-cánh chứ chẳng phải để dùng những pháp phương-tiện mãi. Nay xét đã đến lúc, nên Thế-Tôn quyết định đem Phật-thừa ra dạy.

Tuy nhiên đừng tưởng những việc làm tầm thường như tu lục độ, cúng dường xá-lợi, tạo tháp, tô tượng, niệm Phật, nghe Pháp là sai với nẻo giải-thoát. Đó là những bước tiến trên “Đường Phật”.

Huyền nghĩa

Sự giác-ngộ của Phật là Vô-thượng, trí-huệ của Phật là vô lượng, vô biên, cái thấy biết của Phật (tri-kiến) đã đạt đến mức tuyệt đối.

Cái thấy biết đó là gì?

Là “Tất cả là một, tất cả chúng-sinh đều từ phổ-quang minh trí (nguồn ánh-sáng bao trùm vũ-trụ vô biên cũng vừa là trí-huệ sáng ngời: *Lumière omniprésente* – *Intelligence éclairante*) mà ra thì tất cả sẽ trở về với Ánh-sáng Trí-huệ ấy, tức là thành Phật”.

Nhưng sự thật một trăm phần trăm đó, khó hiểu, khó nhận. Nói ra chỉ làm cho chúng-sinh kinh khủng, không tin, như thế là làm cho chúng-sinh càng sa đọa vào nẻo ác, chìm sâu trong biển khổ.

Nhưng không nói không được, vì lý do xuất thế của chư Phật là phát-minh sự thật ấy cho chúng-sinh biết đường mà quay đầu đổi hướng.

Chúng-sinh khó thấy biết như Phật chỉ vì chúng-sinh sống vào một kiếp ô-trược truy-lạc (kiếp trước), vì chúng-sinh bị bụi đời làm hoen-ố cái căn-bản lành sạch của mình (chúng-sinh trước), vì cái thấy của chúng-sinh bị vọng hoặc quá nhiều (kiến trước), vì đời sống của chúng-sinh quá thiên về dục-lạc thành đen tối (mệnh trước), vì chúng-sinh quá nhiều phiền-não (phiền-não trước).

Bệnh đã nặng như thế, Phật không thể cho chúng-sinh uống phương thân dược quá mạnh bằng cách nói sự thật, mà phải dùng phương-tiện, nghĩa là lấy thuyết nhân duyên, lấy lời nói, dùng thí-dụ mà khiến chúng-sinh lần lần xa lìa lòng chấp (attachements) để khi thời cơ đến, đem Chân-lý tuyệt đối ra nói.

Đại cương pháp phương-tiện ở điểm vì chúng-sinh sợ khổ mà cảnh thế-gian lại là cảnh khổ, cho nên Phật mới đưa ra một cảnh ngược là Niết-bàn an vui. Đó là một sự quyền biến, tạm bợ để dẫn dắt chúng-sinh từ thấp lên cao, từ dễ tới khó, chớ không có Niết-bàn thật sự.

Đến như chia có cấp bậc như Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, ấy cũng tạm mà dạy vậy thôi. Không có ba thứ xe chở chúng-sinh đến mút con đường Đạo, mà chỉ có một chiếc xe (Nhất thặng hay Nhất thừa). Chiếc xe ấy là chiếc xe Phật.

Những chiếc xe tạm gọi là Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, thật ra là chiếc xe Phật vừa nói. Bất quá đó là những giai đoạn của một con đường dài nhất.

Có những việc xem tầm thường như tu lục độ, sửa tâm cho mềm dẻo, cúng dường xá-lợi, tô tượng, tạo tháp, niệm Phật, nghe pháp. Nhưng đó cũng là “Phật thừa”, vì đó là những bước hướng về Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác.

Vậy nên tin, nên mừng: tất cả sẽ thành Phật đạo.

Đem lý Phật thừa ra dạy là từ cứu-cánh trên cao đi xuống.

Tam thừa Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát là bắt từ dưới đi lên cái cứu-cánh cao tột kia.

PHẨM THỨ BA THÍ DỤ (La Parable)

Lúc bấy giờ, Xá-lợi-Phất hớn hởi vui mừng, liền đứng dậy cung kính bạch Phật:

- Hôm nay con được nghe mấy lời Phật dạy, thật là việc chưa từng có. Bao nhiêu nghi ngờ của con đã dứt sạch. Trước kia con thường tự hỏi: Phật cũng ở trong pháp-tánh như mình, cơ sao Phật được là Phật còn mình lại không? Vậy ra mình đã mất cái khả-năng thành Phật của mình rồi sao?

Nay nghe Phật dạy, con mới hiểu rằng Phật đã tùy nghi mà dạy bảo.

- Vì xưa con thấy sai, hiểu lầm (tà kiến), nên Phật, để trừ tà-kiến ấy, phải tạm đem cảnh Niết-bàn ra mà dụ dẫn con (phương-tiện).

- Kế đó, tà-kiến trừ được, con không còn tham Niết-bàn và đạt đến cái lý “Không” chân thật, con tự cho là đã “diệt độ” rồi.

- Nay con mới hiểu rằng như thế cũng chưa diệt độ hoàn toàn. Thật diệt độ là khi nào đạt đến chỗ thành Phật, đủ 32 tướng tốt và làm Thầy của trời, người.

Xá-lợi-Phất nói tiếp:

- Lúc mới nghe Phật nói con sẽ thành Phật, con thật nghi ngờ và tự hỏi Ma giả Phật để nào loạn lòng con. Nhưng sau nhờ thí-dụ của Phật, con mới hết nghi, và tin quả quyết rằng con sẽ thành Phật.

Phật bèn nói với Xá-lợi-Phất:

- Tôi xưa kia đã từng giáo hóa ông, đã từng dìu dắt ông trên đường thành Phật, nhưng ông lại quên mà tưởng

là được diệt độ trong khi chưa tới đích. Tuy nhiên, tôi nói trước cho ông biết, trong vị-lai vô lượng số kiếp, ông sẽ thành Phật hiệu là Hoa-Quang Như-Lai, nước tên Ly-Cấu, kiếp tên Đại-Bảo Trang-Nghiêm.

Thính chúng thấy Phật “thọ ký” cho Xá-lợi-Phất lấy làm vui mừng hơn hở.

Xá-lợi-Phất bèn thưa:

- Trước kia Phật dạy hễ lìa sanh, già, bệnh, chết là đến Niết-bàn. Các hàng Thanh-văn hiện diện đã nghe và làm theo, ai cũng tưởng là đã được Niết-bàn rồi. Nay Phật lại đưa ra một giáo-pháp mới chưa ai từng nghe, là Niết-bàn ấy chưa phải rốt-ráo, mà rốt-ráo là phải thành Phật, con sợ hàng Thanh-văn còn chổ nghi ngờ. Cúi xin Thế-Tôn giải thích.

Phật đáp:

- Trước đây, tôi há chẳng nói rằng tất cả các giáo-pháp đã dạy đều là phương-tiện đưa đến Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác (thành Phật) sao? Nhưng thôi, để cho bậc trí hiểu được, tôi có cái thí-dụ này: Có một ông nhà giàu to, tuổi đã già suy. Nhà cửa ông rộng lớn, sức chứa nhiều người, trong số có các con của ông, nhưng phải cái nguy là nhà ấy mục nát, rần rít rất nhiều thêm nổi đang bị lửa cháy mà cửa ra thì chỉ có một cái, lại bé hẹp.

Ông lão đứng ngoài, lo sợ cho các con, muốn xông vào cứu chúng, nhưng nhớ đến cửa nhỏ, sợ các con giãy giụa mà không đem ra được hết. Trong lúc ấy, dầu nguy hại trước mắt, các con của ông cứ nô đùa, không biết sợ sệt gì hết và cũng không muốn ra vì không biết lửa là gì, chết thiêu là gì.

Ông bèn lập kế. Ông hô to: “Các con ơi! Ba có những đồ chơi đẹp lắm đây nè, nào là xe dê, xe hưu, xe bò, chiếc nào cũng trang sức lộng lẫy. Đứa nào ra đây cha cho!”.

Các con nghe, ùn-ùn kéo nhau chạy ra khỏi nhà cháy rồi bu lại đòi đồ chơi. Ông nhà giàu bèn ban cho các con đồng một thứ xe lớn, tốt đẹp vô cùng. Vì sao không cho ba thứ xe lớn, nhỏ, tốt đẹp khác nhau, mà lại cho ròng một thứ tuyệt đẹp? Vì ông lão giàu có, kho tàng đầy ngập.

Đến đây, Đức Phật hỏi Xá-lợi-Phất:

- Ông trưởng giả đã hứa cho ba thứ xe, nay lại cho có một thứ, mà là thứ lớn và tốt nhất, vậy ông có nói dối không?

Xá-lợi-Phất bạch:

- Dạ không. Dầu cho thứ xe nhỏ nhất, xấu nhất, ông cũng không nói dối, hà huống cho thứ lớn và tốt. Vì sao? Vì việc hứa cho xe chỉ là một phương-thế, phương-tiện cứu các con ông ra khỏi nhà cháy.

Phật khen:

- Đúng đấy! Như-Lai là cha của tất cả thế gian. Tuy đã ra khỏi thế-gian, vẫn vì sự lợi-ích của tất cả mà trở vào nhà lửa ba cõi cũ mục này để độ chúng-sanh ra khỏi nạn sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não, ngu si, tối tăm, ba độc (tham, giận, mê-muội). Sống trong cảnh khổ nhà cháy như thế mà chúng-sanh cứ vui chơi, hỷ hạ, chẳng hay đang bị lửa đốt, chẳng biết sợ sệt, không nhàm không chán, không cầu ra khỏi (giải thoát).

Như-Lai mới nghĩ phương cứu-độ. Dem trí-huệ, thần-thông ra giảng nói ư? Không thể được, chúng-sanh đang bị thiêu đốt (đau khổ, mê muội), làm gì nghe hiểu.

Vậy phải dùng một phương-thế nào đó, miễn cứu chúng ra khỏi là được. Do đây mà có việc quyền lập phép tu sửa. Một là Thanh-văn-thừa (xe dê), hai là Duyên-giác-thừa (xe hươu), ba là Bồ-tát-thừa (xe bò), tùy căn-cơ trí-huệ của mỗi hạng chúng-sanh.

Như ông nhà giàu cho đồng đều các con mỗi đứa một cỗ xe to khi chúng ra khỏi nhà lửa, Như-Lai cũng thế, khi chúng-sanh đã ra khỏi sự khổ-não, bất luận là do xe Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, bèn cho cái vui, cái lợi-ích to lớn hơn xưa: thiền-định, giải-thoát...là những cỗ xe đưa đến Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác. Và cũng như ông trưởng giả kia, Phật không phạm tội nói dối.

Nhưng coi chừng! Đừng đem kinh này, sự thật này mà nói với những hạng người vô trí là hạng:

- 1- kiêu-mạn (làm phách)
- 2- lười biếng
- 3- ngā chấp (quá tự-ái)

Họ sẽ không tin, phỉ báng lời Phật để rồi sẽ chịu những quả báo ghê rợn. Nên chỉ nói cho hạng người lợi căn, trí-huệ sáng-láng, học rộng, nhớ dai, lòng mong cầu giải-thoát (Phật-đạo), lìa xa phàm-phu, bận ác, thích thanh tịnh, tu hành v.v...

Huyền nghĩa

Ở phẩm này, Kinh dùng một thí-dụ để giải tại sao chỉ có một con đường Phật-đạo, mà trước kia Phật dạy tới ba. Hay để nói theo Kinh, chỉ có một cỗ xe chở không phải ba.

Trong thí-dụ nhà lửa (nhà bị cháy):

- Ông nhà giàu chỉ Phật, những đứa con chỉ chúng-sanh.

- Lửa cháy, mục nát, rần rít, chỉ cảnh khổ của chúng-sanh là sanh, già, bệnh, chết, sầu não, mê-muội;

- Ba xe chỉ ba thừa hay ba bậc tu hành: Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát. Hai bậc trước tu vì mình cho nên ví với xe dê, xe hưu, là những xe nhỏ, sức chở một người mà thôi (tự độ). Bậc Bồ-tát vì người quên mình, cho nên ví với xe bò-chở không phải xe trâu-là thứ xe lớn, sức chở nhiều người (độ tha).

Trước kia, sở dĩ Phật quyền chia giáo-pháp của Ngài ra ba bậc, ấy vì chúng-sanh mê sống trong cảnh của thể xác và tâm tình, tức của ba giới (dục, sắc và vô- sắc-giới), Phật không thể đem cái Chân-lý tuyệt vời là cái thấy biết (tri-kiến) của Phật ra dạy ngay được. dẫu có dạy đi nữa, cũng không ai hiểu, bởi cái thấy -biết của Phật là cái thấy-biết của bậc đã ra khỏi ba giới. Do đây, phải dạy tu tập lần hồi, tùy khả-năng của từng hạng người, để ai cũng được an ổn (paix intérieure) và khoái lạc (sérénité) là điều-kiện cốt yếu, nhiên hậu mới đem sự-thật cuối cùng ra dạy.

Những con của trường giả ra khỏi nhà lửa, chỉ chúng-sanh, nhờ sự dụ dẫn của ba thừa, ra khỏi ba giới, được an ổn và khoái lạc, tạm gọi là Niết-bàn.

Ông cha cho các con một thứ xe vừa to, vừa tốt, đó là giáo-pháp Đại-thừa, là giáo-pháp nâng sanh cái lạc tịnh diệu hạng nhất, là mức cuối cùng của con đường tiến hóa tâm linh từ phàm đến Thánh, từ chúng-sanh đến Phật, ngĩa là từ ô-trược đến thanh-tịnh hoàn-toàn, từ trói trãng

mất cả tự-do đến giải-thoát tự-tại hoàn-toàn, từ đau khổ đến an lạc, từ sanh tử đến bất sanh bất diệt.

Nhà to mà chỉ có một cửa ra, chỉ Tam giới rộng lớn, muốn ra khỏi chỉ có một con đường, chỉ có một cửa. Cửa tuy mở nhưng khó ra, ám chỉ công phu tu học khắc-khổ và kiên-nhẫn.

Ở trên đã nói ông nhà giàu chỉ cho Phật, mà Phật là Tâm. Vậy câu: “ông trưởng-lão giàu có, kho tàng đầy ngập” có nghĩa là Tâm đầy đủ mọi công-đức (Đức-tạng), mọi pháp (Pháp-tạng). Mà Tâm thì ai cũng có và không sai-biệt. Vậy ai cũng có sẵn nơi mình mọi khả năng, mọi điều-kiện để đạt đến cái kết-quả cuối cùng là Phật-quả. Điều cần yếu là mỗi người phải tự biết mình có cái kho tàng quý báu vô song đó và phải biết khai thác, điều dụng. Đó là mục đích của Đại-thừa giáo.

Tuy chia có ba xe, tất cả đều là xe mà công-dụng là đưa người từ một địa-điểm này sang một địa-điểm khác. Giáo pháp của Phật tuy chia có ba bậc, vẫn đồng một công-dụng là đưa chúng-sanh ra khỏi nhà lửa, hướng về cái đích duy nhất là Giác-ngộ. Giải-thoát hoàn-toàn, cho nên hứa cho ba thứ xe, rốt cuộc lại cho có một.

PHẨM THỨ TƯ TÍN GIẢI (Les inclinations)

Tu-bồ-đề, Ca-chiên-Diên, Đại Ca-Diếp, Mục-kiền-Liên, vui sướng thấy Phật thọ ký cho Xá-lợi-Phất, bèn phát tâm tin tưởng mình cũng được đến quả Phật, là một lợi ích hiện tiền vô giá, không cầu mà tựặng.

Để chứng tỏ sự tin tưởng và thông hiểu của mình, các Bồ-tát này bèn giải thích lời Phật dạy bằng một câu truyện thí dụ như sau:

Có một người, lúc bé thơ, đã bỏ cha đi hoang. Sau mấy mươi năm trôi giạt, tuổi lớn thêm nghèo đến phải đi ăn xin, từ nơi này sang nơi khác. Tình cờ chàng ta trở về xứ sở mà không hay.

Trong lúc ấy, ông cha tìm con khắp nơi mà không gặp. Ông là nhà giàu lớn, tiền của đầy kho, tôi trai tớ gái chật nhà. Ông chẳng những là một nhà giàu trong xứ mà còn có của cải tận các nước khác.

Không tỏ với ai việc cha con biệt ly, ông thường suy nghĩ: “Ta nay giàu có như thế này mà con không có, một mai chết rồi, ai đâu là người giao phó, của cải ắt phải tan mất. Phải chi ta gặp con để giao cho nó thì dầu có chết cũng an lòng!”.

Một hôm, đứa con lạc loài lại tình cờ đến trước nhà ông. Đứng ngoài cổng ngó vào, nó thấy phú ông sang trọng, uy nghi, đang ngồi trên ghế cao, xung quanh có người hầu hạ, trong nhà thì ngọc ngà châu báu không biết bao nhiêu. Chàng ta đâm hốt hoảng, thầm bảo là đã lạc bước đến chỗ vua chúa. Nghĩ xong, chàng sợ bị bắt, bỏ

chạy đi tìm một xóm nghèo, hợp với tình cảnh của chàng, để kiếm việc làm độ nhật.

Nhưng phú-ông đã thấy và nhận biết chàng là con của ông. Hai gia-nhân liền được ông sai rượt bắt chàng lại. Bị bắt, chàng ta sợ quá, van xin mà không được thả, chàng ngã xuống đất chết ngất.

Ông cha thấy vậy ra lệnh: “Thôi ta không cần người ấy đâu. Hãy lấy nước rưới lên mặt cho nó tỉnh rồi cho nó đi”

Vì biết con mình quen sống với cảnh nghèo hèn ty tiện, nay nếu đột nhiên nhận nó là con mình, mà mình lại giàu sang tốt bậc, nhất định nó không tin mà còn đem lòng sợ sệt. Chi bằng thả nó đi rồi lập kế dẫn dụ nó. Đó là thâm ý của ông cha.

Kế đến, ông mật sai hai người giả dạng bần khổ, tìm đến anh chàng và rủ chàng đi làm thuê hốt rác.

Sau khi biết sẽ được trả công gấp đôi, anh chàng nhận lời và cả ba vào làm việc hốt rác ở nhà sau phú-ông.

Thấy con tiêu tụy, đất cát bụi bặm cùng mình, ông lão thương xót quá. Ông thay bỏ quần áo sang cả, mặc đồ thô rách, lân la với đám người hốt rác. Một hôm, ông bảo người con: “Anh này, nên tiếp tục làm ở đây, ta sẽ trả thêm tiền cho. Còn có cần dùng gì cứ nói, ta sẽ cấp cho và nên xem ta như cha”.

Nói xong, lấy lẽ ông là người tuổi tác còn anh chàng còn trai trẻ, ông kêu anh bằng con.

Chàng ta rất mừng, nhưng không dám quên mình là người hạ tiện.

Ít lâu sau, ông lão có bệnh. Ông cho kêu anh chàng đến, giao cho anh việc quản lý gia tài ông và cho

anh được quyền xuất nhập bất cấm trong nhà. Anh làm tròn bổn-phận, nhưng không bao giờ dám tiêu phí quá sự cần-dùng của anh, còn ở thì cũng tiếp tục ở nhà sau, chỗ cũ, không dám bén mảng lên nhà trên.

Trải qua một thời gian ngắn, phú-ông biết mình sắp lìa trần. Ông hội cả thân tộc và trước mặt vua quan, ông chỉ anh chàng mà tuyên bố: “Anh này là con ruột tôi, bấy lâu xa cách vì anh bỏ nhà ra đi lúc nhỏ. Nay cha con chúng tôi đã trùng phùng, tôi giao cho anh tất cả gia tài của tôi mà trước đây anh đã quản-lý và biết rõ”.

Người con nghe nói, mừng quá, cho là việc chưa bao giờ có và tự nghĩ: “Không mong mà được, thật là lạ!”.

Chấm dứt câu chuyện thí dụ, Tu-bồ-Đề, Ca-chiên-Diên...bạch Phật:

- Ông trưởng giả thí như Đức Như-Lai còn chúng con như gã thất lạc kia. Như-Lai là cha, chúng con là con Phật mà không biết.

Chúng con vì ba món khổ (1) mãi ở trong cảnh sanh-tử chịu các sự nóng đốt, lo phiền, mê lầm, ngu dốt, cho nên ưa thích những “giáo-pháp nhỏ” (tiểu pháp). Làm cái việc hốt rác rến “giáo pháp trò đùa” mà tự cho là thỏa mãn với cái giá trả công Niết-bàn.

Như-Lai không **bắt**, không cưỡng bách chúng con theo con đường “tất cả đều có phần hưởng thọ kho tàng tri-kiến Như-Lai” mà **tha** cho chúng con theo cái khuynh-hướng (2) thấp hèn, rồi phương-tiện thuận theo chúng con mà dạy bảo.

Chúng con là con của Phật (Phật tử) mà không biết. Vì không biết nên không dám mong hưởng thọ sự nghiệp vĩ đại của Cha là Phật, mà chỉ cam phận với đồng

tiền làm thuê Nhị-thừa. Ấy vì tại chúng con không dám tự nhận là con Phật (mong tu Đại-thừa) nên hóa ra Phật cũng không tự nhận là Cha được (không thể nói pháp Đại-thừa).

Nay tạng-báu của Pháp-vương lại tự nhiên mà đến, quả thật không cầu mà được.

Huyền nghĩa

Kinh Hán-văn gọi anh chàng bỏ nhà bỏ cha trốn đi là “cùng tử”, nghĩa là đứa con bần-cùng, Ô.E.Burnouf dịch là “le fils prodigue”, là đứa con hoang.

Có bỏ nhà bỏ cha ra đi, là trước kia cha con cùng ở chung một chỗ. Chỗ đó là “Phật-độ viên giác, thanh tịnh”

Không riêng gì Tu-bồ-Đề, Ca-chiên-Diên...mà tất cả chúng ta và Phật đều cùng nguyên quán, đều cùng ở một chỗ là nơi hoàn toàn sáng suốt (viên giác) và trong sạch (thanh tịnh).

Nhưng khi “vô-minh bất-giác” nổi lên, như thấy vàng mà ham, thấy sắc mà động chướng hạn, thì bị vàng bị sắc cám dỗ đến nỗi bỏ nhà viên-giác thanh-tịnh mà ra đi, dẫn thân vào cảnh phàm-phu, làm đứa con hoang, làm anh chàng cùng-tử, một mảnh trí-huệ quý báu không có, thành phải chịu phiền-não luân-hồi.

Nhớ thương, cha bỏ xứ đi tìm, dụ cho việc Phát xuất thế hạ trần, chịu ngũ-trược để độ chúng-sanh.

Nhưng khi gặp nhau lại quá cách biệt, cha thì giàu tột bậc (Phật đầy đủ đức tướng) còn con thì bần cùng khổ sở (chúng-sanh phúc bạc tội dày).

Cha biết con, mà con thì thấy mình quá hèn quá thấp không dám nói, đừng nói tới việc nhìn cha. Chúng ta cũng thế, tuy miệng tự xưng là Phật-tử, nhưng nào ai dám tưởng rằng mình là con ruột của Phật và có quyền thừa hưởng tất cả kho tàng vô giá bảo-pháp của Như-Lai.

Bị bắt mà sợ đến chết giả, chẳng khác người đời khi nghe Phật dạy “tất cả sẽ thành Phật” là hốt hoảng thất thanh.

Ông cha biết: vì đã quen sống đời sống ăn xin bán tiện, con ông nay không làm sao đột ngột đổi khuynh-hướng được. Ông bèn dùng kế cho hai người (Thanh-văn và Duyên-giác thừa) tìm rử con ông vào nhà ông (nhà Phật) làm cái việc ty tiện hốt rác, không xứng với cái địa vị chân thật là con Phật. Và biết tánh vụ lợi của kẻ nghèo (trí-huệ), ông hứa trả công gấp hai.

Đưa con hoang rất thích làm việc dơ-bẩn, thấp hèn này, như chúng-sinh thích nghe những giáo-pháp thấp thấp của tứ-quả Thánh và tu tập theo những giáo-pháp ấy, không dám nghĩ đến cái cao hơn.

Muốn gần con để lần hồi dạy bảo, dẫn dụ, ông cha bỏ quần áo sang cả, mặc bộ vải thô xấu, là dụ cho Phật dùng quyền xảo phương-tiện, hạ thấp tri-kiến mình để nói bày theo cái hiểu nông cạn của chúng-sanh. Gần được con, ông cha đốc suất làm việc như Phật khuyến-kích sự tinh tấn tu hành, và hứa ban thưởng xứng đáng muốn gì cho nấy, như Phật hứa cho niết-bàn an lạc.

Nhưng con không bỏ cái ý hèn kém, chẳng rời nhà tranh (Thanh-văn, Duyên-giác) dù đã trải qua 20 năm làm việc hốt rác và vô ra nhà cha (Như-Lai).

Cha có bệnh, kêu con giao gia tài cho quản lý, như Phật đã đem tri-kiến của Phật ra lần dạy bảo và cho tu tập. Nhưng con không dám dùng cũng như không có ý muốn dùng, đó là lòng hoài nghi của tất cả chúng-sanh đối với khả năng thành Phật của mình.

Đến giờ sắp chết (Phật nhập Niết-bàn), cha hội thân tộc (Hội Pháp-hoa), tuyên bố chàng cùng-tử là con ruột (thọ ký thành Phật), nay trao cho tất cả của quý (tù, bi, hỷ, xả) mà bấy lâu đã tập cho chàng thu xuất, nay đã thông thuộc.

Con rất vui mừng, nghĩ thâm; không cầu mà có, tự nhiên mà đến.

Thờ xưa có một con sư-tử cái đang có mang. Vì có mang nên không đi kiếm mồi được, phải đói khổ. Một hôm, gặp một bầy cừu, chị gom tàn lực nhảy vồ. Chị sảo thai và ngã ra chết. Bầy cừu nuôi chú sư-tử mất mẹ. Đến lớn chú ăn cỏ và kêu la như cừu, và luôn luôn tin mình là cừu. Một hôm gặp một con sư-tử già, sư-tử già bắt chú nhỏ soi mặt dưới khe trong.

Thấy mình cũng nanh nhọn, đầu bờm, chú cừu tự giác mình là sư-tử chúa sơn lâm chứ không phải là cừu con ty-tiện, chú rống lên một tiếng nhảy phóc vô rừng, hết đời cừu con!

Người là sư-tử con, không phải cừu. Nay Phật đã cho ta soi mặt ở khe, vậy ai cũng phải rống lên một tiếng cho chuyển động đất trời, rồi trở về bảo-lâm mà đừng theo đồng cỏ nữa!

(1) Ba món khổ (tam khổ): 1) Khổ-khổ: sự khổ đã đến thì làm phát sanh cái khổ phiền não. Do đây nói khổ-khổ; 2) Hoại-khổ: một loại khổ phiền não khác do cái mất vui, mất sướng mà ra; 3) Hành-khổ: loại khổ phiền não thứ ba, sanh ra bởi tính-cách vô thường, dời đổi, hợp tan.

(2) Thú hướng hay khuynh-hướng: Inclinations, có lẽ vì điểm này mà Ô.E.Burnouf dịch tựa của phẩm này là "Les Inclinations".

PHẨM THỨ NĂM

DƯỢC THẢO DỤ (Les plantes médicinales).

Lúc bấy giờ, Thế-Tôn bảo Ma-ha Ca-Diếp và các đại đệ-tử:

- Hay lắm! Hay lắm! Ca-Diếp đã khéo nói về những công-đức chân-thật của Như-Lai. Đúng như lời các ông, Như-Lai còn có vô lượng vô biên công-đức khác nữa, mà các đệ tử, dầu có trải qua vô lượng ức kiếp không làm sao kể ra cho hết được. Ca-Diếp nên biết, Như-Lai là vua của các “pháp”(1); những gì Như-Lai nói ra đều không sai dối. Như-Lai biết hươg của các pháp, lại cũng biết những gì chúng-sanh lo nghĩ trong tâm. Vì vậy tuy biết tất cả các pháp, Như-Lai vẫn đứng trên phương-tiện mà nói. Nói tuy có khác, tất cả các pháp dạy đều đưa đến cái “biết tất cả” (nhất-thế-trí hay nhất-thế-chủng-trí = Omniscience).

Nay thí dụ: một trận mưa đổ xuống. Các loại cây cỏ kể luôn các loại dùng làm thuốc dược (dược thảo), dầu lớn dầu nhỏ, dầu thấp dầu cao, đều hứng lấy, nhưng tùy sức của mỗi loại mà sức hấp thụ có khác nhau. Bởi cớ, tuy cùng mọc trên một miếng đất, tuy cùng thấm nhuần một trận mưa, sự đơm hoa kết quả vẫn có sai khác.

Như-Lai hiện ra đời như vầng mây, nói pháp như mây thành mưa, bao trùm chúng-sanh. Cũng như cây cỏ, chúng-sanh đều được lãnh một phần nước mưa, tùy sức hấp thụ của mình và đều được sự lợi lạc.

Nếu mưa không riêng tư cho ai, thì Như-Lai cũng bình đẳng nói pháp cho tất cả chúng-sanh. Nhờ vậy mà cỏ nhỏ (chư thiên và loài người) cỏ bực trung (Thanh văn và

Duyên-giác), cỏ cao (hàng tự-tin thành Phật), cây nhỏ (hạng làm hạnh tử-bi, quyết định thành Phật) và những cây cao bóng cả (hàng Bồ-tát hóa độ chúng-sanh) đều đồng hưởng tùy sức mình.

Pháp của Như-Lai còn có thể tỷ dụ như ánh-sáng mặt trời, mặt trăng, bình đẳng chiếu([2]).

Ca-Diếp hỏi:

- Nếu như thế, tại sao có ba thừa?

Thế-Tôn đáp:

- Có một thứ đất sét, nhưng vì nhu cầu sai khác mà những bồn đựng đường, đựng mỡ, đựng sữa v.v... mới được nắn ra. Cũng thế, chỉ có một giáo-pháp là Phật-thừa, không có cái thứ hai, thứ ba.

Ca-Diếp hỏi tiếp:

- Thừa chỉ có một, còn Niết-bàn có mấy thứ?

Đức Phật đáp:

- Chỉ có một thứ. Hãy nghe tỷ-dụ này: Một người bị chứng mù mất tư khi lọt lòng mẹ. Đối với anh thì không có vấn-đề hình-dáng, màu sắc, cũng không trời, không sao, và cũng không có ai là người ngắm sắc, xem sao. Dầu ai nói tất cả những cái ấy là có, anh vẫn không tin. Nhưng may, có một ông thầy thuốc có tài trị bá chứng. Thấy chàng mù, ông thương, mới nghĩ phương điều-trị. Ông tự bảo: chỉ trên núi mới có 4 thứ dược-thảo trị được bệnh mù: 1) loại có tất cả các vị và các màu; 2) loại trị tất cả các chứng bệnh; 3) loại trừ các thứ thuốc độc; 4) loại cho sự an lạc trong mọi hoàn-cảnh. Nghĩ xong, ông lên núi lấy về cho người bệnh dùng. Uống xong, người mù sáng mắt, thấy ngoại cảnh, nội thân, thấy xa, thấy gần, thấy việc trên trời, thấy việc dưới đất. Tỉnh biết trước kia mình

quá ngu-ngốc, chàng tự bảo: Bây giờ tôi thấy hết, tôi đã thoát khỏi bệnh mù, tôi đã sáng suốt trở lại, trên đời này còn ai hơn tôi đâu?!

Lúc ấy có những ông Tiên đặc ngũ-nhãn đến nói với anh: Anh đã biết gì đâu mà tự mãn như vậy. Ngồi trong nhà, anh có thấy được những gì ngoài đường đâu. Người khác thương hay ghét anh trong lòng họ, anh đã biết chưa? Về cái nghe thì cách anh một khoảng xa, tiếng trống, tiếng còi, tiếng người nói gọi, đâu có, đối với anh vẫn như không. Đi thì anh phải dùng chân, không dùng, anh không đi xa hơn 4 trăm khuỷu tay (coudeés); kết thai, trưởng dưỡng trong lòng mẹ mà nay anh không nhớ gì cái cảnh sống chật-chôi ấy, thì anh đã biết gì mà tự cho, mình là “thấy hết”? Anh nên nhìn nhận rằng cái sáng đối với anh, thật ra là cái tối, còn cái anh cho là tối, thật ra là sáng.

Nghe xong, anh chàng mới hỏi: Bạch Tiên-ông, bây giờ làm thế nào để “thấy hết”? Tiên bảo: Hãy tìm nơi thanh vắng núi rừng mà suy gẫm về Pháp và hãy tự giải-thoát mọi sự cám-dỗ. Khi đã đắc định, anh sẽ có trí-huệ.

Anh chàng nghe theo và sau đó được ngũ-nhãn. Chừng ấy anh mới thấy rằng trước kia anh quả là kẻ mù. Dù đôi mắt đã sáng lại.

Phật bảo Ca-Diếp:

- Phải hiểu thí-dụ ấy như thế này: Mù từ khi lọt lòng mẹ là chỉ chúng-sanh bị kẹt trong vòng sinh-tử luân-hồi; chúng không biết Pháp và tích lũy những hắc-ám của sự cám-dỗ. Vì vô-minh làm mù, chúng để cho những cái

tên (danh = nom), những hình dáng (sắc = forme), những quan niệm (conceptions) làm đau khổ triền-miền.

Như-Lai phải được xem như Đại Y-sư. Bốn thứ cỏ thuốc là: Không (giữ lòng không: état de vide). Vô tướng (đừng lấy tướng bề ngoài làm trọng: absence de forme). Vô nguyện (đừng cầu mong gì: absence de désir, de voeu) và Niết-bàn (vắng lặng).

Thanh-văn, Duyên-giác như kẻ mù trở lại sáng, giải thoát các xiềng-xích đau khổ của sanh-tử luân-hồi và ra khỏi tam giới, rồi tướng như thế là đầy đủ rồi.

Nhưng cái thấy của bậc ấy nào phải cái thấy của Phật, vì vậy Phật phải dạy Phật-thừa, mở tâm bồ-đề cho họ.

Huyền nghĩa

Phật thuyết pháp bình-đẳng và chỉ có một thừa. Trong những giáo-pháp thường được xem như Tiểu-thừa, vẫn có cái mầm của Tối-thượng thừa.

Tùy sức hấp thụ của chúng-sanh mà Phật phải quyền chia có ba thừa.

Tất cả pháp của Như-Lai đều có một vị là giải thoát thành Phật.

(1) "Pháp": lois, những định-luật thiên nhiên.

(2) Từ đoạn này tới chót là lấy bản Pháp-văn.

PHẨM THỨ SÁU THỌ KÝ (Les Prédications)

Lúc bấy giờ, Thế-Tôn bảo đại chúng:

- Ma-ha Ca-Diếp, trong đời vị-lai, sẽ phụng-sự 3.000 muôn ức Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen và rộng nói vô lượng đại pháp của chư Phật, và ở nơi thân cuối cùng, sẽ thành Phật hiệu là Quang-Minh (Răcmiprabhâsa), kiếp tên Đại-trang-Nghiêm (Mahavyuha). Phật Quang-Minh thọ 12 tiểu-kiếp, Chánh-pháp trụ thế 20 tiểu-kiếp, Trụ-pháp 20 tiểu-kiếp. Cõi nước của Phật tốt đẹp, không có các thứ dơ xấu, ngôi sỏi, gai góc, bằng phẳng, đất bằng lưu-ly, cây báu thẳng hàng, vàng ròng làm dây, giăng ranh bên đường, hoa báu rải cùng, khắp nơi trong sạch.

Bồ-tát trong nước đó đông vô lượng, các Thanh-văn cũng vô số. Không có việc làm của ma. Tuy có ma và dân ma, nhưng đều hộ trì Phật-pháp.

Nói xong, đức Phật thuyết một bài kệ lập lại ý này.

Mục-Kiên-Liên, Tu-Bồ-Đề, Đại Ca-Chiên-Diên..... thấy đều run sợ, một lòng chấp tay chiêm ngưỡng đức Phật, đồng cùng nhau (thầm) nói bài kệ đại ý như sau:

Thế-Tôn, nếu Ngài rõ thâm tâm chúng con thì xin Ngài rưới nước cam-lồ mà thọ ký cho chúng con. Chúng con nay như kẻ đói mà gặp tiệc vua ban, thấy mà chưa dám ăn. Dầu nghe Phật nói tất cả sẽ thành Phật, nhưng chưa được Phật thọ ký thì lòng chúng con vẫn còn lo ngại, nghi ngờ.

Biết tâm niệm của các đại đệ-tử đó, Thế-Tôn bèn bảo:

- Tu-Bồ-Đề, trong tương lai, sẽ phụng thờ 300 ức na-do-tha đức Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng và tu hạnh thanh tịnh, đủ đạo Bồ-tát, và ở thân cuối cùng, sẽ thành Phật hiệu Danh-Tướng (Cacikêtu), kiếp tên Hữu-Bảo, nước tên Bảo-sanh. Cõi đó bằng phẳng đất bằng lưu-ly, cây báu trang nghiêm...(như trên).

Rồi đức Phật cũng nói một bài kệ lập lại ý trên.

Kế đó, Thế-Tôn bảo Ca-Chiên-Diên: Trong tương lai Ca-Chiên-Diên sẽ cúng dường chư Phật, xây dựng và cúng dường tháp miếu, rồi đủ đạo Bồ-tát, sẽ thành Phật hiệu Diêm-Phù-Da-Đề-Kim-Quang (Djambunadaprabha).

Rồi Phật cũng nói một bài kệ lập lại nghĩa trên.

Rốt hết, đức Phật thọ ký cho Muc-Kiền-Liên thành Phật nhờ sự cúng dường chư Phật và xây dựng tháp miếu, hiệu là Đa-Ma-Ba-Bát Chiên-Đàn-Hương (Tamâlapatratchanagandha).

Rồi Phật cũng lập lại bằng một bài kệ.

Huyền nghĩa

Thành Phật, với nghĩa đạt đến sự thanh tịnh, giác ngộ, giải thoát hoàn toàn-là phần dành cho mỗi chúng-sanh.

Và con đường đưa đến mức cuối cùng ấy chỉ có một.

Nhưng kẻ bộ hành không bị bắt buộc cùng dùng một phương tiện di chuyển. Ai có khả năng đi bộ, đi thuyền, đi xe... thì tùy mình.

Vì vậy mà Ma-ha Ca-Điếp theo phương-tiện “rộng nói đại pháp của chư Phật”, tức là dùng trí-huệ. Mà trí-huệ là sáng suốt, cho nên hiệu Phật là Quang-Minh.

Tu-Bồ-Đề chuyên hạnh thanh tịnh, tức là giữ giới. Mà giữ giới thuộc việc làm bề ngoài, cho nên hiệu Phật là Danh-Tướng.

Đến như Ca-Chiên-Diên thì chuyên cúng dường, xây tháp, đầy đủ đạo Bồ-tát vị tha, cho nên hiệu là Diêm-Phù-Da-Đề Kim-Quang (ánh sáng vàng của cõi Diêm-phù-đề, tức là thế-gian).

Mục-Kiền-Liên cũng thế.

CƯỚC CHÚ: Theo bản Hán-văn thì Mục-Kiền-Liên, Tu-Bồ-Đề, Ca-Chiên-Diên... đồng cùng nhau nói bài kệ “người đói gặp tiệc vua mà không dám ăn”. Nhưng theo bản dịch Pháp-văn thì những ông ấy tụng “thăm” bài kệ chứ không nói ra tiếng. So sánh thấy tụng thăm mới hợp với đoạn văn sau là Phật biết tâm niệm của các vị đại đệ-tử ấy, vì vậy tôi đã thêm chữ (thăm).

PHẨM THỨ BẢY HÓA THÀNH DỤ (L'ancienne application)

Phật bảo các Tỳ-khưu:

- Trong quá-khứ vô-lượng vô-biên có một đức Phật là Đại-Thông Trí-Thắng Như-Lai. Nước của Phật tên Hảo-Thành, kiếp tên Đại-Tướng.

Từ khi đức Phật Đại-Thông diệt độ đến nay, cũng rất lâu xa không thể tính được.

Đức Phật Thích-Ca sở dĩ biết sự-tích của đức Phật Đại-Thông là nhờ sức tri-kiến của Như-Lai, cho nên việc dù cách xa như thế, Ngài vẫn thấy như việc hiện nay.

Đức Đại-Thông Trí-Thắng thọ năm trăm bốn mươi vạn ức na-do-tha kiếp ([1]). Lúc còn ngồi đạo-tràng, Ngài đã phá xong ma-quân. Ma quân phá xong, Ngài tướng sẽ đặng Vô thượng chánh-đẳng chánh-giác, nhưng pháp Phật chẳng hiện ra. Ngài bèn nhập định, ngồi xếp bằng, thân tâm bất động, trong một tiểu-kiếp. Pháp Phật vẫn chẳng hiện. Ngài tiếp ngồi cho đến tiểu-kiếp thứ mười, mà cũng không thành Phật.

Lúc bấy giờ, chư Thiên cõi trời Đạo-lợi trải cho Phật một toà Sư-tử cao một do tuần, Phật vừa ngồi lên là đắc Vô thượng chánh-đẳng chánh-giác. Chư Thiên bèn rải hoa cúng dường không ngớt suốt mười tiểu-kiếp.

Đức Phật Thích-Ca nói tiếp:

- Chư Tỳ-khưu! Đức Phật Đại-Thông Trí-Thắng phải trải qua mười tiểu-kiếp các pháp Phật mới hiện bày và được Vô thượng chánh-đẳng chánh-giác.

Lúc Phật Đại-Thông chưa xuất gia, Ngài có 16 người con trai. Người thứ nhất tên là Trí-Tích. Các con

của Ngài, mỗi người đều có những đồ chơi tốt đẹp báu lạ, nhưng khi nghe cha thành Phật, tất cả đều bỏ của báu đi đến chỗ Phật ở. Mấy bà mẹ khóc lóc theo đưa.

Ông nội là một vị chuyển-Luân Thánh-vương. Ông cùng một trăm đại-thần cùng theo đến cúng dường và chiêm bái đức Phật Đại-Thông.

Mười sáu vị vương-tử thỉnh đức Phật Đại-Thông chuyển pháp-luân.

Đức Phật Thích-Ca bảo các Tỳ-khưu:

- Lúc Đức Phật Đại-Thông thành Phật, các nước Phật trong mười phương đều chấn động sáu cách. Trong các nước ấy, những chỗ tối tăm mà ánh sáng mặt trăng, mặt trời không soi được, lúc ấy đều sáng rõ. Chúng-sanh trong đó đều đặng thấy nhau mà nói rằng: “Tại sao trong đây mà lại bỗng sanh chúng-sanh?”

Các cõi trời trong mười phương cũng chấn động. Chư Thiên biết có Phật ra đời, bèn kéo nhau đến chiêm bái và thỉnh Phật chuyển pháp-luân.

Đức Phật Đại-Thông Trí-Thắng nhận lời thỉnh của các Phạm-Thiên-vương và 16 vị vương-tử, trước nói Tứ-đế, kế nói Thập-nhị nhân-duyên, trước sau tất cả bốn lần, độ muôn ức Hằng-ha sa chúng-sanh.

Bấy giờ 16 vị vương-tử đều là đồng-tử xuất-gia làm Sa-di, các căn thông lợi, trí-huệ sáng-suốt, từng cúng dường trăm ngàn muôn ức đức Phật, tịnh tu phạm-hạnh. Các vị bạch Phật Đại-Thông: “Các vị Đại-đức Thanh-văn vô lượng muôn ngàn ức đây đã thành-tựu, kính xin Thế-Tôn vì chúng con nói pháp Vô thượng chánh-đẳng chánh-giác. Chúng con chí mong được tri-kiến của Như-Lai”.

Lúc đó, 8 muôn ức người trong bọn theo hầu Vua Chuyển-Luân, thấy 16 vị vương-tử xuất-gia, cũng xin xuất-gia theo. Vua cho.

Bấy giờ đức Đại-Thông nhận lời thỉnh của Sa-di, rồi qua 2 muôn kiếp sau mới ở trong hàng 4 chúng, nói kinh Đại-thừa “Diệu-pháp Liên-hoa Giáo Bồ-tát pháp Phật sở hộ niệm”.

Phật nói kinh đó suốt 8 ngàn kiếp, không gián đoạn. Nói xong, Phật vào tịnh thất trụ trong thiên-định 8 muôn bốn ngàn kiếp.

Mười sáu vị Sa-di bèn thay Phật lên pháp-tòa, cũng trong 8 muôn bốn ngàn kiếp, rộng nói kinh Diệu-pháp. Mỗi vị đều độ Hằng-sa chúng-sanh, khiến phát tâm Vô thượng chánh-đẳng chánh-giác.

Qua 8 muôn bốn ngàn kiếp, đức Phật Đại-Thông xuất định, bảo rằng: 16 vị Sa-di thật là ít có vì trí-huệ sáng-láng, các căn thông lẹ. Các hàng Thanh-văn, Duyên-giác và Bồ-tát nếu biết gần gũi và tin kính, thọ trì pháp của mấy vị ấy sẽ đặng đạo vô-thượng.

Đức Phật Thích-Ca bảo các vị Tỳ-khưu.:

- Hằng-sa chúng-sanh được 16 vị Sa-di hóa độ, đời đời đều sanh ra cùng chung nghe pháp với các vị ấy. Và 16 vị ấy nay đã thành Phật.

- Vị thứ nhất hiệu là A-Súc

- Vị thứ nhì hiệu là Tu-Di-Đảnh ở phương Đông

- Vị thứ ba hiệu là Sư-Tử-Âm

- Vị thứ tư hiệu là Sư-Tử Tướng ở phương Đông-

Nam

- Vị thứ năm hiệu là Hư-Không-Trụ

- Vị thứ sáu hiệu là Thường-Diệt ở phương Nam

- Vị thứ bảy hiệu là Đế-Tướng
- Vị thứ tám hiệu là Phạm-Tướng ở phương Tây Nam
- Vị thứ chín hiệu là A-Di-Đà
- Vị thứ mười hiệu là Độ-Nhất-Thế Thế-gian-khở ở phương Tây
- Vị thứ 11 hiệu là 11 hiệu là Đa-Ma-La-Bạt Chiên-Đàn-Hương Thần-Thông ở phương Tây-Bắc
- Vị thứ 12 hiệu là Tu-Di-Tướng ở phương Tây Bắc
- Vị thứ 13 hiệu là Vân-Tự-Tại
- Vị thứ 14 hiệu là Vân Tự-Tại Vương ở phương Bắc
- Vị thứ 15 hiệu là Hoại-Nhất-Thế thế-gian bố-úy ở phương Đông-Bắc
- Vị thứ 16 hiệu là Thích-Ca Mâu-Ni ở Ta-bà

Đức Phật Thích-Ca nói tiếp:

- Các Tỳ-khưu, lúc chúng ta làm Sa-di, mỗi người giáo-hóa vô lượng trăm ngàn muôn hằng-hà sa chúng-sanh đã vì đạo Vô-thượng mà theo chúng ta nghe pháp. Những chúng-sanh đó đến nay có người đã trụ bậc Thanh-văn, ta thường lấy pháp vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác mà giáo-hóa.

Hằng-sa chúng-sanh đã được hóa-độ trong thuở đó, nay là Tỳ-khưu các người vậy, còn sau khi ta diệt độ rồi, những Thanh-văn trong đời vị-lai cũng là những chúng-sanh ấy. Tuy nhiên cũng có hàng đệ-tử không nghe kinh này, không hay không biết những hạnh của Bồ-tát, tưởng với mơ công-đức tu tập được là đã diệt độ và đắc sanh Niết-bàn.

Nên biết chỉ do Phật-thừa mới được diệt độ, không có thừa nào khác. Có khác là những phương-tiện nói pháp của các đức Như-Lai mà thôi.

Đến đây, đức Phật Thích-Ca đưa ra một tỷ-dụ.

Có một chỗ chứa nhiều châu báu. Muốn đến nơi ấy, phải trải qua một con đường nguy hiểm, dài năm trăm do-tuần, lại thêm hoang vắng, không người, đáng ghê, đáng sợ.

Một đám người muốn đến nơi ấy để lấy của báu. Họ được một người thông-minh sáng-suốt dẫn đường. Dù vậy, vì đường dài, bọn ấy mệt nhọc, sợ sệt, tỏ ý chán-nản.

Thương xót bọn ấy sao lại có ý bỏ của báu mà lùi bước, vị dẫn đường mới ở nơi ba phần đường, dùng phép lạ, hóa ra một cái thành và bảo bọn kia vào ở, sẽ được an ổn, sung sướng, còn muốn tiến thêm nữa để đến chỗ trân bảo thì cũng tiện.

Bọn kia nghe theo, vào thành ở, được an ổn.

Khi biết chúng đã hết mệt mỏi, vị dẫn đường mới nói: Thành ấy là ta biến hóa ra để cho chúng người tạm nghỉ mệt, chớ chẳng phải nơi mà bọn người phải đi đến. Hãy cố-gắng thêm, chỗ chứa châu báu gần đây!

Biết tâm chúng-sanh, sợ con đường dài thành Phật, phải cần khổ lắm mới đi đến chỗ cuối cùng, Phật như vị dẫn đường mới tạm nói có hai thứ Niết-bàn, một cho Thanh-văn, một cho Duyên-giác. Rồi, vì chúng-sanh tưởng hai nơi đó là cứu-cánh, Phật phải đưa sự thật ra là sự tu hành như thế chưa xong, cần phải tiến nữa, vì cũng gần tới đích rồi.

Huyền nghĩa

1- Đức Phật Đại-Thông Trí-Thắng ra đời rồi diệt độ không biết lúc xa xưa nào mà nói, mà tính cho được. Vậy nhất định Ngài không phải một nhân-vật lịch-sử mà là một nhân-vật được tạo ra để tượng-trưng cho một ý gì đó.

2- Đại-Thông là thông biết rộng lớn, vậy là Toàn-tri (Omniscience). Trí Thắng là cái trí-huệ, cái sáng-suốt hơn tất cả những trí-huệ, sáng suốt khác (Lumière, Sapience, Intelligence supranormale). Phân tách danh-hiệu Đại-Thông Trí-Yhăng, ta thấy chỗ dụng tâm của Phật là nhân-cách-hóa (personnifier) Tâm.

3- Ai cũng có tâm, và tâm ai cũng như tâm ai, đồng đại thông trí thắng như nhau. Nhưng nếu tâm ấy mà bị dục-vọng, vô-minh che đậy, thì gọi là chúng-sanh. Trái lại, nếu vô-minh, dục-vọng dứt, tâm trở lại cái căn-bản “đại thông trí thắng” của nó, thì gọi là Phật.

4- Muốn trở lại căn-bản ấy, phải trải qua thời-kỳ tu sửa, lau quét. Đó là chỗ trong kinh nói: ngôi đạo-tràng (tham thiên), đã phá ma-quân (diệt trừ những tâm-niệm độc ác, sai quấy).

5- Nhưng không phải thắng được thất tình lục dục rồi gọi là đủ, rồi gọi là đã trở về với cái căn-bản “đại thông trí thắng”. Phải sống mãi trong cái vô-dục đó mới được. Đây là chỗ kinh bảo Phật Đại-Thông Trí-Thắng nhập định đến 10 tiểu-kiếp.

6- Định mãi trong cái vô-dục mới đạt đến cái phút “lên ngôi Toà Sư-Tử”, lên ngôi Phật, mới thấy tất cả các “Pháp” của Phật hiện bày trước mắt, mới được vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác.

7- Lúc Phật chưa xuất-gia, có nghĩa là lúc Tâm chưa hướng thiện, hướng thượng.

8- Lúc ấy Phật có 16 người con. Đây kinh ám chỉ cái gọi là "Thập lục tri-kiến" của chúng-sanh, của những tâm, chưa thấy Đạo, còn kẹt trong vòng cổ chấp có ta, có người, có những cái của ta và những cái của người, 16 vị vương-tử ấy cũng có thể ám chỉ "thập lục tâm" gồm 8 nhãn và 8 trí, sau khi tu hành. Nói một cách khác, tâm sống theo phàm-phu (chưa xuất-gia) có 16 cái đặc-tánh (propriétés) hay 16 cái "thấy biết" (connaissances) sai quấy. Nhưng khi tâm đã trở về với cái bản-nguyên trong sạch, sáng suốt của nó (xuất-gia) thì 16 cái ấy trở thành 8 nhãn và 8 trí. Về sau sẽ nói thêm về đoạn này.

9- Chuyển-Luân Thánh-vương tượng trưng cho "tâm vương", 16 vị vương-tử cũng như 8 muôn ức người tôi hầu đều tượng trưng cho "tâm sở", tạm gọi "tánh nét" của tâm cho dễ hiểu. Nhưng trong tánh-nết ấy, có loại chánh, có loại phụ. Chánh là vương-tử; phụ là tôi hầu. Một khi loại chánh đã cải tà, đã xuất-gia, thì loại phụ cũng đi theo.

10- Bắt đầu thuyết pháp, Phật Đại-Thông nói về Tứ-đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo), sau nói về Thập nhị nhân-duyên, rồi hết mới nói tới Pháp-Hoa. Đó là lịch trình tu học thứ lớp. Muốn chuyển tâm, bỏ phàm-phu theo thánh, trước tiên con người, trong chỗ thâm tâm, phải nhìn nhận đời là khổ, sống là khổ. Rồi phải hiểu luôn do đâu khổ sanh (Tập), biết nguồn gốc của khổ rồi thì trừ khổ được (diệt), nhưng trừ bằng phương pháp nào, đó là phần "Đạo" của pháp Tứ-đế. Cao hơn một tầng là pháp Thập-nhị nhân-duyên. Nguyên nhân khổ là Dục, mà có Dục là vì

Vô-minh, có Vô-minh mới sanh quả khổ, và quả khổ hiện tiền làm nhân cho những quả khổ tương lai, quây quần như vậy mãi, như bánh xe lăn, không biết đầu đâu đầu đuôi. Nhưng nếu hiểu và tu được pháp Thập-nhị nhân-duyên thì được sáng-suốt và giải-thoát. Có hai điều kiện này rồi, mới tiến thêm một bước mà học cái Chân lý cuối cùng (Kinh Diệu-Pháp) để đạt đến chỗ Giải-thoát, Giác-ngộ hoàn toàn.

11- Lúc đầu, sự giác-ngộ, thức-tỉnh, phải bắt từ tâm mà phát sanh ra. Do đây nói Phật Đại-Thông thuyết pháp.

12- Nhưng về sau, phải thay cái giác ngộ tại tâm bằng cái hành trong giác-ngộ. Do đây kinh nói: 16 vị vương-tử thay Phật thuyết pháp với nghĩa: những tánh-nết của tâm đã được hoán cải theo chiều hướng của giải-thoát và giác-ngộ, và mỗi sự phát hiện của những tánh-nết ấy trong tư tưởng, lời nói, việc làm đều hợp với sự giác-ngộ, giải-thoát, đều là những bài thuyết-pháp (discours, sermons) sống.

13- Thuyết-pháp là “khẩu giáo” (dạy bằng miệng). Cư xử, ăn ở như thế nào cho hợp Đạo, như hiện thân của Giải-thoát và Giác-ngộ, là “thân giáo”. Vì vậy kinh nói: “các hàng Thanh-văn, Duyên-giác và Bồ-tát, nếu biết gần-gũi và tin kinh, thọ trì pháp của mấy vị ấy (16 vương-tử), sẽặng đạo Vô-thượng”.

14- 16 vương-tử đã thành Phật, có nghĩa 16 tâm-sở đã chuyển thành những đức-tánh. Những đức-tánh ấy là gì? Cứ xem những danh-hiệu Phật của các vị là thấy:

Phật A-Súc...là Vô-động, Bất-động, Vô sân-nhuế.
- Tu-Di-Đảnh là Hướng Thượng

- *Sư-Tử-Âm* là *Chánh Ngữ*
- *Sư-Tử-Tướng* là *Chánh Nghiệp*
- *Hư-Không-Trụ* là *Chánh Định*
- *Thường-Diệt* là *Tịch-tĩnh*
- *Đế-Tướng* là *Đế-Thích Tướng Thiện*
- *Phạm-Tướng* là *Phạm-Thiên-vương*
- *A-Di-Đà* là *Vô-lượng-quang, Vô-lượng-thọ*
- *Độ-nhất-thế thế-gian khổ* là *Đại-từ Đại-bi*
- *Đa-Mu-la* là *Vô-Cấu, tức Thanh-tĩnh*
- *Tu-Di-Tướng* là *Đại, là Thái, là Tuyệt-đối*
- *Văn Tự-tại* là *Thông đạt vô-ngại trong tâm*
- *Văn Tự-tại vương* là *làm chủ sự tự-tại*
- *Hoại Nhất-thế thế-gian bố úy* là *Vô-úy*
- *Thích-ca Mâu-ni* là *Năng nhân, hay thương mọi*

loài.

15- Nhưng con đường thành Phật quá dài và quá kham-khổ. Vì sợ người sanh chán, nên Phật phương-tiện nói có hai thứ Niết-bàn, tức là nói có hai đích, để dẫn dụ người tu hành, thí như cái thành được biến hóa ra để cho khách bộ hành tạm nghỉ (hóa thành).

16- Nhưng sao Ô. Burnouf lại dịch là "L'ancienne application"? Sự tu học theo lối trước, lối xưa, xưa hơn thời thuyết kinh Pháp-hoa, thì lấy quả Thanh-văn, Duyên-giác làm mãn nguyện. Với lối mới, theo kinh Pháp-Hoa, phải lấy việc thành Phật làm cứu-cánh. Tu theo lối trước là "ancienne application".

(1) Ô. Burnouf dịch: *cinquante quatre fois cent mille myriades de kôtis de kalpas.*

PHẨM THỨ TÁM
NGŨ BÁCH ĐỆ-TỬ THỌ KÝ
(Prédiction relative aux 500 Religieux)

Lúc bấy giờ Phú-Lâu-Na (Purna), sau khi nghe đức Phật nói về những phương-tiện tùy cơ nói pháp, lại nghe Phật thọ-ký cho các đệ-tử lớn, lại nghe việc nhân-duyên đời trước và ra sức tự-tại thần-thông lớn của chư Phật, lòng thanh-tịnh hơn hở, bèn quỳ lễ Phật, bạch rằng:

- Thế-Tôn thật là đặc-biệt, làm việc ít có là thuận theo không biết bao nhiêu tánh của chúng-sanh mà nói pháp cứu vớt. Chúng con không thể dùng lời nói mà tuyên bày cho hết những công-đức của Thế-Tôn, nhưng xin Thế-Tôn biết cho bổn nguyện trong thâm tâm của chúng con.

Phật bèn nhắc công-phu tu hành của Phú-Lâu-Na ở các tiền kiếp; ở nơi 90 ức đức Phật thuở quá-khứ, hộ trì trợ tuyên chánh-pháp của Phật và là bậc nhất trong nhóm người nói pháp thuở đó; ở trong pháp “Không” thông suốt rành-rẽ, đặng bốn trí vô-ngại, thường hay suy gẫm sâu xa, nói pháp thanh-tịnh, không chỗ nghi hoặc. Tuy đầy đủ thần-thông Bồ-tát, người lúc bấy giờ đều gọi là Phú-Lâu-Na là thật Thanh-văn. Ông dùng phương-tiện Thanh-văn đó mà làm lợi ích cho vô lượng chúng-sanh và giáo hóa vô số người đứng hẳn trong đạo Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác.

Các Tỳ-khưu! Thời bấy đức Phật, Phú-Lâu-Na cũng là bậc nhất trong hàng người nói Pháp, rồi trong tương-lai, cũng là bậc nhất nói Pháp và cũng sẽ hộ trì trợ tuyên chánh pháp của vô lượng vô biên chư Phật. Vì muốn làm tịnh cõi Phật mà Phú-Lâu-Na thường siêng

năng tinh-tấn giáo hóa chúng-sanh, lần lần đầy đủ đạo Bồ-tát. Nhờ đó mà qua vô lượng số kiếp sau, Phú-Lâu-Na sẽ thành Phật, hiệu là Pháp-Minh, lấy hàng-sa tam thiên đại thiên thế-giới làm thành một cõi Phật, lấy bảy báu làm đất, mặt đất bằng phẳng như mặt bàn tay, không núi gò, khe suối, rạch ngòi. Trong cõi ấy, đài bảy báu đầy dẫy, cung điện của chư Thiên ở gần với “hư không”, trời người giao tiếp nhau, hai bên đều thấy được nhau, không có ba đường dữ (địa-ngục, ngạ-quỷ, súc-sinh), cũng không có đàn-bà.

Chúng-sanh ở cõi ấy đều do biến-hóa sanh, không có dâm-dục, đặng thân-thông lớn, thân chói ánh-sáng, hay đi tự-tại, chí niệm bền chắc, tinh tấn trí huệ... Nhân-dân nước ấy có hai thức ăn: một là pháp-hỷ thực (satisfaction de la loi) và thiền-duyệt-thực (satisfaction de la contemplation). Bồ-tát ở đó đông vô số, còn Thanh-văn cũng thế. Nước Phật ấy tên là Thiện-Tĩnh, kiếp gọi Bửu-Minh.

Nói xong, đức Phật trùng tuyên bằng một bài kệ.

Bây giờ, một ngàn hai trăm vị A-la-hán tâm tự-tại, nghĩ: nếu Phật đều thọ-ký cho mình như đã thọ-ký cho các vị đệ-tử lớn thì sung sướng biết bao!

Đức Phật biết tâm-niệm đó, bèn lần lượt thọ-ký cho 500 vị A-la-hán, bắt đầu là Tỳ-khưu Kiều-Trần-Như. Tất cả sẽ thành Phật đồng một hiệu là Phổ-Minh.

Được thọ-ký xong, 500 A-la-hán vui mừng, lễ Phật, bạch:

- Thế-Tôn! Từ trước tới nay, chúng con cứ tưởng là được diệt-độ, nay mới biết chúng con vô trí. Vì sao? Vì đáng được trí-huệ của Như-Lai mà cứ cho là trí nhỏ của mình là đủ.

Rồi các vị trình một thí-dụ: “Trong kho-tàng Phật báu, chúng con chỉ mới được một phần mà lại tự cho là đủ. Thế chẳng khác người nghèo cùng, đến chơi một nhà thân-hữu giàu lớn. Tiệc rượu xong, anh nghèo say vùi nằm ngủ. Bạn giàu vì có việc ra ngoài gấp, bèn lấy một hạt ngọc vô giá cột vào vạt áo của bạn say để tặng. Hết say, anh nghèo ra đi, không hay trong mình có ngọc. Đến một nước khác cầu y cầu thực, làm ăn vất vả, mỗi khi được một ít của cải, tự cho là đủ, không dám mong một tình-cảnh tốt đẹp hơn. Về sau, anh bạn giàu gặp trở lại anh nghèo, thấy anh khổ quá, mới trách sao không dùng viên ngọc trong vạt áo để kinh-doanh. Chừng ấy anh nghèo mới hay là mình giàu, liền dùng vốn ấy mà kinh-doanh và trở nên giàu có”.

Các vị A-la-hán kết luận:

- Chúng con cũng như vậy. Từ lâu xưa, Thế-Tôn thường giáo hóa cho, thế là Thế-Tôn, đã gieo trong chúng con cái nguyện Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác. Thế mà chúng con vô trí, chẳng hay cũng chẳng biết, được chút phần niết-bàn, tưởng là đã đủ rồi, không cầu gì nữa. Nay Phật giác ngộ chúng con, dạy cho biết phải đặng Phật-huệ vô thượng mới thật là diệt-độ.

Huyền nghĩa

Thích sống gần Phật (Chân-lý, giải-thoát), hiểu được lời Phật và đem ra diễn giải là người đã trở về với Tánh sáng-suốt (Bodhi), nên gọi là Bồ-tát. Trong thì sáng-suốt, thanh-tịnh (tịnh quốc độ) mà ngoài sống như người thường mới nghe Pháp (Thanh-văn) để gần gũi chúng-

sanh và dùng phương-tiện giúp Chân-lý soi sáng mọi người (trợ Phật), như thể mãi-mãi sẽ có ngày thành Phật, nghĩa là đạt đến sự Giác-ngộ vô thượng. Vì công-đức trợ Phật này mà có hiệu là Phổ-Minh (phổ biến, gieo rắc khắp cùng ánh-sáng).

PHẨM THỨ CHÍN THỌ HỌC, VÔ HỌC KÝ

(Prédiction relative à Ananda, à Râhula et aux 2.000 Religieux)

Lúc bấy giờ, A-Nan và Ra-hầu-La nghĩ thầm: “Nếu mỗi chúng ta đều được thọ-ký thì sung sướng biết bao!”. Hai vị liền đến trước Phật làm lễ, bạch rằng:

- Chúng con nghĩ cũng có phần được thọ ký, vì bao giờ cũng quy hướng về Như-Lai. Lại chúng con là người quen biết của tất cả trời, người và a-tu-la trong thế gian. A-Nan là người hầu và hộ-trì tạng-pháp, còn Ra-hầu-La là con của Phật, nếu hai chúng con được thọ-ký thì nguyện của chúng con sẽ mãn mà chỗ trông mong của chúng con cũng được đầy đủ.

Hai ngàn đệ tử Thanh-văn, bậc học và vô-học (1), cũng đứng dậy lễ Phật, chấp tay chiêm ngưỡng dung-nhan Thế-Tôn, tỏ ý cùng một sở nguyện với A-Nan và Ra-hầu-La.

Phật bảo A-Nan:

- Đời sau, người sẽ được làm Phật hiệu là Sơn-Hải-Huệ-Tự-Tại-Thông-Vương-Như-Lai. Người sẽ cúng dường 62 ức Phật, hộ trì tạng-pháp, rồi sau được vô-thượng

chánh-đẳng chánh-giác, giáo hóa 20 ngàn muôn ức Hằng-hà sa Bồ-tát... khiến những Bồ-tát ấy thành tựu Đạo Bồ-đề.

Nước của Phật Sơn-Hải-Huệ tên là Thường-Lập Thắng-Phan, thanh tịnh, đất bằng lưu-ly. Kiếp của Phật tên Diệu-Âm- Biến Mãn, thọ mạng của Phật vô lượng, và mười phương Như-Lai đồng ca ngợi công đức của Phật.

Nói xong, Thế-Tôn đọc lại một bài kệ lập lại nghĩa trên.

Lúc bấy giờ, 8.000 Bồ-tát mới phát tâm, đều nghĩ: “Chúng ta chưa nghe các vị Bồ-tát lớn được thọ-ký như thế, cơ sao mà các Thanh-văn lại được như vậy?”.

Đức Phật biết tâm niệm ấy, bèn bảo rằng:

- Nay các thiện-nam-tử, ấy vì ở nơi Phật Không-Vương, ta và A-Nan đã đồng thời phát tâm cầu sự giác ngộ vô thượng. A-Nan thường ưa học rộng, còn ta thì siêng cần tinh-tấn, cho nên ta đã được vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác, còn A-Nan thì theo bản nguyện, hộ-trì pháp ta và trong tương lai, tiếp tục hộ trì pháp tạng của chư Phật, để giáo hóa thành tựu chư Bồ-tát. Bản nguyện của ông như thế nên đặng thọ-ký dường ấy.

Lòng rất vui mừng, A-Nan tức thời nhớ lại tạng-pháp của vô lượng ngàn muôn ức Phật thuở quá khứ, luôn cả lời nguyện của mình.

Bấy giờ Phật bảo Ra-hầu-La:

- Đời sau, người sẽ đặng làm Phật hiệu là Đạo-Thất-Bảo-Hoa Như-Lai. Người sẽ cúng dường chư Phật Như-Lai đồng như vi-trần trong mười thế-giới, và thường vì các đức Phật mà làm trưởng-tử như hiện nay.

Đức Phật Đạo-Thất-Bảo-Hoa đó, cõi nước trang nghiêm, kiếp số thọ mạng, giáo-hóa đệ-tử, chánh-pháp và tượng-pháp cũng đồng như Sơn-Hải-Huệ-Tự-Tại-Thông-Vương-Như-Lai không khác. Người cũng sẽ được làm trưởng-tử cho Phật Sơn-Hải-Huệ, rồi về sau sẽ được vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác.

Thế-Tôn lập lại nghĩa trên bằng một bài kệ:

*Lúc ta làm Thái-tử,
Ra-Hầu làm trưởng tử.
Ta nay thành Phật-đạo,
Thọ pháp làm Pháp-tử.
Trong các đời vị lai
Thấy vô lượng ức Phật
Đều cùng làm trưởng tử
Một lòng cầu Phật-đạo.
Ra-Hầu có hạnh kín
Chỉ mình ta biết thôi.
Hiện làm con của ta
Để chỉ cho chúng-sanh
Vô lượng ức ngàn muôn
Công-đức không thể đếm
(Của sự) an trụ trong Phật-pháp
Để cầu vô-thượng đạo.*

Thấy các bậc hữu-học, vô-học hai ngàn người ý-căn nhu-nhuễn, tịch-nhiên thanh-tịnh, một lòng nhìn Phật, Phật bèn nói với A-Nan:

- Tất cả những người ấy sẽ cúng dường chư Phật Như-Lai đồng như vi trần trong năm mươi thế-giới, cung kính hộ-trì pháp-tạng, rốt sau đồng thời, ở các nước trong mười phương, mỗi mỗi đều được thành Phật, đồng một

hiệu là Bảo-Tướng Như-Lai, sống lâu một kiếp, cõi nước trang nghiêm, số đệ-tử Thanh-văn, Bồ-tát và thời gian chánh-pháp, tượng-pháp thấy đều đồng nhau.

Lúc đó, các hàng hữu-học, vô-học, nghe đức Phật thọ-ký, vui mừng hớn hở, như được rưới cam lộ.

Huyền nghĩa

Hải-Ấn Đại-sư, trong phần Cương-Yếu Kinh Pháp-Hoa, có viết: “Luận về Phật-tánh, thì Phật-tánh có ba thứ “nhân” gọi là Chánh-nhân, Duyên-nhân và Liễu-nhân. Nếu ba nhân được rõ ràng thì thành Phật là một việc không còn gì nghi-ngại.

“Người người đều sẵn có Phật-tánh đầy đủ, vậy ai cũng có hạt giống chánh (Chánh nhân) để thành Phật. Nhờ học hỏi, giáo-pháp và sự khuyến-kích của hàng thiện-tri-thức mà Phật-tánh tỏ bày, đó là nguyên-nhân phụ (Duyên-nhân). Tự tin mình sẽ giác-ngộ một cách rốt ráo, đó là nguyên-nhân rốt-ráo (Liễu-nhân).

Nếu những vị Xá-Lợi-Phất năm người mà giác-ngộ được mau là vì hạt giống chánh được sâu dày. Năm trăm đệ-tử được giác-ngộ là vì lâu đời lâu kiếp đã được giáo-hóa, vậy là do “Duyên-nhân” đã thuần-thục. Hàng hữu-học, vô-học, có kẻ là em (A-Nan), kẻ là con (Ra-hâu-La), đều ở trong hàng “Duyên-nhân” này.

Bây giờ chúng ta hãy trở lại lời Phật dạy để tìm hiểu thêm.

Phật bảo Phật và A-Nan, đều phát tâm cầu Vô-thượng Chánh-giác đồng một thời, nhưng A-Nan thích đa văn (nghe học nhiều) còn Phật lại chuyên cần tinh-tấn,

nên Phật thành Phật trước còn A-Nan vẫn giữ vai tuồng hộ-trì tạng-pháp để giáo-hóa chúng-sanh. Chúng ta thấy gì trong lời nói này? Phải chăng muốn thành Phật sớm, không phải học không mà được, vì học chỉ làm thỏa mãn cái trí (intellect) mà không minh-tâm kiến-tánh? Phải cần tinh-tấn, tức là phải hành mới có kết quả.

Ra-hầu-La cũng được Phật thọ-ký sẽ thành Phật trong đời sau. Ấy không phải vì Ra-hầu-La là con đầu lòng của Phật. Con đó là con của Thái-tử Tất-đạt-Đa. Mà vì Ra-hầu-La theo Phật thọ pháp, làm Pháp-tử, tức là làm con tinh-thần của Phật, làm con của Pháp.

Với sự thọ-ký cho 2.000 Thanh-văn, chúng ta thấy rằng tất cả sẽ thành Phật với điều kiện cốt yếu là phải cúng-dường vô số Phật, cung kính, hộ-trì, tôn trọng pháp-tạng, nghĩa là phải hy-sinh cho Chân-lý, cung kính, tôn trọng và nắm giữ những luật thiên-nhiên mẫu-nhiệm (Pháp).

(1) Học là nghiên cứu chân lý, đã dứt mê vọng. Còn Vô-học là chỉ hạng đã nghiên cứu xong Chân lý và mê vọng đã dứt tận, không còn gì phải học thêm nữa. Trong 4 hạng tu hành có kết quả trong bậc Thanh-văn, 3 hạng đầu (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm) gọi là hạng Học. Còn hạng thứ tư là A-la-hán thì gọi là Vô-học).

PHẨM THỨ MƯỜI
PHÁP SƯ (L'Interprète de la Loi)

Để dạy 8 muôn Đại-sĩ (Bồ-tát), Thế-Tôn nói với Bồ-tát Dược-Sư:

- Trong hàng Thiên Long bát bộ, Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di bất luận cầu Thanh-văn, Bồ-tát hay Phật-đạo, hễ ai trước Phật mà nghe được một kệ, một câu của Kinh Diệu-Pháp, thậm chí có một tư tưởng vui nghe, ta đều thọ-ký cho sẽ đặng Chánh-giác. Lại nữa, sau khi Như-Lai diệt-độ, nếu có người nghe Kinh Diệu-Pháp, dầu là một kệ hay một câu, hoặc chỉ có một ý tưởng vui nghe, ta cũng thọ ký Chánh-giác cho.

Nếu lại có người lãnh giữ, đọc tụng, giải nói, biên chép Kinh Diệu-Pháp, dầu là một bài kệ, kính trọng Kinh như kính trọng Phật mà cúng-dường hương hoa, Dược-Vương nên biết, đó là những người đã từng cúng-dường mười muôn ức Phật, đã thành tựu đại nguyện nơi Phật ở, rồi vì thương xót chúng-sanh mà sanh nơi nhân-gian.

Dược-Vương! Nếu có người hỏi, trong đời vị lai, những chúng-sanh nào sẽ thành Phật, thì nên chỉ những người vừa kể trên mà nói rằng họ sẽ thành Phật. Tại sao? Nếu có trai lành gái tốt nào thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, dầu là một câu của Kinh Diệu-Pháp, và dùng hương hoa cúng dường, người đó đáng được thế-gian chiêm ngưỡng, sùng-phụng và cúng dường như Như-Lai. Đó là hàng Đại-Bồ-tát đã thành tựu Chánh-giác, nhưng vì thương xót chúng-sanh mà nguyện sanh trên đời để rộng nói, phân biệt Kinh Diệu-Pháp.

Dược-Vương! Thiện-nam, thiện-nữ nào mà sau khi ta diệt độ tự bỏ nghiệp-báo thanh-tịnh, nhận sanh ra trong đời ác đố vì chúng-sanh mà nói Kinh Pháp-Hoa, dầu là vì có một người hay chỉ nói có một câu, phải biết người ấy là sứ của Như-Lai, được Như-Lai sai làm việc Như-Lai, hà huống nói cho nhiều người nghe.

Dược-Vương! Chê mắng Phật nhẹ tội hơn chê mắng người tại-gia hay xuất-gia đọc tụng Kinh Pháp-Hoa. Công-đức xưng tán Phật không bằng công-đức khen ngợi người trì Kinh Pháp-Hoa.

Phật lại bảo Dược-Vương:

- Trong vô lượng kinh của ta đã nói, hiện nói và sẽ nói, Pháp-Hoa là khó tin, khó hiểu nhất vì đó là “kho tàng bí yếu” của chư Phật, được chư Phật giữ-gìn từ xưa đến nay, chưa từng đem ra nói. Bởi cố không nên chia sẻ trao đưa một cách bừa bãi. Chính khi Như-Lai hiện tại, Kinh này còn bị oán ghét, huống sau khi Như-Lai diệt độ.

Dược-Vương nên biết, sau khi Như-Lai diệt độ, người nào làm được việc biên chép, lãnh giữ, đọc tụng, cúng dường và vì người khác nói Kinh này, người ấy được Như-Lai lấy áo trùm lên mình và được chư Phật ở phương khác hộ niệm. Người ấy có đức tin lớn, chí nguyện mạnh và căn lành sâu, người ấy ở chung với Như-Lai, được Như-Lai rờ đầu.

Dược-Vương! Nơi nào mà có người nói, đọc, tụng, chép kinh Diệu-Pháp, hoặc chỗ nào có kinh này, thì nên dựng tháp cao bảy báu mà thờ, nhưng trong lòng thấp khỗ để xá lợi. Vì sao? Vì trong tháp ấy có toàn thân Như-Lai.

Được-Vương! Bất luận tại-gia, xuất-gia, nếu có người hành đạo Bồ-tát mà chẳng có khả năng thấy, nghe, đọc, tụng, biên chép, lãnh nắm, cúng dường kinh Pháp-Hoa, nên biết người ấy chưa khéo tu đạo Bồ-tát. Nghe xong mà tin hiểu, lãnh giữ, nên biết đó là người gần Vô-thượng chánh giác.

Thí như khát nước mà đào giếng trên gò cao. Thấy đất khô phải biết nước còn xa mà ra công đào, không thôi. Lần thấy đất ướt rồi thấy đất bùn, là biết nước gần. Bồ-tát nào chưa nghe hiểu Kinh Pháp-Hoa là người còn cách đạo Vô-thượng rất xa. Được nghe hiểu, suy gẫm, tu tập Kinh này, đó là người gần Chánh-giác.

Bồ-tát nghe Kinh Pháp-Hoa mà kinh nghi sợ sệt, là Bồ-tát mới phát tâm. Thanh-văn nghe mà kinh sợ, là hàng tăng thượng-mạn.

Được-Vương! Thiện-nam, thiện-nữ nào muốn nói Kinh Pháp-Hoa, sau khi Như-Lai diệt độ, thì phải vào nhà Như-Lai, mặc áo Như-Lai, ngồi ghế cao Như-Lai, rồi mới vì bốn chúng mà rộng nói.

Nhà Như-Lai là tâm từ-bi.

Áo Như-Lai là lòng nhu-hòa, nhẫn-nhục.

Ghế cao (toà) Như-Lai là chân-lý “Tất cả sự vật là Không”.

Phải đứng yên trên lập-trường ba tâm ấy mà nói pháp.

Được-Vương! Được như vậy thì từ nơi nước khác, ta sẽ khiến hàng “hóa nhân” đến nghe pháp, ta cũng sẽ khiến các hàng hóa-tỳ-khuê, hóa-tỳ-khuê-ni, hóa-ưu-bà-tắc, hóa-ưu-bà-di đến nghe pháp.

Nếu người nói pháp ở chỗ vắng-vẻ, ta sẽ khiến Bát-bộ Thiên Long đến nghe.

Ta đầu ở nước khác, luôn luôn khiến người nói pháp đứng thấy thân ta, và nếu người ấy quên câu mất chữ, ta sẽ khiến cho được nói đầy đủ, thông suốt.

Huyền nghĩa

1- *Kinh Pháp-Hoa là Chân-lý tối hậu, chứa đựng tất cả những bí yếu của Chân-lý, cho nên khó tin, khó hiểu. Lúc Phật hiện tiền hay sau khi Phật diệt độ, ai mà nghe được Kinh Pháp-Hoa không phải là hạng tầm thường, mà chắc chắn là người đã xa lìa vọng tưởng, trí huệ rõ thông, vì vậy mà Phật thọ ký cho.*

2- *Đọc tụng Kinh Pháp-Hoa là lấy đức trang-nghiêm của Phật mà trang-nghiêm tự thân. Chẳng những đọc tụng, mà giải nói, biên chép, tôn trọng, cúng dường Kinh cũng được về sau thành đạo Vô-thượng. Bởi vì đọc tụng, giải nói, biên chép Kinh là tự nhắc nhở Chân-lý, tôn trọng, cúng dường Kinh là kính mến và hy-sanh cho Chân-lý.*

3- *Người nghe đọc tụng Kinh Pháp-Hoa, phải sanh lòng tin kính, phải cúng-dường Kinh và người đọc Kinh như cúng-dường Như-Lai vì đó là người của Như-Lai (Chân-lý) sai để thực hành những việc làm của Chân-lý (missionnaires de la verité pour accomplir des actes de verté).*

4- *Vì Kinh khó tin, khó hiểu, cho nên phải thận trọng trong việc diễn nói, trao truyền. Của quý mà cho người không biết dùng thường có hại hơn có lợi.*

5- Ai đọc tụng, thọ trì, cúng dường hoặc vì người khác giảng Kinh, sẽ được Phật hộ niệm.

6- Chỗ nào có Kinh Pháp-Hoa, nên xây tháp thờ, nhưng trong tháp khỏi để xá-lợi, vì trong tháp đã có toàn thân Như-Lai. Xây tháp là để thờ Phật, mà Kinh chứa đựng tròn đủ Chân-lý thì Như-Lai đã ở đây rồi, còn để xá-lợi là vật tượng trưng làm gì?

7- Nhưng muốn được Như-Lai hộ niệm, hộ trì, như quy tụ thánh-giả, cho thấy Chân-lý (thân Phật), nhắc những chỗ quên (sáng suốt) người nói pháp phải có lòng từ-bi, nhẫn nhục và sống trong cái chân-lý “Pháp không”.

8- Có ba hạng người:

a) Không thể thấy nghe Kinh (đất khô).

b) Nghe mà chưa tin hiểu, thọ trì (đất ướt)

c) Nghe xong, tin hiểu, thọ trì (đất bùn gấn mọi).

Kết luận: Nghe đọc, như giảng nói Kinh Pháp-Hoa đều hưởng được ánh- sáng của Chân-lý và sự huân-tập. Đọc tụng, thọ trì như thế là thông-dịch, diễn đạt cho người khác hiểu được Pháp (Chân-lý) bằng lời nói, việc làm.

Do đây mà Ô. Burnouf dịch Pháp-sư là “Interprète de la Loi”.

PHẨM THỨ 11

HIỆN BẢO THÁP (L'apparition d'un stupa)

Lúc bấy giờ, trước Phật Thích-Ca, một ngọn tháp bằng bảy báu, cao 500, rộng 250 do tuần ([3]) mùi thơm “ly cấu” sức nức, từ dưới đất nổi lên rồi lơ lửng trên hư không. Trong tháp có tiếng vang ra, khen ngợi Kinh Pháp-Hoa.

Tứ chúng đều lấy làm lạ, nhưng không nói ra. Bồ-tát Đại-Nhạo-Thuyết, biết thâm tâm tứ chúng, bèn bạch Phật:

- Bạch Thế-Tôn, do duyên cơ nào mà có tháp từ đất mọc lên, lại từ phía trong có tiếng vang ra như thế?

Phật đáp:

- Trong tháp báu này có toàn thân Như-Lai. Thời quá-khứ, cách đây vô lượng lâu xa, tại nước Bảo-Tĩnh, có Phật Đa-Bảo, lúc còn hành đạo Bồ-tát, đã phát lời thệ rằng, nếu được thành Phật thì, sau khi diệt độ, chỗ nào có Kinh Pháp-Hoa, tháp báu của Ngài sẽ hiện ra khen ngợi để chứng minh. Vì vậy, bất luận chỗ nào trong mười phương, hễ có nói Kinh Pháp-Hoa, thời tháp báu hiện ra, toàn thân Phật trong tháp nói: Hay thay! Hay thay!

Bồ-tát Đại-Nhạo-Thuyết bạch:

- Chúng con muốn thấy thân của đức Phật Đa-Bảo”.

Phật Thích-Ca đáp:

- Theo đại nguyện của Phật Đa-Bảo, khi tháp Ngài hiện ra mà có đức Phật nào muốn chỉ bày cho tứ chúng thấy thân của Ngài, thời đức Phật ấy phải nhóm lại một chỗ tất cả “phân-thân” của mình, nhiên hậu thân Phật Đa-

Bảo mới hiện ra. Vậy nay ta sẽ nhóm tất cả “phân-thân” của ta, hiện đang thuyết pháp ở các cõi nước trong mười phương.

Bấy giờ đức Thích-Ca phóng một đạo hào-quang từ chòm lông trắng giữa đôi chân mày, làm cho hằng-sa cõi nước ở mười phương hiện bày, trong đó vô lượng Bồ-tát đang vì chúng-sanh nói Pháp.

Thấy ánh-sáng ấy, chư Phật mười phương đều bảo các Bồ-tát:

- Chúng ta phải qua thế-giới Ta-bà, chỗ ở của Đức Phật Thích-Ca, để cùng cúng-dường tháp báu của Đa-Bảo Như-Lai.

Chư Phật ấy đều là phân-thân của đức Thích-Ca.

Liền lúc ấy, cõi Ta-bà biến thành thanh-tịnh, đất bằng lưu-ly, có cây báu, vàng ròng trang-nghiêm, không thành ấp, không biển cả, sông ngòi, rừng núi.

Mỗi vị có một Bồ-tát làm thị-giả, các đức Phật phân-thân qua đến Ta-bà, lên ngôi xếp bằng trên toà Sư tử đặt dưới gốc mỗi cây báu, lần lượt như thế khắp tam thiên đại thiên thế-giới mà vẫn không đủ chỗ.

Để dung chứa tất cả các phân thân, đức Thích-Ca bèn, biến thêm, ở 8 phương, 200 muôn ức na-do-tha nước, nước nào cũng thanh-tịnh, trang-nghiêm.

Lại để có chỗ cho các phân-thân Phật sẽ đến, đức Thích-Ca dời trời, người đi nơi khác, biến thêm 200 muôn ức na-do-tha nước khác, nước nào cũng thanh-tịnh, trang-nghiêm, bình-đẳng như trên.

Tuần tự, chư phân-thân Phật trong mười phương về đủ.

Khi đầu vào đấy rồi, chư phân-thân Phật sai thị-giả qua Ta-bà dâng hoa cho Phật Thích-Ca và dạy bạch rằng:

- Như-Lai có được ít bệnh, ít khổ, sức khoẻ, an vui, và tất cả Bồ-tát và Thanh-văn đều được an ổn chăng?

Sau khi cúng dường hoa, các thị-giả phải bạch thêm với đức Thích-Ca là chư phân-thân Phật đều muốn mở tháp báu đang lơ-lửng trên không.

Đức Thích-Ca liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trụ trên hư-không, lấy ngón tay hữu mở cửa tháp, làm vang một tiếng lớn như tháo khóa mở một cửa thành.

Tất cả chúng trong hội liền thấy Đa-Bảo Như-Lai trong tháp báu, ngồi trên tòa Sư-tử, toàn thân không rả, như người nhập định. Lại nghe Đa-Bảo Như-Lai nói:

- Hay thay! Hay thay! Phật Thích-Ca nói Kinh Pháp-Hoa hay quá. Vì muốn nghe nên ta mới tới đây.

Chia nửa tòa Sư-tử trong tháp báu, Phật Đa-Bảo nói:

- Phật Thích-Ca có thể ngồi trên tòa này.

Tức thời, đức Thích-Ca vào trong tháp ngồi xếp bằng trên chỗ được đức Phật Đa-Bảo nhường.

Thấy hai Như-Lai cùng ngồi xếp bằng trên tòa Sư-tử trong tháp, đại chúng thảm nguyện: “Phật ngồi cao quá, cúi mong Như-Lai dùng sức thần-thông làm cho bọn chúng con đều được gần Như-Lai ở trên hư-không”.

Đức Thích-Ca bèn dùng thần-thông tiếp đại chúng lên hư-không, rồi nói lớn khắp bảo:

- Nay chính là lúc nói Kinh Pháp-Hoa cho những ai, ở Ta-bà, có khả năng nói Kinh ấy.

Để diễn lại ý trên, đức Thích-Ca nói một bài kệ mà đại ý như sau: Đức Phật Đa-Bảo diệt độ đã lâu, nay

còn vì muốn nghe Kinh Pháp-Hoa khó gặp mà hiện ra trong tháp báu, hà hưởng các người mà chẳng siêng nghe.

Ai thấy được Kinh này là đã thấy ta cùng Phật Đa-Bảo và các vị hóa Phật (phân-thân).

Các thiện nam-tử! Nên suy nghĩ, phải phát nguyện rộng lớn mới nói được Kinh Pháp-Hoa là một cái khó hơn tất cả các thứ khó khác. Thật vậy, nói được tất cả các kinh điển khác, dời núi Tu-di, lấy chân hất ba ngàn đại-thiên thế-giới, dùng sự-tướng (hữu-đánh) mà rộng chỉ Chân-lý, lấy tay nắm bắt hư-không, đem cả đại-địa để lên móng chân rồi bay lên cõi trời Phạm-thiên, mang cỏ khô vào lửa mà không bị cháy, trì 8 muôn 4 ngàn kinh điển rồi vì người đem ra nói, khiến chúng được 6 thần-thông, nói pháp làm cho vô lượng chúng-sanh đều đắc quả A-la-hán, tất cả những việc làm ấy rất khó, nhưng chưa khó bằng, sau khi Phật diệt độ:

- 1- mà nói được Kinh Diệu-Pháp trong đời ác-trước,
- 2- mà biên chép, nắm giữ được Kinh này,
- 3- mà tụng đọc Kinh này,
- 4- mà vì một người mà nói Kinh này,
- 5- mà nghe lãnh và tìm nghĩa ẩn trong Kinh này,
- 6- mà tôn trọng và thực hành Kinh này.

Kinh Diệu-Pháp là bậc nhất. Thọ trì, đọc tụng được ắt làm cho chư Phật hoan hỷ. Ai làm được là người đồng-mãnh, tinh-tấn. Đó mới thật là người trì-giới, tu khổ hạnh, là người được mau chứng quả Vô-thượng.

Đời sau, ai đọc giữ Kinh này là Phật-tử chân-chính, là bậc thuần thiện.

Sau khi Phật diệt độ, ai hiểu được Kinh này là mắt sáng suốt của trời người trong thế-gian.

Trong cảnh đầy sợ hãi, ai nói được Kinh này trong chốc lát, là người dâng cho thiên, nhân cúng dường.

Huyền nghĩa

Tháp mà bằng bảy báu, cao đến 12 cây số ngàn, rộng đến 6 cây số, lại từ dưới đất mọc lên rồi lơ lửng giữa không trung, thì quả là một sự kiện không thể có được. Không có được, vậy là một tỷ dụ (une parabole).

Tháp xây dựng là để tôn thờ một di tích của tự thân đức Phật, thay cho toàn thân đức Phật. Và toàn thân đức Phật được tôn thờ là vì trong ấy có Pháp. Nói một cách khác, Phật được tôn thờ là vì Pháp của Ngài khai thị.

Pháp ở đâu? Ở ngay trong tâm. Do đây Kinh nói Tháp từ dưới đất mọc lên. Đất là Tâm địa (2). Phật Đa-Bảo ngồi trong Tháp tượng trưng cho Pháp, vì Pháp là Tâm, mà Tâm là Pháp. Lại nữa vì tâm hàm chứa hằng-sa công-đức là của báu, cho nên gọi Tâm là Đa-Bảo (nhiều của quý).

Pháp là cái gì có thật, nhưng vô-hình vô-tướng cho nên dụ nói “lơ-lửng trong hư-không”, khó tìm khó thấy.

Nói tóm, tháp báu nói ở đây thí-dụ cho Pháp ở trong Tâm của mọi người.

Tháp nổi lên là đã phát huệ thấy Pháp; có thấy Pháp rồi cho nên khi nghe Kinh Pháp-Hoa là Chân-lý tối diệu, phải khen (từ trong tháp có tiếng vang ra khen Kinh Pháp-Hoa).

Lời bạch của Bồ-tát Đại-Nhạo-Thuyết tượng trưng cho câu hỏi của thế gian: Làm sao thấy Pháp được? (Kinh nói: Chúng con muốn thấy thân của Phật Đa-Bảo).

Đức Thích-Ca đáp: Muốn thấy Pháp phải gom góp đầy đủ công đức (nhóm hợp tất cả “phân-thân Phật”, vì Phật là tất cả công đức và tất cả công đức hợp lại gọi là Pháp-thân Phật. Vậy thì mọi công-đức là một phần của Pháp-thân (phân-thân).

Những phân-thân ấy “hiện đang thuyết pháp ở cõi nước trong mười phương” là gì? Mỗi nước là một tâm chúng-sanh, trong vũ-trụ là mười phương. Tâm chúng-sanh như tâm Phật, chứa đầy đủ tất cả các công đức (từ, bi, hỷ, xả) nhưng là trong tình trạng hạt giống, chưa nảy nở hoàn-toàn như ở tâm Phật. Tuy chưa nảy nở hết, ít ra một trong những hằng-sa công-đức ấy đã manh nha, ở người này là giống từ, ở người kia là giống bi, ở kẻ nọ là giống hỷ..vv... Có manh nha là có phát lộ ra ngoài, trong lời nói, trong việc làm. Một lời nói từ, một việc làm từ là một bài diễn văn, một bài thuyết-pháp về chữ Từ. Đây là nghĩa của câu “các phân-thân đang thuyết-pháp”.

Nhưng muốn gom góp đầy đủ các công-đức (phân-thân) phải có huệ (Phật phóng quang ở giữa đôi lông mày).

Mà có huệ là có thanh-tịnh, vì vậy Kinh nói “Ta-bà biến thành thanh-tịnh”. Nhưng không phải cái thanh-tịnh trong tâm, mà phải là một thanh-tịnh bao trùm cả thân (biến thêm 200 muôn ức na-do-tha nước) và hoàn-toàn không còn một mảy may vụ lợi cầu phúc báu (đời trời, người đi nơi khác, với ý nói đánh bạt tất cả những tư-tưởng mong lên trời hưởng phước hay tái sinh làm người giàu có sang trọng, vì còn những tư-tưởng đó là chưa thanh-tịnh hoàn-toàn). Ở Kinh khác, có câu: “Không cầu phước-báu làm Người, làm trời” là nghĩa này.

Các điều kiện trên thực hiện xong, nên tự hỏi phải quả tâm mình đã được an vui chãng (paix, sérénité). Đây là chỗ Kinh nói các phân-thân Phật sai thị-giả bạch Phật: “Nhu-Lai có được ít bệnh, ít khổ, sức khoẻ an vui”.

Có ít bệnh, ít khổ... mới mở cửa tháp được, nghĩa là mới bắt đầu thấy Pháp.

Thấy được Pháp như chứng kiến cảnh trời long đất lở. Bao nhiêu hiểu sai, nghi quấy, bao nhiêu thành-kiến, tập-quán đều đổ vỡ rầm rầm như tiếng vang rền của cửa thành lớn được mở.

Pháp bất sanh nên bất diệt, vì vậy Kinh nói toàn thân Phật Đa-Bảo, tuy tịch diệt trong quá-khứ vô cùng, vẫn còn nguyên vẹn, không tan không rã. Bất sanh bất diệt là ý nói suốt ba thời, quá-khứ, hiện-tại, vị-lai, những định-luật trong trời đất (Chân-lý) vẫn y như vậy không hề có sự mất còn, dời đổi.

Đức Phật Thích-Ca tu hành đã đạt đến chỗ thể-nhập với Pháp, nhập làm một với Pháp, làm hiện thân cho Pháp, cho nên Kinh nói Ngài được mời vào ngôi trong tháp, trên nửa phần tòa Sư-tử do Phật Đa-Bảo nhường.

Thấy Đức Thích-Ca đạt đến sự thành-tựu cao quý ấy, ai không muốn. Để tượng trưng ý này, Kinh nói đại-chúng xin được lên hư-không để gần hai Phật đang ngự trên cao. Lại cũng có nghĩa, Pháp ở chỗ cao siêu vi diệu, muốn thấy Pháp, phải đạt đến cái “Không” (ngã không, pháp không), nghĩa là hoàn-toàn giải-thoát, đừng còn kẹt trong vòng vọng thấy có ta, có vật, tức là sắc tướng.

Tâm “không”, mới hiểu được Kinh Pháp-Hoa bằng còn chấp tướng thì đừng mong. Do đây đức Thích-Ca nói lớn cho khắp mười phương đều nghe: “Nay chính là lúc nói

Kinh Pháp-Hoa cho những ai, ở Ta-bà, có khả năng nói Kinh ấy”.

(1) 1 do tuần là 40 lý, mỗi lý là 600 thước. Vậy 1 do tuần là $600 \times 40 = 24.000$ thước hay 24 cây số ngàn. Cao 500 do tuần là cao 12.000 cây số. Rộng 250 do tuần là rộng 6.000 cây số.

Tháp ấy quá sự tưởng tượng của chúng ta và nhất định là một thí dụ (parabole) để chỉ cái gì chứ không phải sự thật là vậy.

(2) Trong Kinh Tâm Địa Quán, quyển 8 có câu: Tam giới chi trung, dĩ tâm vi chủ. Năng quán tâm giả cứu cánh giải thoát. Bất năng quán giả, cứu cánh trầm luân. Chúng sanh chi tâm, do như đại địa, ngũ cốc, ngũ quả, tùng đại địa sanh, như thị tâm-pháp sanh thế, xuất thế, thiện ác ngũ thú. Hữu học, Vô học, Độc giác, Bồ tát, cập ư Như-Lai. Dĩ thử nhân duyên, tam giới duy tâm, tâm danh vi địa:”. Dịch: Trong ba cõi (dục, sắc, vô sắc), tâm là chủ. Người quán sát được tâm, cuối cùng được giải thoát. người không quán sát được tâm, cuối cùng chìm đắm vào biển khổ. Tâm chúng sanh giống như mặt đất, năm thứ lúa, năm thứ trái, đều từ đất mà sanh cũng như vậy, tất cả những lo nghĩ (tâm pháp) của chúng sanh còn kẹt trong thế sự hay đã vượt ra ngoài thế sự, hoặc lành hoặc dữ, những ý nghĩa hướng về năm nẻo của lục đạo, những ý niệm của hạng Học, Vô học (A-la-hán), của hạng Độc giác, Bồ tát 92 cho đến bậc Như-Lai, đều do tâm mà sanh. Bởi có ba cõi chỉ do tâm và tâm được gọi là đất.

PHẨM THỨ 12 ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA

(Phẩm này nằm chung trong phẩm 11 của bản dịch Pháp văn)

Lúc bấy giờ, Phật bảo các vị Bồ-tát và bốn chúng:

- Trong quá khứ vô lượng kiếp, ta đã cầu Kinh Pháp-Hoa không lười mỏi. Trong nhiều kiếp, ta thường làm vua, phát nguyện cầu đạo Bồ-đề, lòng không thoái chuyển. Vì muốn đầy đủ 6 pháp ba-la-mật, ta siêng làm việc bố-thí, lòng không mền tiếc một vật gì, dầu đó là tiền bạc, của báu, đất đai, vợ con, tôi tớ hay thân thể của ta.

Vì lòng mền Pháp đó, ta nhường ngôi cho thái-tử và truyền rao trong dân chúng, ai nói được pháp Đại-thừa cho ta nghe, ta sẽ trọn đời hiến thân làm tôi đòi hầu hạ.

Một vị tiên nhận tuyên nói Kinh Diệu-Pháp nếu nhà vua không trái ý ông. Vua chịu và theo hầu hạ vị tiên, làm đủ mọi việc, trải qua một ngàn năm, hết lòng siêng năng vì trọng pháp.

Phật nói thêm:

- Nhà vua thuở ấy là ta, còn vị tiên là Đề-Bà-Đạt-Đa đây. Ta nay thành bậc Đẳng Chánh-giác là nhờ vị thiện-tri-thức đó. Trong vô lượng kiếp về sau, Đề-Bà-Đạt-Đa sẽ thành Phật, hiệu là Thiên-Vương nước của Phật là Thiên-Đạo.

Phật Thiên-Vương trú ở đời 20 trung-kiếp, hằng-sa chúng-sanh nhờ pháp mẫu của Phật mà đặng quả A-la-hán, hoặc phát tâm Duyên-giác, Vô-thượng đạo, đặng vô-sanh-nhẫn đến bậc bất thoái chuyển.

Sau khi Phật Thiên-Vương nhập Niết-bàn, Chánh pháp trụ 20 trung-kiếp. Nhờ cúng dường tháp bảy báu đựng toàn thân xá-lợi của Phật Thiên-Vương mà chúng-sanh đặng quả A-la-hán, ngộ Bích-chi-Phật, phát tâm Bồ-đề.

Phật Thích-Ca bảo các Tỳ-kheo:

- Trong đời vị-lai, thiện-nam, thiện-nữ nào nghe phẩm Đề-Bà-Đạt-Đa mà sanh lòng trong sạch kính tin, không nghi ngờ, thời những thiện-nam, thiện-nữ ấy không đọa vào ba đường ác, được sanh sang các nước Phật và nơi người đó sanh, thường được nghe Kinh Diệu-Pháp. Nếu sanh vào cõi Nhân Thiên, thời hưởng sự vui sướng tột cùng; nếu sanh trước mặt Phật, thời từ hoa sen hóa sanh.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Trí-Tích (1) thị-giả của Phật Đa-Bảo bạch xin phép Phật Đa-Bảo trở về nước. Đức Phật Thích-Ca mới bảo Bồ-tát Trí-Tích:

- Thiện nam-tử, hãy chờ giây lát. Ở đây có Bồ-tát Văn-Thù, ông và Văn-Thù có thể cùng nhau ra mắt mà luận nói pháp mẫu, xong rồi sẽ về.

Ngay khi ấy, Bồ-tát Văn-Thù và các Bồ-tát tùy tùng ngồi trên hoa sen lớn, từ nơi cung Rồng Ta-Kiết-La trong biển lớn, tự nhiên vọt lên không trụ trong hư-không, đến núi Linh-Thứ, từ hoa sen bước xuống, làm lễ đức Phật Đa-Bảo và Thích-Ca, kể hỏi thăm Bồ-tát Trí-Tích, rồi ngồi qua một bên.

Bồ-tát Trí-Tích hỏi Bồ-tát Văn-Thù:

- Ngài qua cung Rồng hóa độ được bao nhiêu chúng-sanh?

Văn-Thù đáp:

- Vô-lượng. Nếu Ngài không tin, sẽ tự chứng biết.

Văn-Thù nói chưa dứt lời, vô số Bồ-tát ngồi hoa sen, từ biển vọt lên đến núi Linh-Thứu, trụ trong hư-không. Tất cả đều do Bồ-tát Văn-Thù hóa độ.

Bồ-tát Trí-Tích thấy vậy, nói một bài kệ khen:

*Đức của Đại-Trí thật là mạnh-mẽ
Hóa-độ được vô lượng chúng-sanh,
Nay trong đại-hội này,
Tôi đã nhận thấy rõ:*

Đại-Trí nói nghĩa “Thực-Tướng”

Mở bày pháp “Nhất-Thừa”

Rộng độ các chúng-sanh

Khiến mau thành “Bồ-đề”.

Văn-Thù nói:

- Ở biển, ta chỉ thường tuyên thuyết Kinh Diệu-Pháp.

Trí-Tích hỏi:

- Kinh này rất thâm diệu. Vậy có chúng-sanh nào siêng tu theo kinh này mà mau thành Phật không?

Văn-Thù đáp:

- Có con gái của Long-Vương, mới lên 8 tuổi mà đầy đủ trí đức, trong khoảnh-khắc phát Bồ-đề-tâm là được bậc bất thoái-chuyển, biện tài vô ngại, từ-bi rộng lớn, công-đức đầy đủ, có khả năng đến Bồ-đề.

Trí-Tích không tin:

- Chính đức Phật Thích-Ca còn phải trải qua vô lượng kiếp chứa nhiều công đức, làm những hạnh khó mới thành đạo Bồ-đề, làm sao tin được câu chuyện Long-nữ trong chốc lát mà chứng thành Chánh-giác?

Nói luận chưa xong, Long-nữ bỗng hiện ra, làm lễ Phật, rồi đứng qua một bên, nói một bài kệ mà đại ý là

xưng tán Pháp-thân và cho biết nàng đã nghe được tiếng của Pháp nên đã thành Bồ-đề. Nhưng việc này chỉ Phật chứng biết mà thôi.

Bấy giờ Xá-Lợi-Phất nói với Long-nữ:

- Thân gái như ước, có 5 điều chướng-ngại (2), lại đường Phật xa vời, phải trải qua vô lượng kiếp cần khổ mới đi cùng, mà người nói tu không bao lâu là chứng được vô-thượng Chánh-giác. Làm sao tin được?

Long-nữ bèn lấy một hạt châu hiến dâng đức Thích-Ca. Phật nhận.

Long-nữ hỏi Trí-Tích:

- Tôi hiến châu, Thế-Tôn nhận lấy, việc ấy có mau chăng?

Trí Tích đáp:

- Mau.

- Ông hãy lấy sức-thần của ông xem đây, tôi thành Phật còn mau hơn việc đó.

Chúng hội liền thấy Long-nữ thoát nhiên biến thành nam-tử, đủ hạnh Bồ-tát, qua cõi Vô-cấu phương nam ngồi hoa sen báu, thành bậc Đẳng-Chánh-giác...

Bồ-tát Trí-Tích và Văn-Thù làm thỉnh.

* * *

Huyền nghĩa

Đứng về mặt mạch kinh mà bàn, đáng lẽ phẩm “Đề-Bà-Đạt-Đa” này nằm chung trong phẩm “Hiện Bảo-Tháp” mới phải, vì câu chuyện Phật Đa-Bảo chưa dứt.

Ai có đọc lịch-sử đức Phật Thích-Ca, đều biết Đề-Bà-Đạt-Đa là một người ganh tị và ác độc, mấy phen mong làm hại Phật mà không được. Thế mà xưa kia là

thiện-tri-thức (bạn lành) của Phật và trong vị lai lại sẽ thành Phật hiệu là Thiên-Vương, nước hiệu là Thiện-Đạo.

Ai ở đời mà không có kẻ thù? Nhưng đừng xem đó là kẻ thù mà là bạn lành, vì có kẻ chọc cho chúng ta nóng giận, chúng ta mới có dịp học đức nhẫn-nhục. Do đây Phật đưa ra câu chuyện vị tiên, nói Kinh Diệu-Pháp trong thời quá-khứ và vị tiên ấy là Đê-Bà-Đạt-Đa.

Lại nữa, không ai ác hoai, ác riết rồi cũng có lúc thành thiện. Bởi cứ Kinh nói Đê-Bà-Đạt-Đa sẽ thành Phật lấy hiệu là Thiện-Vương, mà Vua cõi Trời lẽ cố nhiên phải là người thiện tột bậc. Nước của Phật có tên là Thiện-Đạo. Ý Kinh muốn nói tâm của người ác (nước) đã hướng theo con đường thiện.

Người ác trở thành thiện là một gương thức tỉnh cho biết bao chúng-sanh khác. Vì ý này nên Kinh nói Phật Thiên-Vương, trong lúc hiện tiền cũng như sau khi nhập Niết-bàn, độ rất nhiều người.

Thí-dụ trên hơi khó hiểu, khó tin, cho nên Phật dạy: “Trong vị lai, ai nghe phẩm này mà tin chắc, không nghi ngờ, thời không đoạ vào ba đường ác và được sanh sang các nước Phật”. Ví sao? Nghe phẩm này mà tin, là tin con người có thể cải ác tùng thiện, là tin tự mình có khả-năng hoán cải đời mình. Có tin là có làm, có làm cho nên hết ác (ra khỏi ba đường ác). Hết ác thời phải thành thiện, thành trong sạch (sanh về các nước Phật). Lại còn nghe được Kinh Diệu-Pháp, là còn có cơ nghe nói đến Chân-lý.

Bây giờ, chúng ta thử tìm hiểu câu chuyện giữa hai Bồ-tát Trí-Tích và Văn-Thù.

Đã nói Bồ-tát là tượng-trung cho một đức-tánh, cho một cái gì vô hình vô tướng.

Trí-Tích là “cái trí được súc-tích”, tức là cái trí phàm-phu do những bài học kinh-nghiệm tích-trữ mà thành. Như trí của nhà toán-học là do sự tích-trữ nào những bài học, nào những kinh-nghiệm của mình mà thành. Có thể xem cái trí này là cái mà người Pháp gọi là “Intellect”.

Văn-Thù cũng là trí, nhưng là Đại-Trí (Intelligence, Sagesse).

Nghe chuyện người dử hóa hiền, hiền đến thành Phật, trí phàm phu làm sao hiểu và tin được? Không hiểu, không tin, tức không để ý, và không để ý nên phải bỏ. Do đây Kinh nói Bồ-tát Trí-Tích bạch với Phật Đa-Bảo nên đi về.

Phật Thích-Ca mời ở lại luận nói pháp mâu với Văn-Thù, là ý nói: Phàm trí không hiểu được đâu, phải Đại-Trí, Thánh-Trí như Văn-Thù mới giải được. Cũng như chúng ta, khi nghe câu chuyện Đê-Bà, thì trí phàm nông cạn của chúng ta làm sao tin được, nhưng khi chúng ta vận-dụng cái trí thanh-tịnh (Huệ), như khi ngồi thiền quán sát chẳng hạn, thì chúng ta sẽ thấy Hiền Thánh từ đâu mà ra, há chẳng phải trong biển khổ của chúng-sanh. Đây là chỗ Kinh nói Bồ-tát ngồi hoa sen, từ dưới biển vọt lên vô số.

Ở trong biển sanh-tử khổ não là vì vô-minh, mà vô-minh là chưa dùng được cái sức mạnh hóa độ, hoán cải của Đại-Trí hay Trí-Huệ. Có được sự sáng suốt rồi là hiểu được cái Chân, cái Thật (Đại-Trí nói nghĩa “Thực-tướng”).

Trí-phàm hay Trí-Tích lại hỏi nữa, vì còn nghi ngờ: Nghe hiểu được Chân-lý (tức là Kinh Diệu-Pháp) có thể làm cho con người mau thành Phật (tức là được sự giác-ngộ vô thượng) không?

Đại-Trí đáp: “Được, và cái được ấy chẳng dành riêng cho một ai cả. Bất luận già, trẻ, bé, lớn, nam, nữ, miễn có đầy đủ trí đức, tu hành “đừng thoái chuyển”, từ-bi rộng lớn, biện tài thông suốt, công đức đủ đầy là năng đạt đến Bồ-đề, thí như câu chuyện Long-nữ.

Việc làm trong cõi hữu hình, như dâng ngọc cho Phật, Phật đưa tay nhận lấy, dầu mau thế mấy, vẫn phải mất một ít thời giờ. Đến như việc tỉnh ngộ (thành Phật) là việc của cảnh vô-hình nội tâm thì mau hơn cái nháy mắt.

Nhưng ai biết mình tỉnh ngộ. Chỉ có tâm mình biết mà thôi. Đây là nghĩa của câu: Chỉ có Phật chứng biết mà thôi.

Chúng ta thường nghe nói: Tu nhất kiếp, ngộ nhất thời, câu này có thể là nghĩa của câu chuyện trên.

Phải trải qua muôn ngàn ức kiếp cần khổ như đức Phật Thích-Ca mới thành Chánh-giác. Điều ấy chắc chắn như vậy, vì Long-nữ ắt cũng phải trải qua con đường ấy mới đầy đủ những điều-kiện đã kể. Nhưng khi nhân duyên đã đầy đủ, thì một đêm cũng đủ cho trái tượng hình.

Tu thì lâu như đi từ đây xuống Mỹ-tho phải mất đôi giờ, nhưng đến châu-thành Mỹ-tho là việc trong nháy mắt.

Lại nữa ai cũng có Phật-tánh, tức là có cái vốn Phật như nhau, thì đâu phải vì nữ mà không tỉnh ngộ được? Tuy nhiên, nữ mà muốn tỉnh ngộ thành Phật, ngoài công phu tu hành, phải rèn cho chí mềm yếu của mình trở thành chí cương-quyết của nam-nhi (biến thành nam-tử),

phải thực hành đầy đủ 6 pháp ba-la-mật và phải giữ lòng trong sạch (qua cõi Vô-cấu mà ngồi).

Còn khích-lệ nào hơn cho người tu hành?!

Số phận hẩm hiu của con người không phải chẳng có lối thoát. Tùy ta mà tương-lai sẽ được huy-hoàng..!

(1) Trí Tích chữ Phạn là: Pradjnâkuta _- Pradjnâ là trí, kuta là tích trữ. Vậy đây ý kinh muốn chỉ cái trí súc-tích của người chớ không phải cái đại-trí sẵn có. sẽ giải rõ trong phần Huyền nghĩa.

(2) Chẳng đặng Phạm-Thiên, Đế-Thích, Ma-Vương, Chuyển-Luân-Thánh-Vương và Phật.

PHẨM THỨ 13

TRÌ (L'Effort)

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Dược-Vương và Bồ-tát Đại-Nhạo-Thuyết, cùng hai muôn Bồ-tát quyền thuộc, đều ở trước Phật nói lên lời thề rằng:

Cúi xin Thế-Tôn chớ lo, sau khi Phật diệt độ, chúng tôi sẽ tuân giữ, đọc tụng, nói kinh điển này. Chúng-sanh trong đời ác về sau, căn lành ít chuyển, kiêu hãnh thêm nhiều, tham lợi tham danh (1), thêm căn bất thiện, xa lìa giải thoát. Tuy khó bề giáo hóa như thế, chúng tôi sẽ dùng sức nhẫn nhục lớn, đọc tụng, giữ nói, biên chép, hy-sanh mọi cách, thậm chí không tiếc thân mạng (để giáo hóa họ).

Khi ấy, trong chúng, 500 A-la-hán đã được thọ ký, bạch Phật rằng:

- Thế-Tôn, chúng tôi cũng tự thệ nguyện rộng nói kinh này ở những nước khác.

Lại có tám ngàn vị hữu-học, vô-học cũng đã được thọ ký rồi, lập lời thề trước Phật:

- Chúng con cũng thệ sẽ ở nơi nước khác rộng nói kinh này. Tại sao thế? Vì ở nước Ta-bà, đa số dân- chúng hay che dấu điều ác, ôm ấp tánh kiêu-căng, công-đức cạn mỏng, giận hờn, siểm khúc, ấy vì tâm không thật vậy.

Kế đó, bà Di của Phật là Tỳ-khưu-ni Ma-Ha-Ba-Xa-Ba-Đề cùng với 6 ngàn Tỳ-khưu-ni của hai hạng học và vô-học, đồng đứng dậy, chấp tay chiêm ngưỡng tôn nhan Phật, mắt không tạm rời, Thế-Tôn mới hỏi Kiều-Đàm-Di (tức bà Di):

- Vì cơ nào mà ngộ Như-Lai với vẻ lo âu như vậy? Phải chăng vì ta không kêu tên thọ ký cho các người? Nay Kiều-Đàm-Di, ta trước thọ ký tổng quát cho tất cả Thanh-văn, nay người đã muốn thì ta nói trước cho biết, đời sau người sẽ làm Đại Pháp-sư của 6 vạn tám ngàn Phật-pháp, còn 6 ngàn Tỳ-khưu-ni trong hàng học và vô-học, cũng sẽ làm Pháp-sư. Lần hồi, người sẽ đầy đủ đạo Bồ-tát và sẽ được thành Phật, hiệu Nhất-Thế-Chúng-Sanh-Hỷ-Kiến Như-Lai. Nay Kiều-Đàm-Di, Phật Hỷ-Kiến và 6 ngàn Bồ-tát sẽ tuân tự thọ ký được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Bấy giờ, mẹ của La-Hầu-La là Tỳ-khưu-ni Da-Du-Đà-La thăm nghĩ: “Thế-Tôn thọ ký cho mọi người, sao riêng mình chẳng nói tới tên?”. Phật kêu Da-Du-Đà-La nói:

- Đời sau, trong trăm ngàn vạn ức pháp môn của Phật, người sẽ tu hạnh Bồ-tát, làm Đại Pháp-sư, lần hồi đầy đủ Phật-đạo, rồi ở nơi nước Thiện, sẽ thành Phật hiệu Cụ-Túc-Thiên-Vạn-Quang-Tướng Như-Lai.

Kiều-Đàm-Di, Da-Du-Đà-La và tất cả Tỳ-kheo-ni đều vui mừng hơn hở, cho là được của quý chưa từng có.

Sau khi đọc bài kệ, các Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

- Thế-Tôn, chúng tôi có thể rộng nói kinh này ở các nước phương khác không?

Phật bèn ngộ tám mươi muôn ức na-do-tha Bồ-tát. Các Bồ-tát này, toàn là bậc “bất thoái-chuyển” và đã được các “đà-la-ni”, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật, chấp tay nghĩ nói trong lòng rằng: “Nếu Thế-Tôn dạy, chúng con sẽ như lời Phật dạy mà rộng nói kinh này”. Rồi lại nghĩ: Phật nay làm thỉnh không dạy, bây giờ

chúng ta sẽ nói gì đây?. Khi ấy, vừa để thuận theo ý Phật, vừa để thỏa mãn sở nguyện, của mình, các Bồ-tát bèn thề lớn trước Phật:

- Thế-Tôn, sau khi Như-Lai diệt độ, chúng con sẽ đi khắp mười phương thế giới, khiến chúng-sanh biên chép kinh này, lãnh giữ, đọc tụng, giải nói ý nghĩa, theo pháp tu hành, sửa điều nghi nhớ cho chân chánh, được như thế là toàn nhờ uy-lực của Phật. Cúi xin Thế-Tôn, ở phương khác, xa thấy mà giữ-gìn cho!

Liền đó, các Bồ-tát đồng phát thanh nói bài kệ:

Cúi mong Phật chớ lo:

Sau khi Phật diệt độ,

Trong đời ác, khiếp sợ,

Chúng con sẽ rộng nói (kinh này)

Dẫu có người không trí

Dùng lời ác mắng rủa...

Cùng gây dao đập chém,

Chúng con đều sẽ nhẫn.

Dẫu Tỳ-khưu đời ác,

Trí tà, tâm vạy méo,

Chưa chứng, xưng đã chứng,

Kiêu căng đầy trong lòng,

Hoặc có hạng “A-nhã” (2)

Y, nạt (3) xem ra phết,

Tự cho hành chân đạo,

Xem nhẹ người thế-gian;

Vì lòng tham lợi dưỡng,

Thuyết pháp cho bạch-y (4)

Với ý được cung kính

Như lục thông La-Hán (5)

Lòng hạng ấy chứa ác
Thường nghĩ việc thế tục
Giả danh A-luyện-nhã
Bởi sai lầm chúng con
Mà nói những lời này:
Các Thầy Tỳ-khưu ấy
Vì lòng tham lợi dưỡng,
Luận giải theo ngoại đạo
Tự tạo kinh điển này,
Láo dối người thế gian.
Hoặc vì cầu danh tiếng
Mà phân biệt kinh này.
Hoặc thường trong đại chúng,
Muốn nói xấu chúng con;
Hướng nhà vua, quan lớn
Bà-la-môn, nhà giàu (6) ,
Cùng các Tỳ-khưu khác
Mà phỉ báng chúng con:
Bảo chúng con tà kiến,
Luận giải theo ngoại đạo.
Vì lòng kính tin Phật,
Chúng con đều sẽ nhẫn,
Dẫu họ có khinh khi,
Tự xưng là Phật sống,
Trước lời kiêu ngạo ấy,
Chúng con cũng sẽ nhẫn.
Trong đời ác kiếp trước,
Có nhiều sự sợ hãi,
Các quý nhập thân người
Mắng rủa nhục chúng con,

Chúng con kính tin Phật,
Sẽ mang giáp nhĩn nhục.
Để giảng nói kinh này,
Chúng con sẽ nhĩn mọi khó.
Thân mạng, không hề tiếc
Chỉ tiếc Vô-thượng đạo.
Chúng con trong đời sau,
Sẽ giữ gìn lời Phật.
Thế-Tôn sẽ tự biết:
Tỳ-khuê đời ác trược
Không biết Phật phương tiện
Tùy nghi mà thuyết pháp,
Châu mà y dùng miệng ác,
Lúc lúc đuổi chúng con
Xa lìa nơi chùa tháp.
Các việc ác như thế,
Nhớ lời Phật dạy bảo,
Chúng con sẽ nhĩn hết.
Nơi thành ấp, tụ lạc (7)
Nếu có người cầu pháp
Chúng con đều đến nơi
Nói Pháp của Phật truyền.
Chúng con là sức Phật,
Ở trong chúng không sợ.

Huyền nghĩa

Từ trước tới đây, Đức Phật đã giải bày cho chúng ta thấy thế nào là “Thực-Tướng”, là “Chân-lý”, là khả năng giác-ngộ của con người.

Nhưng thấy hiểu chưa đủ, cần phải cố-gắng (l'effort) nắm giữ (trì). Cố gắng nắm giữ không phải trong lòng mà phải biểu hiện ra ngoài (phụng trì, đọc tụng, thơ tả, giảng thuyết), nghĩa là phải diễn đạt bằng lời nói và việc làm lợi mình, lợi người.

Lợi mình ở chỗ tự nhắc nhở, tự cố tiến. Lợi người ở chỗ treo gương thức tỉnh cho mọi người cùng theo.

Ai làm được sự cố-gắng này? Các bậc Đại Bồ-tát (những người quên mình vì người khác), các bậc La-hán (đã diệt dục), các hàng Thanh-văn học và vô-học (đã nghe hiểu và thức tỉnh). Thậm chí hàng phụ-nữ tu hành (Tỳ-khưu-ni) cũng làm được, vì nữ-nhân cũng đầy đủ khả năng giác-ngộ như nam-nhi (chuyện Long-nữ thành Phật hay việc thọ-kỳ cho các bà Kiều-Đàm-Di, Da-Du-Đà-La...)

Nhưng đừng tưởng dễ đem Chân-lý mà nói cho người khác nghe, dễ sống đời sống gương mẫu thức tỉnh (giảng thuyết Diệt-Pháp). Ví càng xa Phật (sau khi Phật diệt-độ), lòng người càng bị tham, sân, si, kiêu mạn làm mờ tối. Hướng chỉ còn những hạng giả danh tu hành, tự xem như thánh-nhân. Mê hoặc lòng người bằng những kinh điển sai lầm và phỉ báng hàng tu-sĩ chân chánh. Vì vậy, muốn nắm giữ được lời Phật dạy, Chân-lý của Phật trao truyền và làm sáng tỏ Chân-lý ấy, phải mặc giáp nhần nhục, nghĩa là phải hết sức chịu đựng trước sức tấn công của ma lục. Nếu phải hy-sinh thân mạng (corps et vie) cũng đừng tiếc.

(1) Dịch theo bản của E.Burnouf “occupeés de gain et d’honneurs”.

(2) A-nhã. Trọn chữ là A-luyện-nhã hay A-lan-nhã: Chỉ các am tự, nơi các vị Tỳ-khưu ở.

(3) Nạp: Áo mặc của các vị Tỳ-khưu, may bằng những miếng vải vụng của người chề bỏ.

(4) Bạch-y: Áo trắng, chỉ hàng Phật-tử tại gia. Hai tiếng cư-sĩ dùng để chỉ hàng tại gia được dùng không đúng lắm.

(5) Lục thông: 1) Thiên nhãn, 2) Thiên nhĩ, 3)Tha tâm, 4)Túc mạng, 5) Thần túc, 6)Lậu tận (6 pouvoirs spirituels)

(6) Nhà giàu: Nguyên văn chữ Hán là cư -sĩ. Ông E.Burnouf dịch là “chef de famille”; gia trưởng, tức chỉ hạng có gia nghiệp, chứ không có nghĩa Phật tử tại gia như chúng ta dùng bây giờ.

(7) Hay bộ lạc (Tribu).

PHẨM THỨ 14

AN LẠC HẠNH (La position commode)

Bây giờ, Bồ-tát Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật:

Thế-Tôn! Các vị Bồ-tát này làm việc khó có là phát nguyện hộ-trì, đọc nói Kinh Pháp-Hoa trong đời ác trước về sau. Thế-Tôn! Làm thế nào mà các vị Bồ-tát lại nói được Kinh Pháp-Hoa trong đời ác trước. Phật bảo Văn-Thù: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, ở đời ác trước, muốn nói kinh này, thì nên an trú vào 4 pháp sau đây:

1- Hành xử: Bồ-tát hành xử là đứng vững trên đất nhẵn-nhục, dịu hòa, thuận thảo mà không nóng nảy, tâm cũng chẳng sợ sệt, lại ở trong muôn vật mà lòng không xao xuyến, xem muôn vật trống không như “thực tướng”(1), không nghĩ ngợi gì mà cũng không phân biệt.

2- Thân-cận xử: Bồ-tát không gần gũi:

- hạng người quyền thế (vua, con vua, quan lớn, quan nhỏ)

- hạng người tu theo ngoại đạo (Phạm-chí, Ni-kiền-tử...) (2)

- hạng văn nhân, thi sĩ của thế tục.

- các phái Lộ-già-da-đà, Nghịch-lộ-già-da-đà...(3)

- hạng người chơi hung, lấy sự đâm chém, đánh đá làm thích.

- bọn na-la (4) quen chơi với sự tà thuật biến hóa.

- bọn Chiên-đà-la (Tchandâlas) (5)

- hạng người làm sai giới luật như nuôi heo, dê, gà, chó, đi săn, chài lưới.

Những người trong các giới ấy, nếu có lúc họ đến với mình, thì Bồ-tát phải vì họ mà giảng dạy cho họ nghe, lòng đừng hy vọng mong cầu một điều gì.

Cũng không nên làm thân với những người cầu được làm Thanh-văn, Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cũng không nên hỏi chuyện họ. Dầu ở trong phòng, dầu lúc đang đi kinh hành, dầu lúc ở giảng đường, bất luận ở đâu, không nên làm họ đứng dừng một chỗ. Nếu gặp lúc họ đến với mình thì tùy nghi mà thuyết pháp, lòng đừng hy-vọng mong cầu một điều gì.

Văn-Thù Sư-Lợi! Bồ-tát lại còn không nên ngó thân người nữ mà sanh lòng ham muốn rồi nói pháp cho họ nghe, cũng đừng ưa thấy nữ nhân. Khi vào nhà người, đừng nói chuyện với trẻ gái nhỏ, con gái lớn và đàn bà góa. Cũng không nên gần những người “bất nam”. Đừng một mình vào nhà người. Nếu có duyên cơ cần vào nhà người một mình, thì phải giữ một tâm niệm Phật.

Khi nói pháp cho đàn-bà, con gái nghe, đừng cười hở răng, đừng bày hông, ngực. Thâm chí đối với người vì pháp mà đến, cũng không nên gần gũi thân mật với họ, hà huống là đối với những người đến vì chuyện khác.

Không nên thích nuôi những đệ-tử ít tuổi, những sa-di trẻ con. Cũng không nên ưa cùng chúng một thầy, mà nên ưa ngồi thiền ở chỗ vắng lặng, sửa năm tâm mình.

Đó là “thân cận xứ” thứ nhất của Bồ-tát.

Lại nữa, Bồ-tát phải thấy muôn vật đều “không” như: thực-tướng; không diên đảo, không động, không thối, không hư-không, thấy muôn vật không có thực tánh, chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng khởi, vô danh, vô tướng, thực không có gì cả, vô lượng vô biên, vô ngại vô chướng;

thấy những danh-từ lời nói dùng để chỉ vật này sự nọ, đều là trái với chân-lý (ngữ ngôn đạo đoạn), chỉ vì cái nguyên nhân điên đảo nên mới nói thế này thế nọ. Phải vui xét cái tướng của vạn vật là như thế.

Đó là “thân cận xứ” thứ nhì của Bồ-tát.

3- An lạc hạnh:

Phật nói tiếp:

- Sau khi nghe Như-Lai diệt độ, trong đời mạng pháp, muốn nói Kinh này, Bồ-tát phải ở yên trong “An lạc hạnh”. Nghĩa là, khi nói cũng như khi đọc Kinh này, chẳng nên ưa nói đến cái sự sai quấy của người và của Kinh điển, cũng chẳng nên có lòng khinh rẻ, kiêu ngạo đối với các Pháp-sư, chẳng nên nói đến sự tốt xấu, hay dở của người khác; đối với hàng Thanh-văn, chẳng nên nêu đích danh mà nêu sự sai lầm, gàn dở của họ, cũng không kêu đích danh mà khen tặng cái hay của họ, lại cũng không sanh tâm thù hiềm. Khéo sửa lòng cho được an lạc như vậy thì không làm nghịch ý người nghe. Còn có ai vấn nạn thì đừng giải đáp bằng pháp tiểu-thừa mà bằng pháp đại-thừa, để cho người hỏi được Chánh-giác.

Bồ-tát muốn thuyết pháp phải giữ lòng an vui, trong sạch, thân thể phải tắm rửa cho sạch, mặc y mới, nói tóm lại là trong ngoài phải thanh tịnh, nhiên hậu mới lên ngôi pháp-tòa, tùy lời hỏi của người mà giảng. Đối với người vì Đạo thì đem diệu nghĩa ra mà dạy, mặt mày hòa nhã; đối với người vấn nạn, thì tùy nghĩa mà đáp, khi thì dùng nhân duyên, khi thì dùng thí dụ mà diễn giải rạch ròi, để lần hồi dắt dẫn họ vào đường sáng (Phật đạo). Tự mình, phải trừ mọi ý niệm ý lại, mọi tư tưởng lười biếng, xa lìa mọi lo nghĩ, buồn rầu, mở rộng lòng từ, ngày đêm

nói pháp để mở mắt cho chúng-sanh mà không bao giờ mong cầu việc lấy pháp làm nhân duyên để thành Phật đạo, khiến người nghe cũng cùng một tâm niệm

Trong thời mạt pháp, Bồ-tát nào thọ trì, đọc tụng Kinh này thì không nên chứa chấp sự ganh ghét, tà vạy, khinh khi người học Phật, không làm cho hạng tu hành chán nản, cũng không nên đem Đạo-pháp ra làm bàn chơi, tranh cãi. Phải:

- đối với tất cả chúng-sanh, khởi lòng đại bi,
- đối với chư Như-Lai, sanh lòng kính trọng như Cha lành,

- đối với Bồ-tát, sanh lòng tôn kính như Thầy,
- đối với mười phương Bồ-tát, sanh lòng cung kính cúng dường.

Thực hiện đầy đủ pháp “an lạc” thứ ba này, thì khi thuyết Kinh, không làm cho người nghe hoang mang, được người cùng theo mình mà đọc tụng, còn đại-chúng sẽ tới nghe lãnh lời Kinh, lãnh rồi nắm giữ, giữ rồi sẽ đọc, đọc rồi sẽ thuyết, thuyết rồi sẽ chép và khiến người cùng chép.

4- Phát đại-bi tâm. Lại nữa, này Văn-Thù! trong đời mạt-pháp, ai là người muốn nắm giữ Kinh Pháp-Hoa, phải sanh đại-bi tâm đối với hàng xuất gia và tại gia. Đối với người chẳng phải là Bồ-tát (chưa tu hạnh vị tha) cũng phải phát đại-bi tâm mà nghĩ như vậy: Như-Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp, mà họ lại chẳng nghe, chẳng biết, chẳng tỉnh, chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng giữ, thật là thất lợi vô cùng. Ngày nào ta được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, nguyện sẽ dùng thần lực, trí lực mà dắt họ vào ở yên trong Đạo-pháp.

Đó là pháp “an lạc” thứ tư.

Như-Lai diệt độ rồi, Bồ-tát nào thành tựu được pháp thứ tư này thì khi thuyết Kinh Pháp-Hoa, không bao giờ có sự sai lầm, mất mát. Người thế-gian từ vua tới dân, sẽ cung kính cúng dường, trong hư-không chư Thiên sẽ luôn luôn hộ vệ cho. Tại sao thế? Vì Kinh này được tất cả chư Phật ba đời bảo hộ. Nay Văn-Thù, trong vô lượng nước, nghe được tên Kinh này còn chưa có, hà huống được thấy, được thọ trì đọc tụng. Thí như nhà vua đẹp giặc xong, muốn thưởng công tướng sĩ, có thể cấp cho đất cát, y phục, ngọc ngà, châu báu, xe ngựa, nô tỳ, nhưng không bao giờ cho viên ngọc vô giá trên mão của vua. Như-Lai cũng thế. Nhờ sức mạnh của thiền định và trí huệ, Như-Lai làm vua “Nước Pháp”, thống ngự ba cõi. Vì Ma-Vương không hàng phục nên Như-Lai mới dùng Hiền Thánh làm tướng để đánh Ma-Vương. Đối với các bậc hữu công trong trận chiến này, Pháp-vương Như-Lai ban cho tiền của thiền định, giải thoát, vô lậu, thành quách niết bàn, tạm nói là diệt độ, để dẫn dắt tâm họ, khiến mọi người hoan hỷ, nhưng chưa vì họ nói Kinh Pháp-Hoa. Nhưng khi binh sĩ lập được công to, nhà vua sẽ cho viên ngọc vô giá. Như-Lai cũng thế, thấy đội quân Hiền Thánh đã lập được đại công chiến thắng Ngũ-ấm-ma, phiến-nã-o-ma, tử-ma, đã diệt ba độc, ra khỏi ba cõi, phá lưới ma, nên ban cho Kinh Pháp-Hoa là lời thuyết cao cả nhất của chư Như-Lai.

Huyền nghĩa

Phẩm này nói về bốn điều-kiện, bốn cái thế thuận tiện (positions commodes) để hộ trì, đọc, nói Kinh Pháp-

Hoa nghĩa là để tự mình thực hiện Chân-lý và dắt người cùng thực hiện như mình.

Bốn điều-kiện đó là:

1- Hành xử (những hành động cần có)

2- Thân cận xử (phải hoạt-động trong hoàn cảnh nào)

3- An Lạc (giữ lòng bình thản và vui vẻ)

4- Phát đại-bi-tâm (mở lòng thương-xót rộng lớn)

1- Hành xử. *Phải sống ra người nhẫn nhục, nhu hoà, thuận thảo, không nóng nảy, không sợ sệt, không để cho muôn vật làm lòng mình xao xuyến, xem vạn vật đúng với cái tướng chân thật của nó là không có gì cả, tâm không nghĩ ngợi gì, hay phân biệt tốt xấu, hay dở. Như thế là sống sáng suốt, làm chủ tâm mình và hoà với mọi người.*

Phải tu tập các đức-tánh vừa kể, để gây thiện cảm với người nghe.

2- Thân-cận xử, *nghĩa là chỗ mình nên gần gũi. Kinh chia có Bất thân-cận xử và Thân-cận xử.*

a) Chỗ không nên gần gũi (Bất thân-cận) gồm có:

- quốc vương, vương tử, đại thần

- ngoại đạo

- kẻ viết sách thế-tục ca ngâm

- kẻ múa hát đánh võ

- kẻ làm nghề hàng thịt, nuôi súc vật, săn bắn, chài

lưới

- hạng người cầu quả Thanh-văn (ích-kỷ)

- trẻ gái, con gái, đàn bà góa

- những sa-di ít tuổi, trẻ nhỏ.

b) Chỗ nên gần (thân-cận xử):

Luôn luôn “quán nhất thể pháp không như thực-tướng” (xét thấy mọi vật trống không như thực-tướng).

Tóm lại đoạn này có nghĩa: Phải thanh tịnh u nhàn (se retirer dans le calme du silence), tránh giao thiệp với hàng quyền-thế, ngoại đạo, ác nghiệp, ca hát, ngâm vịnh, phái nữ, các bậc tu hành còn lòng ích-kỷ và phải tập ngó vạn vật đúng với thực-tướng, nghĩa là một cách bình đẳng, đừng trọng, đừng khinh, đừng mê, đừng đắm, đừng lấy, đừng bỏ.

3- An lạc: Tâm an bình, vui vẻ, không làm trái ý người. Khi có người hỏi đạo, dùng pháp Đại-thừa mà giải, nhưng:

- Không nói lỗi của người và kinh điển
- Không khinh mạn các người tu hành khác
- Không sanh lòng thù hiềm
- Không ganh ghét đua đố
- Không làm cho người tu hành hoài-nghi chán

nản.

Trái lại, phải phát lòng thương xót đối với chúng-sanh và khởi lòng kính trọng đối với chư Phật, Bồ-tát.

4- Đa i từ-bi tâm: Sanh lòng thương xót tất cả những người không hiểu các phương tiện của Phật dùng, tùy căn cơ của mỗi hạng chúng-sanh mà nói pháp cho họ nghe hiểu.

Thuyết Kinh Pháp-Hoa mà có đầy đủ những điều-kiện này thì ở đời, được người nghe, tin hiểu và cùng mình sao chép, đọc tụng, còn trong hư-không chư thiên sẽ vệ hộ.

(1) *Thực tướng: Tướng thực của vạn vật, trái với cái tướng mà ngũ quan và ý thức của con người biết được. Đó là bản thể của vạn-vật. Vì cái thực tướng không hình không dáng, cho nên Kinh tạng gọi là “trống lỗng”.*

(2) *Ni-kiền-tử cũng gọi là phái lỏa-thể vì tín đồ không mặc quần áo. Hiện tồn tại trên đất Ấn, lấy tên là Jainisme.*

(3) *Lộ-già-da-đà: Đạo thuận theo thế tục. Nghịch-lộ-già-da-đà: Phái nghịch với phái thuận theo thế tục.*

(4) *Na-la: những người múa hát.*

(5) *Chiên-đà-la: kẻ đồ-tể, quân đao phủ.*

PHẨM THỨ 15

TÙNG ĐỊA ĐỒNG XUẤT (Apparition des Bodhisattvas)

Lúc bấy giờ, các Bồ-tát, nguyên từ các nước phương khác lại, đông hơn cát của 8 sông Hằng, ở trong đại chúng, đồng đứng dậy chấp tay bạch Phật:

- Thế-Tôn! Nếu Thế-Tôn nhận lời, chúng con nguyện, sau khi Phật diệt độ, sẽ rộng nói Kinh Pháp-Hoa ở thế-giới Sa-bà, để gia tăng tinh tấn và hộ trì những người đọc, tụng, sao chép, cúng dường Kinh này.

Phật đáp:

- Thôi khỏi. Nay thiện nam-tử! không cần các con hộ trì Kinh này. Vì sao? Vì thế-giới Sa-bà của ta tự có Bồ-tát đông như cát của sáu muôn sông Hằng; mỗi Bồ-tát có những quyến thuộc đông như cát của sáu muôn sông Hằng. Những Bồ-tát và quyến thuộc ấy, sau khi ta diệt độ, sẽ có khả năng giữ gìn, đọc tụng, rộng nói Kinh này.

Lúc Phật nói lời này, trong ba ngàn đại thiên quốc độ ở thế-giới Sa-bà, đất đều rung nứt và từ trong lòng đất, vô lượng ngàn muôn ức Bồ-tát đồng thời vọt lên. Các Bồ-tát ấy, thân như vàng ròng, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, sáng ánh khôn lường, trước kia trú trong hư-không của chỗ thấp nhất ở thế-giới Sa-bà, nay nghe tiếng của Phật Thích-Ca, nên từ chỗ thấp ấy mà phát hiện đến. Mỗi mỗi Bồ-tát đều là bậc thủ-lãnh dẫn đường cho đại chúng, và mỗi vị đều có hoặc sáu, hoặc năm, bốn, ba, hai, một muôn Hằng sa quyến thuộc, hoặc một Hằng-hà sa, nửa Hằng-hà sa, một phần Hằng-hà sa hay một phần trong ngàn ức na-do-tha phần Hằng-hà sa, hoặc từ ngàn muôn ức na-do-tha

sự lần xuống cho tới một muôn, một ngàn, một trăm, mười, năm, bốn, ba, hai, một quyển thuộc đệ-tử. Lại cũng có những Bồ-tát chỉ có một mình, thích hạnh “viễn ly”(1). Tất cả các Bồ-tát ấy đông vô số kể.

Từ dưới đất vọt lên rồi, các Bồ-tát ấy đều đến ngọn tháp bảy báu nhiệm mầu trên hư-không, là chỗ Phật Đa-Bảo và Phật Thích-Ca đang ngự, vập đầu xuống chân làm lễ, rồi lại tiến đến tòa sư-tử, dưới cội báu, chỗ Phật ngồi mà làm lễ. Xong, các vị đi quanh bên mặt Phật ba vòng, rồi chấp tay cung kính chiêm ngưỡng Phật Đa-Bảo và Phật Thích-Ca.

Từ lúc các Bồ-tát xuất hiện cho đến khi làm lễ xưng tán Phật, một khoảng thời gian trôi qua, lâu 50 tiểu kiếp.

Bấy giờ đức Thích-Ca ngồi yên nín lặng, bốn hạng đệ-tử cũng đều nín lặng. Nhờ sức thần của Phật, đại chúng thấy 50 tiểu kiếp trôi qua như nửa ngày. Cùng một lúc và cũng nhờ sức thần của Phật, bốn chúng thấy Bồ-tát đầy khắp hư-không của vô lượng ngàn muôn ức quốc-độ.

Trong số Bồ-tát ấy, có 4 vị đứng đầu: 1) Thượng Hạnh, 2) Vô biên Hạnh, 3) Tịnh Hạnh, 4) An Lập Hạnh. Đồng chấp tay nhìn đức Thích-Ca, 4 vị kính hỏi:

- Bạch Thế-Tôn! Thế-Tôn có được ít bệnh, ít buồn và được an vui không? Những người đáng độ, có thọ giáo dễ không. Họ không có làm cho Thế-Tôn mệt nhọc chứ?

Thế-Tôn nói:

- Đúng thế! Đúng thế! Nay các thiện nam-tử, Như-Lai an vui, ít bệnh, ít buồn, các hàng chúng-sanh dễ mà hóa độ, không có mệt nhọc. Tại sao thế? Vì những chúng-sanh ấy, từ trước tới nay, đời đời thường được ta hóa độ

cho; và chính họ cũng đã cung kính tôn trọng chư Phật trong thời quá khứ và trồng các cội lành. Các chúng-sanh ấy, hễ bắt đầu thấy thân ta, nghe tiếng ta nói, là liền tin lành và nhập vào huệ của Như-Lai, trừ những người trước đã tu tập theo Tiểu-thừa. Đối với hạng này, ta cũng sẽ khiến cho nghe được Kinh Diệu-Pháp và đi vào huệ Phật.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-Lặc cùng 8 ngàn Hằng-sa Bồ-tát trong pháp-hội đều thăm lấy làm lạ việc vô số Bồ-tát đã từ đất vọt lên. Muốn giải nghi cho tất cả và cho riêng mình, Bồ-tát Di-Lặc bạch Phật:

Nguyện Thế-Tôn cho chúng con biết coi vô lượng Bồ-tát này từ đâu mà đến và nhóm họp để làm gì. Ai đã thuyết pháp giáo hóa cho các vị? các vị đã theo ai mà phát tâm, đã thọ trì và hành Kinh nào? Lại tu tập Phật-đạo nào mà có sức trí thần-thông to lớn như thế? Bạch Thế-Tôn, chúng con chưa từng thấy một việc như vậy. Con thường đi qua nhiều nước, gặp gỡ nhiều người, nhưng chưa hề biết một vị trong số Bồ-tát ấy. Vậy kính xin Thế-Tôn nói cho con biết coi các Bồ-tát ấy ở nước nào đến mà hốt nhiên từ đất vọt lên.

Cùng lúc ấy, các phân thân Phật Thích-Ca từ vô lượng muôn ngàn ức cõi khác đồng đến ngồi xếp bằng trên tòa sư-tử, dưới các cội báu trong tám phương. Những thị-giả của các phân-thân Phật Thích-Ca cùng bạch hỏi về lai lịch của các Bồ-tát từ đất vọt lên. Chư phân-thân Phật đáp:

- Bồ-tát Di-Lặc đã hỏi Phật Thích-Ca. Phật sẽ đáp. Vậy hãy chờ!

Khi ấy Phật Thích-Ca Mâu-Ni bảo Bồ-tát Di-Lặc:

- Hay thay lời hỏi của Di-Lặc! Ta sẽ tuyên bày trí-huệ, thần-thông, sức mạnh và uy thế của chư Phật, vậy hãy một lòng và tinh tấn nghe ta nói.

Sau khi nói một bài kệ lập lại lời vừa nói, Thế-Tôn kêu Bồ-tát Di-Lặc nói:

- Những Bồ-tát đông vô số kể và đã từ đất vọt lên, đều do ta giáo hóa chỉ dẫn, sau khi ta đắc Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. Tất cả đều là bậc đã điều phục tâm-mình, lòng sanh ý-đạo, và ở trong hư-không phía dưới thế-giới Sa-bà. Tất cả đã từng đọc tụng thông suốt kinh điển, phân biệt trong chỗ nghĩ suy và sửa cho thẳng những nhớ tưởng của mình. Nay Di-Lặc, các Bồ-tát ấy không thích ở chỗ đông người ồn-ào, mà thường ưa ở nơi vắng lặng, siêng tu tinh tấn, chưa hề ngơi nghỉ, lại cũng không dừng bước ở cấp Nhân, Thiên, mà thường thích được trí-huệ thâm sâu, không còn vướng phải một chương ngại nào. Lại cũng thường vui nơi pháp Phật, một lòng tinh tấn cầu Vô-thượng huệ.

Bồ-tát Di-Lặc và vô số Bồ-tát, lòng sanh nghi hoặc, tự hỏi: “Làm thế nào mà trong một khoảng thời-gian ngắn mà Thế-Tôn giáo hóa được một số Bồ-tát đông như thế?” Nghĩ xong, bèn bạch Phật:

- Bạch Thế-Tôn, từ ngày còn là Thái-tử bỏ cung điện ra đi, rồi đến khi ngồi dưới cội Bồ-đề đắc Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, từ ấy đến nay, mới vừa hơn bốn mươi năm, vậy làm thế nào mà trong khoảng thời-gian ngắn ấy Thế-Tôn lại giáo hóa cho vô lượng vô biên Bồ-tát ấy được? Vì muốn thành tựu như các Bồ-tát ấy, phải là người trong ngàn muôn ức kiếp, trồng các căn lành ở vô lượng vô biên nước Phật và thường tu phạm hạnh. Đàng

này Thế-Tôn thành đạo đến nay chưa bao lâu, còn các Bồ-tát kia phải tu hành trong vô lượng kiếp mới đặng thần thông lớn, thì làm sao hiểu được câu chuyện cha trẻ con già này được. Riêng chúng con thì một lòng tin Phật, vì Phật không bao giờ nói ngoa, nhưng các Bồ-tát mới phát tâm tu hành sau khi Phật diệt độ, có thể không tin lời Phật dạy. Vậy kính xin Thế-Tôn giải nghi cho hàng mới phát tâm này, để họ khỏi phải đoạ vào nẻo ác.

Huyền nghĩa

Bồ-tát các cõi khác xin giúp Phật Thích-Ca giáo hóa cõi Sa-bà. Đức Phật từ khuốc, nói rằng Sa-bà có đủ Bồ-tát làm việc ấy.

Thế nghĩa là chúng-sanh cõi Sa-bà có khả năng tự độ, không cần một sự giúp đỡ từ bên ngoài. Ở trong một Kinh khác, đức Phật há không nói: “Tự mình hãy thấp đước lên mà đi?”.

Phật vừa đáp xong là đất chuyển động và rạn nứt, rồi từ lòng đất vô số Bồ-tát vọt lên. Đoạn này có nghĩa: khi tâm biết rằng chỉ có mình mới độ mình, chớ không ai độ mình được, thì liền khi ấy trong con người có một cuộc đại cách-mệnh, một sự thay đổi lớn lao xảy ra, như trời long đất lở (xem lại phần Huyền nghĩa của phẩm 11- Hiện Bảo Tháp), mà ở đây Kinh thí-dụ như đất rạn nứt.

Vô số Bồ-tát từ lòng đất vọt lên hàm hai nghĩa. Bồ-tát tượng trưng cho các đức tánh từ bi, hỉ, xả, nhẫn nhục, tinh tấn...v.v. Những đức tánh ấy ở đâu ? Ở trong tâm, mà Kinh thí dụ cho đất (tâm địa).

Trước khi chưa được Phật giáo hóa, nghĩa là trước khi thức tỉnh (giác ngộ), con người lầm tưởng những đức tính ấy phải bắt từ ngoài tụ tập mới đem vào thân. Nay giác ngộ rồi thì thấy Hằng-sa đức tánh đều nằm sẵn trong tâm, đầy đủ, không thiếu một ly hào nào, dầu trong lúc còn mê muội. Trạng-thái ấy là trạng thái của mặt trăng bị mây án. Khi mây đã tan (giác ngộ), thì ánh sáng mặt trăng tỏ rạng (Bồ-tát vọt lên) trước sau như một.

Mỗi Bồ-tát từ đất vọt lên đều thân sắc vàng, đủ 32 tướng tốt như Phật và hào quang chói lòa. Các đặc điểm này chỉ rằng Bồ-tát ở đây không có nghĩa là một vị Bồ-tát mà là tiêu biểu cho một đức tướng như đã nói. Vì là một đức tướng (une qualité, une vertu) cho nên không sanh không diệt, thường tồn (thân sắc vàng y), trọn vẹn (parfait, accompli: 32 tướng tốt) và sáng suốt (hào quang chói lòa).

Cái nghĩa Bồ-tát dụ cho đức tướng càng thấy rõ ở những điểm kể là: a) Bồ-tát ở phía dưới cội Sa-bà, ẩn trú trong hư-không (phía dưới cội Sa-bà là ở chỗ sâu kín nhất trong tâm chúng-sanh, nhưng vì chỗ sâu kín ấy không lấy mắt thịt mà tìm kiếm ra, nên thí dụ cho hư-không); b) các Bồ-tát ấy lễ Phật và tán dương Phật trong 50 tiểu kiếp, Phật cũng ngồi lặng nghe trong 50 tiểu kiếp, nhưng nhờ sức thần của Phật, khoảng thời gian lâu xa ấy lại mau như nửa ngày. Phải quày đầu về với sự giác ngộ (quy y Phật) và thiết tha sùng mến sự giác ngộ (tán dương Phật) liên tiếp trong nhiều đời nhiều kiếp (50 tiểu kiếp) với một tâm hoàn toàn vắng lặng (Phật ngồi yên lặng), thì sự giác-ngộ mới đến, nhưng khi nó đến thì mau như nửa ngày.

Bồ-tát thì đông nên hiểu đức tướng thì nhiều nhưng nếu trước không có 4 đức sau đây thì mấy đức kia không

xuất hiện được. Đó là: 1) Thượng Hạnh (những hành động hướng thượng, nghĩa là hướng về đời sống cao-cả). 2) Vô biên Hạnh (những hành động không bờ bến, nghĩa là vượt ra khỏi vòng kiềm hãm, trói buộc của ngã-chấp, của lòng ích-kỷ). 3) Tịnh Hạnh (những hành động trong sạch, nghĩa là không bị tham, giận, si-mê chi phối, sai sử). 4) An Lập Hạnh (đứng hẳn trong chỗ an ổn, nghĩa là sống hoạt-động, nhưng với một con tâm luôn luôn an ổn, không xao động vì sức cảm dỗ của ngoại cảnh hay những lo nghĩ của nội tâm).

Vì phải có bốn “Bồ-tát” hay bốn đức này trước, các Bồ-tát kia mới có sau, cho nên Kinh mới thí-dụ 4 Bồ-tát này (đức tướng) như 4 người lãnh tụ dẫn đường.

Câu hỏi: “Thế-Tôn có ít bệnh, ít buồn, và được an vui không? Những người đáng độ, có thọ giáo dễ không? Họ không có làm cho Thế-Tôn mệt nhọc chứ?” có một nghĩa ẩn mà chúng ta phải tìm trong câu đáp của đức Phật. Đây là câu đáp ấy: “Nhu-Lai an vui, ít bệnh, ít buồn, các hàng chúng-sanh dễ mà hóa độ, không có mệt nhọc”. Nên lưu ý: “Kinh không nói: Ta an vui, ít bệnh... mà nói: Nhu-Lai an vui, và Nhu-Lai là tâm. Khi tâm an vui, ít bệnh, ít buồn, tức là khi đã có “an lập hạnh”, “tịnh hạnh”, “vô biên hạnh”, và “thượng hạnh”, thì dễ mà hoàn cải tâm tánh phàm-phu (chúng-sanh dễ hóa độ...)

Tại sao dễ? Kinh nói: Vì chúng-sanh đã được Phật dạy bảo nhiều đời và cũng đã từng trồng căn lành dưới thời các Phật quá-khứ. Thế nghĩa là: tuy chúng-sanh đầy dẫy tội lỗi, trong chúng-sanh có sẵn muôn đức, tỷ như đã được “dạy bảo nhiều đời”. Lại nữa, chúng-sanh nào, trong muôn ác phạm phải trong muôn lúc si-mê đen tối, lại

không làm được một vài điều thiện trong một vài phút giác ngộ, thức tỉnh. Như thế là đã “trồng căn lành dưới thời các Phật quá khứ”.

Còn những người tu tập theo hạnh Tiểu-thừa, Phật cũng khiến cho nghe được Kinh Đại-thừa. Nên hiểu: Dầu ai có ích-kỷ thế mấy (tu hạnh Tiểu-thừa), một khi giác ngộ (Phật khiến) cũng sẽ rời bỏ đời sống eo hẹp mà sống đời sống bao la, lấy vũ-trụ làm nhà, lấy chúng-sanh làm thân thuộc (nghe kinh Đại-thừa).

Vì lối thí-dụ của Phật khó hiểu khó nhận, cho nên Bồ-tát Di-Lặc (thay lời cho hàng chúng-sanh nghi ngờ) mới bạch: “Bồ-tát đâu mà đông thế? Ai thuyết pháp hóa độ họ? Họ tu tập theo pháp môn nào và họ ở đâu mà lại từ đất vọt lên?”.

Phật đáp: Nhờ có bốn đức phi thường (pouvoirs surnaturels) là: 1) Trí huệ vô biên, 2) Thần thông tự tại, 3) Sức mạnh nhanh chóng, 4) Sự can-đảm, cho nên sau khi thành đạo, đức Phật mới giáo hóa cho vô lượng Bồ-tát ở dưới đất vọt lên ấy. Nhưng giáo hóa được là vì các Bồ-tát ấy trụ trong hư-không ở phía dưới cõi Sa-bà, nhân đó mà thông hiểu kinh điển mau lẹ. Tất cả lại còn ít gần nơi náo nhiệt, mà ưa vắng lặng, siêng tu, không thích hưởng phúc báo làm người, làm trời, mà chỉ ham được trí-huệ cao sâu.

Phật giáo hóa được có nghĩa là sự giác-ngộ đến được với mọi người, hay nói một cách khác, mọi người có thể giác-ngộ được, là nhờ trong tâm con người có sẵn mọi khả năng, mọi đức tướng (Bồ-tát), làm cho con người thông hiểu được Chân-lý (thông hiểu kinh điển). Dầu vậy, phải tránh những nơi ồn-ào, giam mình vào chỗ vắng lặng (tham thiền nhập định), siêng tu (tinh tấn), đừng ham

tưởng quả phúc cõi thế-gian và trên trời, mà chỉ mong cho được Tri-huệ cao sâu là Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Đến đây, Kinh lại đặt ra một nghi vấn khác. Trên đức Thích-Ca đã bảo phải trải qua nhiều đời được Phật dạy bảo và cũng phải trồng căn lành dưới thời các Phật quá-khứ, mới thành Bồ-tát. Nay Phật lại nói chính Phật đã hóa độ tất cả vô số Bồ-tát ấy, trong khi Phật thành Phật vừa trên 40 năm. Như vậy hóa ra cha trẻ mà con già, hay thầy non mà đệ tử lão sao?.

Trong phẩm sau, Phật sẽ giải câu hỏi này. Tiện đây, chúng ta nên ghi điểm này: Đây là câu hỏi của bất cứ một ai không hiểu ý thâm của lời Phật dạy. Phật thí-dụ, mà cứ tưởng là Phật nói sự thật, cho nên nghe nói Phật, Bồ-tát, liền tin ngay là đức Phật, là các vị Bồ-tát, không dè những danh-từ ấy đều được dùng với nghĩa tượng trưng.

(1) Viễn ly: xa lìa. Nói cho đủ là “Viễn trần ly cấu”. Dứt được tất cả những cái thấy sai lầm (kiến hoặc), được Chánh-Kiến hay Pháp-nhân-tịnh, gọi là Viễn trần ly cấu (xa bụi đời, lìa dơ bẩn).

PHẨM THỨ 16
NHƯ-LAI THỌ LƯỢNG
(La dureé de la vie du Tathagata)

Bấy giờ đức Phật Thích-Ca bảo các Bồ-tát và đại-chúng:

- Các người hãy nên tin lời thành thật của Như-Lai!
Nói xong, Phật lập lại hai lần câu này.

Đứng đầu các Bồ-tát và đại-chúng, Bồ-tát Di-Lặc
chấp tay ba phen bạch Phật:

- Thế-Tôn, xin cứ nói, chúng con sẽ tin lãnh lời
Phật.

Thấy hàng Bồ-tát đã ba phen cầu thỉnh, đức Phật
bèn nói:

- Hãy nghe đúng như sự thật, sức mạnh thần thông
bí mật của Như-Lai. - Tất cả thế-gian, trời, người cùng A-
tu-la đều nói rằng Phật Thích-Ca, rời cung họ Thích, đến
thành Già-da (Gaya) cách đó không xa, ngồi nơi đạo
tràng, chứng quả A-nậu đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Nhưng
này các thiện-nam-tử, ta muôn ức na-do-tha kiếp đã trôi
qua. Giả sử có người đem năm trăm ngàn muôn ức na-do-
tha a-tăng-kỳ tam thiên đại thiên thế-giới, tán nhỏ thành
bụi, rồi đem một hạt bụi ấy đặt nơi hương đồng, sau khi
vượt qua năm trăm ngàn vạn ức na-do-tha a-tăng-kỳ nước.
Đặt xong, trở lại lấy một hạt khác và cũng đem đặt ở
hương đồng như lần trước, cho đến khi nào số bụi nói trên
bị đời đi hết. Này các thiện-nam-tử, ý các người thế nào?
Có thể tưởng tượng, đếm, tính, số thế-giới trên đó các hạt
bụi được đặt lên không?

Bồ-tát Di-Lặc và tất cả đều bạch:

- Thế-Tôn, các thế-giới ấy vô lượng vô biên, làm sao đếm, tính cho được, cũng không thể dùng sức tâm mà tưởng tượng được. Tất cả hàng Thanh-văn, Duyên-giác, đến bậc “vô-lậu” (A-la-hán) còn không thể suy tưởng được con số thế-giới ấy, huống chi chúng con mới là “a-duy-bạt-trí (1) thì làm sao biết được.

Đức Phật nói:

- Nay các thiện-nam-tử, ta sẽ nói rạch ròi cho các người nghe. Cứ kể mỗi hạt bụi là một kiếp, thì từ ta thành Phật đến nay, số kiếp trôi qua còn nhiều hơn số trăm ngàn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ hạt bụi ấy. Từ ấy tới nay, ta luôn ở tại thế-giới Ta-bà thuyết pháp, giáo hóa, lại cũng ở nơi khác tại trăm ngàn muôn ức na-do-tha nước, dắt dẫn chúng-sanh một cách ích-lợi. Nay các thiện-nam-tử, trong khoảng thời gian đó, ta nói có Phật Nhiên-Đặng v.v..., và cũng nói có chư Phật nhập Niết-bàn, nhưng tất cả đều là phương tiện mà phân biệt (nói có thành Phật, có nhập Niết-bàn). Nay các thiện-nam-tử, nếu có chúng-sanh nào đến chỗ ta ở, ta lấy Phật nhãn xem coi các căn của chúng-sanh ấy nhứt, bèn thế nào, rồi theo đó mà độ. Mỗi nơi, ta tự xưng với những danh hiệu bất đồng và cho biết tuổi tác lớn nhỏ cũng khác nhau, lại nói sẽ nhập Niết-bàn và còn dùng nhiều phương tiện khác để nói bày Pháp vi diệu, hầu làm cho chúng-sanh phát tâm hoan hỷ.- Nay các thiện-nam-tử, vì thấy chúng-sanh thích nơi “tiểu pháp”, đức mỏng, bản trọng, cho nên Như-Lai phải vì hạng ấy mà nói rằng ta lúc trẻ xuất gia, rồi đặng Vô-lượng Chánh-đẳng Chánh-giác. Thật ra, từ ta thành Phật đến nay, lâu hơn thời-gian ấy nhiều. Đây chẳng qua là phương tiện mà nói như vậy thôi, để giáo hóa chúng-sanh và khiến họ nhập

Phật-đạo. Nay các thiện-nam-tử, kinh điển của Như-Lai nói ra, đều nhắm chỗ độ thoát chúng-sanh, nhưng khi nói về thân mình, khi nói về thân người khác, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người khác, nhưng dầu trong trường hợp nào, tất cả lời của Như-Lai đều chân thực chẳng dối. Tại sao vậy? Vì đúng như thật, Như-Lai thấy tướng của ba cõi không có sanh tử, không lui, không xuất, không ở đời mà cũng không diệt độ, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như vậy, cũng chẳng phải khác, ba cõi chẳng phải như vậy mà lại thấy có ba cõi (2). Các việc như thế, Như-Lai thấy rõ, không bao giờ có sự sai lầm. Nhưng vì chúng-sanh tâm tánh khác nhau, ý muốn khác nhau, tưởng nhớ khác nhau, cho nên phải dùng nhân-duyên, thí-dụ, lời nói khác nhau để thuyết pháp, khiến họ sanh căn lành. Những việc của Phật làm (Phật sự) chưa từng dừng bỏ. Như vậy, từ ta thành Phật tới nay, thật rất lâu xa, còn thọ mạng thì dài vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, và luôn luôn trú trong bất-diệt. Nay các thiện-nam-tử, những hành-vi theo đạo Bồ-tát của ta đến nay chưa phải là hết đâu, vì vậy thọ mạng của ta còn dài gấp mấy lần con số nói trên. Tuy nhiên, dầu chưa thực diệt độ, ta vẫn nói là sẽ diệt độ, để làm phương tiện giáo hóa chúng-sanh. Sao vậy? Vì nếu Phật ở lâu tại thế thì hạng người đức mỏng không chịu trồng căn lành, cứ giữ mãi thói bần cùng hạ tiện, tham đắm năm món dục lạc (tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ). Đã mắc vào lưới nhớ tưởng vọng kiến mà nếu thấy Như-Lai ở đây mãi mãi không diệt-độ, thì làm sao không sanh kiêu mạn, phóng tâm, bỏ phước và giải đãi, và như vậy thì không tưởng đến và cũng không sanh lòng cung kính Phật như một bậc khó gặp.

Này các Tỳ-khưu, nên biết chư Phật xuất thế là điều khó gặp. Vì sao? Những người đức mỏng trải qua vô lượng trăm ngàn ức kiếp, có khi gặp Phật mà có khi cũng không gặp. Vì vậy cho nên ta nói Như-Lai khó thấy. Nghe lời nói này, chúng-sanh tất nghĩ đến lẽ ngàn năm một thuở mà sanh lòng luyến mộ, khao khát mà trởng căn lành. Bởi cố, tuy không thực diệt độ, mà vẫn nói là diệt độ. Lại nữa, này thiện-nam-tử, Pháp của chư Phật Như-Lai cũng vậy, đều chân thực, không hư dối, và chỉ có một mục đích là đưa dắt chúng-sanh. Thí dụ có một ông thầy thuốc giỏi, trí-huệ sáng suốt, phương dược khéo luyện, bệnh nào cũng trị hết, nhà con cái rất đông. Gặp lúc ông có việc phải đi ra nước ngoài, các con ở nhà uống phải thuốc độc, cơn điên nổi lên, té nằm dưới đất. Ngay lúc đó, ông cha về đến nhà. Các con của ông, có đứa mất tâm (thất bổn tâm), có đứa còn tâm (bất thất bổn tâm), nhưng khi xa thấy cha về, tất cả đều vui mừng, quì lạy chào hỏi và thưa vì ngu si nên uống phải độc dược, xin cha cứu tử. Cha thấy con khổ não như vậy, bèn theo các phương đã kinh nghiệm mà chế thuốc, màu sắc hương vị đều tốt đẹp và bảo các con uống; “Đây là lương dược, mùi ngon sắc đẹp, các con hãy uống đi thì sẽ mau trừ khổ não và bao nhiêu khổ hoạn sẽ không tái phục”. Những đứa không mất tâm nghe xong liền uống và được hết bệnh. Còn những đứa mất tâm, tuy thấy cha cũng vui mừng, cầu xin chữa bệnh, nhưng thuốc thì không chịu uống. Vì sao? Vì bị độc thấm sâu, đã mất tâm trí rồi, cho nên thuốc ngon sắc đẹp, lại cho là không ngon không đẹp. Ông cha thấy vậy mới suy nghĩ: Những đứa này mới đáng thương, thấy cha vui mừng cầu cứu, nhưng khi cho thuốc lại không chịu uống.

Ấy cũng vì bị chất độc cho nên tâm trí đều điên đảo, vậy phải dùng chước mới được. Nghĩ xong, ông mới nói rằng: Cha nay già yếu, sắp chết nay mai, có mấy món thuốc hay để lại, các con nên giữ mà dùng, khỏi sợ lắm thuốc dở. Nói rồi ông bỏ nhà ra đi qua nước khác và cho người về báo tin ông đã chết. Hay tin dữ, các con thất tâm của ông mới nghĩ, cha lành đã chết thì nay còn ai đâu mà cứu hộ cho mình! Vì thường nhớ thương như thế, tâm bèn tỉnh ngộ, biết thuốc của cha để lại là hay, liền lấy ra dùng, bao nhiêu độc bệnh đều lành hết. Nghe tin này, ông cha trở về xử cho con thấy mặt.

Này thiện-nam-tử, các người nghĩ thế nào? Nói dối như ông lương-y kia, có phải là một tội không?

- Bạch Thế-Tôn, không.

Đức Phật nói:

- Ta cũng thế. Từ thành Phật đến nay, vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp, nhưng vì muốn cứu độ chúng-sanh, cho nên phương tiện mà nói là sẽ diệt độ. Như vậy, đối với sự thật, cũng không thể nói rằng ta đã phạm tội nói sai nói dối.

Huyền nghĩa

Để giải thích cái nghi-vấn “cha trẻ con già”, Phật cho biết hạn lượng của đời sống Như-Lai.

Thế-gian thấy có Thái-tử sanh ra, lớn lên bỏ nhà đi tu thành Phật, và thành Phật rồi mới bắt đầu thuyết pháp độ đời. Vậy Phật có một đời sống có thì, và cuộc đời ấy sẽ có chung, và Phật cho hay sẽ diệt độ.

Đó là một sự thật, nhưng là một sự thật trong tương đối (*verité relative*), trong thế-giới hữu hình và hiện tượng (*phénoménal*), của thể-xác đức Phật Thích-Ca.

Còn trong ý đức Thích-Ca, chữ Phật hay Như-Lai đề cập ở đây, không chỉ cái thể-xác mà chỉ cái gì ở trong thể-xác ấy. Trong văn-chương ta có câu:

“Chết là thể xác, còn là tinh hoa”.

Còn là không chết, mà không chết thì cũng không có sanh. Vậy cái tinh-hoa nói ở đây ám chỉ cái mà Phật-pháp gọi là Tâm, hay Phật, hay Như-Lai.

Vậy nếu trong câu: “Ta từ thành Phật đến nay, vô lượng vô biên kiếp đã trôi qua, chúng ta thay hai chữ “Ta” và “Phật” bằng chữ “Tâm”, chúng ta sẽ có câu: “Tâm từ thành Tâm đến nay...” Nhưng từ Tâm mà thành Tâm thì câu nói ấy chỉ có nghĩa: Từ Tâm là Tâm (*depuis que Tâm est Tâm...*).

Tâm có từ bao giờ? Tâm là bản-thể bất sanh của vũ trụ, mà hễ bất sanh thì đâu có bắt đầu (thỉ), vì vậy mà nói là vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp, với nghĩa “một thời gian vô cùng vô cực” (*temps infini*).

Nếu đã là không sanh thì Tâm cũng không diệt.

Kinh điển bảo Phật đã nhập Niết-bàn tại ừng Ta-la. Chính đức Phật cũng có nói: Ta sắp nhập Niết-bàn, các đệ-tử có thắc mắc điều gì thì nên hỏi, để sau khỏi hối tiếc.

Trên thực-tế của thế-gian, nhập Niết-bàn chỉ có nghĩa là chết. Nhưng chết cũng là thể-xác mà thôi, còn tinh-hoa thì thường-tại luôn luôn, và tinh-hoa ấy mới thật là Phật, chớ xác kia nào phải là Phật!

Để cho dễ hiểu, xin lấy một thí-dụ.

Trên trời, chỉ có một vầng thái-dương nhưng khi ánh-sáng rọi xuống mặt đất và lóng-lánh trong mỗi hạt sương trên ngọn cỏ, thì nhấp-nhô không biết bao nhiêu là mặt trời.

Tâm bản-thể của vũ-trụ muôn loài là vầng thái-dương: tâm ở mỗi chúng-sanh là những lóng lánh ở mỗi hạt sương. Những lóng-lánh này có đầy đủ công năng, đức-tướng của vầng thái-dương kia, vì vậy Kinh nói: Tâm, Phật, chúng-sanh, tuy ba mà không sai biệt (khác nhau).

Nói một chúng-sanh nào đó đã thành Phật, là nói Tâm ở chúng-sanh ấy đã trở về với cái bản-lai thanh-tịnh của nó, mà như thế là y như Tâm vũ-trụ, bất diệt, thường tại vô lượng vô biên kiếp, Tâm ấy là cái mà Triết-học gọi là cái Vô-cùng (l'Infini).

Chúng-sanh mà thành Phật được, là nhờ nhận thức chân tâm của mình và xếp đặt nếp sống của mình (tu) theo chiều hướng của chân-tâm thức đấy. Đi theo chiều hướng đó là được tâm soi sáng (Kinh gọi là Phật giáo hóa), là đi trên con đường Phật (Phật đạo).

Mà chúng-sanh nào không đi từ tối ra sáng, không rút kinh nghiệm để biến dở thành hay. Đó là sự nhận xét của "tiểu-pháp", còn đúng theo sự thật và "đại-pháp", thì con người nguyên là sáng nhưng lại đại khờ bỏ sáng theo tối, nay chỉ có trở lại với nguồn sáng sẵn có là thành tựu. Sự giáo-hóa hay thức tỉnh ấy, ai cũng hưởng được và chính tự tâm hay ông Phật của mình ban cho mình, mà tâm mình thì vô thì vô chung, thì trên sự thật mình được giáo hóa không biết từ đời nào, chớ không phải chỉ từ khi có đức Phật Thích-Ca ra đời.

Vậy cha không trẻ mà rất già, già với một số tuổi không tính đếm được.

(1) A-duy-bạt-trí hay A-bê bạt-trí = bất thoái chuyển (không lùi bước).

(2) Ô. E.Burnouf dịch đoạn này như sau: "Pourquoi cela? C'est que le Tathâgata voit la réunion des trois mondes telle qu'elle est; ce monde (à ses yeux) n'est pas engendré, et il ne meurt pas, il ne disparaît pas et il ne naît pas, il ne roule pas dans le cercle de la transmigration, et il n'entre pas dans l'anéantissement complet; il n'a pas été et il n'est pas, n'ayant pas été; il n'est pas existant, et il n'est pas nonexistant; il n'est pas ainsi, et il n'est pas autrement; il n'est pas faussement, et il n'est pas réellement; il n'est pas autrement, et il n'est pas ainsi; c'est de cette manière que le Tathâgata voit la réunion des trois mondes; en un mot, il ne la voit pas comme la voient les hommes ordinaires et les ignorants..."

PHẨM THỨ 17
PHÂN BIỆT CÔNG-ĐỨC
(Proportion des mérites)

Khi đó, Thế-Tôn bảo Bồ-tát Di-Lặc:

Này A-Dật-Đa! Lúc ta nói về thọ mạng lâu dài của Như-Lai, thì có:

- sáu trăm tám muôn ức na-do-tha Hằng-sa chúng-sanh đặng “Vô-sanh pháp-nhãn” (1).

- một số đại Bồ-tát ngàn lần gấp đôi đặng môn “văn-trì đà-la-ni” (2).

- một số đại Bồ-tát đông như một thế-giới vi-trần đặng “nhạo thuyết vô ngại biện-tài” (3).

- một số đại Bồ-tát đông như một thế-giới vi-trần đặng trăm ngàn muôn ức vô lượng môn “triền đà-la-ni” (4).

- một số đại Bồ-tát đông như vi-trần của tam thiên đại thiên thế-giới chuyển được “pháp luân bất-thối” (5).

- một số đại Bồ-tát đông như vi-trần của nhị thiên quốc độ chuyển được “pháp luân thanh tịnh” (6).

- một số đại Bồ-tát đông như vi-trần của tiểu thiên quốc độ, trong 8 đời tái-sanh sẽ được “Vô thượng Chánh-đẳng Chánh-giác”.

- một số đại Bồ-tát đông như vi-trần của bốn tứ thiên-hạ (7), trong 4 đời tái sinh, sẽ đặng “Chánh-đẳng Chánh-giác”.

- một số đại Bồ-tát đông như vi-trần của ba tứ thiên-hạ, trong 3 đời tái sinh, sẽ đặng “Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác”.

- một số đại Bồ-tát đông như vi-trần của hai tứ-thiên-hạ, trong 2 đời tái sanh, sẽ đặng “Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác”.

- một số đại Bồ-tát đông như vi-trần của một tứ-thiên-hạ, trong 1 đời tái sanh, sẽ đặng “Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác”.

- một số chúng-sanh nhiều như vi-trần của tam thế-giới, đều phát tâm “Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác”.

Đức Phật nói xong, một trận mưa hoa báu từ hư-không rơi xuống trên vô lượng trăm ngàn muôn ức Phật ngồi trên toà sư-tử, dưới cội cây báu, trên đức Phật Thích-Ca và đức Phật Đa-Bảo đang ngồi trong tháp bảy báu, và trên tất cả Bồ-tát và bốn bộ chúng. Lại có trận mưa hương bột chiên-đàn, hương trầm-thủy, và trống trời tự vang. Lại có trận mưa thiên-y (áo trời) và trên không thòng xuống các thứ chuỗi ngọc, các lò hương báu đốt hương vô giá để cúng dường đại-chúng.

Trên mỗi đức Phật có các Bồ-tát tay cầm phan lọng, trước sau lên đến trời Phạm-thiên, dùng âm thanh vi diệu, ca vô lượng bài kệ tán thán chư Phật.

Khi ấy Bồ-tát Di-Lặc đứng dậy lễ Phật rồi nói một bài kệ nhắc lại và xưng tụng những lời Phật vừa dạy.

Bồ-tát Di-Lặc nói kệ xong, Phật nói:

- Nay A-Dật-Đa! Chúng-sanh nào nghe Phật thọ mạng lâu dài như thế mà chỉ sanh được một niềm tin tưởng, thì đặng công đức không thể hạn lượng. Công đức này lớn lao cho đến nỗi đem công-dec tu 5 ba-la-mật đầu (bố-thí, trì-giới, nhẫn-nhục, tinh-tấn, thiền-định) trong 80 muôn ức na-do-tha kiếp ra so sánh, thì trong muôn ức ngàn phần, công đức tu ba-la-mật không kịp một. Lại nữa,

ai được công-đức tin tưởng như trên thì không bao giờ thoái bước trên đường dẫn đến Chánh-giác.

Sau khi nói một bài kệ đáp lại ý trên, đức Phật nói tiếp:

- Nay A-Dật-Đa! Người nào nghe nói về thọ mạng lâu dài của Phật mà hiểu được cái ý thú trong lời nói đó, thì người ấy đặng công đức vô lượng, lại có thể phát khởi trí-huệ vô-thượng của Như-Lai. Huống là người rộng nghe Kinh Pháp-Hoa, hoặc bảo người nghe, hoặc tự thọ trì, hoặc bảo người thọ trì, hoặc tự chép, hoặc bảo người chép, hoặc dùng mọi thứ hương hoa v.v... cúng dường Kinh. người ấy đặng công đức vô biên có thể sanh “nhất thế chủng-trí” (trí Phật).

Này A-Dật-Đa! Còn thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào nghe ta nói mà sanh lòng tin hiểu chắc về thọ mạng lâu dài của Phật, thì người ấy ắt thấy Phật thường tại Kỳ-xà-quật nói Pháp cho các đại Bồ-tát và Thanh-văn vây quanh nghe. Chẳng những thế, mà còn thấy đất cội Ta-bà bằng lưu ly, mặt liễn bằng trắng, tám nẻo rào bằng dây vàng ròng, bảy hàng cây báu và lầu đài cũng đều bằng bảy báu hợp thành, trong có Bồ-tát ở. Ai mà quán tưởng được như thế, thì nên biết đó là biểu hiện của một lòng tin tưởng sâu chắc.

Lại nữa, sau khi Phật diệt độ, ai nghe Kinh này mà không chê bai, sanh lòng tùy-hỷ, thì đó cũng là biểu hiện của một lòng tin hiểu sâu chắc. Còn ai đọc, tụng, lãnh giữ Kinh này, thì người đó đầu đội Như-Lai.

Này A-Dật-Đa! Tin hiểu được như thế, thì không cần vì ta mà dựng chùa tháp, cũng không cần cất tăng-phương và dùng “tứ sự” cúng dường chúng Tăng. Vì sao?

Vì thọ trì đọc tụng được kinh này là đã dựng tháp, tạo lập tăng-phương, là đã dùng hương hoa, chuỗi ngọc, tràng phan, kỹ nhạc... tán thán chư Phật trong muôn ngàn ức kiếp rồi.

Này A-Dật-Đa! Thọ trì, đọc, tụng Kinh này được công đức như thế, hà huống còn tu hạnh bố-thí, trì-giới, nhẫn-nhục, tinh-tấn, nhất tâm (thiền-định) và trí-tuệ, thì công đức này không còn gì hơn.

Nếu thọ trì đọc tụng Kinh này mà còn tạo tháp xây dựng tăng-phương, cúng dường, khen ngợi chúng Thanh-văn và Bồ-tát, hoặc giải nói Kinh Pháp-Hoa rồi còn thanh-tịnh trì-giới, nhẫn-nhục, quý việc ngồi thiền, tinh tấn mạnh mẽ, căn lành trí sáng, thì đó là những người đã đến Đạo-tràng, gần ngôi dưới cội Đạo để chứng Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Tới đây, đức Phật nói một bài kệ nhắc lại ý trên.

Huyền nghĩa

I- Những “pháp-lợi” (những sự lợi-ích của Pháp) khi được nghe Phật nói về “thọ mạng của Như-Lai”.

Như-Lai là Tâm, mà Tâm thì bất-sanh (non-né) cho nên bất-diệt (non-mort), do đó nói thọ mạng của Như-Lai không cùng không cực.

Trong mỗi con người, có hai phần: a) phần sanh-diệt là ngũ-uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) tức là xác thịt và tinh thần; b) phần bất-sanh và bất-diệt (hay vô-sanh), tức là Tâm hay bản-thể. Phần trước thì đổi dời (vô thường), phần sau không đổi dời (thường). Chính phần sau

này mới là con người thật (Chân-nhân hay Chân-ngã), còn phần trước là con người bề ngoài (homme apparent), con người giả (Giả-ngã).

Từ trước đến giờ, ai cũng lấy phần giả làm thiết cho nên lầm tưởng mình có sanh, có chết và sống theo sự kích-thích của xác thịt, tình-cảm và tư-tưởng, nghĩ ngợi. Nay Phật đem sự thật ra nói và dạy cho biết con người thật là Tâm, là Như-Lai, không sanh cũng không diệt, sống mãi đời đời, không cùng không tận.

Ai nghe được chân-lý này và hiểu được thì thu hoạch được nhiều lợi-ích. Nhưng không phải đồng là người mà thụ hưởng được những sự lợi-ích như nhau. Vì căn cơ của chúng-sanh không đều, cho nên sự hiểu biết về “Như-Lai thọ mạng” cũng không đều: hiểu biết không đều cho nên sự lợi-ích hưởng được trong chỗ giác-ngộ cũng không đều. Vì vậy, hiểu cạn, hưởng lợi-ích nhỏ thì nhiều, mà hiểu sâu và hưởng lợi-ích to, thì càng sâu càng ít.

Những sự lợi-ích ấy như thế nào? Đại khái có 8:

1) **Vô-sanh pháp-nhãn** (kiến tánh): rất đông người được: 6 trăm tám mươi vạn ức na-do-tha Hằng-sa chúng-sanh.

2) **Văn-trì đà-la-ni** (nghe hiểu và nắm giữ được) số người hưởng được là hàng Bồ-tát một ngàn lần nhiều hơn.

3) **Nhạo thuyết vô ngại biện tài** (thích nói Pháp và có biện tài): đại Bồ-tát nhiều như vi-trần của một thế-giới.

4) **Triền đà-la-ni** (thông hiểu đầy đủ, ra vào cửa Pháp vô ngại): đại Bồ-tát nhiều như vi-trần của một thế-giới.

5) **Pháp-luân bất thoái** (tu hành tinh tấn): đại Bồ-tát nhiều như vi-trần của tam thiên.

6) **Pháp-luân thanh-tịnh** (được sự thanh-tịnh): đại Bồ-tát nhiều như vi-trần của hai ngàn cõi.

7) **Vô-lượng Chánh-đẳng Chánh-giác** (thành Phật): 4 hạng đại Bồ-tát nhiều ít khác nhau và mau chậm cũng khác nhau.

8) **Phát tâm vô thượng** (phát tâm tu thành Phật): chúng-sanh nhiều như vi-trần của 8 thế-giới.

II- Những công-đức của người hiểu và tin lời dạy của Phật về Như-Lai thọ mạng. Quan trọng vô cùng vì hơn công-đức của những người tu 5 ba-la-mật đầu là bố-thí, trì-giới, nhẫn-nhục, tinh-tấn và thiền-định. Chỉ những ai có tu thêm ba-la-mật thứ sáu là Trí-huệ thì công-đức mới to hơn.

III- Kết quả của lòng tin thuyết Như-Lai thọ mạng:

Tin thuyết này là người khai mở trí-huệ nhờ đó mà cái thấy được biến cải:

a) Không thấy chúng-sanh mà thấy Phật, tức là không đái chúng-sanh theo hình tướng (sắc) mà đái theo Như-Lai (chân-tâm thực-tướng).

b) Không thấy Ta-bà uế-độ mà thấy quốc-độ thanh-tịnh. Cõi này do Tâm hay Như-Lai mà biến hiện và Ta-bà thật ra không uế mà cũng không tịnh. Uế hay tịnh là do tâm chúng-sanh. Chúng-sanh tâm uế thì Ta-bà là uế-trước. Tâm chúng-sanh thanh-tịnh thì Ta-bà là nước Phật. Huống chi trên căn bản, Ta-bà là hoàn toàn thanh-tịnh vì từ Tâm, từ bản-thể, từ Như-Lai xuất phát ra.

IV- Tin như thế là pháp cúng dường tối thượng:

Lối cúng dường thường là dựng chùa tháp, xây cất tăng phường hay lo miếng ăn, thức uống, nhà cửa, quần áo. thuốc men cho chư Tăng. Nhưng cúng dường những thứ ấy để làm gì há không phải với lòng mong được khai ngộ đến mức “minh tâm kiến tánh”? Mà minh tâm kiến tánh là thấy được Như-Lai ở trong ta, đức Như-Lai thọ lượng vô cùng, hay Tâm bất sanh bất diệt. Tánh hoàn toàn sáng suốt của ta.

Nay nghe Phật giảng về Như-Lai thọ mạng và đã hiểu được Phật muốn nói gì, thì là đã nhận ra cái “Vô-samh” rồi. Ngộ đặng “Vô-sanh”, là đạt đến mục đích của cúng dường, thì còn cúng dường nữa làm gì?

V- Nhưng có một thứ công-đức cao nhất: Đó là công-đức của người vừa hiểu vừa tin thuyết Như-Lai thọ mạng (nghĩa là minh tâm kiến tánh) mà cũng vừa hành 5 ba-la-mật, lại vừa tạo tháp, xây cất tăng-phường và cúng dường mọi thứ.

VI- Kết luận phẩm này: Biết trong mình có Như-Lai thọ mạng vô cùng, là bậc sáng suốt, giác-ngộ rồi. Nhưng đó mới là giai-đoạn “tin và hiểu”. Bây giờ cần phải thực hiện cái hiểu bằng năm phép tu ba-la-mật, luôn cả những việc cúng dường bề ngoài. Hãy suy nghiệm về câu: “Phật-tử trụ thủ địa, thị tắc Phật thọ dụng” (Làm tất cả những việc kể trên là cái Phật của mình có chỗ dùng- hay nói một cách khác- là diễn đạt trong thực-tế cái Như-Lai đã tin hiểu và nhận nơi mình).

(1) Vô-sanh pháp-nhãn: Mức giác-ngộ của hàng Bồ-tát đã đắc chân-trí và an trụ vào lý-thể của sanh diệt.

(2) văn-trì đà-la-ni: Nghe pháp hiểu nhớ.

(3) nhạo thuyết vô ngại biện-tài: Thích nói pháp và có tài biện luận thông suốt.

(4) Triển đà-la-ni: Trong cửa pháp, ra vào vô ngại, nghĩa là thông hiểu đầy đủ, muốn giải thích thế nào cũng được.

(5) Pháp luân bất-thoái: Đẩy bánh xe pháp tới hoài không lùi.

(6) Pháp luân thanh tịnh: Pháp luân là bánh xe Pháp. Tuy một danh-từ thường dùng để chỉ giáo-pháp của Phật, nhưng có khi đặc biệt chỉ Bát Chánh-đạo. Bánh xe có trục, cãm, vành; Pháp Phật cũng có ba tướng như thế (huệ, định, giới)- Thanh-tịnh là trong sạch- Ở đây ý nói, được sự thanh-tịnh như người tu giới, định, tuệ.

(7) Bốn tứ-thiên-hạ: Âm chỉ 4 châu: 1) Động-thăng, 2) Tây-ngưu, 3) Bắc-cu-lô, 4) Nam-thiệm cũng gọi là Nam-diêm-phù-đề là trái đất chúng ta hiện ở.

PHẨM THỨ 18

TÙY HỸ CÔNG-ĐỨC

(Indication du mérite de la satisfaction)

Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-Lặc bạch Phật:

- Thế-Tôn! Nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào nghe Kinh Pháp-Hoa mà lòng vui đẹp (tùy hỷ), thì những người ấy đặng bao nhiêu phước đức?

Phật bảo Bồ-tát Di-Lặc:

- A-Dật-Đa! Sau khi Như-Lai diệt độ, nếu có Tỳ-khuu, Tỳ-khuu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cùng hạng người trí khác, nghe Kinh này mà lòng vui đẹp, rồi từ trong pháp-hội ra đến chỗ khác hoặc tại nơi chư Tăng ở (tăng - phường), hoặc chỗ vắng vẻ, hoặc nơi thành ấp, đường sá, xóm làng, ruộng rẫy, đem điều đã nghe, tùy sức mà diễn thuyết cho cha mẹ, họ hàng, bạn lành, bạn học cùng nghe, rồi những người này nghe xong lại đi chuyển dạy cho người khác nữa, như vậy cho tới người thứ năm mươi, thì, này A-Dật-Đa, công đức nghe Kinh vui đẹp của hàng thiện-nam-tử nữ-nhân thứ năm mươi đó sẽ được như lời ta sắp nói đây, người hãy lắng nghe.

Nếu có người làm hạnh bố-thí, ban cấp những thức cần dùng cùng ngọc ngà, châu báu, voi ngựa, xe cộ, cung điện, lầu gác cho vô số chúng-sanh trong vô số thế-giới, suốt một thời-gian là 80 năm. Tài thí như vậy xong rồi, vị thí-chủ ấy lại nghĩ đến việc đem Phật-pháp ra mà dạy dỗ đui đút chúng-sanh lúc ấy đã già suy, tuổi quá tám mươi, tóc bạc mặt nhăn, không bao lâu sẽ chết. Vị thí chủ ấy liền nhóm chúng-sanh giáo-hóa, khiến chúng đặng quả

Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Ý của ông nghĩ sao? Công-đức của vị đại thí-chủ đó có nhiều chăng?

Bồ-tát Di-Lặc bạch Phật:

- Thế-Tôn! Công-đức của người ấy nhiều vô lượng vô biên. Nội việc tài thí đã là vô lượng rồi, hà huống còn pháp thí đến đặng quả A-la-hán.

Phật bảo Bồ-tát Di-Lặc:

- Ta rành nói người nghe nhé! Công đức của vị thí chủ ấy không bằng một trong trăm ngàn muôn ức phần công đức của người thứ năm mươi nghe Kinh Pháp-Hoa mà lòng vui đẹp.

Này A-Dật-Đa, người nghe Kinh Pháp-Hoa thứ năm mươi mà còn được công đức tùy hỷ vô lượng vô biên như thế, huống hồ hạng người nghe Kinh lúc ban sơ, ngay trong Pháp-hội.

Này A-Dật-Đa! Nếu có người vì lòng muốn nghe Kinh này mà đến chùa, hoặc ngồi, hoặc đứng, dầu trong chốc lát để nghe nhận lời Kinh, người ấy sẽ có những công đức nhờ đó mà sẽ tái sanh trong cảnh giàu có rồi sau lại lên thiên cung.

Còn người nào, trong chỗ giảng Kinh mà biết khuyên người đến sau ngồi nghe, hoặc chia chỗ cho ngồi, thì người ấy, khi chuyển thân, đặng chỗ ngồi của Đế-Thích, Phạm-vương hay Chuyển-luân-Thánh-vương.

A-Dật-Đa! Nếu lại có người giới thiệu và khuyến khích người khác đi nghe giảng Kinh Pháp-Hoa, và người được khuyến nhận lời đến nghe, dầu trong chốc lát, thời người giới thiệu và khuyến khích đặng công-đức, khi chuyển thân, cùng sanh một nơi với hàng Bồ-tát “đà-la-ni”, căn tánh bén nhọn, có trí-huệ, trăm ngàn muôn đời

chẳng hề ngọng câm, miệng lưỡi không hôi thối, môi răng tốt đẹp, mặt mày đoan-trang, mũi lớn cao thẳng.

A-Dật-Đa! Người thử xem: khuyển một người đi nghe Pháp mà được công-đức như thế, hà huống một lòng (nhất tâm) nghe, nói, đọc, tụng kinh Pháp-Hoa, lại trong đám đông vì người mà giải thích và tu hành đúng như lời nói trong Kinh.

Huyền nghĩa

Vui sướng nghe Kinh, dầu trong chốn lạt, vui sướng mời kẻ khác cùng nghe, chia chỗ cho kẻ khác cùng ngồi nghe, giới thiệu, khuyến khích người nghe, tất cả những công-đức ấy lớn lao vô cùng, không thể đem những công-đức tài-thí, pháp-thí của Tiểu-thừa mà so sánh được.

Tại sao? Tài-thí và pháp-thí của Tiểu-thừa chưa phải là con đường đưa đến sự Giải-thoát hoàn toàn, chưa phải là ánh-sáng giúp chúng-sanh tự thấy có khả năng thành Phật, nói tóm, chưa vạch cho chúng-sanh thấy Sự-Thật trong Kinh Pháp-Hoa.

Nghe Kinh Pháp-Hoa mà thích, mà vui là người chẳng phải tầm thường, nhưng công-đức chưa bằng hạng người vui nghe và khuyến khích người khác cùng nghe như mình. Ở hạng sau này, lòng vị tha của Bồ-tát đã phát khởi.

Nhưng cũng chưa bằng công-đức của người nghe diễn, đọc, tụng và tu hành đúng như Kinh dạy.

PHẨM THỨ 19

PHÁP-SÚ CÔNG-ĐỨC

(Le Perfectionnement des sens)

Lúc bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Thường-Tinh-Tấn:

- Nếu có trai lành gái tín nào lãnh giữ Kinh Pháp-Hoa này bằng cách hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì người đó đặng:

- 800 công-đức về mắt
- 1200 công-đức về tai
- 800 công-đức về mũi
- 1200 công-đức về lưỡi
- 800 công-đức về thân
- 1200 công-đức về ý.

Dùng những công đức ấy mà trang nghiêm (làm cho tốt đẹp) sáu căn, thì sáu căn được thanh-tịnh.

1- Nhãn căn công-đức. Đôi mắt thịt cha mẹ sanh ra, nếu được thanh-tịnh, thì thấy được tất cả núi rừng, sông biển trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới, thấp đến địa ngục A-Tỳ (Avici), cao đến Trời Hữu-đánh; cũng thấy được tất cả chúng-sanh trong các thế-giới ấy, cùng những nghiệp-nhân, nghiệp-báo và những nơi sanh do quả báo định. Tất cả những sự việc ấy đều thấy, đều biết với đôi mắt phàm thanh-tịnh

2- Nhĩ căn công đức. Đôi tai cha mẹ sanh ra, một khi được thanh-tịnh rồi, thì nghe được tất cả các thứ tiếng khắp ba ngàn đại thiên thế-giới, như:

- tiếng voi, ngựa, trâu, xe (thú vật)
- tiếng khóc la, buồn than

- tiếng trống, tiếng loa, chuông lớn, chuông nhỏ
- tiếng cười, tiếng nói
- tiếng trai, tiếng gái, tiếng con nít nam nữ
- tiếng Pháp, tiếng chẳng phải Pháp
- tiếng khổ, tiếng sướng
- tiếng phàm-phu, tiếng Thánh-nhân
- tiếng đáng vui, tiếng chẳng đáng vui
- tiếng trời, tiếng rồng, tiếng các hàng A-tu-la
- tiếng lửa, tiếng nước, tiếng gió
- tiếng địa ngục, súc sanh, naga qui
- tiếng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, Phật.

Tóm lại, tuy chưa được thiên-nhĩ, nhưng nếu đôi tai tầm thường của cha mẹ sanh ra mà thanh-tĩnh rồi, thì tất cả các thứ tiếng trong ngoài ba ngàn đại-thiên thế-giới, đều nghe được và phân biệt từng loại một, nhưng không vì đó mà “nhĩ-căn” phải bị hư hoại.

3- Tỷ căn công-đức. Lãnh giữ Kinh Pháp-Hoa thì mũi được thanh-tĩnh, nhờ đó mà “nghe” được các mùi trong ba ngàn đại-thiên thế-giới và phân biệt được:

- mùi các thứ hoa tu-mạn-na, xà-đề, mạn-lợi v.v..
- mùi các thứ hoa sen xanh, vàng, trắng, đỏ
- mùi cây có hoa, mùi hoa cây có trái
- mùi các thứ hương.

Lại rõ biết các thứ mùi chúng-sanh, như:

- mùi thú vật (voi, ngựa, dê, trâu v.v..)
- mùi trai, gái, con nít nam, nữ
- mùi cỏ cây, rừng bụi, hoặc xa, hoặc gần.

Dầu ở đây, vẫn nghe:

- các mùi cây, hoa trên trời

- mùi nhân dân cõi trời ở các cung-điện hưởng phước, hoặc ở diệu pháp-đường nói pháp, hoặc khi dạo chơi.

Lại cũng nghe được:

- mùi hương của chư thiên đốt

- mùi Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát và Phật.

Nghe nhưng tỳ-căn không hư không lầm. Nếu muốn phân biệt nói cho người khác nghe, thì ghi nhớ không sai.

4- Thiệt căn công-đức. Trì Kinh Pháp-Hoa thì lưỡi được thanh-tịnh, nhờ đó mà:

- cuối cùng không thọ ác vị.

- tất cả các thức uống ăn đều xấu tốt, ngon dở, đắng chất đều biến thành vị ngon ngọt như cam-lô.

- thuyết pháp nói đến chỗ thâm diệu, thấu đến tâm người nghe, khiến họ vui mừng sướng thích, và cảm hóa được chư thiên và A-tu-la, hàng tu hành giàu có sang trọng.

- vì khéo nói pháp nên được hàng quyền quý, nhân dân theo hầu cúng-dường, và được chư Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, Phật ưa thấy, và người nói pháp khéo ở đâu, thì được chư Phật xoay về phía đó mà nói pháp, nương đó mà có khả-năng thọ-trì tất cả các pháp Phật, lại có thể nói ra tiếng pháp thâm diệu.

5- Thân căn công-đức. Trì Kinh Pháp-Hoa, sau khi Phật diệt độ, thì thân được trong sạch như ngọc lưu-ly, làm cho chúng-sanh ưa nhìn xem thân ấy. Như mảnh gương sáng, thân ấy là thân thanh-tịnh của Bồ-tát, trong đó các sắc-tượng đều hiện mà chỉ riêng mình thấy mà thôi. Các sắc-tượng ấy hoặc là tất cả chúng-sanh trong sáu

nẻo luân-hồi, hoặc cung-điện trên các cõi trời, hoặc địa ngục, hoặc Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, Phật.

Tuy chưa được “Vô lậu pháp-tánh diệu thân”, nhưng nhờ thanh-tịnh, cho nên tất cả đều hiện được trong cái thân thương.

6- Ý căn công-đức. Sau khi Phật diệt độ mà Trì Kinh Pháp-Hoa thì được ý căn thanh-tịnh. Dùng ý-căn thanh-tịnh đó mà nghe một bài kệ, một câu kinh cũng đủ thấu suốt vô lượng nghĩa; hiểu rõ diễn nói cả tháng, cả năm cũng được; mỗi pháp nói ra có thể có những nghĩa thú riêng, nhưng tất cả đều đúng với “Thực-tượng” (Réalité). Thậm chí khi bàn nói đến sách vở ngoài đời, cách xử thế tiếp vật hay nghề nghiệp sinh-nhai, cũng vẫn thuận với Chánh-pháp. Lại nữa còn biết được những hành-động, lời nói đùa trong tâm của sáu đường chúng-sanh trong ba ngàn đại-thiên thế-giới.

Dầu chưa đặng trí-huệ vô lậu, nhưng nếu ý-căn thanh-tịnh như thế thì tất cả suy-nghĩ, tính lượng, lời nói đều đúng với lời Phật dạy, không chỗ nào là không chân thật và đúng với lời nói của chư Phật trước (thời xưa).

Huyền nghĩa

Pháp-sư công-đức là những công-đức thu thập được bởi những người diễn đạt Kinh Pháp-Hoa bằng một trong những cách: đọc theo mặt chữ, tụng hay đọc thuộc lòng, giải thích bằng lời nói, hoặc biên chép.

Làm được những việc ấy gọi là trì-kinh, là nắm giữ Kinh cả về hai mặt văn-tự và nghĩa-lý (posséder). Mà nắm

giữ là không rời. Vây trì Kinh Pháp-Hoa có nghĩa là sống vì Kinh Pháp-Hoa và trong Kinh Pháp-Hoa.

Sống được như vậy, tất 6 căn trở thành lần hồi thanh-tịnh, không còn ô-úế, đầy lấm bụi trần như trước. Do đây Ô.Burnouf dịch "Perfectionnement des sens" (cải thiện 6 căn ngày càng hoàn mỹ).

Phẩm thứ 18 nói về công-đức (mérites, profits spirituels) của việc **nghe** Kinh mà lòng sanh hoan hỷ. Phẩm 19 này ghi công-đức của việc "thọ-trì", nhờ đây mà những cái biết bằng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý trước kia eo hẹp, thấp thỏi, phù phiếm và nhất là chấp trước (mê luyến, say đắm) bao nhiêu, thì nay nhờ công-đức thọ-trì mà trở thành bao la, cao thượng, sâu xa, giải thoát bấy nhiêu.

Mắt trước kia chỉ thấy việc hiển hiện trong phạm vi thị-hiếu của mình, như anh ghiền rượu chỉ thấy rượu ngon thật béo, anh mê cờ bạc chỉ thấy những cuộc đỏ đen... Ngoài ra không còn thấy, còn biết gì nữa. Nay vì Kinh, theo Kinh không còn vì, còn theo những cái say đắm ấy nữa, nên cái thấy được mở rộng tầm quan-sát, chẳng những trong cõi thế-gian hữu-hình, mà còn trong cõi vô-hình, thậm chí thấy được nghiệp nào đã làm nguyên nhân, những nghiệp nào là quả-báo, luôn cả những nơi mà nghiệp-báo sẽ dắt dẫn tái sanh.

Nhờ công-phu thọ trì mà tai trở thành thanh-tịnh, nghe được khắp vũ-trụ vô biên, những tiếng tăm cả trong lẫn ngoài, của cảm thú, nhân loại, quỷ thần, hiền thánh. Nghe mà nhĩ-căn bất hoại, nghe mà hoàn toàn giải-thoát, không say đắm, triu mến một thứ âm thanh nào.

Cũng nhờ công-phu thọ-trì mà mũi trở thành thanh-tĩnh đến nghe được khắp vũ-trụ vô biên những mùi của chúng-sanh, của chư thiên, chư Thánh-hiền. Nghe hết, thơm cũng như thối, nhưng tỳ-căn không vì đó mà hoại, nghĩa là say đắm. Và nghe được là biết mùi ấy ở đâu.

Lại cũng nhờ công-phu tu trì mà lưỡi biến vị đắng thành ngọt, nói lời thâm diệu, làm thấu lòng người, khiến người sanh lòng vui mừng, sướng thích. Tiếng của người có lưỡi thanh-tĩnh là Tiếng Pháp (Pháp âm: La Voix du Dharma, autrement dit de la Vérité).

Cũng thế, nhờ công-phu thọ-trì mà trong thân thanh-tĩnh hiện ra tất cả các sắc-tượng (phénomènes) của tất cả chúng-sanh trong sáu nẻo, tốt xấu, trên dưới, hoặc của các Thánh-hiền, Bồ-tát, Phật. Thân thanh-tĩnh như thế, tuy chưa phải là Pháp-thân chứa đựng tất cả, vẫn có một sức chứa đựng gần bằng Pháp-thân, nghĩa là được “thanh hóa” (sublimé) khá nhiều rồi.

Rốt hết, cũng nhờ công-phu thọ-trì mà ý-căn trở nên thanh-tĩnh, nghe một hiểu mười, hiểu một cách sâu xa và đặc biệt tài, muốn diễn nói bao lâu, bao nhiêu cũng được. Thậm chí khi bàn luận về việc đời cũng vẫn có mùi đạo và không sai với chánh-pháp (Người chánh nói pháp tà, pháp tà trở nên chánh). Lại trong chỗ suy nghĩ tính toán, không gì là không chân-thật và hiểu biết lời trong tâm chúng-sanh.

Sống với Kinh là sống trong Đạo, là sống xa đời và những ô-nhiễm của đời. Vì vậy tuy chưa chuyển hết 8 thức, vẫn chuyển được 5 thức đầu (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân)

thành “Thành-sở-tác-trí”, và thức thứ sáu là ý-thức thành “Điều-quan-sát-trí”, là bước đầu của người tu học.

Chỉ như công-đức ít nhiều, thức thì được 800, thức khác lại được 1.200, ấy cũng vì sự nhanh nhẹn của mỗi thức. Thức nào nhạy nhiều trong tội lỗi thì được công to khi chuyển hướng, thức nào nhạy ít thì được công nhỏ. Mắt đâu thấy xa bằng tai nghe, cho nên cách vách không thấy người khổ nhưng tai có thể nghe được tiếng than. Nghe mà cứu giúp, thì công-đức đó phải quy về cho tai. Hoặc nghe tiếng hát đàn mà cảm đến sanh tâm ái quý, tội cũng phải quy cho tai. Suy ra mấy thức kia cũng vậy. Vậy “lục tặc” chưa hẳn là kẻ cướp, tùy ta mà chúng sẽ giúp ích, chúng sẽ là “Pháp-sư”, nếu căn của chúng (tâm) được thanh-tĩnh bằng nhiều phương pháp mà trì Kinh Pháp-Hoa là một.

PHẨM THỨ 20
THƯỜNG BÁT KHINH BỒ-TÁT
(Le Religieux Sadâparibhuta)

Lúc bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Đại-Thế:

- Người nay nên biết, nếu Tỳ-khuu, Tỳ-khuu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di trì Kinh Pháp-Hoa mà bị mắng nhiếc chê bai, thời người mắng nhiếc chê bai mắc tội báo lớn như trước đã nói, còn người trì Kinh thì đặng công-đức như cũng đã nói rồi: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đặng thanh-tịnh.

Này Đại-Thế, thuở xưa cách nay vô lượng vô biên số kiếp, có Phật hiệu Oai-Âm-Vương ra đời, nhằm thời (kiếp) Ly-Suy, tại nước Đại-Thành. Vì người cầu quả Thanh-văn, Phật nói pháp Tứ-đế; vì người cầu quả Bích-chi-Phật, Ngài nói pháp Thập-nhị nhân-duyên; vì hàng Bồ-tát cầu Vô-thượng-giác, Ngài nói pháp ba-la-mật dẫn đến cứu-kính Phật-huê.

Đức-Đại-Thế, Phật Oai-Âm-Vương sống lâu 40 ức na-do-tha hằng-sa kiếp; Chánh-pháp của Phật trụ trong một số kiếp nhiều như vi-trần của một thế-gian; Tượng-pháp trụ trong một số kiếp nhiều như vi-trần của 4 châu. Sau khi Phật Oai-Âm-Vương diệt độ, Chánh-pháp, Tượng-Pháp diệt độ, một Đức Phật khác ra đời, cùng tại một nước, cũng lấy hiệu là Oai-Âm-Vương. Sau đó và tuần tự, có hai muôn ức Đức Phật ra đời cùng một danh-hiệu.

Phật Oai-Âm-Vương đầu tiên diệt độ rồi và sau lúc Chánh-pháp diệt độ thời trong thời Tượng-pháp, các tỳ-kheo tăng-thượng-mạn (1) có thế lực lớn. Bấy giờ có một Bồ-tát tên Thường-Bát-Khing (2). Sở dĩ có tên này là

vì mỗi khi gặp các hàng tỳ-khuu, tỳ-khuu-ni, ưu-bà-tát, ưu-bà-di, Bồ-tát lễ lạy khen ngợi: “Tôi rất kính quý vị, không dám khinh dễ, vì quý vị đều đi trên đường Bồ-tát và sẽ được làm Phật”. Bồ-tát Thường-Bất-Khinh không chuyên đọc kinh điển, chỉ thực hành việc lễ bái, thậm chí hễ xa thấy tứ chúng là lạy nói: “Tôi chẳng dám khinh quý vị, quý vị đều sẽ làm Phật”.

Trong tứ chúng, có người lòng bất tịnh, giận mắng: “Ông vô-trí tỳ-khuu này ở đâu đến mà cứ nói” tôi chẳng dám khinh quý vị rồi lại thọ-ký cho chúng tôi sẽ thành Phật; chúng tôi không dùng lời thọ-ký khoác lác đó đâu”.

Tuy trải qua nhiều năm bị mắng nhiếc, Bồ-tát Thường-Bất-Khinh không giận hờn, cứ luôn nói: “Quý vị sẽ làm Phật”. Lắm khi bị đánh mắng bằng gậy, bị ném gạch đá, Bồ-tát chạy tránh ra xa, miệng vẫn nói: “ Tôi chẳng dám khinh quý vị, quý vị đều sẽ làm Phật”. Vì đó mà ông được gọi là : Thường-Bất-Khinh”.

Lúc Bồ-tát Thường-Bất-Khinh mệnh chung, trong hư-không nghe tiếng của trọn hai mươi ngàn muôn ức bài kệ Kinh Pháp-Hoa của Phật Oai-Âm đã nói thuở trước. Nghe xong, Bồ-tát liền năng thọ-trì, đặng sáu căn thanh-tịnh như đã nói. Sáu căn đặng thanh-tịnh rồi, Bồ-tát sống thêm hai trăm muôn ức na-do-tha tuổi, vì người rộng nói Kinh Pháp-Hoa.

Lúc đó, những người trong tứ-chúng trước kia đã khinh rẻ Bồ-tát Thường-Bất-Khinh, nay thấy Bồ-tát đặng sức thần-thông lớn, sức nhạo-biện-tài, sức đại-thiện-lực (3) và nghe Bồ-tát thuyết pháp, đều tin phục và theo Bồ-tát (làm đệ tử)”.

Bồ-tát Thường-Bất-Khinh giáo hóa ngàn muôn chúng, khiến đứng yên trong Vô-thượng-giác. Những chúng ấy, sau khi mệnh chung, đặng gặp hai ngàn ức Phật, đồng hiệu Nhật-Nguyệt Đăng-Minh trong pháp-hội nói Kinh Pháp-Hoa này. Nhờ nhân-duyên đó, những chúng ấy lại gặp hai ngàn Phật đồng hiệu Vân-Tự-Tại Đăng-Vương tại pháp-hội của các Ngài, rồi thọ-trì, đọc tụng, vì hàng tứ-chúng nói Kinh Pháp-Hoa, cho nên sáu căn thường mà đặng thanh-tịnh, nói pháp cho tứ chúng nghe mà lòng không sợ sệt.

Này Đắc-Đại-Thế, sau khi cúng dường cung kính, tôn trọng bao nhiêu đức Phật như thế và trồng các rễ lành, Bồ-tát Thường-Bất-Khinh cuối cùng lại gặp ngàn muôn ức Phật, theo Phật-pháp mà nói Kinh này, thành tựu công-đức và sẽ thành Phật”.

Này Đắc-Đại-Thế, người có biết Bồ-tát Thường-Bất-Khinh thuở ấy là ai chăng? Đó là thân ta vậy. Nếu đời trước ta chẳng thọ-trì đọc tụng và giải nói cho người khác nghe Kinh này, thời ta chẳng thể mau đặng Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. Vì ta đã có trong nước Phật, thọ trì, đọc tụng và vì người khác nói Kinh này, nên mau đặng Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. Này Đắc-Đại-Thế, những tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di của thời đã nói, vì khinh tiện ta, nên trong hai trăm ức kiếp luôn luôn chẳng gặp Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng thấy Tăng, ngàn kiếp ở địa-ngục chịu khổ não lớn. Hết tội rồi, lại gặp Bồ-tát Thường-Bất-Khinh giáo hóa cho về Vô-thượng-giác.

Này Đắc-Đại-Thế, bốn chúng đã khinh khi Bồ-tát Thường-Bất-Khinh nào phải ai lạ, chính đó là những

người hiện nay đều là bậc bất-thoái-chuyển trên đường Chánh-giác, tức là bọn 500 Bồ-tát của Bạt-Đà-Bà-La, bọn 500 tỷ-khuu của Sư-Tử-Nguyệt, bọn 500 ưu-bà-tắc của Ni-tư-Phật, đang ở trong pháp-hội này.

Này Đắc-Đại-Thế, phải biết Kinh Pháp-Hoa này rất lợi ích cho các đại Bồ-tát, có thể giúp họ đến Vô-thượng-giác, cho nên sau khi Phật diệt độ, phải thường thọ trì, đọc tụng, giải nói.

Đức Phật bèn đọc một bài kệ nhắc lại nghĩa vừa nói.

Huyền nghĩa

Ly-Suy là lia sự suy-tổn, tương của cái chết. Vay ly-suy là xa lia cái chết, tức là giải-thoát sanh tử. Ai giải-thoát được sự sanh-tử là người không còn quyền luyến cảnh thế-gian. Có giải-thoát mới thực hiện được một sự thành-công vĩ đại (Đại-thành) là thực-hiện cái Chân-ngã (Oai-Âm-Vương) là nghe được tiếng của tâm (âm), nhận chịu sự điều khiển của oai quyền ấy (oai) như oai quyền của một nhà vua (Vương).

Tâm chỉ có một, cho nên bao nhiêu Phật cũng chỉ có một danh hiệu. Phật lại là Pháp, cho nên cũng chỉ có một Pháp. Do đây Kinh nói Phật Oai-Âm nào cũng chỉ thuyết Tú Diệu-đế, Thập-nhị nhân-duyên, Lục ba-la-mật.

Lúc tâm còn trong trắng (Phật chưa diệt độ), hoặc trong lúc tâm hết trong trắng (Phật đã diệt độ) mà con người chưa quá xa tâm (thời Chánh-pháp) thời còn khá, vì con người còn có khi biết mình là ai. Đến khi quá xa rồi (Chánh-pháp diệt tới thời Tượng-pháp), con người tự quên mình, luôn luôn tự khinh mình, ai bảo mình có khả năng

làm Phật (trở thành sáng suốt) thời không tin lại nhạo báng, cho nên phải sa vào chỗ tối tăm (không gặp Phật), nghe chân-lý không được (chẳng nghe Pháp) và sống trái với cái Hòa của vũ-trụ (chẳng gặp Tăng). Do đây mà phải chịu khổ não.

Ngày nào thức tỉnh (hết tội), không còn tự khinh mình nữa (được Bồ-tát Thường Bất-Kinh giáo hóa) thì sẽ đi về nẻo Vô-thượng-giác.

Phải luôn luôn đừng khinh mình (Thường-Bất-Kinh). Mỗi chúng ta phải là một Bồ-tát Thường-Bất-Kinh đối với chúng ta, ngày đêm phải tự nhắc: “Người sẽ thành Phật”.

(1) Tăng-thượng-mạn: Ngạo nghệ, tu chưa đắc quả mà tự cho là đã đắc.

(2) Thường-Bất-Kinh: Luôn luôn không khinh dể

(3) Thân-thông, tài biện luận và đức thiện, khi tu tập đến mức rộng lớn thời trở thành những sức mạnh tinh thần, vì vậy gọi là sức (lực).

PHẨM THỨ 21 NHƯ-LAI THẦN-LỰC

(Effet de la puissance surnaturelle du Tathâgata)

Lúc bấy giờ, vô số Bồ-tát đã từ đất vọt lên đều ở trước Phật (Thích-Ca). Tất cả đều nhất tâm chấp tay, chiêm ngưỡng dung nhan Phật mà bạch rằng:

- Thế-Tôn, sau khi Phật diệt độ, chúng con sẽ rộng nói Kinh này (Pháp-Hoa) ở xứ nào của quốc-độ mà nơi đó các phân-thân Phật diệt độ. Tại sao thế? Tại chúng con cũng tự muốn lãnh giữ, đọc tụng, giải nói, biên chép để cúng dường “pháp lớn chân-tịnh”.

Lúc ấy, trước mặt Văn-Thù Sư-Lợi và vô lượng Bồ-tát xưa kia ở thế-giới Ta-bà, cùng các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di và Thiên Long bát bộ. Thế-Tôn hiện sức thần-thông lớn là le lưới rộng dài tới cõi trời Phạm-thế và từ các lỗ chân lông phóng ra vô số tia sáng đủ màu, khắp soi mười phương thế-giới. Các đức Phật ngồi trên tòa sư-tử, dưới cội cây báu, cũng làm như thế: le lưới rộng dài và phóng vô lượng ánh sáng.

Đức Phật Thích-Ca và các đức Phật dưới cây báu hiện sức thần-thông mãn trăm ngàn năm, sau đó mới rút lưới vô và đồng thời tăng-hăng và cùng chung khảy móng tay. Hai thứ tiếng vang đó lan khắp mười phương thế-giới của chư Phật, làm đất rung động sáu cách. Trời, Rồng, Dạ-xoa... người và loài chẳng phải người v.v..., nhờ sức thần của Phật, đều thấy trong cõi Ta-bà này vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức Phật ngồi trên tòa sư-tử, dưới những cây báu, và thấy Phật Thích-Ca và Đa-Bảo Như-Lai ngồi trên tòa sư-tử trong tháp báu. Lại thấy vô lượng

vô biên trăm ngàn muôn ức Bồ-tát và tứ chúng cung kính vây quanh đức Phật Thích-Ca. Tất cả đều vui mừng như đặng cái chưa từng có.

Ngay lúc ấy, chư thiên trong hư-không lớn tiếng xướng lên: “Cách đây vô lượng thế-giới, có nước tên Ta-bà, nơi ấy có Phật hiệu Thích-Ca hiện đang vì các đại Bồ-tát nói Kinh Đại-thừa tên “Diệu-Pháp Liên-Hoa giáo Bồ-tát sở hộ niệm”. Các người nên vui theo trong thâm tâm, cũng nên lễ bái cúng dường Phật Thích-Ca”.

Chúng-sanh nghe tiếng trong hư-không ấy rồi, bèn chấp tay, quay về cõi Ta-bà, nói: “ Nam-mô Thích-Ca Mâu-Ni Phật! Nam-mô Thích-Ca Mâu-Ni Phật!” rồi dùng các món hoa, hương, chuỗi ngọc, cờ, lọng... xa rải xuống thế-giới Ta-bà. Các vật rải đó, từ mười phương đến ví như mây mù, biến thành một bức màn báu trùm khắp không-gian, phía trên chư Phật. Bảy giờ thế-giới mười phương thông suốt với nhau, không gì ngăn ngại, như là một nước Phật duy nhất.

Lúc bấy giờ, Phật bảo các hàng Bồ-tát bậc thượng-hạnh:

- Sức thần-thông của chư Phật vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn là như thế. Nếu ta dùng thần-thông ấy mà nói bày công-đức của Kinh Diệu-Pháp để lưu truyền về sau, thì dầu có trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức kiếp cũng chẳng nói hết. Tóm lại, tất cả pháp của Như-Lai, tất cả thần lực tự-tại của Như-Lai, tất cả kho tàng bí-yếu của Như-Lai đều được tuyên bố, bày giải, nói rõ trong Kinh Diệu-Pháp, cho nên, sau khi Như-Lai diệt độ, các người phải một lòng thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép và tu hành đúng theo lời Kinh, hoặc chỗ nào có

quyển Kinh Pháp-Hoa, bất luận nơi đó là vườn, là rừng, là dưới cội cây, là phòng chư Tăng, là nhà người thế-tục, là chỗ thờ Phật, là núi hoang, đồng trống, thời nên dựng tháp cúng dường. Vì sao? Vì phải biết chỗ có Kinh đó là đạo-tràng, là nơi chư Phật đặng Vô-thượng-giác, là nơi chư Phật chuyển pháp-luân, là nơi chư Phật nhập Niết-bàn.

Lúc đó, để lập lại nghĩa vừa nói, Thế-Tôn nói bài kệ:

*Chư Phật, đáng cứu thế,
Vững trong thân-thông lớn,
Để vui đẹp chúng-sanh,
Hiện vô lượng sức thần:
Lưỡi dài đến trời Phạm
Thân ánh vô số tia,
Vì người cầu nẻo Phật
Hiện sự ít có này.
Tiếng tăng-hắng chư Phật
Cùng tiếng khảy móng tay
Khắp nghe mười phương nước
Đất đều rung sáu cách.
Sau khi Phật diệt độ,
Người giữ được Kinh này,
Các Phật đều vui mừng
Hiện vô lượng thân-lực.
Vì muốn lưu truyền Kinh
Nên khen người thọ trì
Nhưng dầu vô lượng kiếp
Cũng không khen hết lời
Công-đức của người đó
Vô biên, vô cùng tận,*

Như hư-không mười phương
Không biết đâu ranh rập.
Người trì được Kinh này
Thời là đã thấy ta
Cũng thấy Phật Đa-Bảo
Và các phân-thân Phật,
Lại thấy ta ngày nay
Giáo hóa các Bồ-tát.
Người trì được Kinh này,
Khiến ta và phân-thân
(Cùng) Phật Đa-Bảo (đã) diệt độ
Tất cả đều vui mừng.
Mười Phương Phật hiện-tại
Phật quá-khứ, vị-lai
Cũng thấy, cúng dường được
Cũng làm cho vui mừng.
Pháp bí yếu chư Phật
Tìmặng tại đạo-tràng,
(Thời) Người trì được Kinh này,
Chẳng lâu cũng sẽ đặng.
Người trì được Kinh này,
Thời về nghĩa các pháp,
Cũng như chữ và lời,
Không gì làm ngăn ngại,
Sau khi Như-Lai diệt
Mà biết Kinh Phật nói
Rồi có đầu có đuôi,
Tùy nghĩa nói đúng "Thực"
Thời như sáng trời, trăng,
Năng trừ mọi tăm tối.

*Người đó đi trên đời
Năng dứt tối cho người,
Dạy vô lượng Bồ-tát,
Rốt ráo vững “nhất-thừa”.
Cho nên người có trí
Nghe lợi công-đức này,
Sau khi ta diệt độ,
Nên thọ trì Kinh này,
Được vậy thời quyết định,
Là người trên nẻo Phật.*

Huyền nghĩa

Trước khi trình bày thiển kiến của tôi, tôi xin ghi lại sau đây lời giải của Ngài Giác-Đạo-Tuân, Minh-Chánh Thiên-sư trong sách “Pháp-Hoa Đê-Cương”, thuộc bộ Việt-Nam Phật-điển Tùng-san.

Phần Hán-văn

“Nhu-Lai hiện thân-lực” phẩm giả, thử tương phó nhất đại sự nhân duyên, Diệu-pháp thời dã.

Cái Kinh tiền phóng quang, dĩ hiển nhān-căn Kiến-tánh. Thử Kiến-tánh tưng vô lượng-nghĩa bát-tư-nghi bốn-lai thanh-tịnh tâm trung chi ứng dụng, linh chư chúng-sanh phản bỉ Kiến-tánh, hồi quán tự kỷ bốn-lai tâm, ngộ-nhập Phật tri-kiến.

Thử tiệm tiệm khai diễn tâm căn bốn nhất, tri kiến nguyên đồng, thể dụng bất nhị. Nãi chí kục căn, đồng thị bốn-lai thanh-tịnh tâm chi ứng dụng.

Thử tâm tức thị nhất đại sự Phật chi tri kiến.

Chúng ký tri dĩ, nhiên ư lục căn môn đầu, vị tri từng hà căn nhập, vi tối thượng diệu pháp. Cố thử hựu phóng quang, biểu dữ tiền quang bất dị, nhị hựu xuất quang trường thiết giả, tức biểu thuyết hy-hữu đại pháp dã. Hựu biểu thiết căn năng diễn thuyết Đại-thừa pháp-âm, linh văn giả, tâm năng ngộ nhập. Cái thiết nãi tâm chi miêu, thiết thuyết tức tâm thuyết dã linh tư giác, sử từng nhĩ-căn nhị nhập.

Thử hựu khánh khái, đàn chỉ tác thanh dã. Thử chánh xúc diện thân phó đại pháp thời dã. Cái biểu nhân thanh dĩ hiển xuất nhĩ-căn văn-tánh. Nhị nhĩ-căn viên thông thường chiếu, ngũ căn sở bất tế. Cố Phật khánh-khái, đàn chỉ, mật

Lãng-Nghiêm Kinh vân: “Thử phương chân giáo Thế, thanh-tịnh tại âm văn. Dục thủ tam-ma-đê, thực từng văn trung nhập”.

Hựu vân: “Đàn dụng thủ căn tu viên thông siêu Du giả”. Nhiên Phật bất dụng pháp-âm hiển nhĩ-căn giả, biểu ly ngôn thuyết tướng dã.-Dụng khánh-khái, đàn chỉ âm thanh, hiển nhĩ-căn giả, biểu ly tâm duyên tướng dã. Đàn chỉ nhĩ-căn văn-tánh, đà đà viên chiếu giả như dĩ dã.

Chư Phật đồng phóng quang nãi chí đồng khánh-khái, đàn-chỉ giả, biểu thập phương nhất thể chư Phật đồng nhất đạo dã. Hựu hiển dương cơ kiến văn, giác tri linh-minh chi tánh, nhất thời đồng biến thập phương chư Phật thế-giới, đồng triệt vô ngại, nhi vô tạp dã.

Đương tri thủ tiết, dĩ Lãng-Nghiêm Kinh, sở hiển lục-căn công-đức số lượng, dĩ tuyển trạch viên-thông căn trung, đệ nhất thông lợi giả. Từng thủ căn nhập, tác kích chung dĩ hiển nhĩ-căn văn-tánh, minh lợi viên thông

thường chiếu, tối vi thù thắng. Tư kinh tắc khánh-khái, đàn-chỉ diệt thử ý dã.

Kinh văn: “Chư Phật khánh-khái thanh, cập đàn-chỉ chi thanh, chu văn thập phương quốc, địa giai lục chủng động trọng tại “chu văn” nhị tự dã. Hộu khánh-khái giả, tức linh tri kỳ hồi cố dã. Đàn-chỉ giả, tức tạo dăng nhất thế bổn lai vô pháp khả thuyết.

Trục chỉ nhĩ đích linh minh chu văn động thập phương giả, thị như bổn-lai thanh-tĩnh chi tự-tánh dã. Văn giả, ưng như thị ngộ nhập.

Dịch ra Việt-văn

Phẩm “Như-Lai hiện thần-lực” đây là ghi lại lúc Như-Lai sắp trao Diệu-pháp, một “biến-cố” (événement) lớn vậy.

Bởi vậy, trước khi nói Kinh, Như-Lai phóng hào-quang để làm tỏ cái Kiến-tánh của nhãn-căn. Tánh này do Tâm-vô-lượng nghĩa, bất tư nghì, bổn lai thanh-tĩnh, mà ứng hiện. Làm tỏ cái Kiến-tánh để khiến chúng-sanh quày cái Kiến-tánh của mình mà ngó lại cái bổn-lai tâm của mình, hầu nhận thấy và đi vào con đường tri-kiến của Phật.

Kế đó lần lượt mở bày cho thấy Tâm với căn vốn một, tri-kiến của chúng-sanh và Phật đồng nguồn, thể và dụng không hai. Thậm chí sáu căn, cũng đều là ứng dụng của tâm bổn-lai thanh-tĩnh.

Tâm ấy là điều quan trọng nhất của tri-kiến Phật.

Các đệ-tử (Phật) đã biết những điều vừa nói xong, nhưng trong sáu căn, họ chưa phải biết theo căn nào để vào cõi tối thượng diệu-pháp. Bởi cơ (Phật) lại phóng

quang (quang này với quang trước không khác, đồng là một lối tiêu biểu), rồi lại thề lưỡi dài, đó là tiêu biểu cho việc sắp nói Đại-pháp chưa từng có, mà cũng tiêu biểu cho cái khả năng diễn thuyết tiếng Pháp Đại-thừa của lưỡi, làm cho người nghe, tâm bèn năng ngộ nhập. Bởi vì lưỡi là mẹ của tâm, lưỡi nói là tâm nói vậy.

Kế lại tăng hắng và khảy móng tay, làm cho có tiếng. Đây là lúc chạm mặt tự thân giao phó đại pháp. Một lối tiêu biểu khác, dùng Tiếng để làm tỏ cái Tánh-nghe của “Lỗ tai” (Nhĩ-căn). Nhĩ-căn thì thường chiếu hoàn-toàn, các căn khác không bằng. Bởi cứ Phật tăng hắng và khảy móng tay, mặt khiến mỗi người tự tỉnh, theo lỗ tai mà nhập vào Phật tri-kiến.

Kinh Lăng-Nghiêm có câu: Phương pháp này là lối dạy chân chánh về Thể, Thanh-tĩnh nằm tại chỗ nghe tiếng. Muốn nắm được Chánh-định, thời nói thực, phải theo cái nghe mà được.

Kinh Lăng-Nghiêm lại nói: “Chỉ dùng căn này (Nhĩ) mà tu cái Viên-thông (Vô-thượng-giác), vượt khỏi Hữu-dư Niết-bàn”. Nhưng Phật không dùng Pháp-âm để làm rõ Nhĩ-căn, là tiêu biểu cho cái tướng “ly ngôn thuyết”. Dùng âm thanh của tăng-hắng và khảy móng tay, là làm tỏ nhĩ-căn, tiêu biểu cho cái tướng “ly tâm duyên”. Làm như thế, chỉ có một mục-đích là chỉ cho thấy cái Chiếu sáng tròn đủ thông suốt (Viên-chiếu đà-đà) của Tánh-nghe của Nhĩ-căn mà thôi vậy.

Việc các đức Phật đồng phóng quang, thậm chí cùng tăng-hắng và khảy móng tay, tiêu biểu cái lẽ mười phương chư Phật đều đồng một đạo vậy. Lại cũng để làm tỏ rõ điểm này là cái Tánh :kiến-văn, giác-tri” rất linh-

thiêng và sáng suốt của các hàng đệ-tử đang nghe pháp (đương cơ) đều đồng một lúc bủa khắp mười phương thế-giới chư Phật, thấu suốt vô ngại mà không tạp vậy.

Nên biết phẩm này (của Kinh Pháp-Hoa) và chỗ trong Kinh Lăng-Nghiêm nói về số lượng công-đức của sáu căn, đều là để lựa coi trong sáu căn-viên thông căn nào thông lợi hơn hết, để theo căn ấy mà vào (Phật tri-kiến). Bởi vậy (trong Kinh Lăng-Nghiêm) có việc đánh chuông để hiển cái Tánh-nghe của Nhĩ-căn, để làm rõ cái viên-thông thường chiếu trọi hơn hết của Nhĩ-căn (đối với các căn khác). Ở đây, Phật không đánh chuông mà tăng-hắng và khảy móng tay, nhưng không ngoài ý vừa nói.

Kinh nói: “Chư Phật tăng-hắng và khảy móng tay, tiếng ấy vòng quanh mười phương quốc độ đều nghe thấy, đất lại chấn động sáu cách. Trong câu này, quan trọng nhất là hai chữ “chu văn” (nghe vòng quanh). Tăng-hắng lại còn có nghĩa là khiến mỗi người biết là mình đã quày đầu. Khảy móng tay, là ý quét sạch tất cả (vì) ở chỗ nguồn gốc, không có một pháp nào mà có thể nói được.

Đi ngay vào chỗ “linh minh chu văn động thập phương” của nhĩ-căn, như vậy là đi ngay vào tự-tánh bỗng-lai thanh-tịnh của người vậy. Người nghe nên như thế mà ngộ nhập.

Ở đây, nên phân biệt có hai hạng Bồ-tát: 1) hạng dưới đất vọt lên (tượng trưng cho những đức tướng trong tâm của mỗi chúng-sanh); 2) hạng đương cơ, tức là những Bồ-tát bằng xương bằng thịt, đang nghe Phật thuyết pháp.

Câu bạch ở đoạn đầu của hàng Bồ-tát thứ nhất có nghĩa: “trong tâm nào (quốc độ) mà ánh-sáng giác (phân-thân Phật) tắt mất (diệt độ), nghĩa là bị vô-minh che áng,

thời người tu muốn được thanh-tịnh (pháp lớn chân tịnh) phải thọ trì, đọc tụng...Kinh Pháp-Hoa để gieo trồng đức tướng. Có đức là có thanh-tịnh.

Lưỡi rộng dài tiêu biểu cho tiếng Pháp (Pháp-âm), tức như hiện nay chúng ta nói tiếng của lương-tâm. Nghe được tiếng Pháp, trở thành sáng suốt hay giác ngộ (phóng quang).

Nghe được tiếng Pháp, tiếng của cõi lòng xa xuôi, chỉ những người cột tâm trói ý hay nhập định (Phật ngồi dưới cây bấu, ám chỉ lúc Đức Thích-Ca ngồi dưới cội Bồ-đề tư duy 49 ngày). Nghe được rồi, (rút lưỡi vô), thời sức nghe thấy phát triển lạ lùng (thần thông), đến nỗi nghe được những tiếng nhỏ nhất của cõi lòng (tăng-hắng và khảy móng tay), và nghe lớn như những tiếng trời gầm, lan khắp vũ-trụ vô biên và làm rung rinh quả đất. Còn cái thấy thì cũng thần thông lạ lùng: thấy tất cả chúng-sanh đều có Phật-tánh (vô lượng ức Phật ngồi tòa sư-tử trong cõi Ta-bà), thấy Tâm nào (tháp bấu) cũng đều có chứa đựng Ánh-Giác (Thích-Ca) và hằng-sa đức tướng (Đa-Bảo), lại thấy vô số chúng-sanh đang tiến về Ánh-Giác, trước sau thứ bậc Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di (tứ chúng).

Nghe thấy được như vậy là sanh tâm kính tín, như trong hư-không có tiếng thúc giục, rồi tự nhiên mà niệm Phật, quy ngưỡng và cúng dường. Cúng dường hết sức mình, nghĩa là khi đã hiến trọn thân mình cho Phật, cho Giác-ngộ, thì sự giác-ngộ nơi mình trở thành bao-la, soi thấy mười phương thế-giới một cách thông suốt, không còn gì ngăn ngại nữa.

Tóm lại, trong Tâm (Như-Lai) có tất cả pháp, tất cả thân-lực tự-tại, tất cả điều bi-yếu huyền-diệu. Và tất cả những cái ấy đều có nói rõ và đầy đủ trong Kinh Pháp-Hoa. Vậy phải thọ trì, đọc tụng,...và nhất là theo lời Kinh mà tu hành cho đúng.

Trên đây là ý nghĩa thâm huyền mà chúng tôi cảm thấy trong phẩm này. Trong cái nghe thấy thần thông nói ở đây, không gì khác hơn là chữ Huệ, hay nói đúng hơn, những diệu dụng của Huệ.

PHẨM THỨ 22

CHỨC LỤY (1) (Le dépôt)

Lúc bấy giờ, đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, từ pháp tòa đứng dậy, hiện sức thần lớn, dùng tay mặt xoa đầu vô lượng đại Bồ-tát mà nói rằng:

- Trong vô lượng trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ, ta đã tu tập pháp vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác khó đặng này, nay đem giao phó cho các người; các người nên một lòng truyền bá để rộng thêm sự ích lợi.

Đức Phật ba phen xoa đầu các Bồ-tát và ba phen lập lại câu nói trên.

Vì sao? Vì Như-Lai có từ bi lớn không tham tiếc cùng không có điều sợ sệt, năng cho chúng-sanh trí-huệ của Phật, trí-huệ của Như-Lai, trí-huệ tự-nhiên. Như-Lai là đại thí-chủ (2) của tất cả chúng-sanh, các người nên theo học pháp của Như-Lai, chớ nên tham tiếc. Đời sau, nếu có trai lành gái thiện nào tin trí-huệ của Như-Lai thời các người nên vì những người ấy mà diễn nói Kinh Pháp-Hoa, để họ nghe biết mà được sự sáng suốt của Phật. Nếu gặp hạng chúng-sanh không tin lãnh lời Kinh, thời nên dùng pháp khác trong các giáo-pháp thâm diệu của Như-Lai, mà chỉ dạy cho họ được lợi ích vui mừng. Làm được như thế là các người đã báo ân Phật rồi vậy.

Khi nghe Phật nói xong, các đại Bồ-tát đều cảm thấy sự vui mừng lan khắp thân thể. Lòng thêm cung kính, các Bồ-tát nghiêng mình cúi đầu, chấp tay hướng Phật đồng bạch:

- Chúng con sẽ làm đầy đủ theo lời Thế-Tôn dạy, kính xin Thế-Tôn chớ nên lo nghĩ.

Lúc bấy giờ, đức Phật Thích-Ca dạy các phân-thân Phật từ mười phương đến, đều trở về nước mình và nói rằng:

- Chư Phật mỗi vị tùy chỗ an trú của mình mà trở về vào tháp của Phật Đa-Bảo như cũ.

Trong lúc Phật nói, mười phương vô lượng phân-thân Phật đang ngồi trên tòa sư-tử dưới cây báu, cùng Phật Đa-Bảo với vô biên vô số Bồ-tát như Xá-lợi-Phất v.v... hàng Thanh-văn, bốn chúng và tất cả ba hạng chúng-sanh lành là thiên, nhân, A-tu-la, nghe lời Phật nói đều rất vui mừng.

Huyền nghĩa

CHÚC là gọi, phó thác. – LUY (lẽ ra phải đọc là LŪY) có nghĩa là chông chất. Bây giờ chúng ta nói: Ký thác, như ký thác vào một Ngân-hàng, với nghĩa gọi bạc một khi một ít vào một Ngân-hàng. Do đây, Ô. Burnouf dịch là “depôt”.

Ánh-sáng ấy tạm gọi là Trí-huệ của Phật. Thật sự Trí-huệ ấy là của Như-Lai tức là của Chân-tâm, Phật-tánh. Nói đúng hơn, đó là Trí-huệ tự-nhiên ở con người, khác với cái Trí-huệ “hậu-đắc” tức là cái trí-huệ cần phải học hỏi mới có, như trí-huệ của một nhà toán-học, bác-sĩ, chẳng hạn.

Như-Lai là đại thí-chủ có nghĩa là Tâm không bao giờ từ chối với ta một tia sáng trí-huệ nào. Tại chúng ta nghe theo tình dục không hỏi Tâm nên Tâm không ban cho những lời chỉ bảo sáng suốt, chớ nào phải Tâm keo kiệt, bõn sẻn, tham tiếc. Vậy ai đã tìm thấy nguồn ánh-sáng ấy

nơi mình, thì nên theo lòng hào-hiệp của Tâm mà ban bố ánh-sáng ấy, không nên giữ riêng cho mình.

Nhưng tin rằng Tâm mình là Phật, trong Tâm mình có Kinh Pháp-Hoa, nguồn Vô-thượng giác, là một việc khó, phải là bậc Bồ-tát mới làm được. Vì vậy, gặp những người “chưa tin trí-huệ của Như-Lai” thời nên dùng pháp khác trong vô lượng pháp thâm diệu của Như-Lai (Tâm) mà khai mở cho họ được lợi ích.

“Chư phân-thân Phật, mỗi vị tùy chỗ an trú của mình mà trở vào Tháp của Phật Đa-Bảo như cũ” có nghĩa tất cả chúng-sanh đều là Một, và Một ấy là Pháp (Đa-Bảo) và Pháp là Tâm.

Nói tóm, Tâm chứa lấy đầy đủ Trí-huệ, Giác-ngộ, đó là nơi kỳ thác Vô thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

(1) Chúc lỵ: Giao phó, gởi gắm.

(2) Đại thí chủ: người cho nhiều, cho không tiếc.

PHẨM THỨ 23

ĐƯỢC VƯƠNG BỒ-TÁT BỐN SỰ

(Ancienne méditation de Chaichadjyarâdja)

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Tú-Vương-Hoa bạch Phật:

- Thế-Tôn! Làm thế nào mà Bồ-tát Được-Vương đạo nơi thế-giới Ta-bà? Bồ-tát Được-Vương có bao nhiêu ngàn muôn ức hạnh khổ khó làm? Nguyện Thế-Tôn giải nói một ít cho Thiên-Long bát bộ, cho các hàng Bồ-tát từ nước khác lại cùng bậc Thanh-văn ở đây nghe, để tất cả đều đặng vui mừng.

Phật đáp:

- Trong quá khứ cách nay vô lượng hằng-sa kiếp, có Phật hiệu Nhật-Nguyệt Tịnh-Minh-Đức. Ngài có tám mươi ức đại Bồ-tát, bảy mươi hằng-sa đại Thanh-văn, thọ bốn muôn hai ngàn kiếp, chư Bồ-tát cũng sống lâu như thế. Trong nước của đức Phật ấy, không có đàn-bà, địa-ngục, ngạ-qui, súc-sanh, a-tu-la .v.v...cũng chẳng có các khổ nạn. Đất bằng lưu-ly, mặt phẳng như bàn tay, có trồng cây báu, trên có màn báu bao trùm, tràng phan hoa báu buông thông. Khắp nước, bình báu, lò hương đầy đầy. Cách mỗi cây, khoảng một lạng tên có một đài bằng bảy báu. Dưới những cội cây ấy, có chư Bồ-tát, Thanh-văn ngồi, còn trên mỗi đài thì trăm ức chư Thiên trở nhạc trời, hát múa cúng dường Phật.

Lúc bấy giờ, Đức Phật Nhật-Nguyệt Tịnh-Minh-Đức nói Kinh Pháp-Hoa cho Bồ-tát Nhất-Thế Chúng-Sanh Hỷ-Kiến cùng các hàng Bồ-tát, Thanh-văn nghe.

Bồ-tát Hỷ-Kiến ưa tu tập khổ hạnh, trong pháp của Phật Tịnh-Minh-Đức tinh tấn kinh hành, một lòng cầu

thành Phật, (nhờ vậy) mà mãn một muôn hai ngàn năm đặng chánh-định “hiện nhất thể sắc thân”. Bồ-tát mới tự nói trong lòng: “Đặng chánh-định này là nhờ sức nghe Kinh Pháp-Hoa, vậy ta nên cúng dường Phật Tịnh-Minh-Đức và Kinh Pháp-Hoa”. Tức thời Bồ-tát nhập định, trong hư-không rưới các thứ hoa-hương cõi trời cúng dường Phật”.

Cúng dường xong, Bồ-tát xuất định và tự nói trong lòng: “Tuy ta đã dùng thần-lực cúng dường Phật, nhưng sao bằng lấy thân cúng dường”. Bồ-tát liền uống các chất thơm, kế uống dầu làm bằng các thứ hoa thơm mãn một ngàn hai trăm năm, rồi lấy dầu thơm thoa thân, dùng áo báu cõi trời quấn mình trước Đức Phật Tịnh-Minh-Đức, rưới các thứ dầu thơm lên áo và dùng sức nguyện thần thông mà tự đốt thân. Ánh sáng tỏa soi tám mươi ức hằng-sa thế-giới. Trong ánh sáng ấy, chư Phật đồng thời đều khen: “Lành Thay! Lành thay! Như vậy mới thật là tinh tấn, mới thật là cúng-dường Pháp. Các lối cúng dường khác bằng hương hoa, chuỗi ngọc.v.v... đều chẳng bằng, thậm chí đem cả một nước, thành quách, vợ con mà bố-thí cũng chẳng bằng. Trong các lối bố-thí, bố-thí thân là bậc nhất”.

Nói xong, chư Phật im lặng. Lửa thân Bồ-tát cháy trót một ngàn hai trăm năm, sau đó thân Bồ-tát mới tận.

Cúng-dường Pháp xong và sau khi mạng chung, Bồ-tát Hỷ-Kiến phục sanh trong nước Phật Tịnh-Minh-Đức, tại nhà vua Tịnh-Đức, phục sanh một cách bỗng nhiên, trong trạng thái ngôi kiết-già. Hóa sanh xong bèn vì cha đọc bài kệ:

Đại-Vương nay nên biết:

*Nhờ kinh hành nơi ấy
Tức thời đặng tất cả
Chánh-định trong các thân.
Sau cần cố gắng hơn
Nên bỏ thân yêu mến
Dâng cúng-dường Thế-Tôn
Để cầu huệ vô-thượng.*

Nói xong, Bồ-tát thưa với vua cha:

- Trước cúng-dường Phật Tịnh-Minh-Đức xong, tôi “giải đặng tất cả đà-la-ni của tiếng nói chúng-sanh”, kể lại nghe vô số kệ của Kinh Pháp-Hoa. Nay Phật Tịnh-Minh-Đức vẫn còn, tôi xin cúng dường nữa”.

Bồ-tát bèn ngồi lên đài bảy báu, bay lên hư-không, qua đến chỗ Phật Tịnh-Minh-Đức, làm lễ và đọc một bài kệ khen Phật:

*Lạ lòng thay dung nhan
Mười phương soi ánh-sáng
Tôi đã từng cúng-dường
Nay lại còn thân kiến.*

Nói kệ xong, Bồ-tát Hỷ-Kiến bạch Phật Tịnh-Minh-Đức:

- Thế-Tôn còn ở thế chứ?

Đức Phật bảo:

- Giờ diệt tận đã đến, người nên sắp đặt giường đi, ta trong đêm nay sẽ nhập Niết-bàn.

Phật lại nói thêm:

- Ta nay giao phó Phật-Pháp và Vô-thượng-giác cho người, cho các Bồ-tát và các đại đệ tử: Ta cũng giao cho người ba ngàn đại-thiên thế-giới bảy báu, các cây báu, đài báu và chư thiên hầu hạ. Sau khi ta diệt độ, ta

cũng giao cho người tất cả xá-lợi của ta, người nên lưu bố khắp nơi để cho đông người được xây nhiều tháp cúng dường.

Đến cuối đêm, Phật Tịnh-Minh-Đức nhập Niết-bàn.

Bồ-tát Hỷ-Kiến dùng gỗ chiên-đàn làm giàn hoà thiêu, thâu xá-lợi đựng vào 84.000 bình báu, xây 84.000 ngọn tháp cao ba thế-giới.

Bấy giờ, Bồ-tát lại tự nghĩ: Cúng dường xá-lợi như thế chưa đủ. Bèn ở trước 84.000 tháp, đốt hai cánh tay được trang nghiêm bằng trăm phước, suốt bảy muôn hai ngàn năm, khiến vô số hạng cầu quả Thanh-văn và vô lượng người phát tâm Vô-thượng-giác đều đứng vững trong chánh-định “hiện nhất thể sắc thân”.

Các Bồ-tát, trời, người, a-tu-la v.v... thấy vậy đều sầu khổ buồn thương. Bồ-tát, trong đại chúng, bèn lập thệ: “Ta bỏ hai tay ắt sẽ đặng thân Phật. Nếu quả đúng như vậy, thời xin cho hai tay ta tự nhiên trở lại như cũ”. Thệ vừa xong, hai tay tự nhiên trở lại, ấy là nhờ phước-đức và trí-huệ thuần hậu của Bồ-tát chấp lại.

Đức Phật Thích-Ca hỏi Bồ-tát Tú-Vương-Hoa:

- Ý người nghĩ sao? Bồ-tát Hỷ-Kiến thuở xưa đâu phải ai lạ, chính nay là Bồ-tát Dược-Vương đó. Ông ấy đã xả bỏ, bố-thí, vô lượng số thân như thế. Nay Tú-Vương-Hoa, ai phát tâm muốn đặng đạo vô-thượng mà đốt một ngón tay hay một ngón chân cúng dường Tháp Phật, còn hơn người dùng nước, thành, vợ, con, cùng trân bảo trong ba ngàn đại-thiên thế-giới mà cúng dường. Còn ai dùng bảy báu trong khắp ba ngàn đại-thiên thế-giới mà cúng

dương Phật, Bồ-tát, Duyên-giác, La-hán, cũng không có công-đức bằng người thọ trì Kinh Pháp-Hoa, dầu là một bài kệ bốn câu cũng vậy.

Tú-Vương-Hoa, trong các dòng nước, biển là bậc nhất; cũng thế, trong các Kinh của Như-Lai nói, Kinh Pháp-Hoa là sâu lớn hơn hết.

Trong các thứ núi, núi Tu-Di là bậc nhất; cũng thế, trong các thứ Kinh, Kinh Pháp-Hoa là cao hơn hết.

Trong các tinh-tú, mặt trăng là bậc nhất; cũng thế, trong các Kinh, Kinh Pháp-Hoa là sáng soi hơn hết.

Như mặt trời nắng trừ mọi thứ tối-tăm, Kinh Pháp-Hoa phá tất cả những tối-tăm của cái chẳng-lành.

Trong các hàng Tiểu-vương, Đại-đế là bậc nhất; cũng thế, trong các Kinh, Kinh Pháp-Hoa đáng tôn trọng hơn hết.

Như Đế-Thích làm vua thống ngự 33 cõi trời, Kinh Pháp-Hoa là vua các Kinh.

Như Phạm-thiên là cha của tất cả chúng-sanh, Kinh Pháp-Hoa là cha của tất cả Hiền-Thánh.

Trong hàng phạm-phu, Tứ Thánh và Duyên-giác là bậc nhất; cũng thế, trong tất cả các Kinh do Như-Lai, Bồ-tát Thanh-văn nói, Kinh Pháp-Hoa là bậc nhất. Ai thọ trì được là bậc nhất trong hàng chúng-sanh.

Trong tất cả hàng Thanh-văn và Duyên-giác, Bồ-tát là bậc nhất. Cũng thế, trong tất cả các Kinh, Kinh Pháp-Hoa là bậc nhất.

Như Phật là vua các pháp, Kinh này là vua của các Kinh.

Tú -Vương-Hoa! Kinh này có thể cứu tất cả chúng-sanh, làm cho chúng-sanh xa rời các khổ não; Kinh này có

thể cho chúng-sanh nhiều lợi ích, làm thỏa mãn những mong cầu của chúng-sanh, như ao nước trong có thể làm thỏa mãn người khát nước. Như người lạnh được lửa, như trần truồng được quần áo, như đi buôn gặp người dẫn lối, như con gặp mẹ, như muốn qua sông gặp thuyền, như bệnh gặp thầy, như tối được đèn, như nghèo được báu, như dân được vua, như khách buôn gặp biển, như đước trừ tối, Kinh Pháp-Hoa này cũng thế, có thể làm cho chúng-sanh xa lìa mọi thứ thống khổ, mọi thứ tật bệnh, có thể cởi mở sự trói buộc của sanh-tử.

Ai nghe được Kinh này, hoặc tự mình chép, hoặc bảo người chép, thì được công-đức nhiều đến nỗi tri-huệ Như-Lai cũng không ước tính được. Nếu chép Kinh này mà còn dùng các thứ hoa hương, đèn dầu cúng dường, thời cũng được vô lượng công-đức như thế.

Tú-Vương-Hoa! Ai nghe phẩm “Bồ-tát Dược-Vương Bồn-Sự” này cũng được vô biên công-đức, Nếu là đàn-bà thì sau khi dứt báo thân, không còn trở lại làm đàn bà nữa. Năm trăm năm sau Phật diệt độ, người nữ nào nghe Kinh này và tu hành đúng theo lời Kinh dạy, thời khi mạng chung, được vãng sanh qua cõi An-lạc của Phật A-Di-Đà, hết bị tham, sân, si, mạn làm khổ nữa, được vô-sanh pháp-nhãn và nhãn căn thanh-tịnh.

Bây giờ, các đức Phật đồng xa khen:

- Hay thay! Lành thay! Nay thiện-nam-tử, người có thể trong pháp của Phật Thích-Ca mà thọ trì, đọc tụng, suy gẫm Kinh Pháp-Hoa và nói cho người khác nghe, người đặng công-đức vô lượng vô biên, lửa chẳng đốt đặng, nước chẳng làm trôi, phá được giặc ma, đánh bại quân sanh-tử, và diệt trừ các quân thù khác. Thiện-nam-

tử, trăm ngàn đức Phật sẽ giữ gìn người, tất cả trời người, không ai bằng người và, trừ Như-Lai, không Bồ-tát, Duyên-giác, Thanh-văn nào có trí-huệ bằng người.

Ai nghe phẩm “Được-Vương Bốn-Sự” này mà biết tùy hỷ khen ngợi, thời người đó trong đời hiện tại, miệng thường thoảng mùi thơm hoa sen, và các lỗ chân lông thường tiết mùi trầm.

Tú-Vương-Hoa, ta giao phó phẩm “Được-Vương Bốn-Sự” cho người; năm trăm năm sau khi ta diệt độ, phải đem ra truyền bá nói rộng ở cõi Diêm-phù-đề, và đem sức thần-thông mà giữ-gìn, vì đây là phương thuốc hay cho người bệnh thế-gian, ai bệnh mà nghe được Kinh này thời bệnh liền tiêu diệt, chẳng già, chẳng chết.

Thấy ai thọ trì Kinh này, Tú-Vương-Hoa nên dùng hoa sen xanh đựng đầy hương bột rải trên người ấy và nghĩ rằng: Người này chẳng bao lâu quyết định sẽ trải cỏ ngồi nơi Đạo-Tràng, phá các ma quân, thổi ốc pháp, đánh trống pháp, độ thoát tất cả chúng -sinh ra khỏi sanh già bệnh chết.

Lúc Đức Phật nói phẩm “Được-Vương Bốn-Sự” này có 8 muôn 4 ngàn Bồ-tát đặng đa-la-ni “Giải nhất thế chúng-sanh ngôn-ngữ”

Đức Phật Đa-Bảo trong Tháp báu khen Tú-Vương Bồ-tát: Lành thay! Lành thay! Tú-Vương-Hoa, người thành tựu những công-đức không thể nghĩ bàn mới hỏi được Đức Phật Thích-Ca việc như thế, làm lợi ích vô lượng cho tất cả chúng-sanh.

Huyền nghĩa

Các phẩm trước chỉ cho thấy tất cả chúng-sanh đều có Phật-tánh

(Hiển Tánh), phẩm Dược-Vương này chỉ cách hành (Hiển Hành), tức phương-pháp làm cho Phật-tánh phát hiện.

Vậy “Dược-Vương Bồ-tát Bồn-Sự” có nghĩa là sự tích của phương thuốc chúa, (Dược là thuốc, Vương là vua, là chúa).

Hai câu hỏi của Bồ-tát Tú-Vương-Hoa nêu ở đầu phẩm hàm chứa hai ý: 1) làm thế nào cho phương thuốc ấy được truyền khắp thế-giới Ta-bà? 2) phương thuốc ấy gồm có những hạnh khó làm nào?

Toàn phẩm đã đáp lại hai câu hỏi này bằng sự tích tượng trưng của Bồ-tát Hỷ-Kiến.

Phật Nhật-Nguyệt Tinh-Minh-Đức ám chỉ đức Thanh-Tịnh làm sáng tâm.

Có thanh-tịnh là có sáng suốt, có sáng suốt là thấy Tánh được (minh tâm kiến tánh), và sự kiến Tánh ấy được nhân-cách-hóa (personnifié) ở đây bằng một vị Bồ-tát có tên là “Nhất-thể chúng-sanh hỷ-kiến”, có nghĩa là: Cái mà tất cả chúng-sanh vui thấy, Thấy được Tánh là một sự vui mừng mà không chúng-sanh nào không thưởng thức.

Thấy được Tánh, tức thấy luôn rằng Tánh ở trong (hiện) tất cả chúng-sanh (sắc-thân), cho nên Kinh nói là được chánh-định “hiện nhất thể sắc thân”.

Muốn thấy Tánh (Hỷ kiến) phải tu tập khổ-hạnh, tinh-tấn, tham-thiền (kinh hành) trong thanh-tịnh, một lòng cầu giác-ngộ (thành Phật). Như thế là vì Pháp mà

hy-sinh làm mọi cố-gắng tinh-thần (dùng thân-thông cúng dường).

Nhưng cố gắng cho thể mảy mà còn nghĩ đến thân, còn luyến tiếc cái “ta” thì sự hy-sinh chưa trọn vẹn. Do đây mà phải phá “ngã chấp” (dùng thân cúng dường).

Xả bỏ thân, hy-sanh thân, bằng cách cho nó uống các chất thơm, thoa các thứ dầu thơm (trong ngoài thanh-tịnh thơm sạch) và dùng thân-thông, tức sức mạnh của định mà thiêu đốt tất cả những ô-trược. Sự thanh-tịnh-hóa ấy (purification) phải liên tục trong nhiều thời-gian (thân cháy trót 1.200 năm), sau đó mới diệt tận các chất nhơ (thân tận).

Có chết với đời sống ô-trược như thế, mới phục sanh trong Trong-sạch (Tịnh-Đức), ở mãi trong nhà trong sạch (nhà vua Tịnh-Đức). Kết quả ấy toàn do sự tham-thiền (ngồi kiết-già hóa sanh).

Có thanh-tịnh mới giảiặng nghĩa ẩn của lời nói chúng-sanh (giải nhất thế chúng-sanh ngữ-ngôn) là những phương-tiện diễn đạt chân-lý hết sức eo hẹp, mới hiểu thâm sâu được những bài kệ tóm nghĩa Kinh Pháp-Hoa, là những lời nói với Tâm chớ không phải với trí-óc tầm thường. Nhưng nghĩa Kinh dầu hiểu, Tánh dầu đã thấy, vẫn phải cố-gắng thêm (cúng dường) để thân chứng (1) Phật-tánh (gặp Phật, thấy cho tận mặt).

Thân chứng được rồi là nắm đặng Phật-Pháp và Chánh-giác vô thương (Phật giao phó).

Bây giờ đến giai-đoạn chót là “đốt hai tay” chỉ biết làm phước thế-gian, để được hai tay khác là phước-đức và trí-huệ (lưỡng túc tôn).

Cúng dường cho Phật-Pháp như thế mới là lối hy-sinh cao cả và chân chánh nhất. Lễ Phật, dâng hoa hương, tiền bạc mà không làm một cố gắng nào, không hy-sanh thân tâm phàm-phu mình cho Chánh-Pháp (Phật), thời bất quá tạo phước để hưởng trong sanh già bệnh chết, sao bằng dùng món thuốc chúa nói trên để mưu sự giải-thoát luân-hôi (chẳng già, chẳng chết).

(1) *Thân chứng = réaliser.*

PHẨM THỨ 24
DIỆU-ÂM BỒ-TÁT
(Le Bodhisattva Gadgadasvara)

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-Ca, từ nơi nhục-kế, phóng một làn ánh-sáng, lạo từ giữa đôi lông mày phóng một đạo hào-quang, khắp soi một trăm tám muôn ức na-do-tha Hằng-hà sa thế giới chư Phật ở phương đông. Xa hơn số thế giới này, có một thế giới tên là Tịnh-Quang Trang-Nghiêm. Tại nước ấy, có Phật hiệu Tịnh-Hoa Tú-Vương-Trí đang thuyết pháp cho vô lượng vô biên Bồ-tát cung kính vây quanh nghe. Hào-quang lông mày của Đức Phật Thích-Ca soi khắp nước Tịnh-Quang.

Bay giờ trong nước Nhất-Thế Tịnh-Quang Trang-Nghiêm có một Bồ-tát tên là Diệu-Âm, từ lâu đã trồng cội đức, cúng dường, gần gũi vô lượng chư Phật, cho nên đã thành-tựu trí-huệ rất sâu và được nhiều thứ tam-muội (chánh-định) là: diệu-tràng, pháp-hoa, tịnh-đức, túc-vương-trí, vô-duyên, trí ẩn, giải nhất-thế chúng-sanh ngữ-ngôn, tập-nhất-thế công-đức thanh tịnh, thần thông du-hí, huệ-cự, trang-nghiêm vương, tịnh-quang minh tịnh tạng, bất cộng và nhật-triền. Bồ-tát Diệu-Âm được trăm ngàn muôn ức Hằng-hà sa đại tam-muội như thế. Thân tâm trong ánh-sáng đức Phật Thích-Ca, Bồ-tát Diệu-Âm liền bạch với Phật Tịnh-Hoa Tú-Vương-Trí:

- Thế-Tôn! Tôi sẽ sang thế giới Ta-bà, lễ bái, gần gũi, cúng dường Phật Thích-Ca cùng ra mắt các Bồ-tát Văn-Thù, Dược-Vương, Đồng-Thí, Tú-Vương-Hoa Thượng-Hành-Ý, Trang-Nghiêm-Vương và Dược-Vương.

Phật Tịnh-Hoa Tú-Vương-Trí nói với Bồ-tát Diệu-Âm:

- Người chẳng nên xem rẻ nước kia (thế giới Ta-bà) mà tưởng là thấp yếu. Nay thiện nam-tử, thế giới Ta-bà cao thấp không bằng-thẳng, đầy đầy núi đất, núi đá và những nhơ xấu, thân Phật thấp nhỏ, hình các Bồ-tát cũng nhỏ như vậy, còn thân người thời cao đến 4 vạn 2 ngàn do-tuần, thân ta đến 6 trăm 8 mươi vạn do-tuần; thân người (còn) đoan chánh bậc nhất, được trăm ngàn muôn phước làm cho hết sức rạng rỡ. Vì vậy sang đến Ta-bà, chớ nên khinh nước này, đứng sanh lòng cho Phật, Bồ-tát cùng tất cả nước này là thấp thỏm, yếu đuối.

Bồ-tát Diệu-Âm bạch :

- Thế Tôn! Con nay qua cõi Ta-bà là do sức thần Như-Lai, do thần-thông du-hí của Như-Lai, do công-đức trí-huệ trang-nghiêm của Như Lai.

Lúc ấy, Bồ-tát Diệu Âm không rời khỏi chỗ ngồi, thân chẳng lay động, nhập chánh định, dùng sức mạnh của chánh định, tại núi Kỳ-xà-quật, cách chỗ Bồ-tát ngồi không xa, hóa ra 8 muôn 4 ngàn hoa sen báu, cọng bằng vàng diêm-phù-đàn, cành bằng bạc, nhụy bằng kim-cương, và đài bằng báu chân-thức-ca.

Bồ-tát Văn-Thù thấy vậy mới bạch với Đức Thích-Ca:

- Thế-Tôn! Do đâu mà có điềm tốt này?

Đức Phật đáp:

- Đó là điềm lành Bồ-tát Diệu-Âm, từ nước của Phật Tịnh-Hoa Tú-Vương-Trí muốn cùng 8 muôn 4 ngàn Bồ-tát đến cõi Ta-bà, để cúng dường, gần gũi, lễ lạy ta và cũng muốn cúng dường nghe Kinh Pháp-Hoa.

Bồ-tát Văn-Thù bạch:

- Thế Tôn! Bồ-tát đó trông cội lành gì, tu công đức gì mà đặng sức đại thần thông như thế? Cúi xin Thế Tôn nói cho chúng con biết tên tam-muội đó vì chúng con muốn tu tam-muội ấy để thấy được và sắc tướng và oai nghi tới, dừng của Bồ-tát Diệu-Âm. Khi Bồ-tát tới, cúi xin Thế Tôn dùng sức thần thông làm cho chúng con thấy được Bồ-tát.

Đức Thích Ca đáp:

- Đức Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu, sẽ vì các người mà hiện bày thân tướng của Bồ-tát Diệu-Âm.

Tức thời Phật Đa Bảo bảo Bồ-tát Diệu-Âm:

- Thiện nam-tử hãy đến đây, Văn Thù muốn thấy thân của người đấy.

Bấy giờ Bồ-tát Diệu-Âm đang ẩn mặt ở nước kia, bèn cùng 8 muôn 4 ngàn Bồ-tát đồng qua cõi Ta-bà. Trải qua các nước, đâu đâu đất cũng chuyển động 6 cách, hoa sen bảy báu rưới như mưa, trăm ngàn nhạc trời chẳng trở tự kêu, mắt của Bồ-tát như cánh hoa sen xanh rộng lớn, diện mạo tốt đẹp hơn trăm ngàn muôn mặt trắng hợp lại, thân sắc vàng ròng trang-nghiêm bằng vô lượng công đức, oai đức rất thanh, ánh sáng chói rực, đầy đủ các tướng như thân bền chắc của Na-la-Diên.

Bồ-tát Diệu-Âm vào đài bảy báu, bay lên hư không cách đất bảy cây đa-la và cùng chư Bồ-tát vây quanh, đến núi Kỳ-xà-quật ở cõi Ta-bà. Tới nơi rồi, Bồ-tát xuống đài, lấy chuỗi ngọc giá trị trăm ngàn cúng dường đức Phật Thích-Ca mà bạch rằng:

- Thế Tôn! Đức Phật Tịnh-Hoa Tú-Vương-Trí có lời hỏi thăm Thế Tôn ít bệnh, ít buồn, đi đứng thơi thơi và

hoạt-động trong sự an-lạc không? Bốn đại (thân) có điều hòa chăng? Việc đời nhẩn được chăng? Chúng sanh dễ độ chăng? Không có nhiều tham dục, giận hờn, ngu si, ganh ghét, bỗn sển, kiêu mạn, phải vậy chăng? Không còn điều bất hiểu với cha mẹ, chẳng kính sa-môn, tà-kiến, tâm chẳng lành, chẳng nhiếp năm tình chăng? Thế Tôn! Chúng sanh có năng hàng phục các ma oán chăng? Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu và ở trong tháp bảy báu, có đến nghe pháp chăng? Đức Phật Tịnh-Hoa Tú-Vương-Trí lại dặn tôi hỏi thăm Đa Bảo Như Lai có an ổn, ít buồn, hay chịu đựng và ở lâu được chăng? Thế Tôn! Tôi muốn thấy thân Phật Đa-Bảo, cúi xin Thế Tôn chỉ cho con được thấy.

Lúc đó Đức Phật Thích-Ca nói với Phật Đa-Bảo:

- Bồ-tát Diệu-Âm muốn ra mắt Ngài.

Đức Phật Đa-Bảo liền nói với Bồ-tát Diệu Âm:

- Hay thay! Hay thay! Để cúng dường Phật Thích Ca, cùng nghe Kinh Pháp-Hoa và thấy Văn-Thù v.v... người lại đến đây.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Hoa-Đức bạch Phật Thích-Ca:

- Thế Tôn! Bồ-tát Diệu-Âm trông cội lành gì, tu công đức nào mà có sức thần thông như thế?

Đức Phật đáp:

- Thuở quá khứ có Phật hiệu Văn-Lôi-Âm-Vương, nước tên là Hiện-Nhất-Thế Thế-Gian, kiếp tên Hỷ-Kiến. Suốt một muôn hai ngàn năm, Bồ-tát Diệu-Âm dùng mười muôn thứ kỹ nhạc cúng dường Phật Văn-Lôi-Âm cùng dựng tám muôn bốn ngàn bát báu. Do nhân duyên quả báu đó mà nay được sanh tại nước của Phật Tịnh-Hoa Tú-Vương-Trí và có sức thần như thế. Nay Hoa-Đức,

người nghĩ sao? Diệu-Âm Bồ-tát thuở đó, chính nay là Bồ-tát Diệu-Âm đây. Bồ-tát Diệu-Âm này đã từng cúng dường, gần gũi vô lượng đức Phật, từ lâu trồng đức, lại gặp Hằng-ha sa đức Phật. Nay Hoa-Đức, người chỉ thấy thân hình của Diệu-Âm ở tại đây, chẳng hề Bồ-tát ấy hiện các thứ thân hình, nơi nơi đều vì chúng-sanh mà nói kinh-điển này. Diệu-Âm có thể hiện thân Phạm-Vương, Đế-Thích, Tự-tại-thiên, Đại-tự-tại-thiên, Thiên-đại-tướng-quân, Tỳ-sa-môn-thiên-vương, Chuyển-luân-thánh-vương, Tiểu-vương, trưởng-giả, cư-sĩ, tể-quan bà-la-môn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hoặc hiện thân vợ tể-quan, bà-la-môn, hoặc hiện thân con trai, con gái, trời, rồng, dạ-xoa... người, cùng không phải là loài người v.v... mà nói Kinh này. Bao nhiêu địa-ngục, nga-quỷ, súc-sanh và ở đâu có tai nạn, Diệu Âm đều có khả năng cứu giúp, thậm chí đến trong hậu cung vua chúa, Bồ-tát cũng biến làm thân người nữ mà nói Kinh này.

Hoa-Đức, Bồ-tát Diệu-Âm này hay cứu độ các chúng-sanh trong cõi Ta-bà, hiện các thứ thân ở cõi Ta-bà vì chúng-sanh mà nói Kinh Pháp-Hoa, tuy thân thông biến hóa như thế mà trí huệ không hề hao bớt. Bồ-tát dùng ngần ấy trí-huệ sáng soi cõi Ta-bà, khiến tất cả chúng sanh, mỗi mỗi đều đặng sự hiểu biết của mình, còn trong Hằng-hà sa thế giới mười phương cũng đều được như vậy. Nếu phải dùng hình Thanh-vấn, Duyên-giác, Bồ-tát hay Phật để độ thoát chúng-sanh, thời Diệu-Âm liền hiện ra hình ấy mà nói Pháp. Thậm chí phải diệt độ để độ thoát chúng sanh thời cũng thị hiện diệt độ.

Bồ-tát Hoa-Đức bạch Phật:

- Thế Tôn! Bồ-tát Diệu-Âm ở trong tam-muội nào mà có thể biến hiện ở các nơi mà trong nhiều hình như thế?

Phật đáp:

- Tam-muội đó gọi là “Hiện-nhất-thế-sắc-thân”.

Lúc nói phẩm “Diệu-Âm Bồ-tát” này, 8 muôn 4 ngàn Bồ-tát cùng đi với Bồ-tát Diệu-Âm, đều đặng tam-muội “Hiện-nhất-thế-sắc-thân”.

Khi Bồ-tát Diệu-Âm cúng dường Đức Phật Thích Ca và tháp Đa-Bảo xong rồi trở về nước mình, các nước của Bồ-tát trải qua đều chấn động, trên có mưa hoa sen báu, nhạc trời tự trời như lúc đi. Về đến nước rồi, Bồ-tát cùng 8 muôn 4 ngàn Bồ-tát vây quanh đến trước Phật Tịnh-Hoa Tú-Vương-Trí bạch rằng:

- Thế Tôn! Con đã đến cõi Ta-bà làm lợi ích cho chúng sanh, đã ra mắt lễ lạy, cúng dường đức Phật Thích-Ca, ra mắt tháp Phật Đa-Bảo, lại gặp các Bồ-tát Văn-Thù, Dược-Vương, Đắc-Cần Tinh-Tấn-Lực, Đông-Thí, và cũng đã làm cho 8 muôn 4 ngàn Bồ-tát này đặng tam-muội “Hiện-nhất-thế-sắc-thân”.

Lúc nói phẩm “Bồ-tát Diệu-Âm tới lui” này, 4 muôn hai ngàn người cõi thiên được vô sanh pháp nhãn, còn Bồ-tát Hoa-Đức đặng tam-muội Pháp-Hoa.

Huyền nghĩa

*Diệu-âm là tiếng huyền diệu (Voix mystérieuse).
Tiếng ấy phát xuất ở đâu? Ở thế-giới Tịnh-quang trang-nghiêm, tức là ở tâm đã được thanh-tịnh và sáng-suốt, có*

một trí-huệ sáng hơn các vì tinh-tú (Tú-vương: reine des constellations).

Tiếng huyền diệu ấy chỉ trở lên ở những tâm, ở những người đã từ lâu trồng cội lành, gần gũi, hy-sanh cho Chân-lý (Phật) và sống vững trong Chánh-định.

Nhưng đừng tưởng chúng-sanh Ta-bà không có tiếng huyền diệu ấy. Tuy họ còn sống trong xao xuyến, trong nhớ xấu, họ vẫn có ánh-sáng nơi lòng, họ vẫn có các công đức, chỉ hiếm ánh-sáng lòng của họ còn nhỏ, chưa khắp chiếu (thân Phật nhỏ) và các công-đức của họ cũng còn ít ỏi (thân Bồ-tát nhỏ).

Tiếng huyền diệu ấy ở cội Ta-bà này mà trở lên được (Bồ-tát Diệu-Âm qua cội Ta-bà) là khi nào con người dùng được sức mạnh của tâm (sức thần của Như-Lai), khi nào con người không còn một trở ngại nào trong tâm (thần-thông du-hí của Như-Lai), khi tâm đã được công-đức và trí-huệ trang nghiêm.

Phải có chánh-định, tiếng ấy mới phát xuất. Tuy nói phát xuất, thật ra không rời khỏi tâm (Bồ-tát Diệu-Âm không rời khỏi tòa) và tuy chưa thật đúng là tiếng của Chân-lý tuyệt đối (cách pháp tòa chẳng xa), vẫn là tiếng của cái phàm đã thành Thánh, cái dơ đã thành trong sạch (84.000 hoa sen báu).

Ai nghe được tiếng ấy (khi Diệu-Âm qua đến cội Ta-bà) phải trải qua nhiều cuộc thay đổi chấn động trong tâm hồn (các nước trải qua đều chấn động 6 diệu, mưa hoa, nhạc trời), những chấn động tốt đẹp, êm ái. Tiếng đó là tiếng của Ánh-Sáng (trăm ngàn muôn mặt trăng không bằng), là tiếng của cái Thường-tồn (1) (thân sắc vàng

ròng), của cái Bất hoại (như thân Na-la-diên bền chắc), nói trắng là của Tâm.

Sau đây là những điều kiện làm phát sanh tiếng huyền diệu ấy:

- Ít bệnh, ít lo, thơ thới an vui trong mọi trạng thái, trong mọi việc làm
- thân tứ đại điều hòa
- nhẫn được việc đời, không nóng nảy, bực dọc
- chế ngự dễ dàng tư-tưởng của mình (chúng sanh dễ độ)
- không có nhiều tham dục, giận hờn, ngu si, ganh ghét, bõn sẻn, kiêu mạn
- không trái đạo hiếu, không thất lễ với người xuất-gia, không còn tà-kiến, không còn tâm chằng lành, không còn thu nắm những gì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân cảm xúc (5 tình)
- hàng phục được tất cả các sự thù oán
- thích nghe biết sự thật (nghe pháp) và dám chịu một nhọc, an vui mà nghe pháp.

Nói tóm, muốn cho tiếng của cõi lòng thanh-tịnh xuất phát, phải biết hy-sanh cho sự Giác-ngộ (cúng dường Phật Thích-Ca), phải nghe Pháp (Kinh Pháp-Hoa), phải thấy cho được, nghĩa là hành trí-huệ (Văn-Thù) phải thực hiện các phương thuốc trừ tâm bệnh (kiến Dược-Vương), phải mạnh dạn bố-thí xả bỏ mọi của cải thế-gian (kiến Đông-Thí) v.v...

Tâm ai cũng có, vì bởi ai cũng có Tiếng huyền diệu. Gom các tiếng ấy lại thành tiếng sấm trên mây (Văn-Lôi-Âm). Vậy mỗi tiếng chia rẽ cần phải góp phần vào cái Tiếng chung kia, bằng cách hy-sanh cho cái chung ấy (cúng-dường Lôi-Âm Như-Lai). Có cúng-dường (hy-sanh)

là được Thanh-tĩnh Trí-huệ (sinh tại nước của Phật Tịnh-Hoa Tú-Vương-Tri).

Vì ai cũng có tâm, do đó mà có luôn tiếng huyền diệu của “lượng tâm”. Kinh bảo Diệu-Âm có khả-năng hiện trong các thân hình và ở mọi nơi, trong hàng phú quý, cũng như trong hàng bần cùng hạ tiện, trong nam cũng như trong nữ, trong người lớn cũng như trong con trẻ. Ai nói được lời nói đạo đức, ai nghe được tiếng thức dục lành sạch của chân tâm, Bồ-tát Diệu-Âm đã hiện trong thân người ấy. Thậm chí trong những kẻ quá ác, quá nhiều tội lỗi (địa-ngục, nga-quỉ, súc-sanh), hay trong chỗ trác táng xa hoa, dâm dục (trong hậu cung), tiếng nói diệu huyền cũng có thể trở lên để thức tỉnh những con người sa ngã.

Tuy nhiên, vì trình độ của mỗi người mỗi khác, cho nên tiếng ấy có khi trở lên như tiếng hoặc của giáo pháp Thanh-văn, hoặc của Duyên-giác, hoặc của Bồ-tát, hoặc của Phật. Nhưng có khi lại không trở (diệt độ) mà cũng vẫn có hiệu nghiệm giải-thoát, như người mắng mình mà mình làm tỉnh nhận chịu. Cái làm tỉnh đó đủ làm tỉnh kẻ mắng mình.

Vì tiếng diệu huyền ấy ở trong mọi thân, Kinh quyền nói Bồ-tát Diệu-Âm ở trong tam-muội “Hiện-nhất-thế-sắc-thân”, nghĩa là thân nào, người nào cũng có thể làm trở dậy tiếng của tâm mình, nếu mình giữ tâm chánh-định (tam-muội).

Ý kinh ở đây dạy phải cố gắng nghe cho được tiếng của nội tâm. Tiếng đó huyền diệu lạ lùng vì không phải dùng hai lỗ tai phàm và trong cảnh bất thanh tịnh mà nghe được. Phải có những điều kiện như trên, tiếng ấy mới nói

và chúng ta mới nghe được. Và tiếng ấy có thể phát ra ở những người mà **“Phật và Bồ-tát còn nhỏ”**. Nói một cách khác, dầu thấp kém đến đâu về mặt đạo-đức, sáng-suốt, thanh-tĩnh, vị-tha, con người đều có thể nghe được tiếng của cõi lòng chân-tĩnh cả.

PHẨM THỨ 25

QUÁN-THẾ-ÂM BỒ-TÁT PHỔ-MÔN

(Le récit parfaitement heureux)

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Vô-Tận-Ý lễ Phật bạch rằng:

- Thế Tôn! Do nhân-duyên nào mà Bồ-tát Quán-Thế-Âm có tên là Quán-Thế-Âm?

Phật bảo:

- Vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng-sanh đang bị khổ não mà nghe (nói đến) Bồ-tát Quán-Thế-Âm rồi “nhất tâm” xưng niệm danh-hiệu của Bồ-tát, thì Bồ-tát xem thấy tiếng xưng niệm và tất cả chúng-sanh ấy đều được giải-thoát khổ não.

Người nắm giữ danh-hiệu của Bồ-tát Quán-Thế-Âm, thì nhờ oai thần của Bồ-tát mà:

- 1- vào lửa, lửa chẳng cháy
- 2- trôi dưới nước, đừng vào chỗ cạn
- 3- đi thuyền tìm châu báu trong biển lớn, bị giông trôi tấp vào nước quỷ La-sát, thoát đặng nạn quỷ La-sát
- 4- sắp bị người dùng dao gậy chém đánh, thời dao gậy bị gãy từng khúc
- 5- khỏi bị Dạ-xoa và La-sát làm hại, vì chúng không dám ngó người xưng hiệu Bồ-tát Quán-Thế-Âm.
- 6- bị xiềng xích gông cùm, dầu có tội, dầu không bị tội, thời xiềng xích gông cùm ấy thủy đều đứt rã
- 7- gặp đường hiểm trở, đặng thoát khỏi và không lòng sợ sệt...

Lại nữa, chúng sanh nào nhiều dâm dục, nhiều giận hờn, nhiều ngu si, mà thường cung kính niệm danh-

hiệu Bồ-tát Quán-Thế-Âm thời liền đặng lia đục, lia sân, lia si.

Này Vô-Tận-Ý, Bồ-tát Quán-Thế-Âm oai thần mạnh lớn như thế, cho nên chúng sanh phải một lòng tưởng nhớ.

Người nữ nào lễ bái, cúng dường Bồ-tát Quán-Thế-Âm để cầu con trai thời đặng con trai phước đức trí-huệ; còn muốn cầu con gái thời đặng con gái hình tướng xinh đẹp, tâm nhiều cội phước, người người kính mến.

Phước đức cung kính lễ bái Quán-Thế-Âm không bao giờ mất và nhiều như phước đức của người niệm danh-hiệu và cúng dường sáu mươi hai ức Hằng-hà sa Bồ-tát.

Vô-Tận-Ý bạch:

- Thế Tôn! Bồ-tát Quán-Thế-Âm làm thế nào mà đạo khắp Ta-bà? Sức phương tiện của Bồ-tát như thế nào?

Phật bảo:

- Nếu có chúng-sanh quốc-độ nào mà cần phải dùng một thân Phật mới độ thoát họ được, thời Bồ-tát Quán-Thế-Âm liền hiện thân Phật mà thuyết pháp cho họ nghe. Nếu phải cần thân Duyên-giác, thân Thanh-văn, thân Phạm-vương, thân Đế-Thích, thân Tự-Tại-thiên, thân Đại-Tự-Tại-Thiên, thân Thiên-Đại-Tướng-Quân, thân Tỳ-sa-môn, thân Tiểu-vương, thân Trưởng-giả, thân Cư-sĩ, thân Tế-quan, thân Bà-la-môn, thân Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, thân của vợ Trưởng-giả, Cư-sĩ, Tế-quan, Bà-la-môn, thân con trai con gái, thậm chí đến thân Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, thân loài người cùng không phải loài người để độ thoát chúng-sanh của một quốc-độ

nào đó, thì Bồ-tát Quán-Thế-Âm, tùy trường hợp mà hiện thân ấy.

Vô-Tận-Ý, Bồ-tát Quán-Thế-Âm thành tựu công đức như thế, dùng các thứ thân hình, dạo cùng các nước mà độ thoát chúng-sanh, vì vậy chúng người phải “nhất tâm” cúng dường Bồ-tát Quán-Thế-Âm còn được cõi Ta-bà gọi là “Người bố thí vô úy” vì trong hoàn cảnh sợ hãi tai nạn nguy cấp, Bồ-tát có khả năng làm cho hết sợ.

Vô-Tận-Ý bạch Phật:

- Thế Tôn! Con xin cúng dường Bồ-tát Quán-Thế-Âm.

Nói xong, liền mở xâu chuỗi ngọc đang đeo nơi cổ, giá trị trăm ngàn lượng vàng, đem dâng cho Bồ-tát Quán-Thế-Âm mà nói rằng:

- Xin Ngài nhận món pháp-thí bằng châu báu này.

Bồ-tát Quán-Thế-Âm không chịu nhận. Vô-Tận-Ý lại thưa:

- Xin Ngài thương xót chúng tôi mà nhận cho.

Bấy giờ Phật bảo Bồ-tát Quán-Thế-Âm:

- Ông nên thương xót Vô-Tận-Ý và hàng tứ chúng cùng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, loài người và không phải người v.v... mà nhận chuỗi ngọc.

Tức thời Bồ-tát Quán-Thế-Âm thương xót hàng tứ chúng, Trời, Rồng v.v... nhận xâu chuỗi ngọc và chia làm hai phần: một phần dâng đức Phật Thích-Ca, một phần dâng cúng tháp của Phật Đa-Bảo.

Vô-Tận-Ý đọc một bài kệ hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, con xin hỏi lại: Vì nhân-duyên nào mà Phật tử có tên là Quán-Thế-Âm?

Đức Phật cũng dùng kệ đáp lại:

- Người đã nghe những hạnh của Quán-Âm và sự ứng hiện ở các nơi của Bồ-tát, ấy là vì Quán-Âm đã phát thế lớn sâu như biển cả và không thể nghĩ bàn được dầu có trải qua nhiều kiếp. Lời thế ấy là hầu hạ nhiều ngàn ức Đức Phật và đạt đến sự thanh-tịnh tuyệt đối. Hãy nghe đây, ta sẽ vì ngươi mà nói sơ lược cho nghe danh hiệu và thấy thân Quán-Âm.

Ai không phạm cái lỗi trong tâm trống rỗng (nghĩa là không tưởng nhớ đến Bồ-tát), thời có khả-năng trừ diệt các thứ khổ não.

Thí dụ ý muốn làm hại nổi lên, làm cho mình rơi xuống hầm lửa, nhờ sức mạnh của sự tưởng nhớ Quán-Âm mà hầm lửa biến thành ao. Hoặc trôi dạt biển cả, bị nạn quỷ cá rồng, nhờ sức tưởng nhớ Quán-Âm mà không bị sóng nhận chìm. Hoặc từ chót núi Tu-di bị người xô rơi xuống, nếu tưởng niệm Quán-Âm, thời như mặt trời treo giữa hư-không (không rơi). Hoặc bị người dữ rượt đuổi, rơi khỏi núi Kim-cang, nhờ sức niệm Quán-Âm mà chẳng mất một mảy lông. Hoặc gặp kẻ thù bao vây, tay cầm dao quyết hại, nhờ sức niệm Quán-Âm mà những kẻ thù liền sanh lòng lành. Hoặc gặp nạn phạm phép vua, khi sắp bị hành hình, nhờ sức niệm Quán-Âm, dao chém gãy từng đoạn. Hoặc bị xiềng trong tù, tay chân mang gông cùm, nhờ sức niệm Quán-Âm, đương nhiên được giải-thoát. Hoặc bị trừ ếm hay thuốc độc, nhờ sức niệm Quán-Âm mà bùa chú, thuốc độc kia trở lại làm hại người muốn hại. Hoặc gặp các loài quỷ, nhờ sức niệm Quán-Âm, các quỷ không dám hại. Hoặc bị thú dữ bao vây, nanh vuốt nhọn đáng sợ, nhờ sức niệm Quán-Âm mà chúng vội vàng bỏ

chạy. Khí độc của rắn, bò-cạp, đầu có bốc lên như khói lửa, nhờ sức niệm Quán-Âm mà theo tiếng niệm bỏ đi. Hoặc gặp cơn sấm sét, mưa to mưa đá, nhờ sức niệm Quán-Âm mà tất cả đều tiêu tán.

Chúng-sanh thời bị vô lượng khổ-não bức bách thân thể, còn Quán-Âm thời trí-huệ diệu huyền cho nên hay cứu thế-gian, lại thêm đầy đủ sức thần-thông và rộng tu trí phương-tiện, cho nên khắp cõi nước mười phương, không nước nào chẳng hiện, và lần hồi làm cho dứt hết những khổ-não sanh, già, bệnh, chết của chúng-sanh trong ba đường dữ là địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sanh.

- Quán-Âm xem xét đúng với Chân-thực (Chơn quán)

- Quán-Âm xem xét đúng với lòng trong sạch (thanh-tịnh quán)

- Quán-Âm xem xét đúng với trí-huệ rộng lớn (quảng-đại trí-huệ quán)

- Quán-Âm xem xét đúng với lòng từ-bi (Bi quán cập từ quán)

Vì vậy phải hết sức chiêm ngưỡng.

Quán-Âm là Ánh-sáng trong sạch, không như, là mặt trời Huệ có khả-năng phá trừ mọi hắc-ám, hàng phục mọi tai nạn khói lửa và khắp soi sáng thế-gian.

Quán-Âm là lòng Đại-bi ngăn cấm sự sấm sét.

Quán-Âm là đám mây lành che chở do ý Đại-bi kết thành.

Quán-Âm rưới mưa pháp cam-lồ làm dứt trừ lửa phiền-não.

Dầu kiện thưa chỗ công-đường hay giữa trận chiến để làm sợ sệt, sự tưởng niệm Quán-Âm làm cứu oán đều lui tan.

Tiếng xét thấy khắp thế-gian là Tiếng Diệu-huyền, là Tiếng của vua cõi Trời (Phạm âm), là tiếng của sóng biển, không tiếng thế-gian nào bằng, vì vậy phải thường tưởng nhớ.

Trong mỗi niệm, chỗ sanh nghi: Quán-Âm là Thánh của Thanh-tịnh, là nơi nương tựa của đời khổ-não, chết chóc. Đầy đủ mọi công-đức, trong chúng-sanh với đôi mắt lành, Quán-Thế-Âm là biển phước lớn khôn lường, vì vậy phải nên quì lạy.

Bấy giờ Bồ-tát Trì Địa đứng dậy lễ Phật bạch:

- Thế Tôn! Chúng-sanh nào mà nghe được phẩm Quán-Thế-Âm này là phẩm nói về đạo nghiệp tự-tại và sức thần-thông ứng hiện khắp cửa, thời nên biết công-đức người ấy chẳng phải ít.

Lúc Phật nói phẩm Phổ-môn này, trong đại chúng có tám muôn bốn ngàn chúng-sanh đều phát tâm cầu Vô-thượng-giác.

Huyền nghĩa

Trong Hán-văn có danh-từ “Quán đài” là cái đài cao để trông xa. Lại nữa, trong Phật-học có danh từ “Quán tưởng” là xét thấy trong tư-tưởng, bằng tư-tưởng (voir par l’imagination).

Thế là thế-gian, Âm là tiếng.

Vậy Quán-Thế-Âm là xét thấy, xét nghe tiếng của thế-gian đau khổ, lo sợ.

Huỳnh-Bá Thiên-sư trong sách *Truyền-tâm Pháp-yếu* nói: “*Quán-Âm* tiêu biểu cho *Đại-bi*”. Vậy tuy nói *Bồ-tát Quán-Thế-Âm*, tựu trung Kinh muốn đề cập đến mức *Đại-từ Đại-bi* của Phật. Như thế niệm *Quán-Thế-Âm*, là niệm Phật nhưng đứng về khía cạnh *Đại-từ Đại-bi*.

Xưng tán đức *Đại-từ Đại-bi* trong phẩm 25 Kinh *Diệu-Pháp*, chú Tổ thường nhắc nhở đến 3 điểm đặc-biệt sau đây: 1- *Thất nạn*, 2- *Nhị cầu*, 3- *Tam thập nhị ứng*.

Thất nạn là bảy nạn của thế gian: lửa, nước, sát hại (*la-sát*), đánh chém, vô minh (*ma quỉ*), mất tự-tại (*gông cùm*) và thù cướp.

Nhị cầu (2 sự cầu xin) là cầu con trai và con gái.

Tam thập nhị ứng là 32 lối hiện thân để độ thoát chúng-sanh, như trong Kinh có nói.

Về huyền nghĩa trong thất nạn, xin xem chi-tiết ở đoạn sau. Đây xin sơ lược:

1- Vào lửa mà lửa không thiêu là như thế nào?

Người đời lắm lạc, khổ-não là tại cái “*thấy biết*” (*tri kiến*); thấy thuộc về mắt, biết thuộc về tâm. Thấy biết tánh nóng, vì hay xúi giục, thúc đẩy con người làm theo sự càn dỡ của vọng tưởng, cho nên ví như lửa.

2- *Tam Tạng Pháp Số* viết: “*Quán thính tánh động tắc thuộc ư thủy*”: thấy nghe tánh động cho nên thuộc nước. Giọng quyến tiếng đàn có thể lôi cuốn người như nước.

3- *La-sát* là loài quỉ ăn thịt người, thí dụ cho những tai nạn gặp kẻ hung bạo muốn giết mình.

4- Về nạn dao gậy, *Tam Tạng Pháp Số* viết: “*Lục căn hại nhân, bình nhẫn vô dị*”: Sáu căn hại người chẳng

khác bình khí. Vậy tuy nói dao gậy, thực ý Kinh muốn nói đến những cái hại của “lục nhập”.

5- Nạn ma quỷ ám chỉ sức cảm dỗ của tham, sân, si, mạn, nghi.

6- Nạn gông cùm ám chỉ những trói buộc do mê lầm tạo nên.

7- Thù cướp chỉ những sự thù oán mà vì vô-minh, ta đã kết tạo và những sự cướp giết mà kẻ tham mong làm.

Tất cả những nạn ấy, đều thuộc thân, đều thuộc tâm, đều có thể diệt trừ được bằng pháp-môn niệm danh hiệu Quán-Thế-Âm một cách “nhất tâm”.

Niệm mà đến chỗ nhất tâm (cũng như niệm Phật A-Di-Đà) mà lòng trở thành thanh-tịnh: Quán-Thế-Âm Tịnh Thánh). Có thanh-tịnh là có định, có định là có huệ, có huệ là có Từ-bi, mà Từ-bi là Chân-thể (vraie essence) của con người, là đức chính của Phật-tánh. Vậy niệm Quán-Thế-Âm là tưởng nhớ độc nhất đến cái Chân-thể, đến vị Phật ở nơi mình, nhờ đó mà lần hồi mình bỏ được cái lối sống theo vọng tưởng vô-minh, mà sống theo lối mới của Chân-thể thanh-tịnh và từ-bi, trí-huệ. Có những đức này thì được giải-thoát các nạn nói trên.

Cầu nam thời được con trai phước-đức trí-huệ, cầu gái thời được con gái đoan-chánh. Hai sự cầu xin này là lấy sự cầu xin của thế-gian mà thí dụ, chớ người tu hành mà cầu con cái làm gì? Vậy ý Kinh dạy: muốn cầu phước-đức, trí-huệ, đoan-chánh là được như sở nguyện. Ấy là nhờ sức mạnh của sự niệm Phật, niệm Bồ-tát mà tâm trở nên thanh-tịnh, chánh-định... như đã nói, rồi làm phát sanh những kết-quả trên, chẳng khác con là do sự thai nghén của mẹ.

Quán-Thế-Âm đã là tiêu-biểu cho đức Đại-từ Đại-bi của Phật tức của Tâm, mà tâm thời ai cũng có, cho nên đức ấy có thể hiển hiện bất luận trong một chúng-sanh nào, từ cõi thiên xuống tới cõi người và A-tu-la (ba cõi thiện) để độ thoát những chúng-sanh trong ba nẻo dữ (địa-ngục, nga-quỉ, súc-sanh).

Thật ra chúng-sanh của ba cõi chót cũng có tâm, nghĩa là cũng có từ-bi, nhưng vì quá bị vô-minh vọng tưởng che áng, nên có của báu mà không biết đem dùng tự độ, hà huống đi độ người.

Tam thập nhị ứng còn có nghĩa đức từ-bi thị hiện mà có hiệu quả, là khi nào hợp với hoàn-cảnh. Nếu là trường hợp của người đại trí, thí dụ, thì phải một người đại trí mới khuyến hóa được. Do đây nói, nếu cần phải hiện thân Phật để thuyết pháp, thì hiện thân Phật. Ở các giai cấp khác cũng vậy, thậm chí gặp cảnh của nữ nhân, thì cũng phải một người nữ mới nói cho nhau nghe.

Mấy câu trong đoạn chót của bài kệ, bắt đầu từ câu “Chân quán, thanh tịnh quán” cho đến hết, cần phải suy gẫm nhiều. Ta xem đời, xử sự với đời như thế nào? Xem đúng với sự Chân-thật hay theo vọng tưởng? Ngó với đôi mắt thanh tịnh hay dơ đục bờ lục đục thất tình? Xét một cách sáng suốt (trí-huệ) hay một cách đen tối? Có lấy lòng thương xót đãi người đãi vật hay với một lòng ác độc? Có thương xót mới ngăn được những cơn giận sấm sét của mình (Bi thể giới lôi chấn); chỉ có lòng từ-bi mới tạo cho mình một vầng mây lành che chở cho mình (Từ ý diệu đại vân), chớ đừng tưởng tưởng cao chớ dữ mà mình được an ổn...

Ba tiếng Quán-Thế-Âm đã có thân-lực đem nhiều sự lợi-ích cho ta như thế, thì ở thế-gian có tiếng nào bằng mà không bỏ những tiếng này để tai chỉ nghe tiếng kia mà thôi? Đó là tiếng của Tâm ta (Diệu âm), đó là tiếng của cái Chí Thiện (Phạm âm), đó là tiếng của Pháp (Hải triều âm), đó là tiếng của Phật (Giác-ngộ).

Vì tiếng ấy có thể xuất phát mọi nơi, phát nơi kẻ lành để cho người dữ nghe, nên nói là thị hiện ở khắp các cửa, các nhà (phổ môn).

Những công-đức thường được xưng tán ở Bồ-tát Quán-Thế-Âm là: Thất nạn, nhị cầu, tam thập nhị ứng, thập tứ vô-úy.

Trước đã nói về ba cái đầu, nay xin nói về cái chót là thập tứ vô-úy (14 cái “không sợ”).

Theo sách Tam-Tạng Pháp-Số thì tên và nghĩa của Thập tứ vô-úy như sau:

1- Bất tự quán âm, dĩ quán quán dã. – Bất tự quán âm giả, vị bất tùy thanh trần sở khởi tri kiến dã. – Dĩ quán quán giả, vị phản chiếu tự tánh dã – Bất khởi trí-kiến, tắc vô sở vọng; phản chiếu tự-tánh, tắc nhất thể chân-tịch, vô phục khổ-não, cố linh thọ khổ chúng-sanh mộng thử chân quán, tức đắc giải-thoát, thị vị vô-úy.

Bất tự quán âm là nói không để cho cái “thấy biết” tùy theo cảnh vật (trần) và tiếng tâm (thanh) bên ngoài làm phát lên. – **Dĩ quán quán** là nói dùng cái tánh thấy quay lại soi xét tự-tánh mình. – Thấy nghe bên ngoài mà không khởi lên một “trí-kiến” nào thì không có vọng

(illusion); quay lại sáng soi tự-tánh, thì tất cả ắt phải chân-thật và vắng lặng (chân tịch). Như thế thì không khổ-não trở lạ. Chúng-sanh thọ khổ vâng chịu lối xem xét chân-chánh này (chân quán) ắt được giải-thoát, vì vậy nên gọi là Vô-úy.

Nói tóm: không ngó ra bên ngoài mà cứ ngó ngược vào trong để thấy cái giá-trị và chân-tướng của sự vật. Thấy rõ rồi thì không còn phân biệt tốt xấu, hay dở, ngọt đắng v.v... (tri kiến), làm cho mình bị mê hoặc, lầm lạc (vọng tưởng). Hết vọng tưởng tức không còn say đắm cảnh giả dối của thế-gian, và như thế là giải-thoát. Đã giải-thoát thì đâu còn sợ thiếu ăn ngon, không mặc đẹp, thậm chí đến không còn sợ cái chết nữa. Không sợ là vô-úy. Kinh nói: “Quán kỳ âm thanh, tức đắc giải-thoát”, là nghĩa này.

2- Tri-kiến triển phược. – Tại tâm viết tri, tại nhãn viết kiến. Tri kiến tánh nhiệt, tắc thuộc ư hỏa. Vị Bồ-tát năng triển chuyển tri-kiến, dĩ phục chân-không, năng linh chúng-sanh, thiết nhập hỏa nạn, tự bất năng thiêu, thị vô úy.

Cái biết (tri) thuộc về tâm; cái thấy (kiến) thuộc về mắt. Tánh của “thấy biết” là nóng, vậy là thuộc về lửa. Đây Kinh muốn nói Bồ-tát có khả-năng xoay đổi cái “thấy biết”, đã từng phục “chân-không” khiến chúng-sanh (bất chước làm theo) để có gặp lửa, tự mình không để cho lửa thiêu.

Nói tóm không để cho ngọn lửa “tri-kiến” nung đốt lòng mình. Ngọn lửa ấy là ngọn lửa tham muốn do cái thấy nhóm lên. Đây là chỗ trong Kinh nói: “Thiết nhập đại

hỏa, hỏa bất năng thiêu”. Không còn sợ (vô-úy) lửa tham dục đối là vậy.

3- Quán thính triền phục. – Quán thính tánh động, tắc thuộc ư thủy. Vị Bồ-tát năng triền chuyển quán thính, dĩ phục chân-không, năng linh chúng-sanh, thiết vi đại thủy sở phiêu, tự bất năng một, thị vi vô-úy.

Nghe thấy tánh động, vì vậy thuộc nước (tỷ như nước). Ở đây Kinh muốn nói Bồ-tát có khả-năng xoay đổi cái nghe, bắt nó tuân theo chân-không (Réalité – Vacuité), vì vậy khiến được chúng-sanh, dầu có trôi dạt trong nước “nghe thấy” cũng không tự mình nhận chìm mình. Do đây nói là không sợ.

Vấn tất, chuyển được cái nghe, không còn để cho nó chạy theo âm thanh giả dối của thế-gian và bắt nó quay lại nghe cho được cái tiếng bề trong của con người, là tiếng của cái Chân cái Không, thì khỏi còn sợ sự lôi cuốn, nhận chìm của “nước nghe biết”.

4- Đoạn diệt vọng tưởng, tâm vô sát hại. – Vọng tưởng tác nghiệp, dĩ sát vi thủ. Vị Bồ-tát chứng ngộ Thực-tánh, đoạn diệt vọng tưởng, đại từ tâm phát, vô sát hại niệm, năng linh chúng-sanh, nhập bỉ La-sát qui quốc, qui tự diệt ác, thị vi vô úy.

Vì vọng tưởng mà sanh hành-động (tác nghiệp) mà trong các hành-động, sự sát sanh đứng đầu là trọng nhất. Ý Kinh muốn nói rằng, nhờ chứng ngộ Thực-tánh, Bồ-tát diệt được vọng tưởng và tâm thương xót phát khởi, vì vậy mà có khả-năng khiến chúng-sanh gặp phải kẻ ác (La-

sát), thì kẻ ác tự chúng hết ác. Đây là cái “không sợ” thứ tư.

Vọng tưởng hết, từ tâm sanh, không còn những tư-tưởng sát hại đối với người khác, loài khác, thì đâu còn ai là kẻ thù mà tất cả đều là bạn, là thân với ta, vì vậy không còn sợ “quỉ” sát hại.

5- Huân văn thành văn, lục căn sảo phục, đồng ư thanh tịnh. – Vị huân văn thuộc tư, tư ký sở văn vô tánh khả đắc, tắc thành Chân-văn. Lục căn hại nhân, binh nhẩn vô dị. Bồ-tát lục căn, ký giai tiêu diệt, dĩ phục Chân-không, nhất thể trần cảnh, đồng ư thanh tịnh, năng linh chúng-sanh, đương bị hại giả, đao nhẩn sở giả, đoạn đoạn chiết hoại, thị vi vô úy.

Hun chất cái nghe (cái học, cái biết) thuộc về suy-gã; suy-gã thấy những tiếng tâm mình nghe không phải thực có (vô tánh), nhờ vậy mà cái nghe sai trước kia trở thành cái nghe chân-tánh (Chân-văn). Sáu căn hại người (trong đó cái nghe là một) không khác gì binh khí. Nay sáu căn ở Bồ-tát đã tiêu diệt và tuân theo Chân-không, thì tất cả ngoại cảnh đều như những tiếng nghe kia (nghĩa là bị nhận là không thực có, không giá-trị gì), nhờ vậy mà Bồ-tát có khả-năng khiến chúng-sanh tránh khỏi nạn “binh khí” nói trên, như chúng ta tự gây ra từng đoạn. Không sợ là như vậy.

Đây là đoạn trong Kinh nói : Lâm đương bị hại, đao đoạn đoạn hại.

Lóng nghe được tiếng của tâm thanh-tịnh (Văn), nghe cho lâu ngày (huân), tức phải có suy-gã (tư) và nhờ suy-gã mà thấy âm-thanh và tất cả tiền-trần là giả dối (vô tánh khả đắc). Cái nghe do đó chỉ còn nghe cái chân-

thật (tâm), không còn nghe cái giả dối nữa, cho nên “không sợ” sự cảm dỗ của lục căn nữa.

6- Văn huân tinh minh, minh-biến pháp-giới.

- Vị Bồ-tát từng văn huân tập, sở thành huệ-tánh. Ký đắc tịnh minh, minh chiếu thập phương, chu biến pháp-giới, u-ám tức tiêu, năng linh chúng-sanh, tuy bị Dạ-xoa chư ám giả lai cận kỳ trắc, tự thọ minh đạt, tự bất năng thị, thị vi vô-úy.

Cái nghe thành chân, tức là có định; có định rồi là phát huệ, sáng xét, sáng thấy sự thật trong cả mười phương pháp-giới, thì bao nhiêu u-ám dù có đến gần, đều bị cái sáng ấy là tan, như gặp quỷ mà quỷ không dám ngó, đừng nói làm hại. Lại một cái “không sợ” khác mà người tu hành đạt đến.

7- Âm tánh viên tiêu, quán thính phản nhập.

- Vị thọ hư-vọng thanh trần hệ phược, bất di cấm hệ già tỏa. Bồ-tát dĩ động tĩnh, chi tánh cu diệt, tắc kỳ quán thính phản vọng nhập chân, thanh trần giải-thoát, năng linh chúng sanh, cấm hệ đẳng sự, bất năng trước thân, thị vi vô-úy.

Để cho ngoại cảnh sắc thanh giả dối cảm dỗ, thì con người bị dính níu với chúng có khác nào bị trói buộc giam cầm. Bây giờ cái nghe biết đã bỏ vọng về Chân, con người giải-thoát với tiếng tâm của đời, như người thoát khỏi gông cùm xiềng xích “không sợ” sự lôi cuốn, cột trói nữa. Đây là chỗ Kinh nói: Cấm hệ già tỏa, sở bất năng trước.

8- Diệt âm, viên văn, biến sanh từ-lực, - Vị Bồ-tát tiêu diệt âm-thanh, viên thanh văn huệ, tắc biến

sanh từ-lực, năng dĩ đại lợi, linh bí đặc lạc, thị dĩ chúng-sanh kinh ư hiểm lộ, như hành thân đồ, hoặc ngộ ác khẩu, tự bất năng kiếp, thị vi vô-úy.

Chẳng những sửa đổi cái nghe mà còn làm cho sức mạnh của lòng Từ lan rộng khắp cùng, thành ra đi đường nguy hiểm cũng như đi đường rộng rãi, còn gặp quân cướp ác, tự chúng bỏ ý cướp giết. Đây là cái “không sợ” do lòng từ bủa khắp ban cho và chỗ trong Kinh nói: Kinh quá hiểm lộ, tặc bất năng kiếp.

9- Huân văn ly trần, sắc bất năng kiếp. – Vị Bồ-tát dĩ tư (tư duy) huệ huân văn thành Tánh, ly chư trần vọng, bất bị sắc trần sở kiếp, năng linh nhất thể tánh đa dâm nhân, tham dục bất sanh, thị vi vô-úy.

Cái sáng suốt (huệ) đã hun đúc thành Tánh rồi, ắt phải vĩnh viễn xa lìa những vọng-tướng của trần-thế, không để cho sắc đẹp cướp đoạt cái sáng suốt của mình, cho nên tham dục không sanh, “không sợ” sắc đẹp nữa.

10- Thuần âm vô trần, căn cảnh viên dung. – Vị Bồ-tát âm tánh thuần tịnh, ly chư vọng trần, căn cảnh tương nhập, viên dung vô ngại, năng linh hoài phần hận nhân, sân khuể bất sanh, thị vi vô-úy.

Ý Kinh nói: Tâm đã thuần tịnh, xa lìa vọng tưởng của tiền-trần, thì ý và cảnh nhập làm một, ta là người, người là ta, ta là cảnh, mà cảnh cũng là ta, thì không còn nuôi lòng giận hờn nữa. Như vậy là “không còn sợ” cái giận nữa.

11- Tiêu trần, triển minh. – Vị Bồ-tát trừ ám tiêu trần, triển phục tính minh, năng linh nhất thể hỗn độn vô thiện tâm nhân, si ám viễn ly, thị vi vô-úy.

Bồ-tát đã trừ khử mọi đen tối (trừ ám), tiêu diệt mọi thứ bụi đời (tiêu trần), chuyển biến tánh tối thành sáng, hóa ra xa lìa được si-mê. Nhờ đó mà “không sợ” bệnh Si nữa.

12- Dung hình phục vấn. – Vị dung hình, tắc ngại diệt, phục vấn, tắc tánh chân, cố thiết nhập thế-gian, nhi bất hoại thế-gian chi tướng, năng biến thập phương cúng-dường vi-trần số Phật, bảm thừa kỳ pháp, các vi pháp tử, dĩ thử vô-úy, thí chư vô tử chúng-sanh, dục cầu nam giả, linh đắc sanh nam.

Ý nói: Các hình tướng đã nấu chảy hết thành một chất loãng duy-nhất, thời sự sai khác trước kia làm trở ngại bị tiêu diệt, lại nghe được tiếng của Tâm thì Tánh trở thành chân, hết vọng. Bởi cố, giao tiếp với thế-gian mà không làm hỏng các tướng của thế-gian, năng đi khắp mười phương, cúng-dường vô số Phật, vâng chịu giáo-pháp và làm con của Pháp. Do đó mà sanh lòng “không sợ”, thí như người không con trai thời được con trai.

Theo thiền ý tôi, cầu con trai ở đây là ý Kinh nói cầu phúc-đức và trí-huệ, vì Kinh nói: đắc sanh phước-đức trí-huệ chi nam.

13- Lục căn viên thông, minh chiếu vô nhị. – Vị Bồ-tát lục căn viên dung, thông đạt vô ngại, hàm nhiếp pháp-giới, như Đại-Viên cảnh, minh chiếu vô nhị, do thử cố, năng thừa thuận pháp-môn, thọ lãnh vô thất. Dĩ thử vô-úy, thí chư vô tử chúng-sanh, dục cầu nữ giả, tức đắc sanh nữ.

Sáu căn đã hoàn-toàn, suốt thông không ngại, bao gồm pháp-giới như một chiếc Gương to, sáng soi tất cả

như một vật một, do đó có khả năng xuôi theo của pháp, nhận lấy đầy đủ không rơi không mất. Đây là một cái “không sợ” khác. Thí như người không con, cầu con gái, được con gái.

Theo ngụ ý, cầu con gái ở đây là cầu sự doan-chánh (doan-trang, nghiêm-chánh).

14- Ngã nhất danh dữ lục thập nhị Hằng hà-sa danh đẳng vô hữu dị. – Vị Bồ-tát đắc chân viên – thông, năng linh cầu phúc chúng-sanh, đản trì ngã chi danh hiệu, dữ bỉ câu trì vô số Bồ-tát danh hiệu chi nhân, giáo lượng sở đắc phúc đức, đẳng vô hữu dị, thị vi vô úy.

Ý Kinh nói : Bồ-tát đạt đến cảnh Chân một cách thông suốt trọn vẹn, thì có thể khiến những chúng-sanh cầu phúc được phúc đồng như người cùng cầu phúc mà trì danh hiệu của vô số Bồ-tát.

Đây là đoạn Kinh nói: Năng linh chúng-sanh, trì ngã danh hiệu, dữ bỉ cộng trì lục thập nhị Hằng hà-sa chư pháp vương tử, nhị nhân phước huệ, chánh đẳng vô dị.

TỔNG LUẬN

Trước chúng ta đã học phẩm “Diệu-Âm” tiếng nói huyền diệu, tức là tiếng của Tâm thanh-tịnh.

Nghe được tiếng ấy chỉ có những người thanh-tịnh, mà thanh-tịnh được là vì có định, càng định lại càng thanh-tịnh. Định có là huệ phát sanh cùng với Huệ là Tâm từ-bi.

Trước muốn nghe tiếng “diệu” phải gần như bịt tai với tiếng đời, xoay cái nghe bề ngoài vào trong để nghe bề trong. Nay nghe bề trong xong rồi, phải quay trở ra mà nghe tiếng đời (quán-thế-âm) để mà cứu vớt chúng-sanh trong đau khổ. Đó là thể hiện Tâm Đại-Từ Đại-Bi mà Bồ-tát Quán-Thế-Âm là tượng trưng. Đại-Từ Đại-Bi là Phật, hay nữa là đức tướng căn bản của Phật.

“Thất nạn” và “nhị cầu” nêu rõ những hiệu lực của việc “trì niệm” danh hiệu Quán-Thế-Âm, tức Đức Đại-Từ Đại-Bi. Pháp-môn trì niệm này đồng một tánh chất với pháp môn “trì niệm” A-Di-Đà Phật chẳng hạn, nhưng có chỗ đặc biệt là đứng hẳn về phương diện Từ-bi.

“Tam thập nhị ứng”, chỉ Từ-bi có thể xuất phát ở mọi chúng-sanh, trừ ba hạng địa-ngục, ngạ-qui, súc-sanh là hạng vô-minh sâu dày.

Thập tứ vô-úy là cốt nói: chúng-sanh nào mà tâm đã thanh-tĩnh, giác-ngộ, sáng-suốt và từ-bi phát khởi thì không còn sợ vọng tưởng, tham, sân, si lỗi cuốn, thiêu đốt hay đắm chìm, cũng không còn sợ kẻ oán người thù.

Trì A-Di-Đà đắc thanh-tĩnh. Trì Quán-Thế-Âm vừa đắc thanh-tĩnh, vừa đắc Từ-bi.

PHẨM THỨ 26

ĐÀ-LA-NI

(Les Formules Magiques)

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Dược-Vương đứng chấp tay hướng Phật bạch rằng:

- Thế-Tôn! Nếu có trai lành gái tốt thọ trì được Kinh Pháp-Hoa này, hoặc đọc tụng thông suốt hiểu mau, hoặc biên chép thành quyển, họ được bao nhiêu phước đức?

Phật đáp:

- Nếu có thiện nam-tử, thiện nữ-nhân cúng dường tám trăm muôn ức na-do-tha Hằng hà-sa Phật, ý ông nghĩ sao, họ đặng phước đức nhiều chăng?

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật nói:

- Nếu có trai lành gái tốt nào đọc tụng, giải nghĩa và tu hành đúng như lời, thời dầu chỉ là một bài kệ bốn câu trong Kinh này, công-đức của họ còn nhiều hơn (những người trước kia).

Lúc đó, Bồ-tát Dược-Vương bạch Phật:

- Thế Tôn! Con nay sẽ cho người nói Kinh Pháp-Hoa một bài đà-la-ni để làm chú giữ gìn họ.

Bồ-tát liền đọc bài chú: **“An nhĩ, mạn nhĩ, ma nễ, ma ma nễ, chỉ lệ, giá lê đê, xa mế, xa lý đa vĩ chuyên đế...”**

Bồ-tát tiếp nói:

- Thế Tôn! Thần chú này là của sáu mươi hai ức Hằng hà-sa Phật nói. Ai xâm phạm hủy hoại Pháp-sư này (người đọc chú), thời là xâm hủy các đức Phật rồi đó.

Lúc đó, Đức Phật Thích-Ca khen Bồ-tát Dược-Vương:

- Hay thay! Hay thay! Dược-Vương, vì thương tưởng muốn ủng hộ Pháp-sư ấy mà nói bài chú, người sẽ giúp ích rất nhiều cho chúng-sanh.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đông-Thí bạch Phật:

- Thế-Tôn! Con cũng xin vì người đọc tụng thọ trì Kinh Pháp Hoa mà nói đà-la-ni. Đấng chú này rồi, thời Pháp-sư không bị Dạ-xoa, La-sát hoặc Phú-đơn-na, Kiết-giá, Cưu-bàn-trà, ngạ-qui tìm thấy chỗ ở của mình nữa.

Nói xong, Bồ-tát đọc bài chú: **“Toa lệ, ma ha toa lệ, úc chỉ...”**.

Rồi nói tiếp:

- Thế-Tôn! Thần chú này là của Hằng-hà-sa Phật nói và cũng đều tùy hỷ. Ai xâm phạm Pháp-sư tức xâm phạm chư Phật rồi vậy.

Bấy giờ Thiên-vương Tỳ-Sa-Môn là một vị Thiên che chở cho thế-gian, bạch Phật rằng:

- Thế-Tôn! Tôi cũng vì lòng thương chúng-sanh mà ủng hộ Pháp-sư bằng đà-la-ni này.

Liền nói bài chú: **“A lệ, a na lư, na lý, câu na lý”**.

Lại bạch:

- Thế-Tôn! Đã dùng thần chú ủng hộ Pháp-sư, thời con cũng tự ủng hộ người trì Kinh này, làm cho họ được trong khoảng trăm do-tuần khỏi điều tai nạn.

Bấy giờ, Thiên-Vương Trì-Quốc ở trong pháp-hội cùng với ngàn muôn ức na-do-tha Càn-thát-bà chấp tay bạch Phật:

- Thế-Tôn! Chúng con cũng dùng thần chú đà-la-ni ủng hộ người trì Kinh Pháp-Hoa.

Liền nói chú: “**A đà nễ, đà nễ, cù lợi, càn đà lợi, chiên đà lợi, ma đẵng kỳ thường cầu lợi, phù lâu tá nĩ, ác đế**”.

Lại nói:

- Thế-Tôn! Thần chú này là của bốn mươi hai ức Phật nói, ai xâm hủy Pháp-sư là xâm hủy các đức Phật rồi đó.

Bấy giờ mười La-sát cùng với bảy quỷ, cả lẫn con đều đồng bạch Phật:

- Thế-Tôn, chúng con cũng muốn ủng hộ người đọc tụng thọ trì Kinh Pháp-Hoa và trừ sự khổ hoạn cho họ, còn nếu có kẻ rình tìm chỗ dở của Pháp-sư, thời khiến cho đừng tìm được.

Nói xong liền đọc bài chú: “**Y đề, y đề vẫn, y đề lý, a đề lý...**”.

Lại tiếp:

- Các Dạ-xoa, La-sát, ngạ-quỷ... hoặc quỷ làm bệnh nóng, từ một tới bảy ngày, hay làm bệnh nóng luôn, các nam nữ, con trai con gái, thà trèo lên đầu chúng con, chớ không có thể làm hại Pháp-sư, dầu là trong giặc chiêm bao.

Mười La-sát và bảy quỷ liền trước Phật nói bài kệ:

Ai chẳng thuận chú ta,

Nã loạn người nói pháp

*Thời đầu vờ bầy phần
Như nhánh cây A-lê
Như tội giết mẹ cha
Cũng như họa ép dầu (1)
Như lờng cân tráo dấu
Như Điều-Đạt phá Tăng (2)
Kẻ nào phạm Pháp-sư
Sẽ mắc họa như thế.*

Nói kệ xong, các nữ La-sát bạch Phật:

- Thế-Tôn! Chúng con cũng sẽ tự mình ủng hộ người thọ trì đọc tụng Kinh này, làm cho họ đặng an ổn, xa lìa các sự khổ hoạn, tiêu các thuốc độc.

Phật bảo các La-sát:

- Hay thay! Hay thay! Chỉ ủng hộ người thọ trì tên Kinh Pháp-Hoa, chúng người đặng phước chẳng thể lường được, huống là ủng hộ người thọ trì toàn bộ và dùng mọi thứ hoa hương, chuỗi ngọc, tràng phan, kỷ nhạc... cúng dường Kinh. Nay Cao-Đế (3) các người cùng quyến thuộc phải nên ủng hộ các Pháp-sư như thế.

Lúc Phật nói phẩm Đà-la-ni này, có sáu muôn tám ngàn người đặng “vô-sanh pháp-nhẫn”.

Huyền nghĩa

1- Lời giải của ngài Hải-Ấn:

Đà-la-ni là tâm ấn của Phật, có một thần lực “gia-trì” không thể nghĩ bàn, thí như bí-phủ của vua, một khi trao cho vị đại tướng thì không kẻ nghịch nào mà đại tướng không khắc phục.

Người tu hành khi đã tập diệu hạnh (chỉ quán, diệu âm, quán-thế-âm), vẫn chưa đầy đủ điều-kiện để chống

vững định, huệ. Vì sao? Vì tạng-thức sâu kín (hay tiềm thức) nhiễm huân dā nhiều kiếp, tập-khí tiềm phục nhiều đời, nếu không có một định lực thật kiên cố thì không sao khắc phục những ác chủng tiềm phục trong thức A-lại-da, tức Tạng-thức.

Vậy trì chú là một phương chỉ-quán “vô phân-biệt”.

2- Lời giải của ngài Minh-Chánh:

Tu thấy được bốn-lai thanh-tịnh tâm thể, nên biết rằng tâm ấy vốn đầy đủ Hằng-sa công-đức, vô-lượng pháp-môn. Y theo đó tu hành thì viên cụ lực độ, vạn hạnh. Nay thêm việc đọc chú sẽ có thần lực giúp sức, mau chóng nhập A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề.

Trì đà-la-ni thì tâm “vô phân-biệt”, không còn vọng tưởng, thì dứt bỏ vọng về Chân. Mà Chân thì vốn vắng-lặng (trạm tịch), cho nên không còn thấy ba cõi (tam-giới), bầy thú (thất thú) và tất cả những tướng hữu-vi nữa. Bởi vậy chư Bồ-tát, chư Thiên, quỷ thần đều đọc Đà-la-ni.

Vậy trì đà-la-ni là để đạt đến tâm “vô phân-biệt” là cái tâm không thể đo lường, so sánh và bàn luận được, tâm ấy vượt khỏi vòng ngữ-ngôn, văn-tự, nghĩa-lý.

Kinh Kim Cang có câu: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư-vọng”, duy linh linh yên, tịch tịch yên, đà đà bất biến. Cố vô hữu năng diễn giải chú trung chi nghĩa giả. Dẫn tín thọ trì, thần lực mạc trắc.

3- Lời giả của dịch giả. – Đã đành đà-la-ni có công năng “vô phân-biệt” như thế, nhưng nếu theo mạch Kinh mà nói thì chúng ta có thể hiểu như thế này: Ai thực hành được Kinh Pháp-Hoa (Pháp-su) hoặc chỉ đọc tụng đi

nữa, đều được tăng tiến như có sức thần ủng hộ. Sự ủng hộ ấy tùy trường hợp:

- Nếu đọc tụng, giải nghĩa, y như lời Kinh mà tu hành thí đắc pháp, thâm nhập được lời Phật, tự nhiên tâm bệnh được trừ, như người bệnh được thuốc hay (đây là đoạn Dược-Vương đọc chú).

- Nếu đọc tụng, thọ trì, thì không còn chỗ hở để cho các loài quỷ (lục dục) xâm chiếm vào tâm (Đoạn Đông-Thí Bồ-tát).

- Ai trì được Kinh Pháp-Hoa thì được chư Thiên ủng hộ, nghĩa là tránh được áp lực của những niệm ác (Đoạn Tỳ-Sa-Môn và Trì-Quốc Thiên-Vương).

- Ai trì được Kinh Pháp-Hoa thì trừ được dâm dục (Đoạn 10 La-sát nữ và bẫy quỷ mẹ, quỷ con).

- Thọ trì, đọc tụng, theo Kinh tu hành thì đâu còn vương vấn với thế-sự, nhờ vậy mà lần hồi tâm được thanh-tịnh, trí-huệ phát sanh (Dược-vương), từ-bi đột khởi (Đông-thí), thiện căn được trồng (Thiện vương), ác-thú (mauvaises tendances) được trừ nhờ vậy mà cái ác không còn xâm nhập và cái thiện ngày lại thêm, như có sức gia hộ. Lại nữa, nếu suy theo việc đời, thì sự gia hộ ấy rất có thể có, tỷ như có người nghèo nhưng chân chính, lo làm lo ăn, thì thường được người cảm mến và giúp đỡ, mà kẻ dữ cũng không nỡ làm hại.

(1) Yếm dũ = Ép dũ. Người Ấn-Độ muốn ép dũ, trước phải giữ nhờ mè, đậu... ủ cho sanh trùng rồi mới ép, như thế là sát hại nhiều sanh mệnh, nên phải bệ hạ ương (lời giải của T.T. Trí Tịnh).

(2) Điều-Đạt là Đê-hà-đạt-đà, mắc tội lớn vì phú Tạng, hãm hại Phật.

(3) Cao-Đế = Kunti, tên của một quỷ Dạ-xoa (Râkchasis).

PHẨM THỨ 27

DIỆU-TRANG-NGHIÊM VƯƠNG BỔN SỰ

(Ancienne méditation du Roi Cubhavyuha)

Lúc bấy giờ, Phật bảo đại chúng:

- Thuở xưa, cách đây vô lượng vô biên kiếp, có đức Phật hiệu Vân-Lôi-Âm Tú-Vương Hoa-Trí, tại nước Quang-Minh Trang-Nghiêm, vào kiếp có tên là Hỷ-Kiến.

Tại pháp-hội của đức Phật đó, có một nhà vua tên là Diệu-Trang-Nghiêm, phu-nhân tên là Tịnh-Đức và hai con tên là Tịnh Tạng và Tịnh Nhân.

Hai người con đó có sức thần thông lớn về phước đức và trí huệ, từ lâu tu tập mười phép ba-la-mật, thậm chí rành cả 37 phẩm trợ đạo, lại đặng các môn tam-muội của Bồ-tát, như: Nhật tinh tú, Tịnh quang, Tịnh sắc, Tịnh chiếu, Trường trang nghiêm, Đại oai đức.

Lúc đó, vì muốn dẫn đường cho vua Diệu Trang Nghiêm và cũng vì lòng thương chúng sanh, Phật Vân Lôi Âm nói Kinh Pháp Hoa này.

Bấy giờ, Tịnh Tạng và Tịnh Nhân đến chỗ mẹ ở, chấp tay thưa: “Xin mẹ đến chỗ Phật Vân Lôi Âm ngự, chúng con cũng sẽ theo hầu để gần gũi và cúng dường Phật. Vì sao? Vì Phật đang vì Trời, Người nói Kinh Pháp Hoa, nên phải nghe và tin nhận”.

Phu nhân bảo hai con: “Cha chúng con tin theo ngoại đạo, sâu nhiễm pháp Bà-la-môn, các con nên qua thưa với cha chúng con để cùng nhau đồng đi”.

Tịnh Tạng, Tịnh Nhân thưa: “Chúng con là con của Vua Pháp, sao lại sanh vào nhà tà kiến?”.

Phu nhân dạy: “Các con nên thương tưởng cha các con mà hiển phép thần thông biến hóa, thấy đặng phép ấy, ắt lòng cha con thanh tịnh, hoặc nghe lời chúng ta mà qua đến chỗ Phật ở”.

Ngay lúc đó, hai người con vì tưởng nhớ đến cha, bay vọt lên hư không cao bằng bảy cây đa-la, hiện các món thần thông như đi, đứng, ngồi, nằm trong hư không, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, hoặc hiện thân lớn đến choán hết hư không rồi hiện lại nhỏ, nhỏ lại hiện ra lớn, ẩn mất trong hư không rồi bỗng hiện ra trên đất, vào đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất.

Thấy thần lực của con như vậy, vua cha lòng rất vui mừng, như đặng vật chưa từng có, bèn chấp tay hướng về phía con mà nói rằng: “Thầy của các con là ai? Các con là đệ tử của ai?”.

Hai con thưa: “Đức Phật Lô Ít Âm Tú Vương Hoa Trí kia, hiện đang ngồi trên pháp tòa dưới ây Bồ-đề bằng bảy báu, trong đám trời, người trên thế-gian, rộng nói Kinh Pháp Hoa, là thầy của chúng con đó; chúng con là đệ tử của Ngài”.

Vua cha nói: “Ta nay cũng muốn ra mắt thầy các con, vậy chúng ta cùng đi”.

Khi đó hai người con, từ hư không xuống, đến chỗ mẹ ở, chấp tay thưa: “Phụ vương nay đã tin hiểu, có thể kham phát tâm Vô thượng giác. Chúng con đã vì cha mà làm xong Phật sự rồi, vậy mong mẹ bằng lòng cho chúng con xuất gia tu hành nơi chỗ đức Phật Lô Ít Âm”.

Nói xong, hai người con lại đọc bài kệ:

Xin mẹ cho các con,

Xuất gia làm Sa-môn.

*Cho con theo Phật học,
Gặp hoa Ưu-đàm khó,
Gặp Phật còn khó hơn,
Khỏi các nạn cũng khó,
Nên cho con xuất gia.*

Mẹ liền bảo: “Cho các con xuất gia, vì Phật khó gặp vậy”.

Hai con liền thưa: “Thưa cha mẹ, như thế thì hay lắm! Chúng con xin liền qua chỗ Phật Vân Lô Âm để gần gũi cúng dường. Khó cho người gặp hoa Linh-thoại, khó cho rùa một mắt gặp bông cây nổi (1), gặp được Phật cũng khó như thế. Chúng ta phước đức đời trước sâu dày nên mới sanh đời này gặp Phật pháp, bởi vậy xin cha mẹ nghe chúng con mà xuất gia. Các đức Phật khó gặp, thời kỳ gặp Phật cũng khó có”.

Lúc đó, nơi hậu cung vua Diệu Trang Nghiêm có tám muôn bốn ngàn người đều có thể thọ trì được Kinh Pháp Hoa này. Còn Bồ-tát Tịnh Nhân và Bồ-tát Tịnh Tạng vì muốn làm cho tất cả chúng sanh xa lìa các đường dữ, nên Tịnh Nhân đã từ lâu thông đạt nơi “Pháp Hoa Tam-muội”, và Tịnh Tạng từ vô lượng kiếp đã thông đạt môn “Ly chư ác thứ tam-muội”.

Phu nhân của vua đặng môn “Chư Phật Tập Tam-muội”, năng biết tạng bí mật của chư Phật.

Nhờ hai con dùng sức phương tiện khéo hóa độ như thế, lòng vua tin hiểu, ưa mến Phật pháp.

Bấy giờ, nhà vua với quần thần quyến thuộc, Tịnh Đức phu nhân với thế nữ nơi hậu cung, hai vương tử với 4 muôn 2 ngàn người đồng một lúc đi qua chỗ Phật Lô Âm ở. Đến nơi rồi, tất cả đều làm lễ rồi đứng qua một bên.

Phật vì vua nói pháp, chỉ dạy điều lợi ích, vui mừng, nhà vua lấy làm vui đẹp.

Bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm cùng phu nhân mở chuỗi trân báu giá trị trăm ngàn đang đeo ở cổ, tung rãi trên đức Phật. Trong hư không, chuỗi ấy hóa thành đài báu bốn trụ, trên đài có giường báu lớn, trăm ngàn muôn thiên-y phủ lên, trên đó có Phật ngồi kiết-già, phóng hào quang sáng lớn. Nhà vua mới nghĩ rằng: “Thân Phật ít có, đoan trang, nghiêm chỉnh hết sức đặc biệt, thật là một sự thành công vi diệu bậc nhất về mặt hình tướng!”.

Bấy giờ Phật Lô Âm bảo bốn chúng: “Các người thấy Diệu Trang Nghiêm chấp tay đứng trước ta đó chẳng? Nhà vua, ở trong pháp ta, làm Tỳ-kheo siêng ròng tu tập các pháp trợ Phật đạo, sẽ đặng làm Phật, hiệu là Ta-La Thọ Vương, nước tên Đạt Quang, kiếp tên Đại Cao Vương. Phật Ta-La Thọ Vương có vô lượng Bồ-tát và vô lượng Thanh văn, nước đó bình chánh, công đức như vậy”.

Vua Diệu Trang Nghiêm tức thời giao nước cho em, rồi cùng phu nhân, hai người con và các quyến thuộc, ở trong Phật pháp xuất gia tu hành.

Xuất gia rồi, trong 8 muôn 4 ngàn năm, thường xuyên tinh tấn tu hành Kinh Diệu Pháp, sau đó đặng tam-muội “Nhất Thế Tịnh Công Đức Trang Nghiêm”. Đặng Tam-muội xong, liền bay lên hư không, cao bảy cây đa-la mà bạch Phật: “Thế Tôn! Hai người con của con đây đã làm Phật sự, dùng thần thông biến hóa, xoay tâm tà của con, khiến con an trụ trong Phật pháp, được thấy Thế Tôn. Hai người con ấy là thiện tri thức của con, vì muốn phát khởi căn lành đời trước, làm lợi ích cho con, nên đến sanh vào nhà con”.

Phật Vân Lô Âm bảo nhà vua: “Đúng thế! Đúng thế! Quả như lời ông nói, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trồng cội lành, thời đời đời được gặp hàng thiện tri thức hay làm Phật sự, chỉ dạy cho sự lợi ích vui mừng, khiến vào đường Vô thượng giác.

Đại vương nên biết: Nhân duyên lớn nào mà giáo hóa, đui dốt làm cho đặng thấy Phật, phát tâm Vô thượng giác, thời đó là thiện tri thức.

Đại vương! Đại vương thấy hai người con này chẳng? Hai người ấy đã từng cúng dường sáu mươi lăm trăm ngàn muôn ức Hằng hà-sa đức Phật, thân cận cung kính chư Phật, **nơi chỗ chư Phật ở**, thọ trì Kinh Pháp Hoa thương tưởng những chúng sanh tà kiến mà khiến cho họ trụ trong chánh kiến”.

Vua Diệu Trang Nghiêm, từ trên hư không xuống tán thán công đức Như Lai xong, liễn bạch Phật: “Thế Tôn! Thật là chưa từng có, Pháp của Như Lai đầy đủ vi diệu những công đức xây dựng (thành tựu) không thể nghĩ bàn, dạy răn việc làm, khiến được an ổn rất hay. Từ nay con nguyện không còn theo ‘tâm hành’ của mình nữa, chẳng sanh lòng tà kiến, ngạo nghễ, giận hờn”.

Thưa xong, vua làm lễ rồi lui ra.

Phật bảo đại chúng:

- Ý các người nghĩ sao? Vua Diệu Trang Nghiêm đâu phải người nào lạ, chính này là Bồ-tát Hoa Đức hiện ở trước Phật đó. Hai người con là Bồ-tát Dược Vương và Dược Thượng vậy. Hai Bồ-tát này đã thành tựu các công đức lớn như thế, ai mà biết danh tự của hai Bồ-tát đó thời đáng cho nhân dân lễ lạy.

Lúc Phật nói phẩm “Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự” này, có tám muôn bốn ngàn người xa trần lụy, rời cấu nhiễm, ở trong các pháp đặng pháp “nhân tịnh”.

Huyền nghĩa

Trước xin nhắc hai lời giải của:

1- Hải Ấn Đại sư:

Diệu Trang Nghiêm là Như Lai tại triển, tiêu biểu cho Bát thức tâm vương.

Tịnh Tạng (Ý thức), Tịnh Nhãn (Mạt-na thức), tiêu biểu cho “chuyển nhiễm thành tịnh”.

Phu nhân nhu thuận nội trợ, tiêu biểu cho “Chi quán nội huân” (Tịnh trị vô minh, cố danh Tịnh Đức).

Hai con xin xuất gia trước, tiêu biểu cho điều kiện phải bắt đầu chuyển đệ lục và đệ thất thức nhiên hậu mới làm cho Bốn-giác xuất triển (Cha xuất gia đi tu).

Tóm: Dùng chỉ quán lực để đặng “vô phân-biệt tâm”, có “vô phân-biệt-tâm” thời cùng với chư Phật có một trí dụng tương ứng. Y pháp lực tu hành, Chân như huân tập, diệt vô minh, nên kêu là pháp lực gia trì, còn phẩm trước là “thần lực gia trì”.

2- Minh Chánh Thiền sư:

Khéo giữ tâm mình, biện minh tà chánh, chớ thấy được như vậy mà cho là đủ rồi sanh lười biếng. Vì vậy:

- *Diệu Trang Nghiêm là tiêu biểu cho tâm của người tu hành.*
- *Tịnh Đức phu nhân tiêu biểu cho Chánh Trí huệ.*
- *Tịnh Tạng tiêu biểu cho Chánh trí.*
- *Tịnh Nhãn tiêu biểu cho Chánh kiến.*

Tu hành mà năng y theo Chánh Trí Huệ, Chánh Trí, Chánh Kiến ấy và lấy đó làm thiện tri thức, thời đó là “khéo giữ tự tâm”, đã phá sự che đậy của thức (Tu hành nhân năng y thử Chánh Trí Huệ, Chánh Trí, Chánh Kiến, dĩ vì bốn thiện tri thức, thử giả thiện hộ tự tâm phá thức âm).

Theo lối giải từ trước tới nay của tôi và cũng theo mạch Kinh, nghĩa huyền của phẩm 27 hình như sau đây.

Kinh bảo, hồi đời lâu xưa vô cùng vô tận, tại nước Quang Minh, có Phật hiệu Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí. Nếu chúng ta phân tách danh hiệu này, chúng ta sẽ thấy có ba đoạn:

- Vân Lô Âm (tiếng của mây sấm hay của sấm chập chồng như mây đùn).
- Tú Vương (vua của các tinh tú).
- Hoa Trí (tinh hoa của các trí: fleur des intelligences, tức Bát nhã trí).

Vậy theo phương pháp tượng trưng, chúng ta có thể hiểu đoạn đầu của Kinh như thế này: Tâm nào (nước) có Ánh sáng (Quang Minh), thời ở đấy có Tiếng Sấm liên tục (Vân Lô Âm), có một vì sao chúa các tinh tú (Tú Vương), có Hoa Trí huệ (Hoa Trí). Đó là tâm trạng, là đời sống tinh thần của những người tu hành đã giác ngộ, nói đúng hơn: đã trở về với bốn tâm, bốn tánh của mình. Tiếng sấm tiêu biểu cho tiếng Pháp (Voix du Dharma) hay Diệu-Âm đã nói ở một phẩm trước.

Còn sau đây là nghĩa ẩn của toàn phẩm.

Người “vua” nào mà lấy cái hiệu “diệu” (spiritualité) mà trang nghiêm thân, thời trong có đức Tịnh, mà có Tịnh, là có sanh Tịnh tạng, Tịnh nhân là hai

hậu quả của Thanh tịnh. Tịnh tạng là Phước đức, Tịnh nhân là Chánh kiến là Trí Bát nhã.

Nhưng chưa đủ, còn cần phải đạt đến chỗ tiếng Sấm liên hồi, tức tiếng Pháp bất tuyệt.

Và muốn nghe được tiếng Pháp ấy, phải thấy cho được cái Vô ngại (đi đứng ngồi nằm trong hư không), cái Biến hóa (trên nước dưới lửa, trên lửa dưới nước) cái Vô cùng Vô cực (lớn hiện ra nhỏ, nhỏ hiện ra lớn) cái Ẩn hiện vô chừng (Ẩn là Non-manifesté, Hiện là Manifesté), và cái Khấp cùng (vào đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất) của cái mà Kinh, ngay ở phẩm đầu đã chỉ, gọi là “Nhất chân pháp giới” bình đẳng – l’Univers – Un-Réel-Identique: Tâm Sắc là Một.

Cái thấy ấy, không cần học với ai hơn là học với ông Phật Vân Lô Âm của mình, với Tâm-Pháp của mình. Vạy mình là đệ tử của mình.

Có 4 điều kiện cần thực hiện nếu muốn đến chỗ Vân Lô Âm: toàn thân (vua và quần thần) phải được “điều trang nghiêm” (giữ giới), toàn tâm (phu nhân và thế nữ) phải hoàn toàn thanh tịnh (tịnh đức), toàn thức (Ý thức tức Tạng thức và Tiền ngũ thức do Nhân đại diện) phải được thanh tịnh, và chót hết là cúng dường tự Phật, tán thán tự Tháp. – Lễ Phật Lô Âm là lễ tự tâm, và muốn Giác ngộ (thành Phật) phải ở trong pháp Phật (Tâm thanh tịnh) mà tác sự, bao nhiêu việc thế đều xả (giao nước cho em), không theo những “hành” của tâm tà kiến, ngạo ngễ, giận hờn.

(1) Để thí dụ những việc lâu xa khó gặp, Kinh nói: Biển rộng, cây bông 100 năm mới một lần trôi qua, rùa mù lại 100 năm mới nổi lên một lần, chực chui được vào bông cây, khó lắm.

PHẨM THỨ 28
PHỔ HIỂN BỒ-TÁT KHUYÊN PHÁT
(Satisfaction de Samantabhadra)

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Phổ Hiền dùng sức thần thông tự tại, cùng vô lượng vô số Bồ-tát và chư Thiên, Long... đến núi Kỳ-xà-quật cõi Ta-bà, làm lễ và bạch Phật:

- Thế Tôn! Con ở nơi nước của Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương, xa nghe ở cõi Ta-bà này có thuyết Kinh Pháp Hoa, nên cùng vô lượng Bồ-tát đến nghe lãnh, cúi mong Thế Tôn vì chúng con, nói Kinh cho nghe! (Lại nữa), sau khi Như Lai diệt độ, các trai lành gái tốt làm thế nào mà đặng Kinh Pháp Hoa?

Phật bảo Bồ-tát Phổ Hiền:

- Sau khi Như Lai diệt độ, thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn đặng Kinh Pháp Hoa thời trước phải thành tựu 4 pháp (hội đủ 4 điều kiện) là:

- 1- được chư Phật hộ niệm
- 2- trồng các cội công đức
- 3- vào trong chánh định
- 4- phát tâm cứu tất cả chúng sanh.

Bồ-tát Phổ Hiền bạch Phật:

- Thế Tôn! Năm trăm năm về sau, trong đời ác trước, nếu có người thọ trì Kinh Pháp Hoa, con sẽ bảo bọc họ, trừ các suy tổn, hoạn họa, làm cho họ đặng an ổn và khiến các loài ma quỷ đều không có dịp tiện làm hại. Ai trong lúc đi đứng mà giữ đọc tụng Kinh này, thời con sẽ cõi tượng trắng cùng chư đại Bồ-tát, hiện ra trước người đó để cúng dường, bảo bọc và an ủi tâm người đó, bởi lẽ phải cúng dường kinh Pháp Hoa. Nếu người đó ngổ suy

gẫm nghĩa Kinh, thời con cũng cỡi voi trắng hiện ra cùng người ấy chung đọc tụng và làm cho họ thông thuộc, nếu có quên mất một câu hay một bài kệ của Kinh. Người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa mà đặng thấy thân con, thời lòng rất vui mừng, lại thêm tinh tấn và đặng tam-muội cùng các “triền đà-la-ni”, “pháp âm đà-la-ni”, v.v...

Thế Tôn! Năm trăm năm về sau, trong đời ác trược, trong hàng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nếu có người cầu tìm, thọ trì, đọc tụng, biên chép Kinh này và muốn tu tập, thời trong 21 ngày phải một lòng tinh tấn. Mãn 21 ngày rồi, con sẽ cỡi voi trắng sáu ngà cùng vô lượng Bồ-tát vây quanh, hiện ra trước người đó để nói pháp chỉ dạy sự lợi ích vui mừng và cho chú đà-la-ni. Đặng chú này rồi, thời không có loài phi nhân (ma quỷ) nào có thể phá hoại được, cũng không bị nữ nhân hoặc loạn.

Bạch xong, Bồ-tát Phổ Hiền đọc bài chú và tiếp thưa:

- Thế Tôn! Bồ-tát nào nghe đặng chú này, phải biết đó là sức mạnh thần thông của Phổ Hiền vậy. Ai thọ trì đặng Kinh Pháp Hoa, thời đó là nhờ sức oai thần của Phổ Hiền. Ai thọ trì, đọc, tụng ghi nhớ chân chính, hiểu nghĩa lý và thú hưởng của Kinh và đúng theo lời Kinh mà tu hành, thời người đó tu hạnh của Phổ Hiền, ở nơi vô lượng Phật sâu trồng cội lành và được chư Như Lai lấy tay xoa đầu. Nếu chỉ biên chép không, thời khi mệnh chung, sẽ sanh lên trời Đao Lợi, được Thiên nữ trữ nhạc đón rước, vui chơi khoái lạc, đấu đội mũ bảy báu. Còn ai thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa, thời khi mạng chung được ngàn đức Phật đưa tay (tiếp dẫn), khiến chẳng sợ sệt, chẳng

đọa vào nẻo dữ, liền lên cung trời Đâu Suất chỗ Bồ-tát Di Lạc ở, sanh vào hội của Bồ-tát Di Lạc mà thành phần là chư đại Bồ-tát và trăm ngàn muôn ức thiên nữ.

Thế Tôn! Con xin đem sức thần thông thủ hộ Kinh Pháp Hoa, để sau khi Như Lai diệt độ, tại cõi Diêm-phù-đề, làm cho Kinh này được rộng lưu truyền, không cho đoạn tuyệt.

Lúc bấy giờ, đức Thích Ca khen:

- Hay thay! Hay thay! Phổ Hiền! Ông có khả năng hộ trợ Kinh này, làm cho chúng sanh đặng an vui lợi ích. Vì đã thành tựu nhiều công đức không thể nghĩ bàn, vì tâm từ bi của ông đã được sâu lớn, vì từ lâu xa ông đã phát tâm cầu Vô thượng giác, cho nên nay mới năng phát nguyện thần thông thủ hộ Kinh này. Ta sẽ dùng sức thần thông mà bảo vệ người thọ trì danh hiệu của Bồ-tát Phổ Hiền.

Này Phổ Hiền! Ai thọ trì, đọc tụng, sửa đổi những nhớ tưởng của mình cho chân chính, tu tập, biên chép Kinh Pháp Hoa này, nên biết người ấy ắt thấy Phật Thích Ca và nghe lời Kinh như tự miệng Phật Thích Ca nói ra; nên biết người ấy cúng dường Phật Thích Ca; nên biết người ấy được Phật khen ngợi; nên biết người ấy được Phật Thích Ca lấy tay xoa đầu; nên biết người ấy được Phật Thích Ca lấy áo trùm thân. Người như thế thời không còn trở lại ham mê những vui sướng của thế gian, chẳng ưa thích kinh sách của ngoại đạo, kẻ ác, hàng thịt, người nuôi heo, dê, gà, chó, hoặc thợ săn, kẻ buôn nữ sắc. Người đó tâm ý chân chất, ngay thẳng, những nhớ tưởng đều chân chính, có phước đức mạnh. Người đó chẳng bị ba món độc (tham, sân, si) làm não hại, cũng chẳng bị tật

ganh ghét, ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn làm não hại. Người đó ít ham muốn, biết đủ, có khả năng tu hạnh Phổ Hiền.

Phổ Hiền! Năm trăm năm sau khi Phật diệt độ, thấy người thọ trì đọc Kinh Pháp Hoa, thời phải nghĩ rằng người ấy chẳng bao lâu sẽ đến đạo tràng, phá các thứ ma, thành Vô thượng giác, chuyển pháp luân, đánh trống pháp, thổi loa pháp, rưới mưa pháp, sẽ ngồi trên pháp tòa sư tử trong đám trời người.

Phổ Hiền! Ở đời sau, ai thọ trì đọc tụng Kinh này thời người đó chẳng còn ham ưa về quần áo, giường nằm, ăn uống, nói tóm là không còn thiết tha với những vật cần cho sự sống, còn có mong ước gì thời cũng không mong ước những việc hư huyễn, lại ngay trong hiện đời đặng phước báo của những giải thoát vừa nói.

Thấy người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa mà chệch là làm việc điên cuồng, rốt cuộc không lợi ích gì, ai phạm tội ấy sẽ có báo ứng là đời đời không mắt. Trái lại, ai cúng dường khen ngợi, thời ngay trong hiện đời đặng quả báo tốt.

Thấy người thọ trì đọc tụng mà vạch bày lỗi lầm của người ấy, dầu có dầu không, thời ngay hiện đời phải mắc bệnh cùi. Còn khinh cười thì đời đời răng nứt thưa thiếu, môi xấu, mũi xẹp, tay chân cong queo, mắt lé, thân thể hôi dơ, ghê độc máu mủ, bụng thũng, thổ ngán và các bệnh nặng khác. Vì vậy, này Phổ Hiền, nếu thấy người thọ trì Kinh này thời phải đứng dậy ra xa tiếp rước, như kính đón Phật vậy.

Lúc Phật nói phẩm “Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát” này, có Hằng-hà-sa số Bồ-tát đặng muôn ức đa-la-ni, còn

chư Bồ-tát đông như bụi trong ba ngàn đại thiên thế giới
đặng đầy đủ hạnh Phổ Hiền.

Huyền nghĩa

Phổ Hiền tiêu biểu cho Đại hạnh, như Văn Thù tiêu biểu cho Đại Trí. Có trí mà không hành – không có những hạnh xứng với trí – thì không đi đến đâu hết, huống chi có hành mới thâm nhập diệu nghĩa, diệu cảnh (acquérir la spiritualité).

Vì lẽ này mà Kinh mượn lời hỏi của Phổ Hiền để cho Phật dạy cách “hành” khả dĩ giúp sự thâm nhập vào diệu nghĩa của Kinh Pháp Hoa (đắc Pháp Hoa).

Muốn thâm nhập phải thực hiện 4 điều kiện (tứ Pháp):

- 1- Giữ mãi Ánh sáng trong lòng (được Phật hộ niệm).*
- 2- làm việc phúc đức (trồng các căn lành).*
- 3- tu cho được chánh định, nghĩa là giữ tâm không tán loạn, không để ngoại cảnh làm xúc động.*
- 4- phát tâm Đại bi, nguyện cứu muôn loài.*

Tóm lại, phải trau dồi trí Bát nhã, hành thiện, chánh định và phát đại bi tâm.

Đó là nguyên tắc, bây giờ đến phương tiện thực hành. Đại khái như sau:

- a) Thọ trì (nắm giữ lời Kinh dạy)*
- b) Vừa thọ trì mà vừa đọc tụng trong lúc đi đứng (có như vậy mới nhập tâm)*
- c) Vừa thọ trì, đọc tụng mà còn suy gẫm để hiểu nghĩa Kinh.*

Thọ trì không thời tâm an ổn, xa lánh được sự cám dỗ của tình dục (ma quỷ). Thêm vào sự đọc tụng để ghi nhớ mãi thì được thêm nhiều công đức (thấy Phổ Hiền và chư Bồ-tát). Lại thêm vào sự suy gẫm thời thêm sáng suốt và trí nhớ, ngoài ra còn dựng sự vui sướng, thêm tinh tấn và chánh định.

Nhưng muốn tu tập cho đúng phép, thời phải tu tập liên tiếp trong 21 ngày, luôn luôn tinh tấn không một lúc nào giải đãi. Mãn 21 ngày sẽ thấy hiệu nghiệm là kiên cố trong chỗ tu hành và nhờ kinh nghiệm đó mà sẽ có những kinh nghiệm khác, khiến cho mình tránh khỏi mọi nguy hiểm của tình dục và nữ sắc.

Đó là kết quả của công phu bên ngoài. Còn sau đây là kết quả của công phu bên trong (Phật thủ hộ) nhờ sức bên ngoài làm phát sanh:

- tâm sáng thấy tánh (như thấy Phật, như nghe Phật thuyết pháp)

- trừ ba độc, tật đổ (ganh ghét), phách lối (ngã mạn), cố chấp những kiến giải sai lầm của mình (tà mạn), tu hành chưa đến đâu lại tự hào là đã chứng (tăng thượng mạn). Lại được bớt ham muốn, biết an phận thủ thường (tri túc: biết đủ).

- không lâu sẽ tu hành đắc Đạo (đến đạo tràng phá ma quân, thành Chánh giác).

Thọ trì Kinh Pháp Hoa thời có nhiều ích lợi, lớn nhỏ tùy công phu sâu cạn của mỗi người. Trái lại, ai khinh chê người thọ trì đọc tụng... thời có nhiều họa hoạn, sống mãi trong đen tối (không mắt), trong bất chánh (tay chân cong queo, mắt lé, mũi xẹp...).

TỔNG-KẾT KINH PHÁP-HOÀ

Đứng về mặt văn-từ mà xét, Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa thuộc về loại Kinh Đại-thừa, gọi là “Đại-phương-đẳng” hay “Đại-phương-quảng”. Sao gọi là “Đại-phương-quảng”? Sách Thám-Huyền-Nghĩa-Ký viết: “...**Tuyên thuyết quảng đại thậm thâm pháp cố, danh vi phương quảng**” (Bày nói Pháp rộng lớn và hết sức sâu, bởi lẽ đó lấy tên là phương-quảng). Theo ông E.Burnouf, “đại-phương-quảng” có nghĩa là “à grands développements” (giải rộng ra). Chúng tôi nghĩ ý kiến của ông E.Burnouf có lẽ đúng. Thật vậy, nếu “phương-quảng” có nghĩa là “bày nói Pháp rộng lớn và hết sức sâu” thì Kinh Đại-thừa nào không nhắm vào chủ-đích đó. Đặc-tính của Kinh Diệu-Pháp như chúng ta đã thấy là lối trình-bày mà chúng tôi xin sám-hối nói là “trường thiên đại hải”, nghĩa là có thể trình-bày vắn tắt, nhưng Kinh lại nói dông dài. Thí dụ, thay vì khuyên người đời đừng tự khinh khả-năng thành Phật của mình, Kinh lại đưa ra sự tích Bồ-tát Thường-Bất-Khinh, vừa dài vừa khó hiểu. Nhưng có dài có khó như thế này, người đọc học mới có cố gắng tìm hiểu và khi hiểu được rồi, cái ghi nhớ mới thâm thúy và dẻo dai.

Lại nữa, bao nhiêu chân-lý tuyệt vời trong Kinh thường trình-bày dưới hình-thức những tỷ-dụ (paraboles), có giá-trị như những câu chuyện ngụ-ngôn (fables) mà người đọc cần phải nhận định và tìm hiểu cái nghĩa ẩn chứa đựng ở trong, chớ không nên tin theo mặt chữ. Những tỷ-dụ, những ngụ ngôn ấy, Phật gọi là phương-tiện

(moyens), mà phương-tiện thuộc về thế-gian. Vậy lối trình-bày trong Kinh Diệu-Pháp là lối “đi huyện độ Chân”, dùng sự huyền-hoặc (illusion) để đưa đến chỗ chân thật (Réalité), gần như lấy việc đời mà giải lý Đạo. Tại sao thế? Tại vì Đạo “ly ngôn, tuyệt tướng”, hễ là Đạo thì tuyệt đối, là vô tướng, cho nên không thể lấy lời mà giải, vì lời là khí-cụ để diễn đạt cái tương đối và cái hữu hình hữu tướng. Để cho chúng-sanh có một khái-niệm về cái Chân-thật tuyệt đối ấy, không còn phương-pháp nào khác hơn là dùng những tỷ-dụ.

Đây là hai điểm quan-trọng mà thiết nghĩ người đọc Kinh Pháp-Hoa cần ghi nhớ và áp dụng trong công-phu tìm hiểu nghĩa huyền của Kinh. Không hiểu được Phật muốn nói gì, muốn chỉ gì trong những câu chuyện, sự tích... ghi trong Kinh thì dễ cho Kinh nói chuyện hoang-đường, hay dễ tin nhầm như tin những chuyện đầu phép trong tiểu thuyết xưa của Trung-Hoa. Trước khi nói Kinh, Phật đã dùng dằng và để cho Xá-lợi-Phất phải ba phen ai cầu mới chịu mở lời. Thái-độ ấy chỉ rằng những gì Phật sắp nói thuộc về Chân-lý tuyệt đối khó nghe, khó hiểu, khó nhận, nói ra chỉ làm cho **“tất cả Trời Người kinh sợ, còn hàng tu-sĩ tự hào sẽ sa vào hầm tội lỗi”**. Khó hiểu, khó nhận vì cái “thấy biết” (tri-kiến) của Phật vượt lên khỏi cái tầm hiểu biết của thế-nhân (dépasser l'en tendement humain). Nhưng rồi Phật cũng nói, sau khi căn dặn: **“Không phải lấy óc suy lường và phân biệt mà hiểu được Pháp, vì vậy phải dùng vô số phương-tiện như nhân-duyên, lời-lẽ, tỷ-dụ mà diễn nói”**. Đức Phật

còn dặn: “Hãy nghe kỹ, hãy nghe kỹ, và suy gẫm cho khéo”.

MỤC TIÊU CỦA KINH

Mỗi một bộ Kinh là một bài giảng của Phật, mà hễ là bài giảng thì phải có chủ-đích. Vậy chủ-đích của Kinh Diệu-Pháp (Le Dharma Sublime, Merveilleux) hay Pháp-Hoa (La Fleur du Dharma) là gì?

Là chỉ cái “Tương-Thật và cái Cảnh-Chân” (Thật tương Chân cảnh) mà mắt phàm không thấy, ngược lại với cái tương không-thật và cái cảnh không-chân trong đó thế-nhân đang sống và lầm tưởng là chân-thật. Không chân-thật là “Irréel”; Chân-thật là “Réel” và cái Chân-thật là “la Réalité”.

Chúng ta chia có vật-chất và tinh-thần, có sắc có tâm, có muôn loài sai biệt (trí phân-biệt: esprit discriminateur). Chúng ta lầm vì chúng ta không thấy được mọi mặt, mọi khía-cạnh của pháp-giới hay vũ-trụ vô biên. Chúng ta là những người mù sờ voi, ai sờ đâu biết đó mà thôi.

Phật đã đạt đến chỗ thấy hoàn-toàn, cho nên Phật nhận rằng phân-biệt như trên là sai. Đúng với sự thật, thời “**Tất-cả là Một, Một là Tất-cả, tinh-thần và vật-chất là Một, sắc và tâm là Một**”.

Thấy được cái Một ấy, sẽ thấy rằng:

1- Toàn thể pháp-giới là Nhất, Chân, Bình-đẳng, nghĩa là toàn-thể vũ-trụ vô biên với tất cả những sự vật sai biệt, hữu hình vô hình, hữu tướng vô tướng chứa chất

trong ấy, ngang nhau, là Một, và cái Một ấy chân-thật và luôn luôn như thế mãi, không biến đổi (l'Univers est UN, réel et identique à soi-même).

2- Toàn thể đã là Một thời chúng-sanh và Phật như nhau, vô-minh và Giác-ngộ như nhau, không hai không khác (Sanh, Phật bình-đẳng vô nhị) (L'ignorance et l'Eveil ne sont pas deux choses différentes).

Tuy chúng-sanh sống trong chỗ tâm tâm động loạn bởi sự tiếp xúc giữa căn và trần gây ra (ngũ-quan và ngoại cảnh), chúng-sanh không hề tách ra và lìa khỏi cái “Sáng-Khắp-Cùng” (Phổ-Quang), Phổ-Quang này đồng thời cũng là cái “Trí-Sáng” (Minh-Trí). Đây là chỗ Kinh-điển Hán-văn nói: “Chúng-sanh động loạn căn trần, bất ly Phổ-Quang Minh-Trí”. Cái Ánh-Sáng Trí-Huệ ấy (Lumière-Sagesse) là Tâm, là Phật-tánh, là Như-Lai, là Phật, là Đa-Bảo...

NHẤT, CHÂN, BÌNH-ĐẲNG PHÁP-GIỚI

Với cái trí-óc hữu hạn (intellect), với cái tâm luôn luôn dao-động (mental), với cái biết tầm thường hay Thức (conscience), chúng sanh không bao giờ nhận thấy được cái “Pháp-giới nhất, chân, bình-đẳng” được. Muốn nhận thấy được, cần phải:

1- hướng trí mình về chỗ vô-lượng vô-biên, tức là chỗ tuyệt đối (absolu), đó là nghĩa chỗ Phật nói Kinh Vô-lượng-ngiã;

2- đứng vững trong chỗ tuyệt đối mà ngó, mà xét, mà thấy, đó là nghĩa của chỗ Phật “nhập Vô-lượng-ngiã xứ”;

3- phải dùng mắt trí-huệ (Ceil de l'Intelligence ou de la Sagesse) mà chiếu soi (tượng trưng bằng sự phóng hào-quang).

Đây là nghĩa huyền của phẩm thứ nhất.

Cảnh giả thời có sanh, có diệt. Cảnh thật không sanh, không diệt, như Phật đã chỉ trong phẩm 11 (Hiển Bảo-Tháp): Trong tháp có thân Phật Đa-Bảo, tuy tịch diệt từ lâu, nhưng còn nguyên vẹn.

Tất cả đã là Một, thời không có hai cảnh riêng biệt, một Tịnh, một Uế. – Ba phen biến Ta-bà thành Tịnh-độ và cho mắt phàm thấy mười phương chư Phật ngay đây (phẩm 11), đó là nghĩa của chân-lý: Uế là Tịnh, Tịnh là Uế.

Cũng vì Tất cả là Một, cho nên trong vũ-trụ vô biên, mọi sự mọi vật có một sự liên-hệ mật thiết, đây động là toàn pháp-giới đều động (Tầng-hắng và khảy móng tay là vang động 10 phương – phẩm 21: Như-Lai thần-lực). Có biết rằng tất cả đều liên-hệ với nhau, dính chùm với nhau, con người mới thấu rõ cái lẽ không thể sống riêng tư, không thể làm hại người mà chẳng có sự phản-ứng lại cho tự mình, luôn cả cái lẽ hễ làm vui cho người là làm vui cho mình.

SANH, PHẬT BÌNH-ĐẲNG, VÔ NHI

Tất cả là Một, thời tất cả đều bình-đẳng như nhau. Bình-đẳng trên nguyên-thể, ở chỗ nguồn-cội, trên Tánh, trên Tâm, trên cái Bất-sanh, Bất-diệt chung cho muôn loài. Vì vậy nên nói chúng-sanh và Phật là bình-đẳng. Nhưng đã là ngang nhau, tại sao lại chia có chúng-sanh và

Phật? Trên bản-thể thời Một là bình-đẳng, nhưng trên hiện tượng, trạng thái, thời có hai, nhưng cái tánh vượt thời có một cho cả nước và sóng, nhưng về mặt hình-tượng thì có hai cái mà mắt phàm thấy khác nhau là nước và sóng. Cũng thế, chỉ có một bản-thể, nhưng nếu bản-thể ấy ứng hiện trong Tịnh, Giác-ngộ, Giải-thoát thời gọi là Phật, ngược lại thời gọi là chúng sanh.

Để chứng minh sự thật ai cũng có tánh Phật và giàu công đức như nhau, Kinh đã đưa ra cái tỷ-dụ người “Cùng tử” trong phẩm thứ 4. Cái lầm ở chúng sanh là không biết và không dám tự nhận là con nhà giàu sang cao cả, như chàng cùng tử, và cũng quên luôn rằng mình là một người “**say trong vạt áo có hòn ngọc quý**” (phẩm 8).

Vì tất cả chúng-sanh đều đồng một Tánh Giác như nhau, cho nên đâu có lạc loài ti-tiện đến đâu, một ngày kia nhất định phải trở về với quê cha đất tổ, với cái sự nghiệp to lớn của mình, nghĩa là tất cả, cuối cùng, sẽ thành Phật. Nếu không phải vậy, thời Phật đã không thọ ký cho Xá-lợi-Phất (Phẩm 3), cho 4 đại đệ-tử (Phẩm 6), cho 500 đệ-tử (Phẩm 8), cho hàng Thanh-văn đã hoặc chưa đắc quả La-hán (Phẩm 9). Thậm chí đến nữ-nhân cũng có phần thành Phật (Phẩm 13, thọ ký cho Kiều-Đàm và Da-Thâu), đến người trẻ tuổi cũng vậy (Phẩm 12 – Long-nữ).

Nam, nữ, trẻ, già đều là cái tướng bề ngoài, còn cái thể trắng trong ở nội giới, thời ai cũng như ai.

Trên đây, là hai chân-lý tuyệt vời, khó nghe, khó hiểu mà Phật đã giải bày trong Kinh Diệu-Pháp, vào lúc

mà Phật thấy các hàng đệ-tử đã đủ điều-kiện thọ lãnh (Chư Phật Như-Lai đúng lúc mới nói Pháp mầu, như hoa Ưu-Đàm, đúng tiết mới nở một lần).

NHỮNG THỰC-TƯỚNG CHÂN-CẢNH LÀ GÌ ?

Là Tâm, là Như-Lai v.v... như đã nói.

Tuy biết tinh thần không là vật chất (la matière n'est pas différence de L'Esprit), sắc không khác tâm (sắc bất dị không) nhưng trong vòng tương-đối, tinh thần hay tâm vẫn siêu-việt, vì vậy nên nói và ví Bảo-Tháp từ đất vọt lên và lơ lửng trên hư-không (Phẩm 11). Tuy siêu-việt, nhưng không phải xa cách, riêng biệt cho nên nói từ đất (tâm) vọt lên; vì siêu-việt nên nói ở trên hư-không.

Tâm ngầm chứa tất cả, ngoài Tâm không có gì và phàm Thánh đều ở trong Tâm, do đây mà trong phẩm 1, tất cả đều hiện ra trong ánh-sáng từ giữa đôi lông mày phóng ra (tượng trưng cho trí-huệ).

Trong tâm có đầy đủ khả-năng tự giải-thoát (Phật từ khước sự giúp đỡ của Bồ-tát các phương khác) – Phẩm 15). Bồ-tát các phương khác tượng trưng cho tha-lực. Từ khước tượng trưng cho tự-lực đầy đủ.

Trong tâm cũng có đủ mọi công đức, có vô số Bồ-tát (tượng trưng cho các đức), do đây mà nói vô số Bồ-tát từ đất hiện lên (Phẩm 15).

Tâm cũng là Trí-Huệ vô biên, là Tự-tại vô ngại (Liberté absolu), là Thần-thông vô cùng (Pouvoirs illimités) là Vô-úy, can đảm vô hạn.

Tâm bất sanh bất diệt, không tới không lui, đâu cũng là Tâm, cho nên gọi là Như-Lai (không do đâu mà đến, cũng không hướng về đâu mà đi). Vậy Tâm là hiện-tại thường-hằng (le Présent éternel).

Tuy nói nhiều tâm, nhiều Phật, thật sự chỉ có Một. Mà Tâm, Phật cũng là Pháp, cho nên Hằng-sa Phật chỉ nói có một Pháp. Lại nữa, tuy nói nhập Niết-bàn, Phật vẫn hằng ở thế-gian (Phẩm 15 và phẩm 16: Như-Lai thọ lượng), vì Pháp bất ly thế-gian-pháp, Chân-lý ở ngay trong mọi sự mọi vật của mọi thời-gian và mọi phương hướng.

LÝ DO LẬP BA THỪA

Sự-thật là như trên, nhưng vì khó giải và nan lường cho nên lúc đầu, Phật phải tạm lập ra ba Thừa, để lần hồi khuyến-hóa, dẫn dắt chúng-sanh ra khỏi ba cảnh đời lửa đốt là: 1- cảnh đời của thân vật-chất (monde physique, matériel), 2- cảnh sống của tình-cảm, tham dục (monde sentimental, émotionnel), 3- là cảnh sống của lo nghĩ, tính toán, khái niệm (monde de la conscience, de la conceptualisation). Hán-văn gọi tam giới: dục-giới, sắc-giới và vô-sắc-giới mà trong phẩm 2, Phật ví như nhà lửa, nhà bị cháy. – tuy tạm chia có ba trình-độ, ba phương-thế Giải-thoát, thật ra chỉ có một, vì đầu nói đặc quả Thanh-văn, Duyên-giá, Bồ-tát, tất cả những quả ấy đều như những trụ đá đánh dấu trên con đường duy-nhất là con đường Phật (Phật-đạo). Do đây, tuy hứa cho mỗi đấng con một chiếc xe khác nhau, rốt cuộc ông cha cho có một thứ xe vừa to, vừa đẹp (Phẩm 2 – Hỏa-trạch).

Đường có Một, nhưng vi diệu viển, sợ chúng-sanh chán-nản ngã lòng, cho nên lại quyền mà hứa Niết-bàn với hàng Thanh-văn. Nay đem sự-thật tuyệt đối ra dạy, Phật phải điều chỉnh mà nói rằng Niết-bàn ấy chưa phải là mức cuối cùng (Phẩm 6).

LÀM THẾ NÀO ĐỂ THẤY SỰ-THẬT TUYỆT ĐỐI ?

Phải: 1- Triệt lục căn, tứ-đại chi chương ngại, nghĩa là phải dẹp bỏ tất cả những chương ngại do sáu căn và xác thịt xây dựng án Mất-Trí. Phải bỏ cái “thấy biết” hữu hạn và sai lạc của “tâm-thức”, tức là cái thấy-biết tương đối (Phẩm 1: Phi tâm-thức khả tri).

2- Phải có đầy đủ sáng-suốt, nghĩa là phải có Trí-Hệ viên-mãn (Phóng quang trong phẩm 1), vì “phi Trí bất nhập”.

PHƯƠNG PHÁP HÀNH

Làm thế nào để triệt lục căn và phóng quang?

A- Ngoài:

- phải đọc tụng Pháp-Hoa, để lấy đức trang-nghiêm Phật mà trang-nghiêm tự thân,
- phải sanh lòng kính tín (phẩm 10)
- phải chọn nơi giao thiệp (phẩm 14 – Thân-cận xứ, An-lạc hạnh)

B- Trong:

- phải vào nhà Như-Lai (có từ-bi)
- phải mặc áo Như-Lai (có nhẫn nhục)

- phải ngồi chỗ Như-Lai ngồi (đứng vững trong cái lý Không 'Pháp-Không')

phải diễn đạt Pháp trong tư-tưởng, lời nói, việc làm (Phẩm 19 – Pháp-sư công-đức)

- phải đứng khinh khả-năng thành Phật Giải-thoát của mình (Phẩm 20)

- phải luôn luôn hy-vọng và tin-tưởng ở bước huy hoàng cuối cùng, vì dữ cho mấy rồi cũng hóa hiền và mỗi hoàn-cảnh ngang-trái là một bài học giác-ngộ, người thù ta là bạn ta (Phẩm 12 – Đề-bà-đạt-đa)

- phải cố gắng luôn luôn (Phẩm 13 – Trì)

- phải hương nội, đi sâu vào Diệu-cảnh để

- đắc Thanh-tịnh, vì Tịnh trí Vô minh, phá ngã-chấp và pháp-chấp (Phẩm 23)

- giải tất cả lời nói của thâm tâm và theo đó mà làm (giải nhất thế ngữ ngôn, dĩ vô tác diệu lực tác chư Phật-sự - Phẩm 24: Diệu-âm)

- phát đại-bi tâm, ứng hiện khắp cùng, cứu khổ cho mọi loài (Phổ môn thị hiện, tầm thanh cứu khổ – Phẩm 25: Quán-thế-âm)

TIN LÀM NHƯ THẾ CÓ LỢI ÍCH GÌ ?

Tin làm như thế, sẽ đặng:

- nhãn nại, nắm giữ tánh định, thích nói Pháp, biện-tài vô-ngại, giải-thoát, tinh-tấn, thanh-tịnh, sanh lòng cầu Chánh-giác

- Trí-huệ là công đức to lớn hơn hết trong sáu ba-la-mật

- Không thấy chúng-sanh mà thấy Phật, không thấy Ta-bà mà thấy Tịnh-độ

KẾT LUẬN

Được như thế là đã “minh tâm, kiến tánh, thành Phật”, sống trong Ánh-Sáng thanh-tịnh và từ-bi của Tự-tâm. Và đến đây, chủ-đích thuyết Kinh Pháp-Hoa (khai, thị, ngộ, nhập) của Phật cũng hoàn mãn.

- HẾT -

PHỤ CHÚ VỀ CHỮ TÂM

Chữ “Tâm” dùng trong Kinh Diệu-Pháp đồng nghĩa với chữ Tuyệt-đối (Absolu) của triết-học.

Tâm ở đây không chỉ là một cái gì riêng biệt đang ẩn nấp trong mỗi xác thịt, mà chỉ có một cái nhìn chung cho tất cả chúng-sanh. Tâm cũng không có nghĩa một chất gì đó hay một quyền-năng nào đó có tài uốn-nắn, hóa sanh muôn vật.

Tâm đã là Tuyệt-đối thì không thể nói Tâm là thế này hay là thế nọ được. Thí dụ, không được nói Tâm là vô cùng tận, vì hễ nói Tâm là vô cùng tận thì những cái gì có giới hạn phải bị gạt bỏ ra ngoài Tâm, trong khi chỉ có Tâm mới là cái Chân-thật (Réalité) duy-nhất: ta và ngoại cảnh (núi sông, cây cối, cầm thú...) mà ta tiếp xúc, nhận biết được nhờ ngũ-quan làm môi giới, tất cả những

cái ấy không gì khác hơn là Tâm. Nếu bảo Tâm là vô cùng cực, tức là để Tâm ra một bên và những cái không phải vô cùng tận như núi, sông, cỏm thú, thảo mộc... ra một bên khác, hai đàng không dính líu với nhau, thì như nói nước là riêng và sóng là riêng, trong khi nước tức là sóng, sóng tức là nước.

Lại nữa, luận đến Tâm mà nói “có”, nói “không” cũng là sai. Phải hiểu vấn-đề “hữu, vô” như thế này. Đứng về phương-diện tuyệt đối mà xét thì tất cả là Một và Một đây là Tâm. Muôn vật mà chúng ta nhờ ngũ-quan nhận biết được, trong tuyệt đối, không thật có. Đó chẳng qua là những cái gì chất chứa, tổ hợp tạm thời trong một giai-đoạn ngắn ngủi, để rồi tan rã như bọt nước, như sương mai. Thuyết “tương đối” và thuyết “vạn-vật do nguyên-tử hợp thành” của Khoa-học ngày nay chứng tỏ điều này. Sở dĩ có hợp, có tan là do nhân-duyên. Mỗi vật (pháp) là kết quả của vô lượng nguyên-nhân nối tiếp nhau như một dây chuyền mà không sao tìm ra đầu mối được. Vậy không có một vật nào thường còn mãi-mãi, hay tự hóa tự sanh mà không do một nguyên-nhân nào đó. Vạn-vật chỉ có trong tương đối và vì vậy mà Kinh sách Đại-thừa thường hay gọi là “phi hữu” (chẳng phải có) rồi tiếp ngay theo, lại nói “phi vô” (chẳng phải không).

Để cho dễ hiểu, chúng ta có thể nói rằng người (être humain) có ba phần: một là xác thịt, hai là cái “ta” hay “ngã” (le moi), ba là “chân-ngã”, cái “ta thật” (le soi réel). Xác thịt không khác gì mọi vật xung quanh ta, không chân-thật, vì là một hiện-tượng giả tạm, do nhân duyên cấu tạo. Cái gọi là “ta” cũng thế, là một trò huyền thuật, do năm thứ tích-tụ mà thành (sắc, thọ, tưởng, hành

và thức). Cái “chân-ngã” mới là Sự-thật tuyệt đối, nó ở ngoài sự nhận biết của ngũ-quan, nó là Lý tuyệt đối, trong đó không có sự phân-biệt, vì vậy cái “chân-ngã” ấy cũng là cái “Thực-Thể” chung của tất cả chúng-sanh. Chân-ngã ấy là Tâm. Ai bảo tôi có tâm tôi, anh có tâm anh, là sai. Chỉ có một Tâm mà thôi.

Không có cái giả riêng biệt và cái chân riêng biệt. Tất cả muôn sự muôn vật trước mắt ta đều là Tâm cả; tuy là hiện-tượng tương đối, nhưng đều nằm trong cái Tuyệt-đối cả. Vậy cố tâm xô đuổi hay phá tan cái “vọng” là một việc làm không ăn thua vào đâu: làm sao tách sóng ra khỏi nước được?

Ta với Tâm (cái Tuyệt-đối) đã là một ngay trong lúc này rồi, **cũng như anh cùng-tử và người con của ông nhà giàu là một chứ không phải là hai**. Vì không tự nhận, tự biết mình là công-tử nên phải sống đời sống cùi đày, dơ bẩn: chúng-sanh khổ não, bất tịnh, cũng chỉ vì không tự nhận là Phật, là Tâm, là cái Tuyệt-đối.

Nhận được là hết chúng-sanh, là thành Phật.

Nhưng nếu Phật không chỉ dạy (**khai thị**) cho thì làm sao chúng ta biết được? Lại nữa, biết chưa đủ, còn cần phải nhận rõ cái sự thật chúng-sanh và Phật, không khai (**ngộ**) và đi ngay vào cuộc sống trong cái sự thật ấy (**nhập**).

MỤC LỤC

| | |
|---|-----|
| Kính gửi độc giả | 5 |
| Bạch văn | 6 |
| Lời nói đầu | 8 |
| Phẩm thứ 1 : Tự (Le sujet) | 14 |
| Phẩm thứ 2 : Phương-tiện (L'habileté des moyens) | 22 |
| Phẩm thứ 3 : Thí-dụ (La Parabole) | 27 |
| Phẩm thứ 4 : Tín-giải (Les inclinations) | 33 |
| Phẩm thứ 5 : Dược thảo dụ (Les plantes médi-cinales) | 40 |
| Phẩm thứ 6 : Thọ ký (Les Prédications) | 44 |
| Phẩm thứ 7 : Hóa thành dụ (L'ancienne application) | 46 |
| Phẩm thứ 8 : Ngũ bách đệ-tử thọ ký (Prédiction relative aux 500 Religieux) | 56 |
| Phẩm thứ 9 : Thọ Học, Vô-Học-nhân ký (Prédiction relative à Ananda, à Râhula et aux 2.000 Religieux) | 59 |
| Phẩm thứ 10 : Pháp-sư (L'Interprète de la Loi) | 64 |
| Phẩm thứ 11 : Hiện Bảo-Tháp (L'apparition d'un stupa) | 69 |
| Phẩm thứ 12 : Đê-bà-đạt-Đa | 77 |
| Phẩm thứ 13 : Trì (L'Effort) | 85 |
| Phẩm thứ 14 : An-lạc hạnh (La position commode) | 92 |
| Phẩm thứ 15 : Tùng địa đồng xuất (Apparition des Bodhisattvas) | 100 |
| Phẩm thứ 16 : Như-Lai thọ lượng (La durée de la vie du Tathâgata) | 109 |

| | |
|--|-----|
| Phẩm thứ 17 : Phân-biệt công-đức (Proportion des mérites) | 117 |
| Phẩm thứ 18 : Tùy-hỷ công-đức (Indication du mérite de la satisfaction) | 125 |
| Phẩm thứ 19 : Pháp-sư công-đức (Le Perfectionnement des sens) | 128 |
| Phẩm thứ 20 : Thường-Bất-Khinh Bồ-tát (Le Relig-ieux Sadâparibhuta) | 135 |
| Phẩm thứ 21 : Như-Lai thần-lực (Effect de la puissance surnaturelle du Tathâgata) | 140 |
| Phẩm thứ 22 : Chúc lụy (Le depôt) | 151 |
| Phẩm thứ 23 : Dược-Vương Bồ-tát bốn sự (Ancienne méditation de Chaichadjyarâdja) | 153 |
| Phẩm thứ 24 : Diệu-Âm Bồ-tát (Le Bodhisattva Gadgadasvara) | 164 |
| Phẩm thứ 25 : Quán-Thế-Âm Bồ-tát phổ-môn (Le récit parfaitement heureux) | 174 |
| Phẩm thứ 26 : Đà-La-Ni (Les Formules Magiques) | 192 |
| Phẩm thứ 27 : Diệu-Trang-Nghiêm-Vương bốn sự (Ancienne méditation du roi Cubhavyuha) | 198 |
| Phẩm thứ 28 : Phổ-Hiền Bồ-tát khuyên phát (Satisfaction de Samantabhadra) | 206 |
| Tổng-kết Kinh Pháp Hoa | 212 |
| Phụ chú về chữ Tâm | |

PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA

**Chánh Trí
MAI THỌ TRUYỀN**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN THANH XUÂN

Biên tập:

ĐỖ THỊ QUỲNH

Sửa bản in & trình bày:

Vương Thị Minh Tâm

Bìa:

Vạn Anh Việt

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Số 4 - lô 11 Trần Duy Hưng – Hà Nội

ĐT: 04.5566701 – Fax: 04.5566702

Đối tác liên kết:

**CÔNG TY TNHH VĂN HÓA
PHÁT QUANG**

ĐT: 08.8114009 – Fax: 08.2938562

Email: phatquangco@viettel.com.vn

In 1.000 bản khổ 14,5 x 20,5
Tại xí nghiệp in Người Lao Động
Giấy phép số 117-2006/CXB/131-10/TG
Ngày 16/02/2006
In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2006

Giá bìa: 21.000đ

法華玄義

覺如署



City TNHH VĂN HÓA
PHÁT QUANG

ĐT: 06.8114009
FAX: 06.2938562
Email: phatquangco@viettel.com.vn



12010000007023